



CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÓA CHẤT
CƠ BẢN
MIỀN NAM

ĐẶT NỀN MÓNG VỮNG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

2025

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI - TRIẾT LÝ KINH DOANH

01	THÔNG TIN TỔNG QUAN	10	Thông tin chung
		18	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
		22	Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
		25	Định hướng phát triển
		34	Các rủi ro
02	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	40	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
		44	Tổ chức và nhân sự
		64	Tình hình đầu tư
		68	Tình hình tài chính
		72	Cơ cấu cổ đông
03	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	78	Định hướng phát triển bền vững
		79	Tác động lên môi trường
		85	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
		88	Chính sách liên quan đến người lao động
		89	Trách nhiệm với cộng đồng địa phương
04	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	92	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
		94	Đánh giá tình hình tài chính
		96	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức
		100	Kế hoạch phát triển trong tương lai
05	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	106	Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty
		108	Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
		109	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
06	QUẢN TRỊ CÔNG TY	112	Hội đồng quản trị
		126	Ban Kiểm soát
		130	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
07	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	138	Báo cáo tài chính kiểm toán

Đặt nền móng – Vững tương lai

Chủ đề “Đặt nền móng – Vững tương lai” phản ánh giai đoạn phát triển mang tính bản lề của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam trong năm 2025, gắn với việc chính thức khởi động thi công Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch – dự án trọng điểm trong chiến lược mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất và hiện đại hóa công nghệ. Đây là bước đi quan trọng nhằm xây dựng nền tảng vững chắc về cơ sở vật chất, quản trị và nguồn lực, tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định và dài hạn của Công ty.

Đồng thời, chủ đề cũng thể hiện tầm nhìn hướng tới tăng trưởng bền vững trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi và phát triển. Việc chủ động đầu tư, củng cố nội lực và nâng cao năng lực cạnh tranh giúp Công ty sẵn sàng nắm bắt cơ hội thị trường, đóng góp tích cực vào chuỗi cung ứng ngành hóa chất cơ bản, từng bước khẳng định vị thế và tạo giá trị lâu dài cho cổ đông, người lao động và xã hội.



Thông điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

“Đặt nền móng – Vững tương lai”

Phản ánh ý nghĩa của năm 2025 như một cột mốc bản lề, ghi nhận những bước tiến quan trọng trong triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, mở ra giai đoạn phát triển dài hạn của Công ty. Với vai trò doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực hóa chất cơ bản, CSV xác định trách nhiệm đồng hành cùng quá trình phát triển kinh tế, chuẩn bị năng lực sản xuất nhằm kiến tạo giá trị bền vững cho ngành công nghiệp và tương lai của Việt Nam.



Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác và toàn thể CBCNV!

Kinh tế thế giới trong năm 2025 tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định, từ biến động địa chính trị, chính sách thương mại đến xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong nước, nền kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, được hỗ trợ bởi đầu tư công, sự phục hồi của sản xuất công nghiệp và định hướng phát triển các ngành công nghiệp nền tảng. Bối cảnh này vừa đặt ra thách thức, vừa mở ra yêu cầu mới đối với các doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp giữ vai trò cung ứng đầu vào thiết yếu cho nền kinh tế.

Ngành hóa chất Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển dịch quan trọng. Áp lực từ biến động giá nguyên liệu, chi phí năng lượng, yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng nghiêm ngặt và sự cạnh tranh từ sản phẩm nhập khẩu đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành phải tái cấu trúc không gian sản xuất, nâng cấp công nghệ sản phẩm và nâng cao tiêu chuẩn vận hành. Đồng thời, xu hướng nội địa hóa và sự phát triển của các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao như điện tử, bán dẫn và năng lượng đang mở ra dư địa tăng trưởng mới cho ngành hóa chất cơ bản.

Năm 2025 ghi nhận cột mốc có ý nghĩa chiến lược khi Công ty chính thức khởi công Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. Đây không chỉ là bước đi thực hiện lộ trình di dời theo quy hoạch, mà còn là quyết định đầu tư mang tính dài hạn, đặt nền móng cho việc tái cấu trúc toàn diện không gian sản xuất, tập trung nguồn lực và nâng cao năng lực công nghệ. Dự án được định hướng trở thành tổ hợp sản xuất

hóa chất tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn cao về an toàn, môi trường và chất lượng, qua đó tạo nền tảng để CSV từng bước phát triển các dòng sản phẩm hóa chất có yêu cầu kỹ thuật cao, phục vụ các ngành công nghiệp trọng điểm. Song song với việc triển khai dự án đầu tư chiến lược, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, chủ động thích ứng với biến động thị trường và kiểm soát chặt chẽ chi phí. Ban lãnh đạo xác định quản trị dự án, kỷ luật tài chính, an toàn và bảo vệ môi trường là những ưu tiên hàng đầu, đồng thời chú trọng chuẩn bị nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các dự án trọng điểm.

Những nội dung mang tính chiến lược được triển khai trong năm 2025 thể hiện định hướng nhất quán của CSV trong việc chuẩn bị cho chặng đường phát triển bền vững, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp hóa chất cơ bản hàng đầu.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành, tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên trong suốt thời gian qua. Sự gắn bó và đóng góp của Quý vị là động lực quan trọng để CSV bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, tiếp tục kiến tạo các giá trị bền vững cho cộng đồng, xã hội và tương lai.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Thị Mai

Tầm nhìn – Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản, với cam kết phát triển bền vững, đảm bảo an toàn và thân thiện với môi trường, góp phần bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước.

Sứ mệnh

Không ngừng đổi mới, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm hóa chất chất lượng cao, đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường, đồng thời tạo giá trị bền vững cho cộng đồng và góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững: Tập trung đầu tư và phát triển có trọng điểm, có chiến lược, đảm bảo hiệu quả kinh doanh song song với trách nhiệm xã hội.

Chất lượng và Uy tín: Cam kết chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giữ vững niềm tin với khách hàng và đối tác.

Đổi mới sáng tạo: Không ngừng cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất và phương thức quản lý.

Con người: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và phát triển toàn diện cho người lao động.

An toàn và Môi trường: Đặt yếu tố an toàn và bảo vệ môi trường lên hàng đầu trong mọi hoạt động.

Triết lý kinh doanh

*“Sự hài lòng của khách hàng là thước đo thành công
Sự phát triển bền vững là mục tiêu lâu dài”*

Chúng tôi tin rằng thành công thực sự đến từ việc tạo ra giá trị cho khách hàng, đối tác và xã hội, đồng thời duy trì sự phát triển bền vững trong dài hạn cho ngành công nghiệp hóa chất và tương lai của Việt Nam.



01

Thông Tin Chung

Thông tin khái quát	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	22
Định hướng phát triển	25
Các rủi ro	34



Thông tin khái quát

Tên giao dịch	:	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Trụ sở chính	:	22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Tên viết tắt	:	Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Điện thoại	:	(028) 3829 6620 - 3822 5373
Tên Tiếng Anh	:	South Basic Chemicals Joint Stock Company	Fax	:	(028) 3824 3166
Mã chứng khoán	:	CSV	Website	:	www.sochemvn.com
Vốn điều lệ	:	1.104.999.100.000 đồng	Giấy CN ĐKDN số	:	0301446260, đăng ký lần đầu ngày 24/9/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/9/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	1.104.999.100.000 đồng			

Quá trình hình thành và phát triển

1976 - 1985

KHỞI ĐẦU

- Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng cục Hóa chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa chất Thủ Đức.
- Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu sản xuất và mở rộng phát triển, Công ty đã thành lập thêm một số đơn vị như Mỏ Bô-xít Bảo Lộc, Xưởng Nghiên cứu Thực nghiệm và Xưởng Cơ điện.

1986 - 2003

CHUYỂN MÌNH

- Trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bắt đầu xu thế đổi mới, mở cửa hội nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty là một trong những Công ty nhà nước đã được phép chuyển đổi sang hình thức hoạt động Công ty TNHH một thành viên. Ngày 24/9/2003, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên cho Công ty với tên gọi chính thức là Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

2004 - 2013

HOÀN THIỆN

- Công ty không ngừng phấn đấu và đổi mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, đồng thời mở rộng, phát triển sản xuất. Công ty đã thành lập thêm các đơn vị gồm Nhà máy Phốt pho Việt Nam (2004); Nhà máy thay đổi hình thức hoạt động sang Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam từ năm 2010, trong đó Công ty nắm giữ 65,05% cổ phần và Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 (2009).
- Ngày 20/08/2012, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.
- Ngày 28/7/2013, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ký quyết định số 248/QĐ-HCVN về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
- Ngày 12/12/2013, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam được tiến hành.

2014 - Nay

ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- Ngày 02/01/2014, Công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam. Từ sau cổ phần hóa, Công ty bước vào giai đoạn phát triển ổn định. Đây là thời gian Công ty nhanh chóng đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị mới, mở rộng nhà máy nhằm chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo khi kinh tế đất nước hội nhập sâu rộng, phát huy hết công suất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Năm 2024, Công ty phát hành thêm 66,3 triệu cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 100:150, nâng vốn điều lệ lên 1.104.999.100.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đây là bước tiến quan trọng, củng cố nền tảng tài chính vững chắc và mở rộng cơ hội phát triển bền vững, nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường.



2025

Năm 2025, Công ty đã phê duyệt và triển khai Dự án trọng điểm Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch nhằm di dời 03 nhà máy hiện hữu tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường. Dự án không chỉ đáp ứng yêu cầu di dời theo quy hoạch mà còn tạo nền tảng hạ tầng mới, mở rộng dư địa phát triển và thúc đẩy Công ty phát triển ổn định, bền vững trong giai đoạn tới. Trong năm, Công ty cũng đã đầu tư, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 05 công trình phục vụ sản xuất – kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, ổn định sản xuất và hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Các thành tích nổi bật



2000
Huân chương
lao động hạng 3



2004
Huân chương
lao động hạng 2



2016
Huân chương
lao động hạng 1



2015
Cờ thi đua của
Thủ tướng Chính phủ



2018
Cờ thi đua của
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam



2019
Cờ thi đua của Ủy ban
Quản lý vốn Nhà nước Việt Nam



1995
Bằng khen của
Liên đoàn Lao động Việt Nam



2006
Bằng khen của
Thủ tướng Chính Phủ



2015
Bằng khen của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
*Đã có thành tích xuất sắc trong
phong trào 90 ngày thi đua nước
rút cuối năm 2015 nhằm hoàn thành
h vượt mức kế hoạch sản xuất kinh
doanh năm 2015 (Giải Nhì)*



2016
Bằng khen của
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Bằng khen của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
*Đã có thành tích xuất sắc trong
hoạt động Khoa học và Công nghệ
giai đoạn 2016-2020, góp phần vào
sự nghiệp phát triển của Tập đoàn
Hóa chất Việt Nam*



2017
Bằng khen của
Bộ Công thương

Chứng nhận
Doanh nghiệp vì Người lao động



2020
Bằng khen của
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Bằng khen của
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước



2023
Bằng khen của
Bộ Công thương



2020
Cờ thi đua của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2021
Cờ thi đua của Ủy ban
Quản lý vốn Nhà nước Việt Nam
Cờ thi đua của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2022
Cờ thi đua của
Thủ tướng Chính phủ

Cờ thi đua của Ủy ban
Quản lý vốn Nhà nước Việt Nam

Cờ thi đua của
Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Cờ thi đua của
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam



2023
Cờ thi đua của Ủy ban
Quản lý vốn Nhà nước Việt Nam

Cờ thi đua của
Công đoàn Công thương



2024
Cờ thi đua của
Công đoàn Công thương



Các thành tích nổi bật

2015

Top 50

Thương hiệu vì môi trường

2016

Top 10

Thương hiệu uy tín
ngành Hóa chất Việt Nam

2017

Top 50

Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam

2018

Top 50

Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam

2019

Chứng nhận thương hiệu vàng Việt Nam

Tập thể lao động xuất sắc
do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

2020

Top 329 Doanh nghiệp niêm yết hoàn
thành tốt nghĩa vụ công bố thông tin

Tập thể lao động xuất sắc
do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

2021

Tập thể lao động xuất sắc
do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

2022

Top 42 Doanh nghiệp thuộc nhóm vốn
hóa có báo cáo thường niên tốt nhất được
bình chọn vào vòng chung khảo

Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN 2022

Danh hiệu Sản phẩm – Dịch vụ
chất lượng cao ASEAN 2022

Tập thể lao động xuất sắc
do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

2023

Hạng đồng “Thương hiệu số 1 Việt Nam 2023”
do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh
nghiệp Châu Á tổ chức đánh giá, xét chọn

Top 5

Đơn vị có lợi nhuận cao nhất
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Top 5

Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở
hữu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Tập thể lao động xuất sắc
do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận

2024

Top 5

Đơn vị có lợi nhuận cao nhất
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Top 5

Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở
hữu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi
đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

2025

Top 5

Đơn vị có lợi nhuận cao nhất
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chứng nhận Đạt chuẩn công bố thông tin
do VietStock trao tặng



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

1

Sản xuất hóa chất cơ bản

Chi tiết: Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh)

2

Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

3

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).

4

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.

5

Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ

(Không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh).

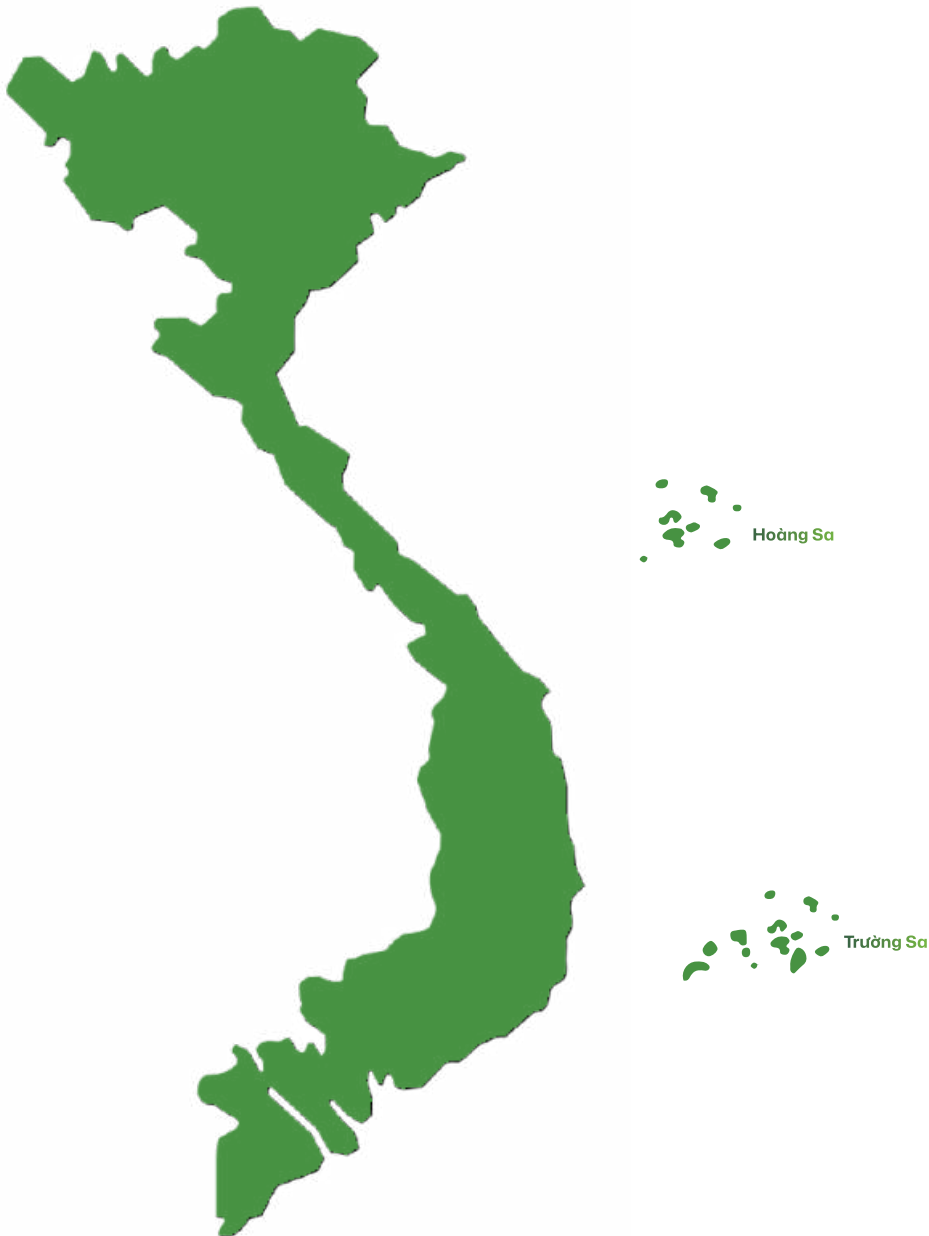
6

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Chi tiết: các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.

Địa bàn kinh doanh

Với vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản hàng đầu Việt Nam, Công ty cung cấp nguyên liệu thiết yếu cho các ngành công nghiệp như xử lý nước, thực phẩm, dược phẩm, giấy, dệt nhuộm, điện tử và năng lượng. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ rộng khắp từ TP. Hồ Chí Minh, miền Tây Nam Bộ đến khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đáp ứng nhu cầu của nhiều lĩnh vực kinh tế trọng điểm.



Sản phẩm tiêu biểu

Nhóm sản phẩm xút-clo

Nhóm xút-clo là nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty, gồm xút lỏng (20%-50%) và các sản phẩm gốc clo như axit clohydric (20%-35%), clo lỏng (99,99%), Poly Aluminium Chloride (PAC lỏng 10%-17%, PAC bột 30%-31%), Javen (40-120 g/l clo hữu hiệu). Công ty sử dụng công nghệ dung dịch nước muối bằng màng trao đổi ion hiện đại, đảm bảo tối ưu công suất, nâng cao chất lượng, và an toàn với môi trường. Nhóm sản phẩm xút-clo đáp ứng nhu cầu của đa dạng ngành như xử lý nước, giấy, dệt nhuộm, thực phẩm, và hóa dầu.



Xút (NaOH)

Lọc dầu, công nghiệp giấy, dệt, thực phẩm, sản xuất xà phòng và chất tẩy rửa, chế biến quặng nhôm...



Axit clohydric (HCl)

Tẩy mạ thép, dệt nhuộm,...



Clo lỏng (Cl₂)

Xử lý nước, sản xuất thuốc tẩy



Poly Aluminium Chloride (lỏng và bột)

Sản xuất giấy, xử lý nước thải, dầu khí



Javen (NaClO)

Xử lý nước, công nghiệp giấy, dệt



Chế phẩm diệt khuẩn - Chloramine B

Diệt khuẩn, khử trùng bề mặt



Nhóm sản phẩm phốt pho

Nhóm sản phẩm phốt pho gồm phốt pho vàng do CTCP Phốt Phơ Việt Nam (công ty con của CSV) tuyển quặng, chế biến thành phốt pho vàng phục vụ cho xuất khẩu (sang Ấn Độ, Nhật Bản...) và cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy Hóa chất Đồng Nai để sản xuất axit phosphoric và các sản phẩm gốc phốt phát khác. Sản phẩm nhóm phốt pho phục vụ nhiều lĩnh vực quan trọng như phân bón, dược phẩm, thực phẩm, xi mạ và công nghệ vi sinh.



Phốt pho vàng (P₄)

Sản xuất H₃PO₄, sử dụng trong công nghiệp bán dẫn, pin xe điện



Axit Phosphoric (H₃PO₄)

Nguyên liệu sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, sản xuất đường, dầu ăn, bột ngọt, muối photphat thực phẩm, công nghiệp vi sinh



Nhóm sản phẩm axit sunfuric và sunfat

Nhóm sản phẩm axit sunfuric và sunfat gồm axit sunfuric kỹ thuật (50%-98%), axit sunfuric tinh khiết (50%-97%), phèn nhôm sunfat (7,5% Al₂O₃-17% Al₂O₃), được sử dụng rộng rãi trong sản xuất thực phẩm, bình ắc quy, phân bón, và các ứng dụng xử lý nước.



Axit Sunfuric (H₂SO₄)

Sản xuất phân bón, phèn nhôm; dùng làm chất điện giải trong bình ắc quy axit chì



Axit Sunfuric tinh khiết

Sử dụng trong ngành dược phẩm, phòng thí nghiệm, sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, chất giặt tẩy rửa tổng hợp, tơ sợi hóa học, chất dẻo, sơn màu



Phèn nhôm sunfat (Al₂(SO₄)₃.nH₂O)

Xử lý nước, sản xuất giấy

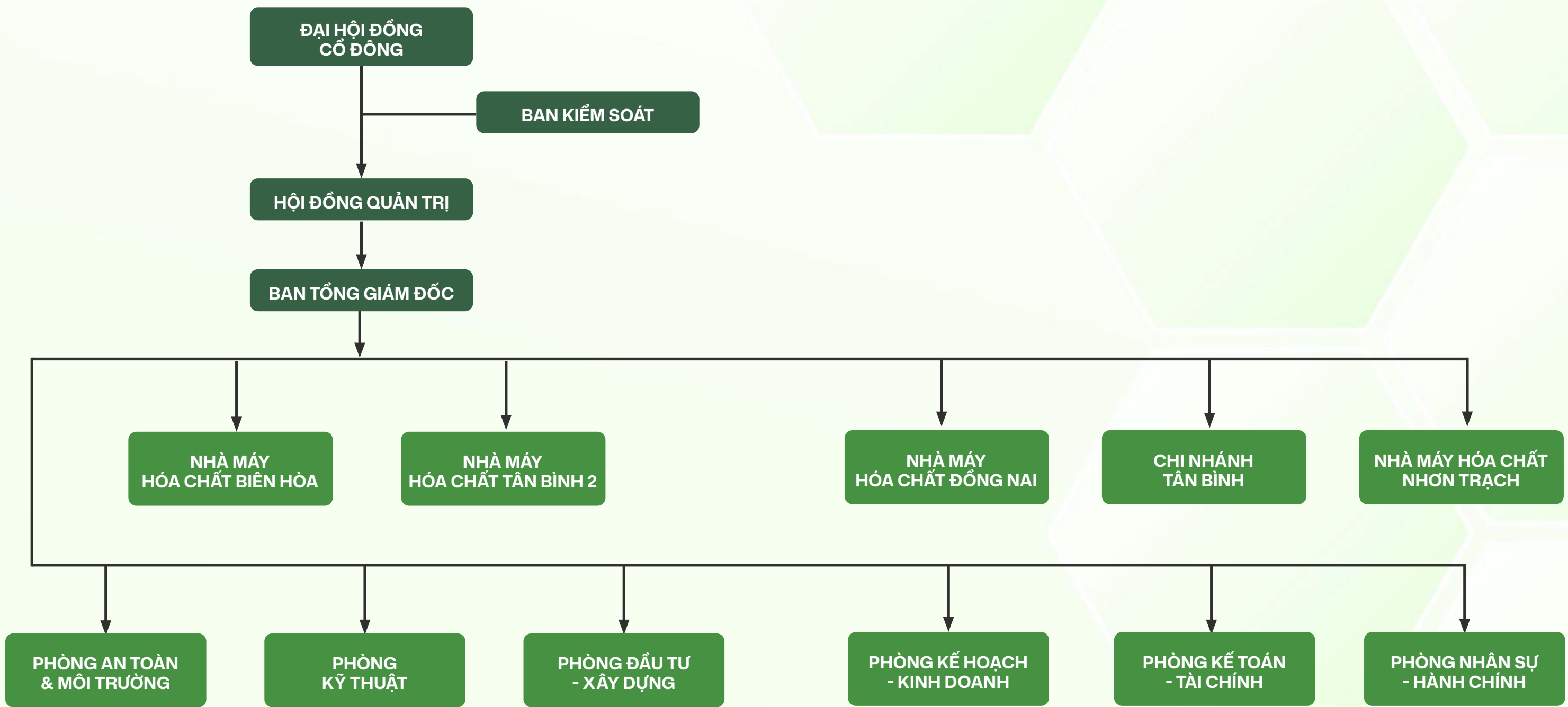
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Công ty hiện đang hoạt động theo mô hình “Công ty Cổ phần” với cơ cấu tổ chức vận hành hiệu quả cùng bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đây cũng là tôn chỉ mà Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập và xem là yếu tố then chốt, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

Mô hình quản trị của Công ty hoạt động theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	KCN Tăng Loỏng, Xã Tăng Loỏng, Tỉnh Lào Cai.	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng.	39.345,48	65,05%

Công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết

Đơn vị trực thuộc

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính
1	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất Xút - Clo và các chế phẩm liên quan, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp sản xuất. Sản phẩm của Nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
2	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất H ₂ SO ₄ và phèn nhôm. Sản phẩm của Nhà máy cung ứng chủ yếu cho thị trường phía Nam.
3	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất H ₃ PO ₄ kỹ thuật, H ₃ PO ₄ thực phẩm và các sản phẩm gốc phốt phát. Sản phẩm của Nhà máy chủ yếu trong các ngành: Tinh luyện đường, sản xuất phân bón vi lượng chất lượng cao, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất thực phẩm, mỹ phẩm, nước giải khát, bia...
4	Chi nhánh Tân Bình	139 Phan Huy Ích, phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh các sản phẩm Al(OH) ₃ , H ₂ SO ₄ , Chloramine B. Sản phẩm của Chi nhánh được ứng dụng trong nhiều ngành như: sản xuất bình ắc quy, sản xuất giấy, phân bón, phèn lọc nước, xử lý nước, khử khuẩn v.v...
5	Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6C, KCN Nhơn Trạch 6, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.	Công ty đang triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, dự kiến nhà máy bắt đầu vận hành từ năm 2026.

Định hướng phát triển

01

Phát triển Công ty theo định hướng thị trường với nền tảng gắn chuỗi giá trị với hệ sinh thái của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường, là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu Việt Nam.

02

Phát triển Công ty đồng bộ, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, khai phá thị trường - bao phủ toàn quốc, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp hóa chất tại Việt Nam.

03

Con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CBCNV có trình độ cao, trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Hóa chất Cơ bản Miền Nam uy tín, chất lượng.



Định hướng phát triển

Triển vọng ngành hóa chất



Kinh tế vĩ mô 2025 - Khó khăn bên ngoài, vững vàng nội tại

Năm 2025, kinh tế thế giới giảm tốc với GDP toàn cầu đạt 3,30%, phản ánh tác động từ chủ nghĩa bảo hộ và rủi ro địa chính trị. Tuy căng thẳng thuế quan đã phần nào hạ nhiệt, rủi ro vẫn hiện hữu khi thỏa thuận Mỹ-Trung chỉ kéo dài một năm và Tổng thống Trump tiếp tục cứng rắn trong các vấn đề thương mại. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam thể hiện sức chống chịu tích cực. GDP năm 2025 tăng 8,02%, mức cao nhất trong giai đoạn 2011–2025 (ngoại trừ năm 2022

do hiệu ứng nền thấp), được dẫn dắt bởi giải ngân đầu tư công, phục hồi sản xuất công nghiệp và tăng trưởng xuất khẩu của doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, tiêu dùng nội địa vẫn dưới mức trước dịch, một phần do ảnh hưởng của thời tiết cực đoan với thiệt hại ước tính 99.469 tỷ đồng theo Tổng cục Thống kê. Tổng thể, nền kinh tế cho thấy nội lực vững vàng dù môi trường bên ngoài còn nhiều thách thức.



Ngành hóa chất bứt tốc cùng “Kỷ Nguyên Vươn Minh” của Việt Nam

Trong ngắn hạn, triển vọng ngành hóa chất được hỗ trợ bởi hoạt động sản xuất cải thiện khi PMI liên tục trên 50 điểm tính đến tháng 12/2025, theo S&P Global. Điều này phản ánh nhu cầu phục hồi ở các ngành hạ nguồn như giấy, dệt nhuộm, thép, thực phẩm và xử lý nước, qua đó thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ hóa chất cơ bản. Trong giai đoạn 2026–2030, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm, qua đó củng cố vai trò then chốt của ngành hóa chất trong tiến trình công nghiệp hóa. Theo Chiến lược Phát triển Ngành Công nghiệp Hóa chất đến 2030, tầm nhìn 2040, Bộ Công Thương xác định hóa chất cơ bản là phân ngành chủ lực và định

hướng mở rộng công suất; phát triển các tổ hợp hóa chất tập trung; đồng thời giảm phụ thuộc nhập khẩu nguyên liệu. Chiến lược nhấn mạnh mục tiêu nâng cao tự chủ đầu vào và gia tăng giá trị sản phẩm, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững của toàn ngành. Nhìn chung, ngành hóa chất sở hữu tiềm năng tăng trưởng đáng kể, đặc biệt trong dài hạn, dù vẫn chịu rủi ro biến động giá bán đầu ra theo cung-cầu thị trường. Ngoài ra, lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngành phụ thuộc lớn vào giá vốn sản xuất, nhất là giá nguyên liệu nhập khẩu như muối công nghiệp, quặng apatit, lưu huỳnh, cùng với chi phí điện năng.



Giá điện tăng nhưng vẫn thấp so với thế giới

Giá điện là yếu tố chi phí then chốt của ngành hóa chất khi chiếm khoảng 30% giá vốn. Trong giai đoạn 2024–2025, mặc dù giá điện tại Việt Nam đã được điều chỉnh tăng hai lần và từng bước tiến tới vận hành theo cơ chế thị trường, mức giá hiện tại vẫn thuộc nhóm thấp nhất thế giới, giúp doanh nghiệp trong nước duy trì lợi thế chi phí so với các nước

sản xuất xút lớn như Trung Quốc và Mỹ. Tuy nhiên, xu hướng tăng giá điện trong những năm tới có thể gây sức ép lên biên lợi nhuận và làm giảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp hóa chất trước hàng nhập khẩu.



Xút-Clo – Giá bán biến động theo chu kỳ trong bối cảnh công suất hạn chế

Xút (NaOH) là hóa chất cơ bản thiết yếu, được sử dụng rộng rãi trong các ngành giấy - bột giấy, dệt nhuộm, nhôm, xử lý nước, và chất tẩy rửa. Nhu cầu nội địa của Việt Nam tăng đều, ước tính nhu cầu nội địa khoảng 450.000 tấn/năm giai đoạn 2024–2025. Tuy nhiên, năng lực sản xuất trong nước hiện chỉ đáp ứng khoảng 55% nhu cầu, khiến Việt Nam phải duy trì nhập khẩu xút với khối lượng lớn, chủ yếu từ Trung Quốc và các nước khu vực Châu Á. Do đó, giá xút trong nước có độ nhạy cao với giá nhập khẩu, đặc biệt diễn biến giá xút tại Trung Quốc, dẫn đến biến động giá mang tính chu kỳ. Mặc dù nhu cầu tăng trưởng tích cực, khả năng mở rộng công suất của ngành vẫn gặp nhiều rào cản. Doanh nghiệp gặp thách thức về nguồn muối công nghiệp, nguyên liệu chính cho điện phân

clo–kiềm. Việt Nam phải nhập 400.000–600.000 tấn muối/năm, trong đó muối ngoài hạn ngạch chịu thuế tới 50%, khiến chi phí sản xuất cao và làm giảm khả năng cạnh tranh so với các nhà sản xuất trong khu vực. Lượng clo dư thừa cũng là yếu tố hạn chế khả năng nâng công suất xút, do clo và xút được tạo ra đồng thời trong quá trình điện phân. Trong khi nhiều quốc gia có thể xuất khẩu xút nhờ nhu cầu clo lớn, Việt Nam lại ở chiều ngược lại: tiêu thụ clo trong nước còn hạn chế nên việc mở rộng sản xuất xút gặp nhiều khó khăn, ràng buộc. Về dài hạn, nếu các ngành phụ trợ như PVC, hóa dầu và xử lý nước phát triển, doanh nghiệp có thể tận dụng hiệu quả hơn lượng clo – hydro dư thừa, qua đó cải thiện biên lợi nhuận.



Phốt pho – Nhu cầu ngành bán dẫn thúc đẩy tăng trưởng

Việt Nam hiện là một trong những quốc gia sản xuất phốt pho vàng hàng đầu thế giới, với công suất khoảng 100.000 tấn/năm, trong khi nhu cầu nội địa khá thấp. Do đó, phần lớn sản lượng được xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ, chủ yếu ở dạng P4 thô hoặc H₃PO₄ cấp thực phẩm, cho thấy ngành chưa tham gia sâu vào các phân khúc giá trị cao như axit cấp điện tử do hạn chế về công nghệ tinh chế và phụ thuộc vào nguồn quặng Apatit chất lượng cao nhập khẩu.

Triển vọng giá P4 nhìn chung tích cực, được hỗ trợ bởi nhu cầu tăng từ ngành bán dẫn, pin lithium phosphate và phân bón. Bên cạnh đó, Trung Quốc, nhà sản xuất lớn nhất, tiếp tục thắt chặt xuất khẩu để ưu tiên nhu cầu nội địa, góp phần giữ mặt bằng giá ở mức cao. Tuy vậy, dư địa tăng trưởng của các doanh nghiệp Việt Nam bị hạn chế bởi phụ thuộc nguyên vật liệu nhập khẩu và chính sách xuất khẩu siết lại, khi phốt pho vàng chịu thuế xuất khẩu 10% từ ngày 01/01/2026 và 15% từ 2027 theo Nghị định 199/2025/NĐ-CP, tăng từ mức 5% trước đó.



Lưu huỳnh – Giá bán biến động cùng xu thế giá dầu

Thị trường lưu huỳnh Việt Nam phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nguồn nhập khẩu do sản lượng thu hồi nội địa từ các nhà máy lọc dầu còn hạn chế, trong khi nhu cầu lớn đến từ sản xuất axit sunfuric, phân bón DAP, xử lý nước và ắc quy. Giá lưu huỳnh thời gian qua biến động theo xu hướng giá dầu Brent tăng khi nhu cầu phân bón và chi phí vận tải leo thang. Xu hướng giá lưu huỳnh năm 2025 nhìn chung là tăng – biến động mạnh – có khả năng bước vào chu

kỳ tăng mới, nhưng không hoàn toàn tuyến tính. Năm 2025, thị trường lưu huỳnh ghi nhận xu hướng tăng và duy trì mặt bằng giá cao, chủ yếu do nguồn cung từ hoạt động lọc dầu tăng chậm trong khi nhu cầu từ sản xuất phân bón và axit sulfuric phục hồi ổn định. Mặc dù có những giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn, giá lưu huỳnh nhìn chung biến động theo chu kỳ nhưng vẫn giữ xu hướng tăng, phản ánh sự thắt chặt tương đối của cung – cầu trên thị trường toàn cầu.

Định hướng phát triển

Phân tích SWOT



01

Strengths (S) - Điểm mạnh

- Giữ vị thế dẫn đầu mảng hóa chất cơ bản phía Nam với các sản phẩm chủ lực như NaOH, Clo, H₂SO₄ và PAC tạo nền tảng vững cho mở rộng thị trường.
- Danh mục sản phẩm đa dạng và phục vụ nhiều ngành thiết yếu (giấy, dệt nhuộm, thép, nước sạch, phân bón) giúp nhu cầu ổn định và giảm biến động doanh thu.
- Tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái Vinachem để tối ưu nguồn lực, kiểm soát rủi ro và nâng cao năng lực cạnh tranh.

02

Weaknesses (W) - Điểm yếu

- Phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu (muối công nghiệp, lưu huỳnh) khiến chi phí chịu tác động mạnh từ tỷ giá và giá hàng hóa.
- Việc di dời 3 nhà máy từ KCN Biên Hòa 1 sang KCN Nhơn Trạch 6 kéo dài, ảnh hưởng hiệu suất vận hành và trì hoãn mở rộng công suất.
- Năng lực tăng sản lượng Xút-Clo bị giới hạn do thiếu ngành công nghiệp hấp thụ Clo quy mô lớn.

03

Opportunities (O) - Cơ hội

- Sự phát triển của ngành điện tử-bán dẫn thúc đẩy nhu cầu hóa chất tinh khiết cao, mở ra thị trường giá trị lớn mà CSV đang chuẩn bị năng lực đáp ứng.
- Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch giúp tập trung sản xuất, tối ưu chi phí và nâng cấp công nghệ, tạo động lực tăng trưởng dài hạn.
- Xu hướng nội địa hóa và dịch chuyển chuỗi cung ứng hóa chất khỏi Trung Quốc tạo cơ hội mở rộng xuất khẩu và gia công sản phẩm giá trị cao.

04

Threats (T) - Rủi ro

- Do phục vụ các ngành hạ nguồn công nghiệp và phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, kết quả kinh doanh dễ bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế và tỷ giá.
- Cạnh tranh từ nhà sản xuất nước ngoài, vốn không phải chịu hạn ngạch nhập khẩu.
- Thay đổi xu hướng tiêu dùng, như chuyển từ bột giặt sang nước giặt và viên nén, làm giảm nhu cầu các sản phẩm đầu vào như Silicate.
- Áp lực cạnh tranh gia tăng từ các dự án mới với quy mô công suất lớn trong cùng ngành.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường

1

Đẩy mạnh nghiên cứu cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm hóa chất đa dạng nhằm mở rộng thị trường, giải quyết bài toán cân bằng Xút-Clo, cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu và của các đơn vị khác, cung cấp sản phẩm chất lượng tốt và đem lại lợi ích thiết thực cho xã hội và cộng đồng.

Quản trị hiệu quả nguồn vốn

2

Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Nâng cao năng lực sản xuất

3

Chú trọng công tác đầu tư, sửa chữa, cải tiến dây chuyền máy móc thiết bị nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm nguyên vật liệu. Tập trung nguồn lực nhằm thực hiện đúng tiến độ dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

Phát triển thương hiệu bền vững

4

Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động, các dòng sản phẩm khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.

Cam kết phát triển xanh

5

Hướng đến sản xuất đảm bảo an toàn, thân thiện môi trường và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược sản phẩm

Kiến tạo giá trị thông qua chất lượng và đổi mới

- Công ty tập trung nguồn lực cho các sản phẩm kinh doanh chủ lực, đặc biệt là nhóm Xút-Clo, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao và năng lực cạnh tranh vượt trội. Các sản phẩm Xút-Clo hiện được cung ứng chủ yếu cho các ngành thép, điện tử, dệt nhuộm, xử lý nước... là những lĩnh vực có nhu cầu ổn định và tiềm năng tăng trưởng dài hạn.
- Công ty chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh, thông qua việc đăng ký và hoàn thiện các tiêu chuẩn, chứng nhận kỹ thuật được công nhận tại Việt Nam và quốc tế. qua đó đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khi thâm nhập thị trường, đồng thời mở rộng cơ hội xuất khẩu sang các thị trường và quốc gia mới.
- Công ty triển khai theo định hướng nâng cao giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Trọng tâm là tiến hành nghiên cứu và xây dựng phương án sản xuất các loại axit vô cơ hiện hữu (HCl, H₂SO₄, H₃PO₄) theo tiêu chuẩn điện tử, nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt của ngành công nghiệp điện tử và bán dẫn. Theo đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm và ứng dụng công nghệ, thiết bị phù hợp để sản xuất H₂SO₄ chất lượng cao, đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật khắt khe và phục vụ ngành công nghiệp điện tử. Đồng thời, Công ty triển khai sản xuất thử nghiệm sản phẩm Nano Silica tại xưởng với chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật ứng dụng trong các ngành cao su, nhựa và các lĩnh vực công nghiệp liên quan, song song với việc nghiên cứu các phương án tận dụng sản phẩm phụ nhằm tối ưu hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường phối hợp giữa bộ phận sản xuất, kinh doanh và marketing để nghiên cứu nhu cầu đặc thù của từng nhóm khách hàng, bao gồm các yêu cầu riêng về nồng độ và tiêu chuẩn kỹ thuật, qua đó phát triển các dòng sản phẩm đa dạng về chất lượng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng và thị trường.

Chiến lược thị trường

Củng cố thị trường truyền thống, khai phá tiềm năng ngành công nghiệp điện tử

- Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp do tác động từ các yếu tố vĩ mô, Công ty áp dụng chiến lược giá bán linh hoạt, theo dõi biến động giá hàng ngày nhằm đưa ra mức giá hợp lý nhất cho khách hàng, từ đó giữ vững thị phần và đảm bảo mức doanh thu ổn định.
- Công ty chú trọng nghiên cứu nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, đặc biệt là các khách hàng công nghiệp lớn, nhằm phát triển các sản phẩm đáp ứng yêu cầu riêng về nồng độ và tiêu chuẩn kỹ thuật. Trên cơ sở này, danh mục sản phẩm đã được đa dạng hóa về quy cách và chất lượng, bao gồm: NaOH (20% – 50%), HCl (18% - 35%), Javel (40g/l, 100g/l, 120g/l), PAC dạng lỏng (PAC và PAC-F nồng độ 10% – 17%), PAC dạng bột (PAC và PAC-F nồng độ 30% - 31%), H₂SO₄ tinh khiết (30% - 98%).
- Nhằm mở rộng thị trường sang các ngành công nghiệp có yêu cầu kỹ thuật cao, Công ty đang triển khai nghiên cứu và xây dựng phương án sản xuất các loại axit vô cơ hiện hữu như HCl, H₂SO₄ và H₃PO₄ theo tiêu chuẩn điện tử, nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt của ngành công nghiệp điện tử và bán dẫn.

Mục tiêu phát triển bền vững

“

Với vị thế là doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu, Công ty xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược dài hạn, gắn chặt giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty từng bước xây dựng chuỗi cung ứng bền vững, tăng cường kết nối và hợp tác với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra. Các bên liên quan được xác định là đối tác chiến lược, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và sự phát triển của Công ty, bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, Môi trường và Cộng đồng địa phương. Thông qua việc tham vấn thường xuyên và tiếp nhận phản hồi, Công ty không ngừng điều chỉnh hoạt động nhằm đáp ứng kỳ vọng chính đáng của các bên liên quan.

”



Với khách hàng

- Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh “Sự hài lòng của quý khách hàng là thành công của Công ty”.
- Giữ vững mối quan hệ và tập trung vào công tác dịch vụ sau bán hàng đối với các khách hàng hiện hữu, đưa ra các chính sách mua bán hàng phù hợp trong bối cảnh các đối thủ trong và ngoài nước đang cạnh tranh gay gắt về giá.
- Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hiện hữu để kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Với cổ đông/nhà đầu tư

- Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua các cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Tiếp nhận ý kiến phản hồi qua điện thoại, email.
- Công bố thông tin đúng theo quy định.

Với Cơ quan quản lý Nhà nước

- Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành hóa chất.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.

Với người lao động

- Nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Công ty. Công ty luôn chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đối với từng vị trí cần tuyển. Ngoài ra, nhằm mục đích duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự hàng năm để phục vụ cho các mục tiêu phát triển của Công ty.
- Môi trường làm việc lành mạnh, cởi mở, thiện nghi và đầy đủ cơ sở vật chất có ý nghĩa quan trọng đối với tinh thần và hiệu suất làm việc của người lao động. Vì vậy, đi đôi với việc xây dựng môi trường làm việc chất lượng thì Công ty đảm bảo việc chi trả lương đúng hạn, phân phối quỹ tiền lương hợp lý và áp dụng đa dạng, linh hoạt các chế độ đãi ngộ, phúc lợi để khuyến khích người lao động nâng cao năng lực làm việc, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp để thúc đẩy động lực làm việc và tăng cường đoàn kết nội bộ vì sự phát triển của Công ty.

Với Môi trường & Cộng đồng địa phương

- Không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư và cải tiến công nghệ sản xuất đảm bảo môi trường, nâng cao các quá trình xử lý chất thải để giảm tác nhân gây ô nhiễm môi trường, áp dụng phương pháp sản xuất sạch và hóa học xanh, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

Các rủi ro

Đánh giá các loại rủi ro

Rủi ro	Rủi ro kinh tế	Rủi ro tỷ giá	Rủi ro pháp luật
Mức độ rủi ro	Cao	Trung bình	Trung bình
Mô tả rủi ro	Năm 2025, mặc dù môi trường thuế quan còn bất định, kinh tế Việt Nam duy trì được đà tăng trưởng tích cực nhờ chính sách tài khóa - tiền tệ mở rộng, thúc đẩy tín dụng, đầu tư công và hỗ trợ sản xuất. Xuất khẩu phục hồi về cuối năm khi căng thẳng thương mại hạ nhiệt. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hóa chất cơ bản với các sản phẩm chủ lực như NaOH, H₂SO₄, HCl, H₃PO₄ và PAC – là nguyên liệu đầu vào quan trọng cho nhiều ngành sản xuất thiết yếu như phân bón, giấy, dệt nhuộm, xử lý nước, tẩy rửa, thuốc bảo vệ thực vật, mạ thép... Do đó, mọi biến động của nền kinh tế đều có ảnh hưởng trực tiếp đến cầu tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Trong bối cảnh kinh tế phục hồi chưa đồng đều, đặc biệt ở các ngành công nghiệp tiêu thụ lớn, nhu cầu hóa chất cơ bản có thể bị ảnh hưởng.	Trong năm 2025, tỷ giá USD/VND chịu áp lực mất giá trong giai đoạn đầu năm do đồng USD duy trì ở mức cao và chênh lệch lãi suất còn bất lợi. Tuy nhiên, từ nửa sau năm, áp lực tỷ giá dần hạ nhiệt nhờ chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước, cùng với diễn biến tích cực của cán cân thanh toán, đặc biệt là thặng dư thương mại hàng hóa. Nhờ đó, biến động tỷ giá được kiểm soát trong biên độ hợp lý. Tính chung cả năm, VND mất giá khoảng 3,4% so với USD, thấp hơn mức dự báo ban đầu. Là doanh nghiệp nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu chiến lược như muối công nghiệp và lưu huỳnh, thay đổi tỷ giá sẽ tác động lớn đến giá vốn nguyên vật liệu đầu vào và kết quả kinh doanh.	Trong 2024–2025, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt trong xây dựng và đấu thầu có nhiều điều chỉnh, bổ sung và thay thế trong thời gian ngắn, dẫn đến việc các đơn vị tham gia dự án phải thường xuyên cập nhật, nghiên cứu và áp dụng quy định mới, làm kéo dài thời gian chuẩn bị và triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó, một số quy định của pháp luật về đấu thầu liên quan đến tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu còn chưa thực sự rõ ràng, đồng bộ, gây khó khăn cho tổ chuyên gia trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu. Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch chịu phát sinh một số vướng mắc pháp lý cụ thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, bao gồm sự chưa thống nhất giữa quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất, dẫn đến phát sinh thủ tục rà soát, điều chỉnh và xin ý kiến cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, một số thủ tục pháp lý phát sinh trong quá trình triển khai đã làm kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ dự án.

Rủi ro phát triển sản phẩm mới	Rủi ro môi trường	Rủi ro cháy nổ	Rủi ro bất khả kháng
Trung bình	Cao	Cao	Trung bình
Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới là định hướng chiến lược của Công ty nhưng đối mặt nhiều thách thức do đặc thù ngành hóa chất cơ bản. Quy trình phê duyệt sản phẩm phải trải qua thẩm định nghiêm ngặt của cơ quan quản lý, yêu cầu thời gian dài và nguồn lực lớn. Việc phát triển sản phẩm mới cũng đòi hỏi đầu tư đáng kể vào dây chuyền công nghệ, kho chứa chuyên dụng và nhân lực kỹ thuật cao. Đáng chú ý, dự án di dời 3 nhà máy từ KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Trạch 6 làm hạn chế khả năng thử nghiệm và mở rộng sản phẩm tại các cơ sở hiện hữu, ảnh hưởng đến tiến độ phát triển sản phẩm mới.	Ngành hóa chất tiềm ẩn rủi ro môi trường cao liên quan đến quản lý chất thải, khí thải và nước thải. Công ty phải đáp ứng hệ thống quy định ngày càng chặt chẽ, yêu cầu đầu tư lớn vào công nghệ xử lý và giám sát. Một số cơ sở sản xuất đã vận hành lâu năm, gây khó khăn trong việc nâng cấp theo tiêu chuẩn mới. Nguy cơ sự cố môi trường luôn hiện hữu nếu không kiểm soát tốt quy trình vận hành.	Do đặc thù sản xuất và lưu trữ hóa chất dễ cháy, nguy cơ cháy nổ luôn tiềm ẩn và có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và gián đoạn sản xuất. Các yếu tố như hệ thống điện, thông gió, nhiệt độ – độ ẩm tại kho hóa chất, hay sự cố thiết bị đều là nguồn rủi ro cần được giám sát liên tục.	Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh hoặc biến động địa chính trị. Năm 2025, Việt Nam ghi nhận mức độ thiên tai bất thường và nghiêm trọng với loạt kỷ lục về bão, áp thấp nhiệt đới và các đợt lũ lớn gây ngập sâu trên diện rộng. Các sự cố này có thể gây thiệt hại về tài sản, gián đoạn hoạt động và ảnh hưởng đến an toàn người lao động.

Các rủi ro

Ứng phó các loại rủi ro

Rủi ro	Rủi ro kinh tế	Rủi ro tỷ giá	Rủi ro pháp luật
Biện pháp ứng phó	• Theo dõi sát diễn biến thị trường để điều chỉnh chính sách giá • Mở rộng nghiên cứu khách hàng và phát triển sản phẩm mới phù hợp nhu cầu, nâng cao năng lực đáp ứng • Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt trước cả biến động tích cực và tiêu cực của thị trường.	• Duy trì dự trữ nguyên liệu 1–3 tháng, xây dựng kế hoạch nhập khẩu linh hoạt và tối ưu hóa điều khoản thanh toán với đối tác quốc tế để kiểm soát rủi ro tỷ giá và đảm bảo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.	• Theo dõi, cập nhật kịp thời quy định pháp luật và điều chỉnh quy trình nội bộ phù hợp. • Phối hợp với các đơn vị tư vấn, tăng cường thẩm định pháp lý trong các dự án đầu tư và hồ sơ hợp đồng. • Chuẩn hóa điều khoản hợp đồng, nâng cao năng lực pháp chế và phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro phát triển sản phẩm mới	Rủi ro môi trường	Rủi ro cháy nổ	Rủi ro bất khả kháng
• Triển khai chiến lược phát triển sản phẩm mới tại Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, ưu tiên các sản phẩm từ gốc Clo, axit Sunfuric, và axit Photphoric. • Tận dụng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm trung gian để tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất. • Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, thiết bị và năng lực R&D phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm mới. • Phối hợp với cơ quan quản lý để rút ngắn thời gian thẩm định và quản lý tiến độ phát triển sản phẩm.	• Tuân thủ hệ thống quản lý môi trường và đầu tư công nghệ xử lý, giám sát hiện đại. • Nâng cấp hạ tầng, thiết bị để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường mới. • Xây dựng và diễn tập định kỳ phương án ứng phó sự cố môi trường. • Đào tạo nâng cao nhận thức môi trường và phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng.	• Tuân thủ nghiêm quy định PCCC và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy hiện đại. • Tăng cường giám sát và bảo trì định kỳ các khu vực và thiết bị có nguy cơ cháy nổ. • Tổ chức diễn tập, đào tạo kỹ năng ứng phó sự cố và phối hợp chặt chẽ với lực lượng PCCC địa phương.	• Xây dựng kịch bản phòng ngừa và kế hoạch ứng phó khẩn cấp cho từng loại rủi ro. • Vận hành hệ thống cảnh báo sớm để theo dõi diễn biến rủi ro và chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất.

02

Tình Hình Hoạt Động Trong Năm

Hoạt động sản xuất kinh doanh

40

Tổ chức và nhân sự

44

Tình hình đầu tư

64

Tình hình tài chính

68

Cơ cấu cổ đông

72

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động trong môi trường kinh doanh toàn cầu khi các chính sách bảo hộ thương mại, thuế quan và xung đột địa chính trị gia tăng, gây suy giảm hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế. Thời tiết cực đoan và thiên tai cũng làm gián đoạn chuỗi cung ứng tại nhiều khu vực. Trong nước, doanh nghiệp chịu áp lực từ hàng nhập khẩu giá cạnh tranh, khiến việc mở rộng thị trường tiêu thụ trở nên khó khăn hơn. Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động thích ứng, tận dụng lợi thế doanh nghiệp dẫn đầu để duy trì sản xuất ổn định và nắm bắt cơ hội thị trường.

Thuận lợi và Cơ hội

- Năm 2025, kinh tế vĩ mô ổn định và sự phục hồi của một số ngành công nghiệp chủ lực đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu đối với các sản phẩm hóa chất cơ bản, đồng thời hỗ trợ cải thiện giá bán ở một số mặt hàng.
- Lạm phát duy trì ổn định, chính sách tài khóa - tiền tệ mở rộng tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt ở các ngành điện tử, vật liệu xây dựng và giấy, qua đó giúp sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của Công ty phục hồi.
 - Gia tăng thị phần và mở rộng khách hàng các mặt hàng xút, H2SO4 tinh khiết góp phần cải thiện biên lợi nhuận.
 - Tại thị trường nội địa, giai đoạn cuối năm sôi động với nhu cầu mua sắm gia tăng đáng kể trong dịp Tết Nguyên đán. Điều này tạo động lực thúc đẩy hoạt động thương mại và sản xuất trong chuỗi cung ứng, từ đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi từ thị trường, Công ty tiếp tục phát huy các thế mạnh nội tại:

- Ban lãnh đạo thể hiện năng lực quản trị xuất sắc thông qua việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường, kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn.
- Hệ thống sản xuất được duy trì ổn định qua các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng chuyên nghiệp và định kỳ.
- Quản trị chuỗi cung ứng hiệu quả với chính sách tồn kho tối ưu, đảm bảo nguồn nguyên liệu liên tục cho hoạt động sản xuất.

Khó khăn và Thách thức

- Công ty đối mặt với áp lực kép khi giá bán nhiều sản phẩm chưa phục hồi trong khi chi phí nguyên vật liệu đầu vào gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận.
- Sản phẩm chủ lực của công ty, NaOH và HCl, ghi nhận giá bán thấp do áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Các sản phẩm gốc Clo tiếp tục gặp phải rất nhiều khó khăn khi các ngành nghề sử dụng nhiều gốc Clo chưa hồi phục, khiến giá bán duy trì ở mức thấp, đôi khi giá bán thấp hơn giá thành sản xuất.
- Nhu cầu tại một số ngành hạ nguồn còn yếu, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ. Ngoài ra, khách hàng thay đổi sản xuất nên sản phẩm silicate, phen đơn dự báo giảm tiêu thụ trong những năm tới.
- Chi phí đầu vào tăng đáng kể, đặc biệt là muối công nghiệp, lưu huỳnh và giá điện. Hoạt động sản xuất nhóm phốt pho chịu thêm áp lực từ việc tình trạng thiếu hụt quặng apatit và chất lượng quặng kém (hàm lượng P2O5 từ 19% - 24%), qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam.

Biến động doanh thu, lợi nhuận

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	2.160.144	1.855.579	16,41%
2	Lợi nhuận gộp	540.978	504.857	7,15%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	289.270	327.233	-11,60%
4	Lợi nhuận trước thuế	293.136	328.293	-10,71%
5	Lợi nhuận sau thuế	229.338	258.335	-11,22%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.702	1.963	-13,30%

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam điều hành linh hoạt nhằm duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định; tập trung nguồn lực cho dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch trọng điểm, qua đó đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 2.160 tỷ đồng, tăng 16,41% so với năm 2024, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ lực như NaOH và HCl cải thiện, dẫn dắt bởi đà phục hồi của các ngành hạ nguồn như khai khoáng, xử lý nước, tuy nhiên vẫn chịu sức ép giảm giá trước áp lực cạnh tranh của đối thủ trong nước và hàng nhập khẩu.

Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 541 tỷ đồng, tăng 7,15% so với năm trước, song biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ do chi phí nguyên liệu đầu vào như lưu huỳnh gia tăng theo biến động thị trường quốc tế.

Đồng thời, Công ty chủ động mở rộng hoạt động thương mại với một số sản phẩm nhằm ổn định hoạt động sản xuất - kinh doanh, khiến hiệu quả gộp chung chịu áp lực trong ngắn hạn. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 229 tỷ đồng, giảm 11,22% so với năm trước, phản ánh tác động của chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều gia tăng. Tương ứng, lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 1.702 đồng, giảm 13,30% so với 2024.

Xét riêng Công ty mẹ, doanh thu năm 2025 đạt 1.726 tỷ đồng, tăng 22,29% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 259 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,08%, trong đó bao gồm cổ tức nhận được từ công ty con. Đáng chú ý, công ty con đóng góp khoảng 74 tỷ đồng vào lợi nhuận trước thuế hợp nhất, qua đó khẳng định hiệu quả của chiến lược đầu tư.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025

Biến động chi phí

ĐVT: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2025		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	1.619.166	74,96%	1.350.721	72,79%
Chi phí tài chính	7.235	0,33%	2.862	0,15%
Chi phí bán hàng	170.662	7,90%	111.450	6,01%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	116.553	5,40%	93.427	5,03%
Chi phí khác	1.873	0,09%	504	0,03%
Tổng chi phí	1.915.489	88,67%	1.558.964	84,01%
Doanh thu thuần		2.160.144		1.855.579

Về cơ cấu chi phí, tổng chi phí năm 2025 đạt 1.915 tỷ đồng, chiếm 88,67% doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán tiếp tục là cấu phần chi phí chủ yếu, ở mức 1.619 tỷ đồng, tương ứng 74,96% doanh thu thuần, tăng nhẹ so với mức 72,79% của năm 2024. Bên cạnh đó, việc Công ty chủ động tăng dự trữ nguyên vật liệu và mở rộng hoạt động thương mại hóa nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất ổn định cũng góp phần làm giá vốn tăng so với năm trước. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều gia tăng, lần lượt đạt 171 tỷ đồng chiếm tỷ trọng (7,90% doanh thu thuần) và 117 tỷ đồng chiếm tỷ trọng (5,40% doanh thu thuần năm 2025), chủ yếu gắn với sản lượng tiêu thụ tăng và quy mô hoạt động mở rộng. Chi phí tài chính tăng lên đạt 7 tỷ đồng (0,33% doanh thu thuần) do nhu cầu vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động.

Nhìn chung, doanh thu năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực nhờ sản lượng tiêu thụ phục hồi, trong khi lợi nhuận chịu áp lực trong bối cảnh chi phí đầu vào gia tăng và Công ty tập trung triển khai các dự án trọng điểm. Kết quả này phản ánh năng lực điều hành linh hoạt của Ban lãnh đạo trong việc tổ chức sản xuất - kinh doanh, duy trì hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu thị trường trong điều kiện nhiều biến động. Về trung và dài hạn, triển vọng của Công ty được đánh giá tích cực, khi dự án đầu tư nhà máy mới dự kiến sẽ nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu chi phí vận hành và củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% Hoàn thành kế hoạch
Doanh thu hợp nhất	1.741.870	2.160.144	124,01%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	262.306	293.136	111,75%

Ghi chú: Thực hiện năm 2025 riêng Công ty mẹ: Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 1.726,39 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế riêng Công ty mẹ đạt 259,40 tỷ đồng.

Doanh thu thuần hợp nhất

2.160 tỷ đồng
Vượt 24,01% so với kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

293 tỷ đồng
Vượt 11,75% so với kế hoạch

Bất chấp những thách thức từ thị trường trong và ngoài nước, Công ty đã linh hoạt điều chỉnh hoạt động để thích ứng với biến động, qua đó đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, qua đó hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Cụ thể, doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 2.160,14 tỷ đồng, vượt 24,01% so với kế hoạch, trong khi lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 293,14 tỷ đồng, vượt 11,75% chỉ tiêu được giao. Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch phản ánh năng

lực điều hành linh hoạt của Ban lãnh đạo trong tổ chức sản xuất - kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và khai thác hiệu quả các cơ hội thị trường, đồng thời đảm bảo tiến độ triển khai các dự án trọng điểm trong năm, qua đó hoàn thành các mục tiêu tài chính đã cam kết với cổ đông.



Tổ chức và nhân sự

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
I Hội đồng quản trị						
1	Bà Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch HĐQT	27.627.500	25%	0	0%
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.100.000	20%	4.250	0,004%
3	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	22.100.000	20%	0	0%
4	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	0	0%
5	Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	0	0%
II Ban Kiểm soát						
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	0	0%	0	0%
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
III Ban điều hành						
1	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.100.000	20%	4.250	0,004%
2	Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
3	Ông Võ Đình Thùy	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
4	Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
5	Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	0	0%	725	0,00066%

Lưu ý: Danh sách Ban lãnh đạo cập nhật đến thời điểm công bố báo cáo thường niên năm 2025

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

“Ban lãnh đạo Công ty tự hội những cán bộ gắn bó bền bỉ với hệ sinh thái Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, trưởng thành qua nhiều giai đoạn phát triển và chuyển mình của Tập đoàn. Trên nền tảng kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm vận hành thực tiễn và năng lực quản trị doanh nghiệp, Ban lãnh đạo đóng vai trò trụ cột trong việc giữ vững kỷ luật vận hành và định hướng phát triển, đồng thời chèo lái Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiếp bước vị thế đầu ngành hóa chất cơ bản. Chính sự kế thừa và dẫn dắt này tạo nên nguồn lực quản trị, tầm nhìn và động lực để Công ty tự tin bước vào giai đoạn phát triển tiếp theo.”



Giới thiệu Ban Lãnh đạo công ty

Hội đồng quản trị



Ngày sinh: 29/04/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Hóa

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó Trưởng Ban Kỹ thuật, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 27.627.500 cổ phần; chiếm 25% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Bà Nguyễn Thị Mai
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngày sinh: 31/12/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 4.250 cổ phần; chiếm 0,00385% vốn điều lệ
- Đại diện: 22.100.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Lê Thanh Bình
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Thời gian	Sự kiện
07/2000 - 10/2004	: Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật Công nghệ, Công ty Sơn Tổng hợp Hà Nội nay là Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội
10/2004 - 09/2012	: Kỹ sư, Phòng Kế hoạch, Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội nay là Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội
03/2006 - 3/2016	: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Sơn Tổng hợp Hà Nội
09/2012 - 01/2022	: Chuyên viên, Ban Kỹ thuật, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
08/2017 - 12/2019	: Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội
04/2018 - 04/2019	: Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
06/2019 - 04/2025	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần DAP - Vinachem
01/2022 - Nay	: Phó Trưởng Ban Kỹ thuật, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
01/2025 - Nay	: Người đại diện vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/2025 - Nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Thời gian	Sự kiện
10/1995 - 12/2001	: Chuyên viên Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2002 - 09/2003	: Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/2003 - 12/2005	: Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2006 - 12/2013	: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 04/2015	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2015 - 04/2019	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2019 - 09/2019	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/2019 - 3/2021	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2021 - Nay	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Giới thiệu Ban Lãnh đạo công ty

Hội đồng quản trị



Ông Vũ Minh Ngọc
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 17/04/1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 22.100.000 cổ phần; chiếm 20% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
05/2005 - 04/2009	: Chuyên viên Ban Quản lý Dự án DAP Hải Phòng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
04/2009 - 12/2010	: Chuyên viên Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
01/2011 - 04/2019	: Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
04/2019 - 04/2021	: Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
04/2021- 01/2025	: Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.
01/2025 - 02/2025	: Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
02/2025 - Nay	: Chuyên viên Ban Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất



Ông Lê Phương Đông
Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Ngày sinh: 21/08/1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ hóa học, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
11/1989 - 12/2000	: Công nhân viên Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/2000 - 06/2001	: Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
06/2001 - 12/2001	: Phó Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2002 - 12/2002	: Quyền Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/2002 - 09/2003	: Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 01/2010	: Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2010 - 12/2013	: Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 04/2019	: Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2019 - Nay	: Giám đốc Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

Hội đồng quản trị



Bà Lê Thị Ngọc Diệp
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ngày sinh: 17/03/1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Ông Văn Trung Hà, mối quan hệ: Chồng; số cổ phiếu: 15.000, chiếm 0,0136% vốn điều lệ

Thời gian	Sự kiện
Từ 1988 - 1992	: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Lega2 - Công ty Legamex
Từ 1992 - 1999	: Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính - Công ty Hóa chất cơ bản Miền Nam
Từ 2000 - 2002	: Kế toán trưởng Xưởng Nghiên cứu thực nghiệm - Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Từ 2002 - 09/2003	: Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 12/2005	: Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2006 - 07/2011	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính - Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
08/2011 - 12/2013	: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính - Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 03/2020	: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
23/4/2024 - Nay	: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

Ban Kiểm soát



Bà Đỗ Thị Thoa
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 15/09/1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
10/1996 - 03/2003	: Nhân viên Kế toán Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2003 - 12/2013	: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 04/2016	: Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
05/2016 - Nay	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Minh Hà
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 27/11/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
11/1999 - 03/2013	: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cao su Sao Vàng
04/2013 – 04/2019	: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
04/2019 - Nay	: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.



Ông Nguyễn Minh Trí
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 07/04/1989

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính, Thạc sĩ Kinh doanh thương mại, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
07/2012 - 07/2014	: Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2
08/2014 - 07/2015	: Nhân viên quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
09/2015 - 12/2019	: Nhân viên phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2020 – 04/2021	: Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2021 - Nay	: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

Ban Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Trung Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 24/10/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
12/1993 - 12/1999	Nhân viên phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2000 - 07/2001	Phó phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
08/2001 - 09/2003	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 09/2006	Trưởng Phòng Kỹ thuật Nhà máy Hóa chất Tân Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/2006 - 12/2013	Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 08/2018	Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2018 - 05/2019	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
06/2019 - 05/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Công nghệ - Thiết bị Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
06/2022 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Ông Lê Thanh Bình
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc



Ông Võ Đình Thủy
Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch Ông Lê Thanh Bình vui lòng xem tại Mục Giới thiệu Hội đồng quản trị.

Ngày sinh: 14/10/1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Ông Đoàn Thanh Tân - Mối quan hệ Anh rể: 250.000 cổ phần chiếm 0,226% vốn điều lệ

Thời gian	Sự kiện
1999 - 08/2000	Nhân viên phòng Thiết kế, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sơn Long
09/2000 - 09/2003	Nhân viên phòng Cơ điện Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 01/2006	Nhân viên phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/2006 - 09/2006	Phó phòng Cơ điện Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/2006 - 12/2013	Trưởng phòng Xây dựng Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 08/2018	Trưởng phòng Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2018 - 10/2019	Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
11/2019 - 03/2020	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Đầu tư - Xây dựng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Giới thiệu Ban lãnh đạo công ty

Ban Tổng Giám đốc



Ông Lê Tùng Lâm
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 22/08/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế học, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần; chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Ông Lê Quốc Hùng – Em ruột: 50 cổ phần chiếm 0,000045% vốn điều lệ



Bà Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 09/10/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- 725 cổ phần; chiếm 0,00066% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Thời gian	Sự kiện
08/1997 - 01/1998	: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thị trường Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
02/1998 - 03/1998	: Chuyên viên phụ trách Ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/1998 - 09/1999	: Trưởng ban Tài chính Kế toán Nhà máy Hóa chất Đồng Nai trực thuộc Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
10/1999 - 10/2001	: Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2002 - 09/2003	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 11/2013	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/2013 - 12/2013	: Phó Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 03/2016	: Phó Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký Công ty kiêm người được ủy quyền công bố thông tin, Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2016 - 03/2021	: Trưởng phòng Nhân sự - Hành chính, Thư ký công ty kiêm người được ủy quyền Công bố thông tin, Người phụ trách quản trị Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2021 - Nay	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Thời gian	Sự kiện
03/1995 - 09/2003	: Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
09/2003 - 11/2013	: Nhân viên Phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/2013 - 12/2013	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 06/2018	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
07/2018 - 12/2018	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam kiêm Kế toán trưởng Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
01/2019 - 03/2020	: Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2020 - Nay	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Tổ chức và nhân sự

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là Thành viên Hội đồng quản trị	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Tú	Chủ tịch HĐQT	23/04/2024	03/01/2025
		Thành viên HĐQT	23/04/2024	28/02/2025
2	Bà Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch HĐQT	28/02/2025	-
3	Ông Vũ Minh Ngọc	Chủ tịch HĐQT	09/01/2025	28/02/2025
		Thành viên HĐQT	23/04/2024	-
4	Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	23/04/2024	-

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Không có



Số lượng cán bộ, nhân viên

Cơ cấu lao động của CSV năm 2025 nhìn chung ổn định và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản, với tổng số 639 lao động, gần như không thay đổi so với năm 2024. Lực lượng lao động tập trung chủ yếu ở nhóm công nhân kỹ thuật và lao động sơ cấp, chiếm 43,82%, đáp ứng yêu cầu vận hành trực tiếp tại các nhà máy. Đồng thời, tỷ lệ lao động có trình độ từ Cao đẳng trở lên đạt 47,57%, cho thấy Công ty chú trọng duy trì đội ngũ nhân sự có chuyên môn để đảm bảo an toàn, kỹ thuật và chất lượng sản xuất. Bên cạnh đó, 81,69% người lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn, phản ánh mức độ ổn định và gắn bó cao của lực lượng lao động, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất và phát triển bền vững.

Tổng số người lao động năm 2025

639Người

Tính chất phân loại	Năm 2025		Năm 2024	
	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A Theo trình độ lao động	639	100,0	635	100,0
1 Trình độ Đại học và trên Đại học	131	20,38	125	19,68
2 Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	173	27,12	162	25,51
3 Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	280	43,88	291	45,83
4 Lao động phổ thông	55	8,62	57	8,98
B Theo giới tính	639	100,0	635	100,0
1 Nam	515	80,73	514	80,94
2 Nữ	124	19,27	121	19,06
C Theo thời hạn HĐLĐ	639	100,0	635	100,0
1 Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	117	18,34	126	19,84
2 Hợp đồng không xác định thời hạn	522	81,66	509	80,16

Chính sách nhân sự

“

Nguồn nhân lực được xác định là động lực cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt khi khu vực tư nhân đang gia tăng sự hiện diện mạnh mẽ trong lĩnh vực hóa chất cơ bản, việc sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và lành nghề trở thành lợi thế cạnh tranh then chốt, đảm bảo hiệu quả kinh doanh bền vững. Không chỉ chú trọng vào việc phát triển năng lực chuyên môn, Công ty còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng môi trường làm việc ổn định, các chế độ phúc lợi toàn diện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động. Đây không đơn thuần là chính sách nhân sự mà còn là biểu hiện của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, khẳng định cam kết phát triển bền vững của Công ty với cộng đồng.

”

Đào tạo

1

Phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên chiến lược của Công ty, với trọng tâm là đào tạo nội bộ và thúc đẩy đội ngũ cán bộ trẻ không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn. Chiến lược đào tạo của Công ty hướng đến xây dựng đội ngũ nhân sự toàn diện: xuất sắc về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và đặc biệt là tâm huyết với nghề nghiệp. Định hướng này không chỉ nâng cao năng lực cá nhân mà còn thúc đẩy hiệu suất làm việc, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của tổ chức. Minh chứng cho cam kết này, trong năm 2025, Công ty đã triển khai thành công 66 khóa đào tạo chuyên sâu. Chương trình đã thu hút 575 nhân sự, trong đó có 43 cán bộ quản lý tham gia (một số cá nhân được đào tạo nhiều khóa chuyên môn khác nhau). Tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động đào tạo gần 700 triệu đồng, phản ánh sự đầu tư mạnh mẽ của Công ty vào phát triển nguồn nhân lực. Song song với công tác đào tạo, Công ty còn thực hiện chính sách điều động và bổ nhiệm nhân sự một cách linh hoạt và chiến lược, đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực để đáp ứng hiệu quả các yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển.



Tuyển dụng

2

Quy trình tuyển dụng được thực hiện một cách bài bản, minh bạch, dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự được phê duyệt hàng năm và tuân thủ quy định nội bộ của Công ty.



Môi trường công việc

3

Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, an toàn và thân thiện, thể hiện qua việc đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất từ Văn phòng đến các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc. Văn hóa doanh nghiệp được chú trọng phát triển thông qua đa dạng các hoạt động ngoại khóa và chương trình team building. Đây không đơn thuần là các hoạt động gắn kết, mà còn là nền tảng xây dựng tinh thần đồng đội, tạo nên môi trường làm việc năng động và tích cực. Qua đó, không chỉ tăng cường sự gắn bó giữa các thành viên mà còn thúc đẩy hiệu suất công việc và khơi dậy động lực cống hiến lâu dài cho đội ngũ nhân sự. Về công tác an toàn và bảo hộ lao động, năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng khi Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 và triển khai sâu rộng hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hóa chất (RC). Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này không chỉ đảm bảo môi trường làm việc an toàn mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động. Đặc biệt, tinh thần RC được xác định là kim chỉ nam trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, khẳng định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động và cộng đồng.

Chính sách nhân sự

Lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

4

Với phương châm "Con người là tài sản quý giá nhất", Ban Lãnh đạo Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách đãi ngộ và phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi tối ưu cho toàn thể CBCNV. Chúng tôi không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về Bảo hiểm Xã hội, chế độ lương thưởng, mà còn chủ động xây dựng các chương trình phúc lợi vượt trội theo Thỏa ước lao động tập thể và quy định riêng của Công ty. Năm 2025, Công ty đã duy trì ổn định việc làm cho 639 cán bộ quản lý, người lao động với chế độ phúc lợi đa dạng và tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân. Công ty thường xuyên rà soát và điều chỉnh chính sách lương thưởng theo hướng cạnh tranh với thị trường. Cơ chế này không chỉ đảm bảo thu nhập xứng đáng cho người lao động mà còn tạo động lực để họ yên tâm cống hiến và gắn bó lâu dài. Đặc biệt, chúng tôi áp dụng chế độ đãi ngộ đa tầng, bao gồm:

- Chương trình khen thưởng đặc biệt cho các cá nhân xuất sắc
- Hỗ trợ tài chính cho việc nâng cao trình độ chuyên môn
- Chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện
- Các hoạt động phong phú nâng cao đời sống tinh thần

Một điểm nổi bật trong chính sách nhân sự của Công ty là việc tổ chức thường niên Hội nghị Người lao động. Đây không chỉ là diễn đàn đối thoại mà còn là cơ hội để người lao động đóng góp ý kiến vào việc hoàn thiện Thỏa ước lao động tập thể. Qua đó, các chính sách phúc lợi được cập nhật và điều chỉnh linh hoạt, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp.

Thông qua hệ thống chính sách đãi ngộ toàn diện này, Công ty không chỉ xây dựng được môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn tạo nên sự gắn kết bền chặt với đội ngũ nhân sự. Điều này được xem là nền tảng quan trọng, thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng chung của cả tập thể Công ty trong tương lai.

Thu nhập bình quân người lao động năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng số lao động bình quân (người)	638	629	633
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16,87	18,58	19,76



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng

Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 được phê duyệt là 115.312 triệu đồng. Giá trị thực hiện trong năm 2025 đạt 70.643 triệu đồng, tương đương 61% so với kế hoạch. Trong năm, Công ty đã nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng 07 công trình, kịp thời đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng và năng lực sản xuất. Đối với các công trình còn lại, Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và kế hoạch đã được phê duyệt.

Giá trị đầu tư thực hiện năm 2025

70.643
triệu đồng

Thông tin về dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên dự án	Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Mục tiêu đầu tư	- Thực hiện chủ trương chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo định hướng của UBND tỉnh Đồng Nai; di dời các dây chuyền sản xuất hiện hữu của Công ty từ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, đồng thời đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồng bộ, hiện đại tại địa điểm mới nhằm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất lâu dài và phát triển bền vững. - Duy trì ổn định sản lượng cung ứng ra thị trường trong giai đoạn các nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Hóa chất Tân Bình 2 và Hóa chất Đồng Nai tạm dừng hoạt động để phục vụ công tác di dời, qua đó đảm bảo ổn định thị phần truyền thống của Công ty. - Tạo nền tảng cho Công ty mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng sản lượng, phát triển hoạt động sản xuất – kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ khi điều kiện thuận lợi.
Quy mô dự án	Quy mô công suất sản xuất các sản phẩm của dự án là 307.900 tấn sản phẩm/năm (quy đổi 100%).
Địa điểm thực hiện dự án	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai
Tổng mức đầu tư dự án	1.844 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Hoàn thành di dời 03 nhà máy khỏi KCN Biên Hòa 1; hoàn thành toàn bộ Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch vào tháng 12/2031; không phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động 50 năm kể từ ngày 10/02/2017.



Tình hình thực hiện dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch là dự án đầu tư trọng điểm của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được triển khai nhằm thực hiện chủ trương di dời các cơ sở sản xuất hiện hữu tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Dự án đồng thời hướng tới việc hình thành cơ sở sản xuất mới có quy mô đồng bộ, hiện đại tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty thông qua:

01

Nâng cao năng lực sản xuất

thông qua mở rộng không gian sản xuất và tối ưu dây chuyền, với quy mô công suất thiết kế 307.900 tấn sản phẩm/năm (quy đổi 100%), đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và định hướng mở rộng xuất khẩu.

02

Phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm

tập trung vào các sản phẩm hóa chất có giá trị gia tăng cao như hóa chất xử lý nước, phụ gia và các sản phẩm phục vụ nhu cầu công nghiệp – dân dụng, qua đó cải thiện biên lợi nhuận

03

Nâng cao công nghệ sản xuất

thông qua việc đầu tư các công nghệ hiện đại, góp phần tối ưu chi phí năng lượng và nguyên liệu, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm chủ lực.

04

Đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về môi trường

khi nhà máy mới được đầu tư và vận hành theo các tiêu chuẩn môi trường hiện đại, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh.

05

Cải thiện chuỗi cung ứng

nhờ vị trí thuận lợi của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, gần các cảng biển lớn và khu vực tập trung nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng, qua đó hỗ trợ Công ty tối ưu chi phí vận chuyển và nguyên vật liệu.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

 Tình hình thực hiện dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”

Trong năm 2025, Công ty đã tập trung triển khai các công việc của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch nhằm thực hiện di dời 03 nhà máy hiện hữu tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI. Các công việc chủ yếu đã và đang triển khai gồm:

- Phê duyệt Dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án và tổ chức khởi công xây dựng công trình theo đúng quy định.
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện toàn bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, đồng thời trình Công an tỉnh Đồng Nai thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định hiện hành.
- Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng đối với 11 gói thầu:
 - Gói thầu số 12: Thẩm tra dự toán các công việc tư vấn;
 - Gói thầu số 13: Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu tư vấn (gói thầu số 14, 15 và 16);
 - Gói thầu số 14: Tư vấn quản lý dự án;
 - Gói thầu số 15: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm BIM);
 - Gói thầu số 16: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình;
 - Gói thầu TV-02.01: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ;
 - Gói thầu TV-03: Khảo sát địa chất công trình giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công;
 - Gói thầu TV-04: Giám sát khảo sát địa chất công trình giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công;
 - Gói thầu XL-01: Thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ;
 - Gói thầu BH-01: Bảo hiểm xây dựng công trình;
 - Gói thầu TV-08: Lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500.



 Các công ty con, công ty liên kết

Trong chiến lược phát triển tổng thể, việc quản trị hiệu quả các khoản đầu tư tại công ty con được xác định là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Chúng tôi áp dụng mô hình quản trị đầu tư chặt chẽ, trong đó mọi quyết định đều được thẩm định kỹ lưỡng, đảm bảo tính đồng bộ với định hướng phát triển của Công ty mẹ và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.

Năm 2025, bộ phận chuyên trách đã triển khai hệ thống giám sát toàn diện, bao gồm:

- Theo dõi các chỉ số hoạt động then chốt
- Phân tích báo cáo tài chính và hoạt động định kỳ

Thông qua hệ thống giám sát này, Ban lãnh đạo có thể nhanh chóng nắm bắt tình hình hoạt động, kịp thời đưa ra các quyết định chiến lược, và triển khai các giải pháp cải thiện hiệu quả đầu tư. Đây là nền tảng quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của toàn hệ thống Công ty.

Tình hình hoạt động tại công ty con

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng tài sản	224.806	209.296	-6,90%
2	Doanh thu thuần	484.218	503.328	3,95%
3	Giá vốn hàng bán	387.798	406.101	4,72%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.718	6.104	64,18%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	29.629	29.779	0,51%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70.509	73.552	4,32%
7	Lợi nhuận khác	-15	138	-
8	Lợi nhuận trước thuế	70.494	73.690	4,53%
9	Lợi nhuận sau thuế	56.360	58.823	4,37%

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,98	4,80
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,83	3,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,23	16,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26,95	19,63
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,92	3,83
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,10	1,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	25,04	27,21
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	13,39	17,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,62	13,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,44	17,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,71	14,43

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2025	2024	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.058.704	1.858.998	10,74%
2	Doanh thu thuần	2.160.144	1.855.579	16,41%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	289.270	327.233	-11,60%
4	Lợi nhuận khác	3.866	1.060	264,72%
5	Lợi nhuận trước thuế	293.136	328.293	-10,71%
6	Lợi nhuận sau thuế	229.338	258.335	-11,22%

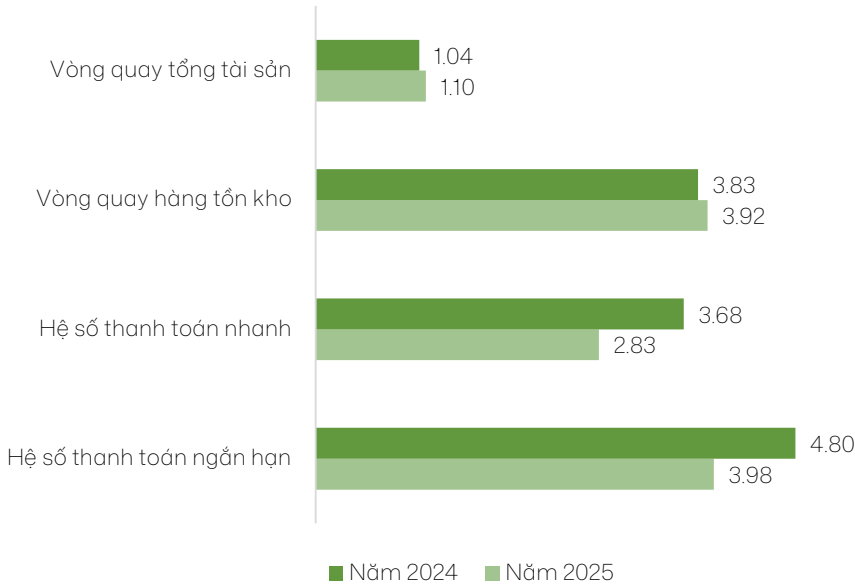


Tình hình tài chính

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty trong năm 2025 giảm so với năm 2024. Cụ thể, chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tại ngày 31/12/2025 lần lượt đạt 3,98 lần và 2,83 lần, giảm so với mức 4,80 lần và 3,68 lần vào thời điểm 31/12/2024. Diễn biến này phản ánh xu hướng gia tăng nợ ngắn hạn, đặc biệt là vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động.

Việc sử dụng vay ngắn hạn trong bối cảnh Công ty duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn ở mức cao cho thấy chiến lược điều hành dòng tiền linh hoạt, tận dụng nguồn vốn vay có chi phí hợp lý để tối ưu cấu trúc vốn, đồng thời vẫn đảm bảo khả năng thanh toán. Mặc dù các chỉ số thanh khoản giảm so với năm trước, các hệ số này vẫn duy trì trong ngưỡng an toàn và cao hơn mức trung bình ngành, phản ánh năng lực đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn của Công ty ở mức tốt.



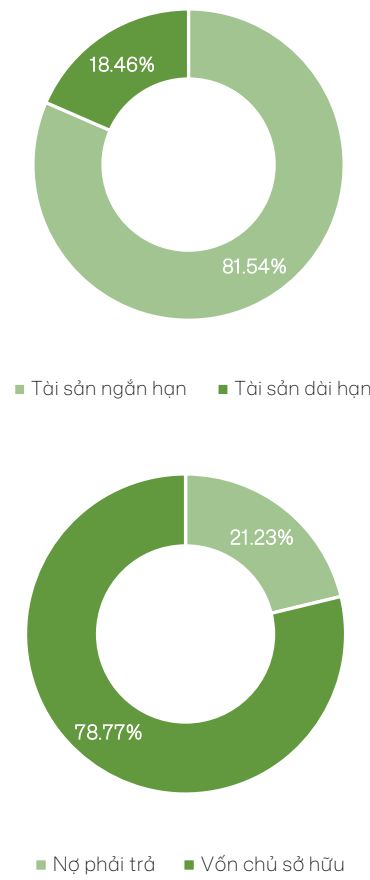
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, năng lực hoạt động của Công ty ghi nhận sự cải thiện thể hiện qua các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 3,83 lên 3,92 vòng, cho thấy hiệu quả quản lý tồn kho được cải thiện và khả năng duy trì tăng trưởng sản lượng bán hàng, dù Công ty vẫn đối mặt với khó khăn chung của thị trường cũng như rủi ro gián đoạn sản xuất trong giai đoạn di dời nhà máy. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản tăng từ 1,04 lên 1,10 vòng trong năm 2025, phản ánh hiệu quả sử dụng tổng tài sản được nâng cao. Kết quả này chủ yếu đến từ chiến lược điều hành linh hoạt của Ban lãnh đạo, thông qua việc điều chỉnh giá bán phù hợp với diễn biến thị trường và tối ưu hóa công suất sản xuất.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tăng từ 16,41% lên 21,23% và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 19,63% lên 26,95%, chủ yếu do Công ty gia tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Việc ưu tiên sử dụng vay ngắn hạn, bao gồm các khoản vay có điều kiện lãi suất ưu đãi, giúp Công ty tối ưu chi phí vốn, đồng thời duy trì tính linh hoạt trong điều hành tài chính.

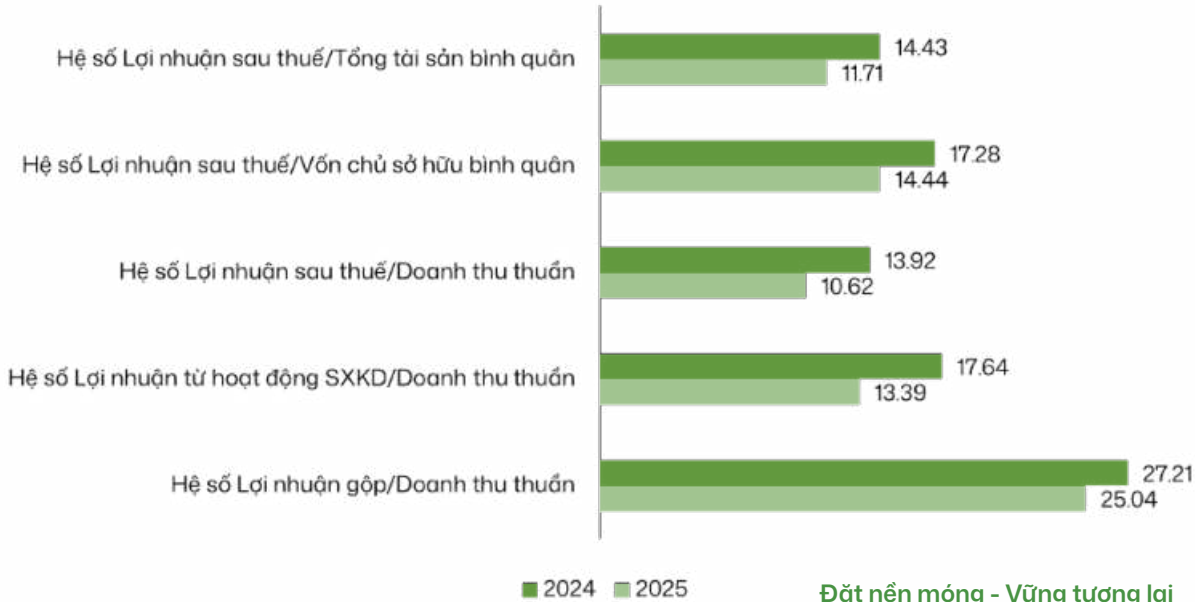
Về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm 81,54% tổng tài sản, trong đó tiền mặt, tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn chiếm 42,82%. Tỷ trọng này phản ánh năng lực thanh khoản tốt, tạo dư địa để Công ty chủ động trong sản xuất kinh doanh, dự trữ nguyên liệu và đảm bảo dòng tiền trong giai đoạn đầu tư. Công ty vẫn duy trì chính sách tài chính thận trọng với mức đòn bẩy thấp hơn trung bình ngành và nhất quán với định hướng đã được thông qua tại ĐHCĐ.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty trong năm 2025 giảm nhẹ so với 2024, phản ánh áp lực kìm hãm từ chi phí đầu vào tăng và giá bán một số sản phẩm chủ lực phục hồi chậm. Biên lợi nhuận gộp đạt 25,04%, thấp hơn mức 27,21% của năm 2024, chủ yếu do chi phí lưu huỳnh và giá điện tăng, cùng với việc Công ty chủ động nâng mức dự trữ nguyên vật liệu cũng như gia tăng hoạt động thương mại hóa để duy trì sản xuất ổn định trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư.

Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và biên lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận sự suy giảm, lần lượt đạt 13,39% và 10,62%, khi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng theo sản lượng tiêu thụ hoạt động mở rộng thị trường; đồng thời chi phí lãi vay gia tăng do Công ty tăng vay ngắn hạn để tài trợ đầu tư. Mặc dù vậy, ROE và ROA lần lượt đạt 14,44% và 11,71%, giảm so với năm trước nhưng vẫn cao hơn mức trung bình ngành, cho thấy Công ty duy trì hiệu quả trong quản lý vốn lưu động, lựa chọn dự án đầu tư và tối ưu hóa cơ cấu tài chính.



Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ của Công ty
1.104.999.100.000 đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
110.499.910 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
110.499.910 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Mệnh giá
10.000 đồng/cổ phiếu

Loại cổ phần
Cổ phiếu phổ thông



Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2025

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	71.827.500	65,00%	1	1	-
2	Công đoàn công ty	400.000	0,36%	1	1	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
4	Cổ đông khác	38.272.410	34,64%	7.346	33	7.313
-	Trong nước	37.536.962	33,97%	7.260	18	7.242
-	Nước ngoài	735.448	0,67%	86	15	71
TỔNG CỘNG		110.499.910	100,00%	7.348	35	7.313
Trong đó: - Trong nước		109.764.462	99,33%	7.262	20	7.242
- Nước ngoài		735.448	0,67 %	86	15	71

Căn cứ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp

Phân loại theo cổ đông lớn tại ngày31/12/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	71.827.500	65,00%
2	Cổ đông khác	38.672.410	35,00%
TỔNG CỘNG		110.499.910	100,00%

Căn cứ công văn số 6895/UBCK-PTTT ngày 01/11/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Cổ phần hóa	-	442.000.000.000	-	-
2	2024	662.999.100.000	1.104.999.100.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 1:1,5	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024; Công văn số 4423/UBCK-QLCB ngày 16/07/2024; Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 11 ngày 11/09/2024.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

Các chứng khoán khác:

Không có.



03

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững

Định hướng phát triển bền vững	78
Tác động lên môi trường	79
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	85
Chính sách liên quan đến người lao động	88
Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	89

Định hướng phát triển bền vững

“

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam khẳng định vai trò tiên phong trong xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh của ngành hóa chất, với cam kết mạnh mẽ về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Năm 2025 đánh dấu những bước tiến quan trọng trong chiến lược xanh hóa sản xuất thông qua việc hiện đại hóa công nghệ và tối ưu hóa quy trình, góp phần giảm đáng kể lượng phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

”



Phát triển kinh tế bền vững:

Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế.



Trách nhiệm môi trường:

Tiên phong trong ứng dụng công nghệ xanh và giải pháp giảm phát thải.



Phát triển cộng đồng:

Chú trọng các hoạt động an sinh xã hội và đồng hành cùng cộng đồng địa phương.

Với tầm nhìn dài hạn, Công ty tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xanh, tối ưu hóa quy trình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường. Mỗi sản phẩm và dây chuyền sản xuất đều được thiết kế nhằm tối thiểu hóa tác động sinh thái, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững và hài hòa với thiên nhiên.

Những nỗ lực này không chỉ thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp mà còn khẳng định vai trò tiên phong của Công ty trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia, đóng góp tích cực vào công cuộc chống biến đổi khí hậu và xây dựng tương lai xanh cho ngành hóa chất Việt Nam.

Tác động lên môi trường

Quản lý môi trường trong chuỗi giá trị không chỉ là việc tuân thủ quy định pháp luật mà còn phản ánh cam kết phát triển bền vững của Công ty. Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường trong mọi hoạt động kinh doanh, Công ty hướng tới bốn mục tiêu chiến lược:

1 Môi trường làm việc bền vững

Xây dựng không gian làm việc xanh, sạch thông qua kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường và áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người lao động và cộng đồng xung quanh.

2 An toàn và Sức khỏe

Thiết lập hệ thống quản lý an toàn toàn diện, từ quy trình sản xuất đến xử lý chất thải, nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động và cộng đồng địa phương.

3 Hiệu quả Kinh tế

Tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm thiểu rủi ro môi trường thông qua ứng dụng công nghệ sạch và quy trình sản xuất tiên tiến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh.

4 Uy tín Thương hiệu

Khẳng định vị thế doanh nghiệp có trách nhiệm thông qua việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt, tăng cường niềm tin từ khách hàng và đối tác chiến lược.

Những nỗ lực này không chỉ đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành hóa chất Việt Nam, khẳng định vai trò tiên phong của Công ty trong việc xây dựng mô hình sản xuất xanh và có trách nhiệm.



Tác động lên môi trường

Giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Nhận thức rõ tác động của phát thải khí nhà kính đối với môi trường và yêu cầu phát triển bền vững, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát phát thải, xây dựng chiến lược giảm thiểu và thay thế dần bằng các nguồn năng lượng sạch, đồng thời hợp tác với các đối tác trong chuỗi cung ứng để giảm thiểu tác động môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp tiên tiến nhằm kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ môi trường:

- Xác định phạm vi phát thải:** phân loại phát thải khí nhà kính theo 3 phạm vi
 - Phạm vi 1:** Phát thải trực tiếp từ việc sử dụng nhiên liệu trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.
 - Phạm vi 2:** Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ điện năng.
 - Phạm vi 3:** Phát thải từ chuỗi cung ứng và hoạt động bên ngoài.

- Thu thập và quản lý dữ liệu:** Công ty ban hành quy trình và hướng dẫn thu thập dữ liệu phát thải khí nhà kính, phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và nhất quán của số liệu.
 - Xây dựng mục tiêu và lộ trình giảm phát thải:** Thiết lập các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, phù hợp với điều kiện thực tế và có thời hạn rõ ràng.
- Triển khai các sáng kiến giảm phát thải:**
 - Công nghệ Sản xuất Xanh**
 - Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại với công nghệ phát thải thấp
 - Tối ưu hóa thu hồi và tái sử dụng nhiệt dư từ quá trình sản xuất
 - Nâng cấp hệ thống thu hồi nhiệt từ dây chuyền H₂SO₄, tích hợp vào mạng lưới năng lượng nội bộ
 - Kiểm soát Môi trường chặt chẽ**
 - Bảo trì định kỳ hệ thống xử lý nước thải và xử lý khí thải đảm bảo hiệu suất tối ưu
 - Thực hiện quan trắc môi trường thường xuyên tại các nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Đồng Nai và Tân Bình 2
 - Xây dựng và duy trì phương án ứng phó sự cố môi trường toàn diện
 - Nghiên cứu và Phát triển Bền vững**
 - Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm hóa chất thân thiện môi trường
 - Tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu chất thải
 - Ứng dụng công nghệ tái sử dụng nhiên liệu hiệu quả

Kết quả thực hiện trong năm 2025

Trong năm 2025, tổng lượng phát thải khí nhà kính của Công ty đạt 131.373 tCO₂e, bao gồm phát thải trực tiếp và gián tiếp. Trong đó, phát thải gián tiếp từ tiêu thụ điện năng chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 95,68%, phản ánh đặc thù hoạt động sản xuất có cường độ sử dụng điện cao. Kết quả kiểm kê là cơ sở quan trọng để Công ty tiếp tục theo dõi xu hướng phát thải và xây dựng các giải pháp giảm phát thải trong thời gian tới.

Tổng lượng phát thải khí nhà kính

131.373
tCO₂e

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu và năng lượng là hai yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào. Trong hoạt động sản xuất hóa chất cơ bản, Công ty sử dụng các nguyên vật liệu chính bao gồm muối công nghiệp (NaCl), lưu huỳnh (S), cát SiO₂, phốt pho vàng (P₄), quặng apatit, BaCl₂ và điện năng. Trong đó, một số nguyên liệu như cát SiO₂, phốt pho vàng, quặng apatit và điện được cung ứng trong nước, các nguyên vật liệu còn lại chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Đây là các loại nguyên vật liệu có tác động nhất định đến môi trường, đòi hỏi Công ty phải quản lý và sử dụng hiệu quả nhằm hạn chế ảnh hưởng đến đất đai, nguồn nước và không khí.

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Nhận thức rõ các tác động môi trường từ việc sử dụng nguyên vật liệu, Công ty triển khai các biện pháp quản lý theo hướng kiểm soát đầu vào, sử dụng hiệu quả và giảm thiểu phát sinh chất thải, cụ thể:

- Đánh giá và lựa chọn nguyên vật liệu đầu vào có chất lượng phù hợp, hàm lượng tạp chất và chất thải thấp, góp phần giảm phát thải trong quá trình sản xuất.
 - Duy trì nguồn cung ứng ổn định từ các nhà cung cấp uy tín trên thị trường; đồng thời, với lợi thế có công ty con sản xuất phốt pho, Công ty có điều kiện thuận lợi trong việc chủ động nguồn nguyên liệu và linh hoạt điều chỉnh thành phần nhằm kiểm soát hàm lượng chất thải phát sinh.
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động thông qua đào tạo, hướng dẫn sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm và hạn chế lãng phí trong sản xuất.
 - Ứng dụng công nghệ sạch và cải tiến quy trình sản xuất, hướng tới giảm tiêu hao nguyên vật liệu và hạn chế tác động môi trường.

Kết quả thực hiện trong năm 2025

Trong năm 2025, tổng khối lượng nguyên vật liệu thô được Công ty sử dụng đạt khoảng 120.859 tấn, phục vụ cho hoạt động sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản. Nguồn nguyên vật liệu được cung ứng chủ yếu từ các nhà cung cấp bên ngoài, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tính ổn định cho sản xuất. Do đặc thù công nghệ và tính chất hóa học của nguyên vật liệu đầu vào, Công ty hiện chưa sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong quá trình sản xuất.



Tác động lên môi trường

Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng không còn là một khẩu hiệu cổ động mà đã trở thành "mệnh lệnh" sống còn đối với nền kinh tế xanh. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã chủ động ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đồng thời tổ chức triển khai và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên về việc sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả trong toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Việc thực hiện được theo dõi và giám sát thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả và tính tuân thủ.

Trên cơ sở đó, Công ty đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ, triển khai chuyển đổi xanh và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, từng bước tối ưu hóa quy trình sản xuất. Các giải pháp này góp phần tiết kiệm năng lượng, tiết giảm chi phí, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao năng suất và giảm tiêu hao nguyên liệu, qua đó hạ giá thành sản phẩm và duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Song song với các giải pháp quản lý và kỹ thuật, Công ty chú trọng đầu tư trang thiết bị và công nghệ tiên tiến, có mức độ tự động hóa cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, hiệu quả và bền vững trong dài hạn.



Tiêu thụ nước, xử lý nước thải và chất thải

Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nền tảng cốt lõi cho sự sống, sức khỏe cộng đồng và sự phát triển kinh tế bền vững. Trước thách thức về môi trường ngày càng gia tăng, Công ty triển khai chiến lược quản lý nước toàn diện, kết hợp giữa tuân thủ pháp luật và trách nhiệm môi trường. Thông qua hợp tác với Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, chúng tôi đảm bảo nguồn cung nước ổn định, đồng thời áp dụng công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa sử dụng nước trong sản xuất.

Trong năm 2025, tổng lượng nước tiêu thụ của

Công ty đạt khoảng 589.035 m³, trong đó lượng nước thực tế sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt là 521.717 m³. Do đặc thù công nghệ và yêu cầu chất lượng trong sản xuất hóa chất, tỷ lệ nước được tái sử dụng trong năm đạt 2,22%, chủ yếu là nước được thu hồi trong một số công đoạn sản xuất. Đây là cơ sở để Công ty tiếp tục nghiên cứu các giải pháp cải tiến công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các giai đoạn tiếp theo.

Tổng lượng nước tiêu thụ

589.035 m³

Tỷ lệ nước được tái sử dụng

36,42%

Nguồn nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

STT	Nguồn nước cung cấp	Lượng nước sử dụng (m³)	Lượng nước tái sử dụng (m³)	Tỷ lệ tái sử dụng (%)
I	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2			
		CTCP Cấp nước Đồng Nai	63.024	0
II	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa			
		CTCP Cấp nước Đồng Nai	509.237	214.555
III	Nhà máy Hóa chất Đồng Nai			
		CTCP Cấp nước Đồng Nai	16.774	0

Tác động lên môi trường

Tiêu thụ nước, xử lý nước thải và chất thải

Xử lý nước thải

Công ty triển khai công tác xử lý nước thải theo hướng kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định pháp luật và giảm thiểu tác động đến môi trường. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, phân loại và đưa vào xử lý tập trung, đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả thải. Trong năm 2025, tổng lượng nước thải được xử lý đạt khoảng 35.817 m³. Công ty áp dụng các giải pháp quản lý và kỹ thuật như duy trì quy trình vận hành ổn định, giám sát thường xuyên chất lượng nước thải, kiểm soát các thông số môi trường trọng yếu và phối hợp với đơn vị chuyên môn có đủ năng lực để thực hiện xử lý theo đúng quy định.

Xử lý chất thải rắn

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về quản lý chất thải, triển khai đồng bộ các biện pháp phân loại, thu gom và xử lý chất thải đúng quy định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và từng bước tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn. Trong đó, chất thải rắn được phân loại tại nguồn và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Song song với đó, Công ty chú trọng nâng cao nhận thức của người lao động thông qua tuyên truyền, đào tạo về bảo vệ môi trường nước, đồng thời khuyến khích các sáng kiến tiết kiệm nước và hạn chế phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất và sinh hoạt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý môi trường một cách bền vững.

Tổng lượng nước thải được xử lý

35.817
m³

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty duy trì việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, đồng thời vận hành đồng bộ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, nhằm kiểm soát hiệu quả các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Các hệ thống xử lý nước thải và khí thải được bảo trì, kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo hoạt động ổn định và chất lượng phát thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của pháp luật hiện hành. Đối với chất thải rắn, Công ty thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn

và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Bên cạnh công tác tuân thủ, Công ty xây dựng và triển khai kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính, thông qua các giải pháp như tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng, tái sử dụng nhiệt dư từ các phản ứng hóa học cho các công đoạn sản xuất khác. Đồng thời, Công ty đã hoàn thành kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo đúng lộ trình quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.



Chính sách liên quan đến người lao động

Với quan điểm lấy con người làm trung tâm, Công ty không ngừng hoàn thiện các chính sách liên quan đến người lao động nhằm tạo dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và gắn kết, qua đó phát huy năng lực, nâng cao hiệu quả làm việc và xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định, bền vững.

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi và bảo đảm sức khỏe người lao động

Trong năm 2025, Công ty duy trì quy mô lao động ổn định với tổng số lao động bình quân là 633 người (không bao gồm lao động tại công ty con – Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam). Thu nhập bình quân thực hiện đạt 19,76 triệu đồng/người/tháng, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty và Thỏa ước lao động tập thể, bao gồm: BHXH, BHYT, BHTN; chế độ thi nâng bậc, nâng lương; tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp; tiền ăn trưa; tặng quà sinh nhật; khám sức khỏe định kỳ; nghỉ mát và nghỉ dưỡng sức. Các chính sách này được triển khai thống nhất, minh bạch và bảo đảm quyền lợi chính đáng cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty duy trì gói bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cho người lao động với tổng giá trị 2 tỷ đồng, nhằm hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh và phòng ngừa các rủi ro, tai nạn liên quan đến sức khỏe. Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện để người lao động được hưởng các chính sách phúc lợi phù hợp, góp phần nâng cao đời sống, thúc đẩy tinh thần làm việc, tăng cường sự gắn bó lâu dài và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

Tổ chức Công đoàn Công ty tiếp tục phát huy vai trò chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Trong năm 2025, Công đoàn đã triển khai Tháng Công nhân, khen thưởng 11 công nhân lao động tiêu biểu, tặng quà cho 40 công nhân lao động có thâm niên lâu năm; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán; tổ chức họp mặt kỷ niệm 115 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và khen thưởng nữ lao động đạt danh hiệu “Phụ nữ hai giỏi”. Đồng thời, Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức Hội nghị đại biểu người lao động năm 2025 và Hội nghị tuyên dương điển hình tiên tiến giai đoạn 2020–2024, qua đó tuyên dương 03 tập thể và 60 cá nhân tiêu biểu. Trong năm, Công đoàn Công ty cũng đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu Công đoàn Công ty lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2025–2030.

Thu nhập bình quân thực hiện

19,76
triệu đồng/người/tháng

“

An toàn để sản xuất
Sản xuất phải an toàn

”

Hoạt động đảm bảo an toàn lao động

Hoạt động trong lĩnh vực hóa chất với đặc thù sử dụng nhiều thiết bị, máy móc và tiềm ẩn rủi ro về an toàn, Công ty xác định bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro và bảo vệ an toàn cho CBCNV thông qua:

- Thực hiện kiểm tra định kỳ tại các nhà máy để phát hiện và khắc phục kịp thời các nguy cơ mất an toàn, đồng thời lắp đặt thêm các thiết bị cảm biến, thiết bị cảnh báo sớm các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao.
- Tổ chức quan trắc môi trường lao động định kỳ và thực hiện kiểm định định kỳ đối với các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện diễn tập ứng phó sự cố hóa chất, môi trường tại các nhà máy theo đúng quy định.
- Tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu y tế và quy trình ứng phó sự cố.
- Tiếp tục triển khai và nâng cao hệ thống quản lý an toàn lao động theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt cá quy định của pháp luật và tiêu chuẩn an toàn trong lĩnh vực hóa chất.

Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao ý thức về an toàn, vệ sinh lao động, Công ty đã ban hành Văn bản số 77/HCCB-ATMT ngày 13/01/2025 về việc triển khai Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 với chủ đề: “Tăng cường đánh giá, nhận diện nguy cơ, rủi ro và chủ động triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc”.

Nhìn chung, trong năm 2025, công tác ATVSLĐ, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường tại Công ty được thực hiện ổn định và hiệu quả, không xảy ra tai nạn lao động hay sự cố nghiêm trọng, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh an toàn và bền vững.



Hoạt động đào tạo người lao động

“ Công ty xác định phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc và bảo đảm lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho người lao động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, bao gồm đào tạo tại chỗ cho nhân sự mới tuyển dụng, nhân sự thử việc, đồng thời đào tạo phát triển nghề nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ nhân sự kế thừa.



Nội dung các chương trình chủ yếu hướng đến:

- Đào tạo kỹ năng chuyên môn cho công nhân và nhân viên kỹ thuật về các nội dung như: cách vận hành và bảo trì hệ thống máy móc, thiết bị sản xuất hóa chất; quy trình sản xuất các loại hóa chất cơ bản; quản lý tồn kho nguyên vật liệu và sản phẩm hóa chất, cách bảo quản và vận chuyển an toàn; ứng dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất theo quy định ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018.
 - Đào tạo về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp cho toàn bộ CBCNV, bao gồm: nhận diện rủi ro và biện pháp phòng ngừa trong quá trình sản xuất; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân và xử lý khi tiếp xúc với các loại hóa chất; đào tạo về PCCC, diễn tập thoát hiểm trong trường hợp khẩn cấp; kỹ năng sơ cứu y tế, xử lý tai nạn lao động tại nhà máy.
 - Đào tạo về ứng dụng công nghệ và cải tiến quy trình cho toàn bộ CBCNV, bao gồm: ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và vận hành nhà máy; sử dụng phần giám sát hệ thống, theo dõi quy trình sản xuất; kỹ thuật xử lý sự cố môi trường, sự cố hóa chất theo quy định.
- Song song với công tác đào tạo chuyên môn, Đoàn Thanh niên Công ty tích cực triển khai các

hoạt động tuyên truyền, giáo dục và phong trào thi đua, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng mềm và tinh thần trách nhiệm cho đoàn viên, người lao động. Trong năm 2025, Đoàn Thanh niên đã tham gia và tổ chức nhiều hoạt động như phong trào thi đua lao động sáng tạo, bảo vệ môi trường; chương trình tình nguyện mùa Đông tại huyện Mường La (tỉnh Sơn La); chương trình về nguồn, Tháng Thanh niên, Tết Trồng cây 2025; các hoạt động kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đồng thời, Đoàn Thanh niên phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động dành cho con em người lao động nhân Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Công ty lần thứ X, nhiệm kỳ 2025–2030.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

“ Với định hướng phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội, Công ty luôn chú trọng thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương, ứng phó khẩn cấp trước thiên tai và đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội, qua đó góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, nhân văn và bền vững.



Hỗ trợ cộng đồng địa phương và ứng phó khẩn cấp, thiên tai

- Trong năm 2025, Công đoàn Công ty đã tích cực triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội thiết thực, huy động sự tham gia của cán bộ quản lý và người lao động nhằm kịp thời hỗ trợ cộng đồng chịu ảnh hưởng bởi thiên tai và các hoàn cảnh khó khăn. Cụ thể:
- Vận động cán bộ quản lý, người lao động đóng góp 01 ngày lương để ủng hộ Quỹ An sinh xã hội Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 10, đồng thời hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, với tổng số tiền 481.176.800 đồng.
 - Quyên góp nhu yếu phẩm và quần áo để hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi lũ lụt tại các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng thời đóng góp kinh phí thông qua Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Ủng hộ 13.000 kg Cloramine B nhằm hỗ trợ công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh và khắc phục hậu quả sau bão, góp phần cùng chính quyền địa phương ổn định đời sống người dân.

Đóng góp cho phát triển bền vững cộng đồng

Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ khẩn cấp, Công ty còn tích cực đồng hành cùng các chương trình xã hội mang ý nghĩa lâu dài. Tháng 02/2025, Công ty đã tài trợ 54.000.000 đồng cho giải chạy Marathon “Tự hào Tổ quốc tôi” lần thứ 2 do Báo Người Lao Động tổ chức, góp phần lan tỏa tinh thần đoàn kết, rèn luyện sức khỏe và nâng cao ý thức cộng đồng.

Thông qua các hoạt động trên, Công ty thể hiện cam kết đồng hành cùng cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa hiệu quả sản xuất – kinh doanh và trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng nhân văn và tốt đẹp hơn.

04

Đánh Giá Của Ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	92
Tình hình tài chính	94
Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	96
Kế hoạch phát triển năm 2026	100

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025 tiếp tục là một giai đoạn nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu, khi các chính sách bảo hộ thương mại, thuế quan và căng thẳng địa chính trị gia tăng, tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại và dòng vốn đầu tư quốc tế. Mặc dù lạm phát có xu hướng hạ nhiệt và nhiều ngân hàng trung ương lớn bắt đầu chu kỳ giảm lãi suất một cách thận trọng, mức độ phục hồi của sản xuất – kinh doanh trên phạm vi toàn cầu vẫn còn hạn chế.

Trong nước, doanh nghiệp chịu thách thức kép từ môi trường bên ngoài bất định và áp lực cạnh tranh gay gắt từ hàng hóa nhập khẩu. Điều kiện kinh doanh kém thuận lợi khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ và mở rộng thị phần.

Khó khăn

Về tình hình kinh doanh, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như:

- Giá bán các sản phẩm NaOH, HCl trên thị trường liên tục giảm tạo sức ép cho kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Giá NaOH trên thị trường thế giới liên tục giảm mạnh do cung vượt cầu, có thời điểm giá bán thấp hơn giá thành sản xuất. Tình hình tồn kho HCl và PAC cao, do giá bán HCl hiện nay rất thấp chỉ vài trăm nghìn đồng/tấn (thấp hơn so với giá thành), PAC bột giá bán trên thị trường cũng rất cạnh tranh. Các sản phẩm của Công ty như Clo lỏng, HCl, PAC, H₂SO₄... chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng nhập khẩu giá rẻ và các công ty sản xuất trong nước, nên phải thường xuyên cập nhật và điều chỉnh giảm giá.
- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Dù rủi ro về thuế quan đã phần nào hạ nhiệt khi nhiều quốc gia đạt được thỏa thuận thương mại với Mỹ, thỏa thuận Mỹ - Trung chỉ có hiệu lực trong thời hạn một năm, tạo dư địa cho các bất ổn thương mại có thể quay trở lại bất kỳ lúc nào trong nhiệm kỳ hiện tại của chính quyền Mỹ. Bối cảnh này làm suy giảm niềm tin tiêu dùng và phần nào hạn chế nhu cầu đối với các sản phẩm hóa chất cơ bản của Công ty.
- Hiện nay, do sức ép cắt giảm chi phí sản xuất nên hầu hết các công ty tìm kiếm các nguồn nguyên liệu giá rẻ chất lượng thấp hơn sản phẩm của Công ty sản xuất, vì vậy bên cạnh việc cạnh tranh thị phần, các sản phẩm của Công ty liên tục bị cạnh tranh về giá bán.
- Giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư dùng trong sản xuất có chiều hướng tăng cao, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá vốn hàng bán.
- Việc ban hành và siết chặt các quy định trong Luật Hóa chất mới làm gia tăng chi phí tuân thủ và yêu cầu pháp lý

Thuận lợi

Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có những thuận lợi như:

- Ban Lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Các sản phẩm của Công ty sản xuất đều có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu khác nhau của khách hàng, chính sách giá và chính sách bán hàng phù hợp nên Công ty luôn duy trì được một lượng khách hàng ổn định.
- Công ty có đội ngũ cán bộ có kỹ năng chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến. Chính đội ngũ lao động này đã đóng góp vào tăng trưởng của Công ty trong những năm qua.
- Công tác duy tu, sửa chữa được chú trọng đảm bảo ổn định công suất các dây chuyền sản xuất.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	1.678.566	81,54%	1.464.037	78,75%	14,65%
Tài sản dài hạn	380.138	18,46%	394.961	21,25%	-3,75%
Tổng tài sản	2.058.704	100,00%	1.858.998	100,00%	10,74%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 2.059 tỷ đồng, tăng 10,74% so với năm 2024, phản ánh xu hướng tăng trưởng ổn định. Cơ cấu tài sản tiếp tục nghiêng về tài sản ngắn hạn, chiếm 81,54% tổng tài sản, tăng so với năm trước, trong khi tỷ trọng tài sản dài hạn giảm xuống 18,46% so với mức tỷ trọng 21,25% năm 2024. Sự dịch chuyển này phù hợp với chiến lược tăng cường vốn lưu động và duy trì nền tảng thanh khoản cao trong bối cảnh Công ty triển khai các dự án đầu tư trọng điểm. Tại thời điểm 31/12/2025, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.679 tỷ đồng, tăng 14,65% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản phải thu khách hàng, phản ánh

việc Công ty mở rộng quy mô bán hàng và sản lượng tiêu thụ, cùng với việc hàng tồn kho tăng do Công ty chủ động dự trữ nguyên vật liệu nhằm ổn định giá thành sản xuất và đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục trong giai đoạn di dời nhà máy. Tài sản dài hạn của Công ty tại 31/12/2025 đạt 380 tỷ đồng, chiếm 18,46% tổng tài sản và giảm 3,75% so với năm 2024. Cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn chiếm tỷ trọng 80,87%, đây là khoản tiền thuê đất và hạ tầng tại KCN Nhơn Trạch với thời hạn đến năm 2055. Mặc dù phần lớn tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn duy trì hiệu quả trong vận hành, phản ánh chính sách quản lý và bảo trì tài sản hiệu quả của doanh nghiệp.

Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	437.085	21,23%	304.982	16,41%	43,32%
- Nợ ngắn hạn	421.334	96,40%	304.982	100,00%	38,15%
- Nợ dài hạn	15.752	3,60%	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.621.619	78,77%	1.554.016	83,59%	4,35%
Tổng nguồn vốn	2.058.704	100,00%	1.858.998	100,00%	10,74%

Tình hình nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại 31/12/2025 đạt 2.059 tỷ đồng, tăng 10,74% so với năm 2024, với cơ cấu tài chính ổn định và thận trọng. Vốn chủ sở hữu tiếp tục duy trì vị thế chủ đạo, chiếm 78,77% tương đương 1.622 tỷ đồng, tăng 4,35% so với cùng thời điểm cuối năm, trong khi nợ phải trả chiếm tỷ trọng 21,23% đạt 437 tỷ đồng, tăng 43,32% so với cùng thời điểm cuối năm, tuy nhiên tỉ lệ đòn bẩy vẫn ở mức thấp hơn trung bình ngành.

Cơ cấu nợ phải trả của Công ty thể hiện tính linh hoạt khi tập trung hầu hết ở nợ ngắn hạn, chủ yếu từ nhà cung cấp và các khoản vay ngân hàng trong nước. Công ty không có nợ vay dài hạn phản ánh chính sách tài chính độc lập và khả năng tự chủ cao trong hoạt động kinh doanh. Cơ cấu nguồn vốn này thể hiện sự cân bằng hợp lý giữa an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Đánh giá chi tiết tác động của lãi vay và chênh lệch tỷ giá

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/giảm
Lãi tiền gửi	36.948	27.493	34,39%
Chi phí lãi vay	6.457	2.377	171,64%
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.794	2.622	120,98%
Lỗ chênh lệch tỷ giá	778	486	60,08%

Lãi tiền gửi trong năm 2025 đạt 37 tỷ đồng, tăng 34,39% so với năm 2024 nhờ quy mô tiền gửi ngắn hạn duy trì ở mức cao và mặt bằng lãi suất tăng so với năm 2024. Ở chiều ngược lại, chi phí lãi vay tăng lên 4 tỷ đồng, tương ứng tăng 171,64% so với cùng kỳ, chủ yếu do Công ty gia tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Mặc dù chi phí lãi vay tăng, mức chi phí này vẫn ở quy mô thấp so với tổng doanh thu và được bù đắp một phần bởi thu nhập từ tiền gửi.

Về ảnh hưởng tỷ giá, Công ty ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá ở mức 5,8 tỷ đồng, tăng 120,98% so với cùng kỳ, trong khi lỗ tỷ giá cũng tăng thêm 292 triệu đồng, tăng 60,08% so với năm 2024. Nhìn chung, rủi ro tỷ giá vẫn được kiểm soát tốt, đóng góp tích cực vào doanh thu tài chính. Nhờ đó, lợi nhuận tài chính năm 2025 đạt 36 tỷ đồng, tăng 30,28% so với năm 2024 và đóng góp 12,11% vào lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn diện, với tầm nhìn xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo được thiết kế đa chiều và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu phát triển của từng nhóm đối tượng, đồng thời hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

- **Về đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty triển khai đồng bộ các chương trình từ đào tạo hội nhập cho nhân sự mới đến nâng cao chuyên môn theo vị trí công việc. Đặc biệt chú trọng tổ chức hội thảo chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm và chương trình mentoring kết hợp đào tạo thực tế, giúp cán bộ nhân viên không ngừng cập nhật kiến thức, xu hướng công nghệ và thực tiễn ngành.
- **Về phát triển kỹ năng mềm:** Công ty tập trung đào tạo các kỹ năng thiết yếu như lãnh đạo và quản lý cho cán bộ các cấp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán. Đồng thời, chú trọng phát triển khả năng làm việc nhóm, xử lý tình huống và tư duy đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường kinh doanh hiện đại.
- **Về hỗ trợ phát triển cá nhân:** Công ty xây dựng môi trường học tập đa dạng. Song song đó, tích cực hỗ trợ cán bộ nhân viên tham gia các khóa học chuyên đề bên ngoài, thiết lập lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng và gắn kết chặt chẽ kết quả đào tạo với cơ hội thăng tiến và chính sách đãi ngộ.

Công ty không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn xây dựng văn hóa học tập tích cực, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong thời đại số và hội nhập quốc tế.

Môi trường làm việc

Công ty ưu tiên xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện, hướng đến sự phát triển toàn diện của người lao động. Cụ thể:

- **Tại Khối Văn phòng:** Công ty đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất hiện đại, từ không gian làm việc được thiết kế khoa học đến trang thiết bị công nghệ và tiện ích văn phòng. Các khu vực chung được bố trí hợp lý, tạo môi trường làm việc thoải mái và hiệu quả, thúc đẩy sự sáng tạo và tương tác giữa các thành viên.
- **Tại Khối Sản xuất:** Hệ thống nhà xưởng được vận hành theo tiêu chuẩn công nghiệp hiện đại với điều kiện làm việc tối ưu về ánh sáng, thông gió và nhiệt độ. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ chất lượng cao, kết hợp đào tạo thường xuyên về an toàn lao động và quy trình vận hành, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất.
- **Về An toàn và Sức khỏe:** Công ty triển khai nghiêm ngặt các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn và y tế tại chỗ. Thường xuyên đánh giá và cải thiện điều kiện làm việc, tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và chuyên nghiệp.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Lương, thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc chi trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên. Công ty xây dựng và áp dụng đa dạng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi nhằm động viên người lao động, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân và tập thể. Các chế độ đãi ngộ, phúc lợi bao gồm:

- Lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả công việc.
- Thưởng lễ, tết, thưởng thâm niên,...
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...
- Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhóm, khám sức khỏe định kỳ,...
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản,...
- Chế độ hỗ trợ ăn sáng, ăn trưa, đi lại,...
- Chế độ đào tạo, phát triển, thăng tiến,...



Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài với tập thể và duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

Đánh giá công tác nhân sự

Công ty đã xây dựng và triển khai thành công hệ thống chính sách nhân sự toàn diện, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một doanh nghiệp hiện đại. Để nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự, Công ty xác định các trọng tâm cải tiến sau:

- **Về Chiến lược Đào tạo:** Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp chi tiết cho từng vị trí, với các mốc đánh giá và mục tiêu đào tạo cụ thể. Thiết kế chương trình đào tạo chuyên biệt theo năng lực và tiềm năng của từng nhóm nhân sự, kết hợp đánh giá định kỳ để đảm bảo hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế cận.
- **Về Văn hóa Doanh nghiệp:** Đa dạng hóa các hoạt động gắn kết nội bộ thông qua việc tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao và teambuilding định kỳ. Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện, tăng cường sự gắn kết và tinh thần đồng đội giữa các thành viên.
- **Về Chính sách Đãi ngộ:** Thực hiện nghiên cứu thị trường chuyên sâu để xây dựng hệ thống lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh. Phát triển các chương trình đãi ngộ đặc biệt cho nhân tài và những vị trí then chốt, đảm bảo thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Về chất lượng sản phẩm

- Hiện nay công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện tại các Phòng thí nghiệm của các nhà máy trực thuộc Công ty. Trong đó có Phòng thí nghiệm của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa đã được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025:2017 – Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- Các hệ thống quản lý đang áp dụng tại các đơn vị Nhà máy trực thuộc Công ty như ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 50001:2018, ISO 17025:2017, PAS 99:2012, giấy chứng nhận HALAL, KOSHER, chứng nhận NSF cho sản

phẩm PAC 10% HB, sản phẩm PAC 31% bột và PAC 30% HB bột dùng trong xử lý nước uống.

- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018, HACCP.



Về công tác quản lý kỹ thuật

Tổ chức sản xuất

Công ty đã thực hiện việc theo dõi, kiểm soát hoạt động sản xuất của các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị đảm bảo luôn hoạt động trong tình trạng ổn định, đáp ứng yêu cầu sản lượng, chất lượng sản phẩm. Cụ thể, Công ty đã triển khai các hoạt động sau:

- Xây dựng và triển khai các quy trình, quy định về quản lý sản xuất, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn.

Quản lý định mức và chất lượng sản phẩm

Công tác quản lý định mức và chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên và liên tục. Trong thời gian qua, định mức và chất lượng sản phẩm luôn được xây dựng, rà soát và điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của từng dây

- Tổ chức các đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên chuyên trách về sản xuất, nhằm thực hiện việc theo dõi, kiểm soát hoạt động sản xuất của các dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị.
- Trang bị các thiết bị, công cụ kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, nhằm đảm bảo sản phẩm được sản xuất ra đạt chất lượng theo yêu cầu.

chuyển sản xuất. Đồng thời, Công ty chú trọng đẩy mạnh các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc và tăng cường năng lực cạnh tranh

Kế hoạch phát triển năm 2026

Nhận định tình hình năm 2026

Khó khăn

- Kinh tế thế giới 2026 còn bất ổn bởi căng thẳng địa chính trị và thương mại; nhu cầu hóa chất cơ bản phục hồi chậm, không đồng đều giữa các thị trường, gây áp lực lên đơn hàng và giá bán của doanh nghiệp trong nước.
- Thị trường Trung Quốc duy trì tình trạng dư cung khiến giá NaOH, HCl, H₂SO₄, Phốt pho vàng tiếp tục ở mức thấp; hàng nhập khẩu vào Việt Nam biến động mạnh và gây sức ép cạnh tranh lên sản phẩm trong nước.
- Các đối thủ trong nước liên tiếp mở rộng nâng công suất, từ đó cạnh tranh về giá bán cũng như thị phần bị chia sẻ đặc biệt là NaOH, PAC, Clo..
- Xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do cạnh tranh gay gắt với hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc.
- Chi phí đầu vào chịu áp lực khi nguồn nguyên liệu trong nước khan hiếm, doanh nghiệp phải phụ thuộc vào nhập khẩu, khiến giá thành biến động theo thị trường quốc tế.
- Giá muối công nghiệp chịu ràng buộc hạn ngạch nhập khẩu, trong khi nguồn quặng apatit chất lượng thấp tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động của công ty con.
- Giá điện, giá dầu và một số yếu tố đầu vào khác duy trì ở mức cao, tác động đến giá thành sản xuất và khả năng cạnh tranh.
- Nhu cầu tiêu dùng phục hồi nhưng chưa trở lại mức trước dịch; một số ngành hạ nguồn tăng trưởng chậm khiến nhu cầu tiêu thụ bị ảnh hưởng; nhu cầu Silicate sử dụng trong sản xuất bột giặt của Công ty giảm từ 30% đến 40%.
- Công ty phải đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị hiện hữu trong khi triển khai dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, dẫn đến áp lực về nguồn lực, nhân sự và chi phí đầu tư.
- Lãi suất vay ngân hàng cũng có xu hướng tăng lên, có khả năng tác động đến chi phí đầu tư tại Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

Thuận lợi

- Các chính sách vĩ mô trong kiểm soát và đem lại kết quả tốt.
- Nguồn cung các nguyên vật liệu chính của Công ty như muối công nghiệp, lưu huỳnh,... được duy trì ổn định, chất lượng phù hợp. Công ty luôn theo sát tình hình giá vật tư, nguyên vật liệu để có mức giá nhập kho hợp lý, hiệu quả, có lợi cho khâu sản xuất của Công ty. Đồng thời Công ty luôn dự trữ, theo dõi mức tồn kho hợp lý, đảm bảo nguồn nguyên liệu kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Ban Lãnh đạo luôn sâu sát, quan tâm, theo dõi, kịp thời đề xuất những giải pháp điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh trước những khó khăn về cạnh tranh thương mại và các yếu tố tác động từ nền kinh tế, nhằm mục tiêu duy trì mức tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Các sản phẩm của Công ty sản xuất đều có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu khác nhau của khách hàng, chính sách giá và chính sách bán hàng phù hợp nên Công ty luôn duy trì được một lượng khách hàng ổn định.
- Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng hiện có để giữ được thị phần ổn định trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh gay gắt về giá, Công ty luôn chủ động tìm kiếm các khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng tệp khách hàng, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Công ty có đội ngũ cán bộ có kỹ năng chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến. Chính đội ngũ lao động này đã đóng góp vào tăng trưởng của Công ty trong những năm qua.
- Công tác duy tu, sửa chữa được chú trọng đảm bảo ổn định công suất các dây chuyền sản xuất.

Kế hoạch phát triển năm 2026

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
Doanh thu thuần hợp nhất	2.160.144	2.103.988
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	229.338	714

Giải pháp thực hiện kế hoạch

Giải pháp về tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- 1
- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và phân bổ nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu triển khai dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
 - Tăng cường tuyển dụng đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực và được đào tạo kỹ lưỡng nhằm tập trung triển khai dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.
 - Tổ chức đào tạo thực địa cho đội ngũ kỹ sư trẻ tại Nhà máy và dây chuyền sản xuất; đồng thời triển khai đào tạo theo lộ trình cho các bộ phận và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo bên ngoài khi cần thiết.

Giải pháp về quản lý điều hành

- 2
- Cập nhật và sửa đổi các quy chế nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; trong năm 2025, Công ty đã điều chỉnh các quy chế về lao động và tiền lương cho phù hợp quy định, và sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật các quy chế còn lại trong năm 2026.
 - Ứng dụng chuyển đổi số bằng cách nhân rộng các nền tảng công nghệ Base trong quản lý cơ sở dữ liệu tập trung, quản lý dữ liệu đám mây và theo dõi tiến độ công việc, đặc biệt đối với dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, nhằm tối ưu hiệu suất và hỗ trợ công tác quản trị của Ban lãnh đạo.

Giải pháp về sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng

- 3
- Theo dõi sát giá thị trường đối với NaOH, HCl, PAC và các sản phẩm khác để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.
 - Rà soát thường xuyên giá bán sản và theo dõi biến động giá của các đối thủ tại khu vực miền Nam.
 - Đẩy mạnh tiêu thụ NaOH khi giá bán có xu hướng tăng và điều chỉnh giảm giá khi cần thiết nhằm giữ thị phần và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm gốc Clo.
 - Cân đối sản xuất PAC bột trong trường hợp HCl chịu cạnh tranh gay gắt, đặc biệt vào mùa mưa khi nhu cầu thị trường tăng.
 - Tăng cường cung ứng sản phẩm cho các đơn vị thành viên trong Tập đoàn và các đối tác .
 - Đa dạng hóa các sản phẩm hiện hữu theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nồng độ và chất lượng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
 - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cũng như nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện hữu nhằm mở rộng thị trường và cân bằng tiêu thụ Xút-Clo, như silica cho ngành cao su, nhựa và H₂SO₄ chất lượng cao.
 - Tăng cường truyền thông và quảng cáo thông qua các kênh truyền thống như báo, tạp chí và các chương trình tài trợ cộng đồng.
 - Đẩy mạnh quảng bá qua các kênh điện tử như website và mạng xã hội để tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn.
 - Phối hợp với đối tác trong việc thực hiện TVC và bộ nhận diện thương hiệu mới nhằm nâng cao hình ảnh Công ty trên thị trường.
 - Giữ vững quan hệ với khách hàng hiện hữu thông qua công tác dịch vụ sau bán hàng và các chính sách thương mại phù hợp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về giá trên thị trường.
 - Tập trung chỉ đạo triển khai thành công dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có



05

Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	106
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	108
Kế hoạch và định hướng năm 2026	109



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bối cảnh Kinh tế Toàn cầu

Những tháng đầu năm 2025 ghi nhận nhiều diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu khi căng thẳng địa chính trị, xung đột khu vực và các biện pháp bảo hộ thương mại gia tăng. Những yếu tố này đã tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất quốc tế. Thêm vào đó, các hiện tượng thời tiết cực đoan và thiên tai đã gây ảnh hưởng đáng kể đến phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, nền kinh tế thế giới vẫn xuất hiện những tín hiệu cải thiện khi thương mại hàng hóa dần phục hồi, lạm phát hạ nhiệt và điều kiện tài chính được nới lỏng thận trọng tại nhiều quốc gia. Những yếu tố này góp phần tạo môi trường hỗ trợ hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dù tốc độ phục hồi vẫn chậm và không đồng đều giữa các ngành và khu vực.

Thị trường Trong nước

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong nước ghi nhận xu hướng phục hồi trong năm 2025, qua đó hỗ trợ duy trì sản lượng tiêu thụ các sản phẩm hóa chất cơ bản của Công ty. Tuy nhiên, giá bán vẫn chịu áp lực đáng kể do cạnh tranh gay gắt. Giai đoạn cuối năm, nhu cầu tiêu dùng cải thiện, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán, góp phần thúc đẩy thương mại và sản xuất, tạo thêm động lực cho hoạt động kinh doanh.

Kết quả Kinh doanh của Công ty

Trước những thuận lợi và khó khăn đan xen của nền kinh tế thị trường trong năm, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Lãnh đạo Công ty luôn sâu sát, nghiên cứu áp dụng các chính sách bán hàng phù hợp nhằm ổn định hoạt động sản xuất, tối ưu hóa lợi nhuận. Công ty đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trong năm 2025. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 2.160 tỷ đồng, tăng 16,41% so với năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 229 tỷ đồng, giảm 11,22% so với năm trước.



Hoạt động tổ chức sản xuất

Các dây chuyền sản xuất Xút-Clo và axit của Công ty được trang bị công nghệ hiện đại từ các nhà cung cấp uy tín thuộc khu vực châu Âu/G7, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật cao và độ ổn định trong vận hành. Nhờ công nghệ tiên tiến, các sản phẩm chủ lực như NaOH, HCl, H₂SO₄ và các sản phẩm liên quan luôn đạt chất lượng ổn định, vượt qua các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các ngành thực phẩm, hóa dược, điện tử... Qua đó, Công ty duy trì được uy tín và sự tin cậy của nhóm khách hàng có yêu cầu chất lượng cao. Song song với việc vận hành ổn định, Công ty liên

tục triển khai các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tối ưu hóa quy trình. Những nỗ lực này góp phần tăng năng suất, giảm tiêu hao nguyên liệu, tối ưu chi phí sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Đồng thời, các hoạt động cải tiến còn giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, bảo đảm an toàn vận hành, giảm phát thải ra môi trường và cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Trước áp lực cạnh tranh gay gắt, Công ty lựa chọn chiến lược tạo khác biệt thông qua phát triển sản phẩm và công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và mở rộng các phân khúc khách hàng mới. Việc tập trung vào chất lượng và tính độc đáo của sản phẩm không chỉ giúp nâng cao uy tín thương hiệu mà còn tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Công ty nghiên cứu, xây dựng phương án sản xuất các axit vô cơ như HCl, H₂SO₄ và H₃PO₄ theo tiêu chuẩn điện tử, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe của ngành điện tử và bán dẫn.
- Công ty chú trọng triển khai các hoạt động khoa học công nghệ, sáng kiến và cải tiến tại các dây chuyền hiện hữu, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tăng mức độ an toàn vận hành, giảm phát thải và cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty một cách chủ động, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định trong năm 2025, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai tốt các nhiệm vụ được giao và phát huy hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

Cụ thể, các hoạt động đáng ghi nhận gồm:

- Điều hành tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty; các quyết định được ban hành kịp thời và đúng thẩm quyền.
- Duy trì ổn định hoạt động sản xuất, bảo đảm việc làm, an toàn lao động và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với các bên liên quan.
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện quản lý và phân bổ vốn đầu tư hợp lý, bảo đảm tài sản hoạt động hiệu quả và chủ động đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư phù hợp với nhu cầu phát triển.
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong xử lý các vấn đề phát sinh, giúp quá trình quản trị – điều hành diễn ra thông suốt.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là tuyển dụng và đào tạo phục vụ hoạt động sản xuất và triển khai Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.



Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

Về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2026, HĐQT quyết định tiếp tục định hướng quản trị sau:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng

- Chủ động tiếp cận nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu, đa dạng hóa nguồn cung, hạn chế rủi ro thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào.
- Công ty bám sát giá thị trường các sản phẩm chính, có chính sách điều chỉnh giá bán phù hợp để ổn định và mở rộng thị phần.
- Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các đối tác.
- Tiết giảm tối đa các hoạt động đầu tư, sửa chữa lớn; chỉ thực hiện các hạng mục thật cần thiết nhằm cắt giảm chi phí.
- Đa dạng hóa các sản phẩm hiện hữu với các tiêu chuẩn kỹ thuật, nồng độ, chất lượng để phục vụ các nhu cầu khác nhau của khách hàng. Hiện tại, các sản phẩm như NaOH, HCl, MgSO4... đã được Công ty nghiên cứu sản xuất ở nhiều tiêu chuẩn khác nhau.
- Nghiên cứu sản phẩm mới, nâng cấp chất lượng các sản phẩm hiện hữu.
- Cải tiến quy trình, quy chế nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Triển khai nhân rộng hình thức làm việc qua các nền tảng công nghệ mới, hỗ trợ cho công tác quản trị.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng cáo; nghiên cứu các công cụ quảng cáo mới theo xu hướng hiện đại, bên cạnh các công cụ truyền thống.
- Giữ vững mối quan hệ và tập trung vào công tác dịch vụ sau bán hàng đối với các khách hàng hiện hữu, đưa ra các chính sách mua bán hàng phù hợp trong bối cảnh các đối thủ trong và ngoài nước đang cạnh tranh gay gắt về giá.
- Công ty cố gắng khai thác tối ưu công suất các dây chuyền sản xuất để đảm bảo nhu cầu của thị trường.
- Tập trung chỉ đạo triển khai thành công dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.

06

Quản Trị Công Ty

Hội đồng quản trị	112
Ban kiểm soát	126
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2025	130

Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn phấn đấu vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực hóa chất, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

HĐQT Công ty đảm bảo tính độc lập với 01 thành viên độc lập (20%) là Bà Lê Thị Ngọc Diệp, 03 thành viên không điều hành và 01 thành viên điều hành.

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân		Ghi chú
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Bà Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch HĐQT	27.627.500	25%	0	0%	Bổ nhiệm ngày 28/02/2025
2	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.100.000	20%	4.250	0,004%	
3	Ông Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	22.100.000	20%	0	0%	
4	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	0	0%	
5	Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	0	0%	

Lưu ý: Danh sách HĐQT cập nhật đến thời điểm Công bố báo cáo thường niên năm 2025

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp trực tiếp và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Theo đó, HĐQT đã ban hành 93 Nghị quyết, Quyết định thông qua nhiều kế hoạch và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và sự phát triển của Công ty. Nội dung cụ thể như sau:

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự (*)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Mai	06/09	66,67%	Bổ nhiệm ngày 28/02/2025
2	Ông Lê Thanh Bình	09/09	100%	
3	Ông Lê Phương Đông	09/09	100%	
4	Ông Vũ Minh Ngọc	09/09	100%	
5	Bà Lê Thị Ngọc Diệp	09/09	100%	
6	Ông Nguyễn Hữu Tú	03/09	33,33%	Miễn nhiệm ngày 28/02/2025

Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	12/NQ-HĐQT	03/01/2025	Về việc thông qua đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (Kỳ họp số 07 nhiệm kỳ 2024-2029)	100%
2	60/NQ-HĐQT	09/01/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 08 - Nhiệm kỳ 2024 -2029 (Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và thông qua các nội dung triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam)	100%
3	63/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Đề cương nhiệm vụ lập mô hình thông tin công trình (BIM) giai đoạn thiết kế cơ sở thuộc dự án “Nhà máy Hoá chất Nhơn Trạch”	100%
4	67/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025	100%
5	73/NQ-HĐQT	13/01/2025	Nghị quyết về việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%
6	107/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ lập mô hình thông tin công trình (BIM) giai đoạn thiết kế cơ sở thuộc dự án “Nhà máy Hoá chất Nhơn Trạch”	100%
7	122/QĐ-HĐQT	16/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2025	100%
8	136/NQ-HĐQT	18/01/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 09 - Nhiệm kỳ 2024 -2029	100%
9	143/NQ-HĐQT	21/01/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
10	149/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2025	100%
11	158/NQ-HĐQT	23/01/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt tình hình quản trị công ty năm 2024 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
12	162/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đoàn đi nước ngoài năm 2025 của Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	171/NQ-HĐQT	04/02/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
14	180/NQ-HĐQT	05/02/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 và các nội dung khác của Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
15	207/NQ-HĐQT	11/02/2025	Nghị quyết về việc nhận xét, đánh giá Người đại diện phần vốn Công ty năm 2024; Cử lại Người đại diện phần vốn của Công ty; Đề cử nhân sự tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam, nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
16	217/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc Cử lại ông Lê Thanh Bình - Chức vụ: Thành viên HĐQT, TGD Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam là Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam tại Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
17	218/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc Cử lại ông Lê Quốc Hùng - Chức vụ : Thành viên HĐQT, GĐ Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam là Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam tại Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
18	219/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc Cử lại ông Nguyễn Minh Trí - Chức vụ : Phó TP Kế hoạch - Kinh doanh, kiểm soát viên Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam là Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam tại Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
19	220/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Quyết định về việc chỉ định Người đại diện phụ trách tại Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
20	238/NQ-HĐQT	14/02/2025	Nghị quyết về việc Danh sách ứng viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029	100%
21	285/QĐ-HĐQT	26/02/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án “Tháp sấy PAC bột”	100%
22	288/NQ-HĐQT	27/02/2025	Nghị quyết về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%

Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
23	295/NQ- HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 10 - Nhiệm kỳ 2024 - 2029 về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%
24	296/NQ- HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 10 - Nhiệm kỳ 2024 - 2029 về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%
25	363/QĐ- HĐQT	18/03/2025	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam, nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
26	364/QĐ- HĐQT	18/03/2025	Quyết định về việc quyết toán Quỹ tiền lương người lao động và báo cáo quỹ tiền lương người quản lý năm 2024	100%
27	366/QĐ- HĐQT	18/03/2025	Quyết định về việc ban hành Danh mục sản phẩm đăng ký định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất năm 2025 của Công ty Cổ phần Hoá chất Cơ bản Miền Nam	100%
28	396/NQ- HĐQT	21/03/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 11 – Nhiệm kỳ 2024-2029 về việc nhận xét, đánh giá Ban Điều hành và Thư ký Công ty năm 2024	100%
29	446/NQ- HĐQT	01/04/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
30	447/NQ- HĐQT	01/04/2025	Nghị quyết về việc thực hiện các nội dung kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty tại Thông báo số 405/2025/TB-BKS ngày 24 tháng 3 năm 2025	100%
31	505/NQ- HĐQT	14/04/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 điều chỉnh	100%
32	515/NQ-HĐQT	16/04/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 12 - Nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
33	580/QĐ- HĐQT	06/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án “Hệ làm lạnh hóa lỏng Clo”	100%
34	588/QĐ-HC- CB	09/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành "Mua sắm quạt gió cấp không khí cho dây chuyền axit"	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
35	609/NQ- HĐQT	15/05/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận bổ sung dự án vào danh mục chuẩn bị đầu tư trong Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	100%
36	613/QĐ-HĐQT	16/05/2025	Quyết định về việc chi thưởng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát từ Quỹ tiền thưởng Người quản lý Công ty năm 2024	100%
37	625/NQ- HĐQT	21/05/2025	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
38	651/NQ-HĐQT	27/05/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
39	659/QĐ- HĐQT	28/05/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án “Thiết bị làm nguội gia kiểm”	100%
40	771/NQ-HĐQT	30/05/2025	Nghị quyết về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
41	809/QĐ- HĐQT	10/06/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”	100%
42	815/QĐ-HĐQT	11/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án “Thiết bị phản ứng tráng men 10.000 lít”	100%
43	825/NQ- HĐQT	13/06/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 13 – Nhiệm kỳ 2024-2029 (Về việc giải thể chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam - Mô Bô xit Bảo Lộc)	100%
44	826/QĐ- HĐQT	13/06/2025	Quyết định Về việc giải thể chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam - Mô Bô xit Bảo Lộc)	100%
45	836/QĐ- HĐQT	17/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án "Bơm dịch anolyte và nước muối nghèo"	100%
46	846/QĐ- HĐQT	18/06/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ Thẩm định để cương nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án thuộc dự án "Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch"	100%

Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
47	854/QĐ- HĐQT	20/06/2025	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
48	855/QĐ- HĐQT	20/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án thuộc dự án "Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch"	100%
49	867/QĐ- HĐQT	24/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án lần 05 thuộc dự án “Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch”	100%
50	868/QĐ- HĐQT	24/06/2025	Quyết định về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
51	873/NQ- HĐQT	25/06/2025	Nghị quyết về việc điều chỉnh giá trị Hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam với “Người có liên quan” năm 2025	100%
52	909/NQ- HĐQT	30/06/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
53	914/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự án "Tháp sấy PAC bột"	100%
54	924/QĐ- HĐQT	02/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công; nội dung áp dụng và mức độ chi tiết của mô hình thông tin công trình (BIM) giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án "Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch"	100%
55	937/QĐ- HĐQT	04/07/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu đấu thầu trước thuộc dự án "Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch"	100%
56	983/NQ- HĐQT	16/07/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 14, nhiệm kỳ 2024-2029	100%
57	1021/QĐ- HĐQT	28/07/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch"	100%
58	1036/NQ- HĐQT	30/07/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2025 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
59	1049/QĐ- HĐQT	01/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
60	1078/QĐ- HĐQT	06/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự án “Bơm tuần hoàn xút”	100%
61	1110/NQ- HĐQT	13/08/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Nam với “Người có liên quan”	100%
62	1112/NQ-HĐQT	13/08/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng giao dịch với “Người có liên quan”	100%
63	1163/NQ- HĐQT	26/08/2025	Nghị quyết về việc thực hiện các nội dung kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty tại Thông báo số 06/2025/TB-BKS ngày 20 tháng 8 năm 2025	100%
64	1174/QĐ- HĐQT	28/08/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
65	1182/NQ- HĐQT	29/08/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết Hợp đồng giao dịch với “Người có liên quan” (Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam)	100%
66	1188/QĐ- HĐQT	29/08/2025	Quyết định về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí hạng mục Khảo sát địa chất công trình giai đoạn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hạng mục San lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ; Điều chỉnh lần 01 Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Dự toán gói thầu các gói thầu TV-02.01, TV-03, TV-04 và XL-01 thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.	100%
67	1191/QĐ- HĐQT	29/08/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư trong Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
68	1205/QĐ- HĐQT	04/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV-02.01 “Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ” thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.	100%

Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
69	1212/QĐ- HĐQT	05/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu XL -01 "Thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
70	1224/QĐ- HĐQT	10/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV-02.01 “Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ” thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch.	100%
71	1237/QĐ- HĐQT	12/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV - 03 "Khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKBVTC" thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
72	1241/QĐ- HĐQT	15/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV -04 "Giám sát khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKBVTC và thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
73	1256/QĐ- HĐQT	17/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu BH -01 "Bảo hiểm xây dựng công trình" và điều chỉnh lần 02 Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
74	1262/QĐ- HĐQT	18/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu XL -01 "Thi công san lấp mặt bằng, tường rào, nhà bảo vệ" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
75	1279/QĐ- HĐQT	22/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu BH -01 “Bảo hiểm xây dựng công trình” thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
76	1288/QĐ- HĐQT	24/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình Gói thầu TV - 03 "Khảo sát địa chất công trình giai đoạn TKBVTC" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
77	1323/QĐ- HĐQT	01/10/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2025 của Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
78	1375/NQ- HĐQT	17/10/2025	Nghị quyết Kỳ họp thứ 15, nhiệm kỳ 2024-2029	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
79	1394/NQ- HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình giai đoạn thiết xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
80	1449/NQ- HĐQT	07/11/2025	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc	100%
81	1478/QĐ- HĐQT	11/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt khắc mới con dấu Công ty	100%
82	1496/QĐ- HĐQT	12/11/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế Tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (Sửa đổi, bổ sung lần 2)	100%
83	1506/NQ- HĐQT	13/11/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đối với Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
84	1535/NQ- HĐQT	20/11/2025	Nghị quyết về việc nhận xét, đánh giá của Hội đồng quản trị đối với người quản lý Công ty để phục vụ công tác bổ nhiệm lại có thời hạn chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
85	1537/NQ- HĐQT	20/11/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương điều động nhân sự quản lý cấp trung Công ty	100%
86	1559/NQ- HĐQT	25/11/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	100%
87	1582/QĐ- HĐQT	27/11/2025	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
88	1612/NQ- HĐQT	04/12/2025	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	100%
89	1632/NQ- HĐQT	10/12/2025	Nghị quyết về việc xem xét Báo cáo kiểm điểm và đánh giá xếp loại Tập thể Hội đồng quản trị, cá nhân các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty năm 2025	100%
90	1640/QĐ- HĐQT	11/12/2025	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán các chi phí đầu tư xây dựng thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%

Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
91	1641/NQ- HĐQT	11/12/2025	Nghị quyết về việc kết quả kiểm toán nội bộ năm 2025 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	100%
92	1681/QĐ- HĐQT	22/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt Dự toán chi phí điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500; điều chỉnh lần 03 Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; dự toán gói thầu TV-08 "Lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500" thuộc Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%
93	1756/QĐ- HĐQT	31/12/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV-08 "Lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500" Thuộc dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2025, thành viên Hội đồng quản trị độc lập tiếp tục phát huy vai trò giám sát khách quan và phản biện độc lập trong hệ thống quản trị Công ty. Thành viên HĐQT độc lập luôn duy trì nguyên tắc minh bạch – trung lập – trách nhiệm, nhằm góp phần kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị và đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các cổ đông và các bên liên quan.

Với kinh nghiệm chuyên môn và góc nhìn độc lập, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm, chủ động nghiên cứu hồ sơ, tài liệu trước kỳ họp; tích cực thảo luận, phân tích và phản biện đối với các nội dung quan trọng trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua. Trọng tâm phản biện và đóng góp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị độc lập tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

- Về đầu tư – dự án trọng điểm:** cho ý kiến, phản biện đối với kế hoạch đầu tư, chủ trương và điều chỉnh các dự án đầu tư lớn của Công ty, đặc biệt là Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch và các dự án, hạng mục đầu tư thiết bị, công nghệ nhằm đảm bảo tính cần thiết, tính khả thi, hiệu quả đầu tư và kiểm soát rủi ro.
- Về quản trị tài chính – kiểm toán – kiểm soát nội bộ:** tham gia ý kiến đối với kế hoạch tài chính, lựa chọn đơn vị kiểm toán, kết quả kiểm toán nội bộ; đồng thời giám sát việc xây dựng, sửa đổi và thực hiện các quy chế tài chính, quy chế quản lý nội bộ và các chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Về công tác tổ chức, nhân sự và quản trị điều hành:** phản biện các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm các chức danh quản lý theo thẩm quyền, bảo đảm tính phù hợp, minh bạch và ổn định trong công tác quản trị nhân sự.
- Về giao dịch với bên liên quan và quản trị công ty đại chúng:** theo dõi và cho ý kiến đối với các giao dịch với người có liên quan, bảo đảm các giao dịch được trình Hội đồng quản trị xem xét đúng thẩm quyền, đầy đủ hồ sơ và được công bố thông tin kịp thời theo quy định; đồng thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát theo các thông báo kiến nghị trong năm 2025.

Hội đồng quản trị

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT kỳ báo cáo:
- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát và định hướng phát triển của Công ty, đặc biệt là trong việc triển khai các dự án đầu tư lớn như Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, hệ thống thiết bị PAC bột, Clo lỏng, vv.;
 - Tính tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng được đảm bảo. Các giao dịch với bên liên quan đều được HĐQT phê duyệt đúng thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định;
 - Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận tại các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đều được khuyến khích đề xuất, kiến nghị bất kỳ lúc nào thấy cần thiết cho Công ty và không có giới hạn về mặt không gian, thời gian và nội dung thảo luận;
 - Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết. Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành;
 - HĐQT đã tuân thủ quy định về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty; người có liên quan của người nội bộ với Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
 - Công tác giám sát, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời có sự quan tâm tăng cường đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và việc ban hành/cập nhật các quy chế quản trị nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu lực quản trị trong toàn Công ty.



Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

Danh sách các thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về QTCT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Khóa đào tạo	Tổ chức Đào tạo
1	Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch HĐQT	Quản trị công ty	Viện Quản trị kinh doanh – Trường ĐH Kinh tế quốc dân
2	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN
3	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT không điều hành	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN
4	Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	Quản trị công ty (Đào tạo quản lý cấp trung)	Viện Quản trị kinh doanh – Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
5	Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT độc lập	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN
6	Võ Đình Thùy	Phó Tổng Giám đốc	Quản trị công ty	Viện Phát triển Nguồn Nhân lực và Kinh doanh (Huredin)
7	Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Quản trị công ty	Viện Phát triển Nguồn Nhân lực và Kinh doanh (Huredin)
8	Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN
9	Đỗ Thị Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN
10	Nguyễn Minh Trí	Thành viên Ban Kiểm soát	Quản trị công ty	Viện Phát triển Nguồn Nhân lực và Kinh doanh (Huredin)
11	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	Quản trị công ty	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán – UBCKNN

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân		Ghi chú
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	0	0%	0	0%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	0	0%	0	0%	
3	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	0	0%	0	0%	

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ. Hoạt động giám sát được thực hiện thông qua việc tham dự các cuộc họp theo quy định, xem xét các hồ sơ, tài liệu, báo cáo do Công ty cung cấp; đồng thời, khi xét thấy cần thiết, Ban Kiểm soát yêu cầu cung cấp thêm hồ sơ, tài liệu và trao đổi với các bộ phận liên quan.

Nội dung giám sát tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

- Việc tuân thủ Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy chế quản trị nội bộ trong hoạt động quản trị và điều hành của Công ty;
- Việc chuẩn bị, tổ chức và thực hiện các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025, bao gồm 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- Giám sát việc Hội đồng quản trị thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong việc ban hành nghị quyết, quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm công tác nhân sự Hội đồng quản trị và Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch;
- Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai và thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Công tác lập, trình bày và công bố Báo cáo tài chính của Công ty theo đúng chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật;
- Việc triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Việc theo dõi, rà soát các giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

- Ban Kiểm soát đã triển khai tổ chức họp định kỳ, phiếu lấy ý kiến, trao đổi trực tiếp và gián tiếp để giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và việc ban hành các Nghị quyết/quyết định đối với HĐQT trong năm 2025;
- Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc;
- Phối hợp rà soát các giao dịch với người có liên quan đảm bảo tuân thủ các qui định và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực, nhất quán của Báo cáo tài chính và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích cho Công ty và cổ đông;
- Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin định kỳ và bất thường;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT.



Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Kết quả giám sát đối với HĐQT

Qua hoạt động giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền được giao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025 được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong đó có các quyết định liên quan đến công tác nhân sự Hội đồng quản trị và việc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch. Ban Kiểm soát không phát hiện sai sót trọng yếu về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị trong năm báo cáo.

Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; kịp thời triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động huy động nguồn lực, báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị để xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm yêu cầu quản lý, điều hành trong giai đoạn Công ty tập trung ưu tiên cho dự án. Trên cơ sở kết quả giám sát, Ban Kiểm soát không ghi nhận sai sót trọng yếu trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025.

Hoạt động giám sát của BKS đối với cổ đông

- Rà soát việc thực hiện quyền của cổ đông trong các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, chi trả cổ tức và giám sát hoạt động công bố thông tin để đảm bảo cổ đông được đối xử công bằng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
- Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu hay khiếu nại nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty yêu cầu xem xét về hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Kết quả giám sát đối với cổ đông

Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được Công ty đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục; các nội dung trình và nghị quyết được thông qua làm cơ sở pháp lý cho hoạt động quản trị, công tác nhân sự Hội đồng quản trị và triển khai dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan trong việc trao đổi thông tin phục vụ công tác giám sát. Sự phối hợp được thực hiện trên cơ sở tuân thủ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành Công ty.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự (*)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Thoa	02/02	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hà	02/02	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Trí	02/02	100%	



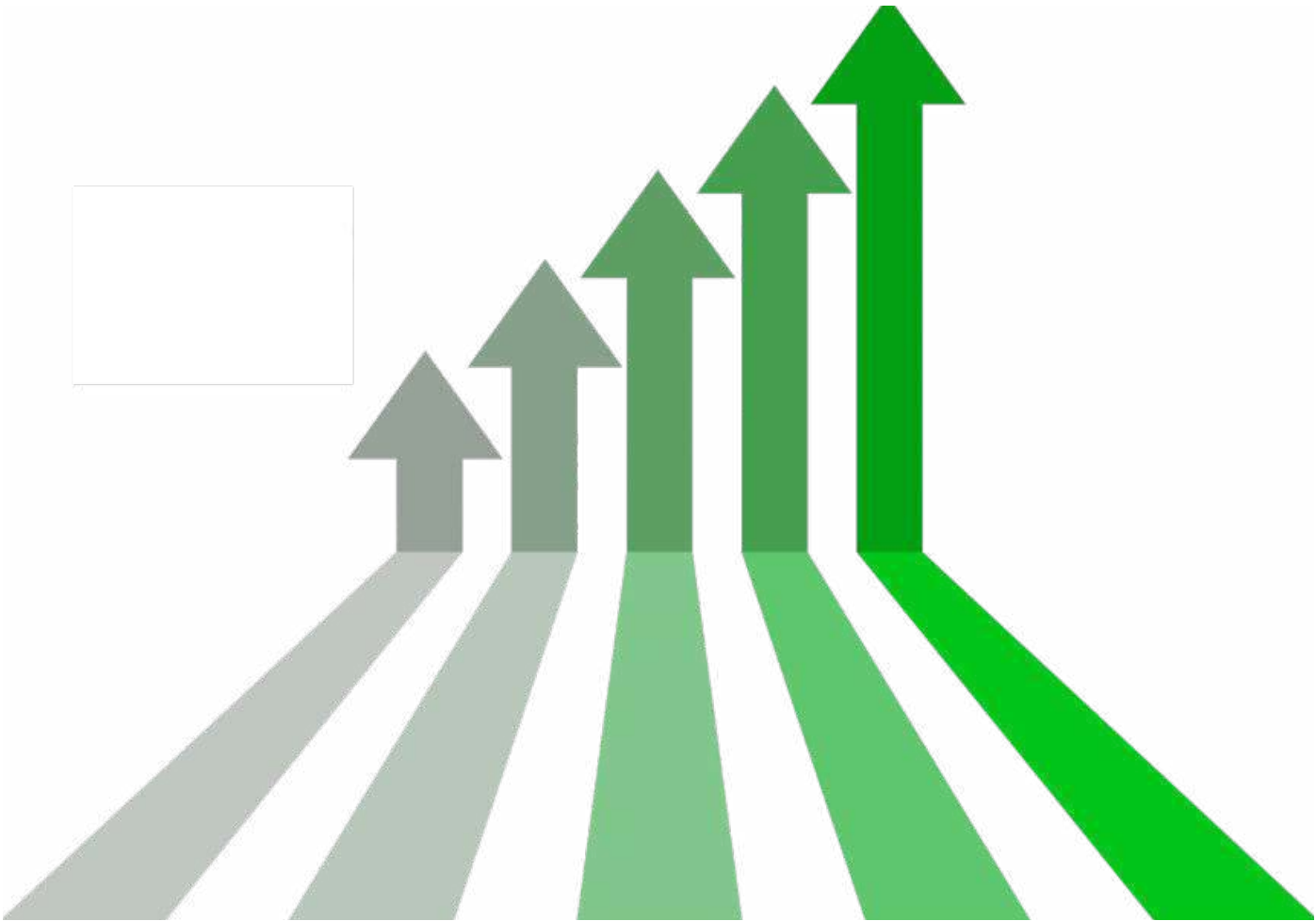
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2025

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch HĐQT	-	95.000.000	-	198.208.000
2	Vũ Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	-	99.000.000	10.500.000	211.500.000
3	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	607.331.400	96.000.000	100.405.000	844.271.004
4	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	10.500.000	130.000.000
5	Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	7.000.000	196.500.000
II	Ban kiểm soát					
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	446.126.400	-	65.889.000	354.597.772
2	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên BKS	-	78.000.000	8.250.000	176.500.000
3	Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	-	78.000.000	8.250.000	96.000.000
III	Ban điều hành					
1	Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Đã trình bày tại mục I.3 Bảng này.			
2	Đỗ Trung Hiếu	Phó TGD	493.073.500	-	73.326.000	493.905.980
3	Võ Đình Thùy	Phó TGD	546.018.900	-	72.273.000	386.517.006
4	Lê Tùng Lâm	Phó TGD	493.073.500	-	73.107.000	469.467.444
5	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	433.844.300	-	64.000.000	394.840.506

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Ông Đoàn Thanh Tân	Anh rể của Ông Võ Đình Thùy – Phó Tổng Giám đốc	250.000	0,23%	50.000	0,045%	Bán
2	Ông Văn Trung Hà	Chồng của Bà Lê Thị Ngọc Diệp - Thành viên HĐQT	15.007	0,01%	7	0,00%	Bán



Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ
1	CTCP Bột giặt NET	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ dưới 50% VDL)	3600642822	Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ dưới 50% VDL)	3600248368	KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai
3	CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ dưới 50% VDL)	0100103520	21A phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội
4	CTCP Pin -Ắc quy miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	0300405462	321 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh
5	CTCP Bột giặt LIX	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	0301444263	Số 3 đường số 2, Khu phố 1, Phường Linh Xuân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
6	CTCP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	1800155438	Khu CN Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, TP Cần Thơ
7	CTCP Hơi kỹ nghệ - Que hàn	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	0300422482	1-3 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, TP Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	0300419930-004	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 11, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	CTCP Phốt pho Việt Nam	Công ty con	5300433116	Khu công nghiệp Tăng Lồng, Xã Tăng Lồng, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
10	CTCP Hóa chất Việt Trì	CN Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	2600108217	Phố Sông Thao, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ, Việt nam
11	CTCP Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem nắm giữ trên 50% VDL)	0300430500	125B Cách Mạng Tháng 8, Phường Bàn Cờ, TP.HCM
12	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	0100100061	Số 1A, phố Tràng Tiền, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đã bao gồm thuế GTGT) (ĐVT: đồng)	Ghi chú
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	24.090.639.300	Giao dịch bán
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	1.629.943.560	Giao dịch bán
Năm 2025	1110/NQ-HĐQT ngày 13/08/2025 và 1139/NQ-HĐQT ngày 25/11/2021	4.302.479.370	Giao dịch mua
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	18.231.695.460	Giao dịch bán
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	32.433.652.476	Giao dịch bán
		336.008.331	Giao dịch mua
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	2.043.068.400	Giao dịch bán
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	14.580.000	Giao dịch bán
		64.026.160	Giao dịch mua
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	34.311.600	Giao dịch bán
Năm 2025	1436/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	75.134.449.152	Giao dịch mua
		39.345.480.000	Cổ tức
Năm 2025	1112/NQ-HĐQT ngày 13/08/2025	149.688.000	Giao dịch mua
Năm 2025	1434/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	2.028.469.500	Mượn hàng
	1182/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025	2.972.047.680	Giao dịch bán
Năm 2025	1434/NQ-HĐQT ngày 25/12/2024 và 873/NQ-HĐQT ngày 25/06/2025	924.000.000	Thuê văn phòng
		71.827.500.000	Cổ tức

Đánh giá tình hình quản trị công ty

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thực hiện nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty, bao gồm các quy định quản trị riêng đối với công ty niêm yết. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng quản trị, Công ty đã xây dựng mô hình quản trị dựa trên những yếu tố cốt lõi sau:

01

Công bằng

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông.

02

Minh bạch

Đảm bảo các thông tin trọng yếu và liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty được công bố kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện như website, kênh truyền thông đại chúng.

03

Hiệu quả

HĐQT của Công ty có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn đa dạng các lĩnh vực như quản trị kinh doanh, tài chính, luật, quản lý rủi ro và kinh doanh quốc tế. Điều này đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả của HĐQT, đảm bảo lợi nhuận và sự bền vững của Công ty.

04

Trách nhiệm

Công ty quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm của HĐQT. Đồng thời các thành viên HĐQT cam kết làm đúng, đủ với quyền và nghĩa vụ của mình, luôn hành động vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Công ty.



Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty



Đào tạo quản trị Công ty

Các thành viên HĐQT tích cực tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Ngoài các thành viên đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, các thành viên còn lại của HĐQT và Ban Điều hành sẽ sắp xếp tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong thời gian tới.



Quản trị nhân sự

Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường sử dụng các ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý nhân sự.



Quản trị chất lượng sản phẩm

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.
- Mở rộng và áp dụng các hệ thống quản lý, tiêu chuẩn mới, nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất của Công ty.



Các giải pháp khác

- Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.
- Thông qua hoạt động trao đổi định kỳ và đột xuất với Ban Điều hành và các bên liên quan để nắm bắt các yêu cầu của bên liên quan nhằm đáp ứng phù hợp.

07

Báo Cáo Tài Chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán

138

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà	Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 02 năm 2025
Ông	Vũ Minh Ngọc	Thành viên	miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và trở thành thành viên từ ngày 28 tháng 02 năm 2025
Ông	Lê Thanh Bình		
Ông	Lê Phương Đông	Thành viên	
Bà	Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Ông	Nguyễn Hữu Tú	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 02 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà	Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên
Ông	Nguyễn Minh Trí	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông	Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Võ Đình Thùy	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Tùng Lâm	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thanh Bình.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026

Số: 041/2025/BCTCHN-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 23 tháng 02 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 23 tháng 02 năm 2026

Đàm Tuấn Anh - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 5445-2026-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.678.566.437.240	1.464.036.583.364
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	91.717.440.019	172.611.144.046
1 Tiền	111		91.717.440.019	84.611.144.046
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	88.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		627.000.000.000	605.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	627.000.000.000	605.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.351.044.385	296.327.608.785
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	374.236.864.767	266.520.811.461
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.086.655.036	9.809.659.213
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	26.254.101.246	23.014.141.971
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.226.576.664)	(3.017.003.860)
IV. Hàng tồn kho	140	10	484.719.703.087	340.626.271.082
1 Hàng tồn kho	141		484.719.703.087	340.626.271.082
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.778.249.749	49.471.559.451
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.326.504.064	1.881.843.426
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.554.489.406	44.452.166.652
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.897.256.279	3.137.549.373
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		380.137.850.991	394.961.473.325
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		511.112.000	427.352.060
1 Phải thu dài hạn khác	216	8	511.112.000	427.352.060
II. Tài sản cố định	220		46.356.469.979	62.682.180.314
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	44.600.498.598	60.926.208.933
- Nguyên giá	222		1.137.434.499.348	1.125.985.726.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.092.834.000.750)	(1.065.059.517.574)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	1.755.971.381	1.755.971.381
- Nguyên giá	228		6.393.560.256	6.393.560.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.637.588.875)	(4.637.588.875)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.477.504.438	3.115.265.154
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	18.477.504.438	3.115.265.154
IV. Tài sản dài hạn khác	260		314.792.764.574	328.736.675.797
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	307.408.527.101	316.233.313.071
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32.3	7.384.237.473	12.503.362.726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.058.704.288.231	1.858.998.056.689

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		437.085.321.328	304.981.686.952
I. Nợ ngắn hạn	310		421.333.701.407	304.981.686.952
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	100.478.794.767	33.443.651.980
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.251.868.996	1.247.908.531
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	35.728.030.033	42.263.250.296
4 Phải trả người lao động	314		55.340.496.555	37.441.782.673
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	26.622.789.531	22.497.938.816
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.925.370.578	1.694.764.305
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	157.785.952.974	122.196.041.384
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	40.200.397.973	44.196.348.967
II. Nợ dài hạn	330		15.751.619.921	-
1 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	32.3	751.619.921	-
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	22	15.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.621.618.966.903	1.554.016.369.737
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.621.618.966.903	1.554.016.369.737
1 Vốn cổ phần	411	23.2	1.104.999.100.000	1.104.999.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.104.999.100.000	1.104.999.100.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.951.530.000	22.951.530.000
3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418	23.5	142.419.568.799	78.880.000.950
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		320.737.909.097	312.968.008.798
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132.689.678.693	95.331.746.383
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		188.048.230.404	217.636.262.415
6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		55.924.052.285	59.630.923.267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.058.704.288.231	1.858.998.056.689

Đặng Hồng Yến
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.160.143.700.681	1.855.617.616.161
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	38.850.000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	2.160.143.700.681	1.855.578.766.161
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	25	1.619.166.075.771	1.350.721.387.735
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		540.977.624.910	504.857.378.426
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	42.741.950.788	30.115.593.955
7 Chi phí tài chính	22	27	7.234.785.351	2.862.410.145
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.456.561.615	2.376.789.282
8 Chi phí bán hàng	25	28	170.661.760.444	111.450.013.107
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	116.552.963.407	93.427.365.690
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		289.270.066.496	327.233.183.439
11 Thu nhập khác	31	30	5.738.961.870	1.564.118.419
12 Chi phí khác	32	30	1.872.954.855	504.345.699
13 Lợi nhuận khác	40	30	3.866.007.015	1.059.772.720
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		293.136.073.511	328.292.956.159
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32.1	57.927.381.635	69.602.914.984
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32.3	5.870.745.174	354.663.559
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		229.337.946.702	258.335.377.616
18 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		208.948.230.404	238.636.262.415
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.389.716.298	19.699.115.201
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.702	1.963
21 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.702	1.963


Đặng Hồng Yến
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng




Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		293.136.073.511	328.292.956.159
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11	33.895.986.804	44.595.909.648
- Các khoản dự phòng	03		209.572.804	(3.011.418.056)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(105.600.975)	(232.423.839)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(37.392.289.735)	(28.946.577.732)
- Chi phí lãi vay	06	27	6.456.561.615	2.376.789.282
- Các khoản điều chỉnh khác	07	22	15.000.000.000	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		311.200.304.024	343.075.235.462
- Tăng các khoản phải thu	09		(103.040.255.731)	(50.089.394.430)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(144.093.432.005)	28.071.673.736
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		90.596.557.052	(3.988.990.915)
- Giảm chi phí trả trước	12		9.380.125.332	9.805.877.707
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.412.556.969)	(2.347.368.804)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(58.811.659.984)	(73.845.655.951)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	21	35.000.000	20.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	21	(34.074.535.530)	(19.269.763.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.779.546.189	231.431.612.892
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(59.261.605.462)	(22.440.388.017)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		444.254.469	1.453.576.792
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(667.000.000.000)	(525.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		645.000.000.000	460.000.000.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.196.120.197	19.871.628.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.621.230.796)	(66.115.182.889)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	20	356.750.875.831	269.520.961.763
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(321.160.964.241)	(248.240.992.515)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(131.640.330.000)	(121.094.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(96.050.418.410)	(99.814.360.752)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(80.892.103.017)	65.502.069.251
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	172.611.144.046	107.049.568.199
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.601.010)	59.506.596
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	91.717.440.019	172.611.144.046

Đặng Hồng Yến
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026



1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28 tháng 7 năm 2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 27 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 03 năm 2015 với mã chứng khoán là CSV.

Công ty có trụ sở chính tại 22 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con và sáu (06) chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty: Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Lồng, xã Tăng Lồng, tỉnh Lào Cai

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh phốt pho

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2025 65,05%

Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2025 65,05%

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Đường 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Đường 5, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Tân Bình	139 Phan Huy Ích, phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam - Mô Bô xít Bảo Lộc (*)	Số 62 Lý Thường Kiệt, phường 01 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy hóa chất Nhơn Trạch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Phân khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai

(*) Theo Quyết định số 826/QĐ-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giải thể Mô Bô xít Bảo Lộc từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Chi nhánh chấm dứt hoạt động kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 theo thông báo số 42982/25 của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở); gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;
- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc);
- Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Sản xuất sản phẩm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, không sản xuất hóa chất tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, sửa chữa hàng cơ động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan; sửa chữa van, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe;
- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện; sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi, sửa chữa và bảo dưỡng các rơ le và bộ điều khiển công nghiệp; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị điện chiếu sáng; sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất;
- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;
- Các hoạt động nghiên cứu thử nghiệm và dịch vụ khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm công ty") là sản xuất sản phẩm ngành hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 660 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 667 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6. Thông tin so sánh

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Nhóm Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và được khấu trừ theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	04 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm
Phần mềm máy tính	02 - 10 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao	

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định, xây dựng các công trình dự án Nhà máy để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí khác phân bổ theo thời gian trả trước.

Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trả trước

Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng đã trả theo hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 6 số 01/HĐĐTĐ-NT6C/VLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 5 năm 2018 và các phụ lục, diện tích đất thuê là 180.036 m², thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 6 năm 2055. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- *Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các Quỹ khác được trích lập theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.17. *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được tính vào chi phí kinh doanh với mức trích tối đa 20% trên lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Quỹ này được trích lập để thực hiện các nhiệm vụ:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhóm Công ty;
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Nhóm Công ty;
- Chi quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhóm Công ty.

3.18. *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19. *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20. *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21. *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.22. *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh hóa chất. Toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty là liên quan đến hoạt động này. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	436.345.428	816.608.655
Tiền gửi ngân hàng	91.281.094.591	83.794.535.391
Các khoản tương đương tiền	-	88.000.000.000
TỔNG CỘNG	91.717.440.019	172.611.144.046

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	627.000.000.000	627.000.000.000	605.000.000.000	605.000.000.000
TỔNG CỘNG	627.000.000.000	627.000.000.000	605.000.000.000	605.000.000.000

(*) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm, hưởng lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 từ 5,1%/năm đến 6,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	24.255.981.900	18.895.399.200
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	26.406.000	45.398.685.600
Công ty Ajinomoto Việt Nam	22.500.509.940	25.238.227.340
NB.Toyota Tsusho Corporation	-	17.615.760.975
Công ty Cổ phần Quốc tế Lavita	31.688.409.600	3.281.472.000
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV	74.777.497.699	-
Công ty TNHH Leoch Super Power (Việt Nam)	28.461.750.000	4.281.895.000
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	6.336.880.236	7.998.348.240
Phải thu các khách hàng khác	186.189.429.392	143.811.023.106
TỔNG CỘNG	374.236.864.767	266.520.811.461
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.226.576.664)	(3.017.003.860)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp tác xã Vận tải Số 9	4.000.000.000	3.500.000.000
Mersen France Py Sas	10.413.289.744	-
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp M & T	-	1.499.394.758
Trả trước cho người bán là bên liên quan (Thuyết minh số 34)	3.173.190.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	11.500.175.292	4.810.264.455
TỔNG CỘNG	29.086.655.036	9.809.659.213

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi dự thu	22.099.616.439	18.067.975.342
Tạm ứng cho nhân viên	105.000.000	44.979.191
Ký quỹ, ký cược	723.863.656	317.906.456
Phải thu khác	3.325.621.151	4.583.280.982
TỔNG CỘNG	26.254.101.246	23.014.141.971
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	511.112.000	427.352.060
TỔNG CỘNG	511.112.000	427.352.060

9. NỢ XẤU

VND

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Citichem India Limited	1.608.203.520	-	1.567.843.200	-
DNTN Tân Trường An	612.162.100	-	612.162.100	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Jbi Chem Cà Mau	187.420.000	-	187.420.000	-
Công ty TNHH TM - DV & SX Casanova	180.000.000	-	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	80.524.880	-	80.524.880	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	80.632.000	-	80.632.000	-
Công ty TNHH TM DV XNK Khang Nghi	158.815.700	-	158.815.700	-
Công ty TNHH Găng Tay Nhất Á Châu	33.480.000	-	33.480.000	10.044.000
Công ty TNHH Gạch Granite Đồng Nai	-	-	85.519.640	42.759.820
Công ty TNHH Sản xuất Gạch men King Minh	166.820.320	50.046.096	166.820.320	83.410.160
Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển Công nghiệp Việt Nam	513.280.800	359.296.560	513.280.800	513.280.800
Công ty Cổ phần Găng tay Nam Việt	29.160.000	14.580.000	29.160.000	29.160.000
TỔNG CỘNG	3.650.499.320	423.922.656	3.695.658.640	678.654.780

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Nhóm Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 6*.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	60.834.171.753	-	4.183.587.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	284.197.760.939	-	246.705.175.428	-
Công cụ, dụng cụ	10.303.379.783	-	8.815.595.077	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.431.241.074	-	1.604.801.465	-
Thành phẩm	126.984.217.162	-	79.018.830.285	-
Hàng hóa	968.932.376	-	298.281.627	-
TỔNG CỘNG	484.719.703.087	-	340.626.271.082	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	(3.172.722.822)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	3.172.722.822
Số cuối năm	-	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	184.056.500.195	895.759.395.378	31.586.813.884	14.583.017.050	1.125.985.726.507
Mua trong năm	-	12.470.346.113	4.895.594.060	204.336.296	17.570.276.469
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.115.742.589)	(958.636.364)	(47.124.675)	(6.121.503.628)
Số cuối năm (*)	184.056.500.195	903.113.998.902	35.523.771.580	14.740.228.671	1.137.434.499.348
(*) Trong đó, nguyên giá của các tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.049.436.668.963 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 939.549.281.649 VND).					
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	179.209.358.790	845.811.343.788	28.790.791.094	11.248.023.902	1.065.059.517.574
Khoản hao trong năm	836.249.168	29.062.752.678	2.212.015.054	1.784.969.904	33.895.986.804
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.115.742.589)	(958.636.364)	(47.124.675)	(6.121.503.628)
Số cuối năm	180.045.607.958	869.758.353.877	30.044.169.784	12.985.869.131	1.092.834.000.750
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.847.141.405	49.948.051.590	2.796.022.790	3.334.993.148	60.926.208.933
Số cuối năm	4.010.892.237	33.355.645.025	5.479.601.796	1.754.359.540	44.600.498.598

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
Số cuối năm	1.755.971.381	4.637.588.875	6.393.560.256
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	4.637.588.875	4.637.588.875
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	4.637.588.875	4.637.588.875
Số cuối năm	-	4.637.588.875	4.637.588.875
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	1.755.971.381	-	1.755.971.381
Số cuối năm	1.755.971.381	-	1.755.971.381

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch	6.446.771.743	2.873.942.955
Mua sắm tài sản cố định	11.784.064.000	-
Chi phí xây dựng nhà kho chứa nguyên liệu	242.502.028	241.322.199
Chi phí sửa chữa lớn	4.166.667	-
TỔNG CỘNG	18.477.504.438	3.115.265.154

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	332.592.280	587.204.669
Chi phí sửa chữa	626.347.909	767.380.045
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	118.725.957	56.995.454
Chi phí sử dụng phần mềm	5.600.000	-
Chi phí trả trước khác	243.237.918	470.263.258
TỔNG CỘNG	1.326.504.064	1.881.843.426

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	VND	
Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (*)	302.188.701.749	312.461.405.489
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.387.116.142	2.619.121.367
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.253.427.409	530.622.991
Chi phí trả trước khác	579.281.801	622.163.224
TỔNG CỘNG	307.408.527.101	316.233.313.071

(*) Tiền thuê đất, phí sử dụng cơ sở hạ tầng và phí quản lý tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6 theo hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6 số 01/HĐTĐ-NT6C/MLXDSG-HCCB ngày 04 tháng 5 năm 2018 và các phụ lục, tiền thuê đất và phí sử dụng cơ sở hạ tầng được trả một lần cho cả thời gian thuê, phí quản lý được trả hàng năm theo thông báo của bên cho thuê.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Deltacorp Pacific Trading Llc	38.078.602.133	38.078.602.133	-	-
Tricon Energy Ltd	25.195.267.933	25.195.267.933	-	-
Mecs Far East Ltd	12.645.133.800	12.645.133.800	-	-
Điện lực Cam Đường	3.708.587.938	3.708.587.938	4.360.930.812	4.360.930.812
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	-	3.314.137.447	3.314.137.447
Công ty TNHH Điện tử động hóa B và I	-	-	4.247.600.000	4.247.600.000
Công ty TNHH Bảo Ngọc Phúc	-	-	992.520.005	992.520.005
Công ty TNHH MTV Mộc Lê Xanh	-	-	3.795.346.801	3.795.346.801
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Tự Thành	-	-	3.818.008.049	3.818.008.049
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	-	11.949.120	11.949.120
Phải trả đối tượng khác	20.851.202.963	20.851.202.963	12.903.159.746	12.903.159.746
TỔNG CỘNG	100.478.794.767	100.478.794.767	33.443.651.980	33.443.651.980

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Landing Planetary Gearbox Limited	840.840.000	-
Lao Y Import Export Co., Ltd	625.233.480	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	541.646.471
Công ty Cổ phần Quốc tế TM Grow	-	302.940.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	785.795.516	403.322.060
TỔNG CỘNG	2.251.868.996	1.247.908.531

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế Giá trị gia tăng hàng bán nội địa	3.593.572.613	1.288.368.244	37.355.579.648	39.105.264.590	555.519.427	-
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.332.097.533	31.332.878.709	31.610.737.012	-	1.609.955.836
Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	345.975.392	49.921.145.180	49.546.105.766	29.064.022	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	33.270.355.727	-	57.977.516.635	58.811.659.984	32.436.212.378	-
Thuế Thu nhập cá nhân	5.349.689.983	13.444.999	16.362.024.486	19.040.667.237	2.657.602.233	-
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	-	8.179.733.033	8.309.671.753	-	129.938.720
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	49.631.973	157.663.205	837.305.028	837.003.546	49.631.973	157.361.723
TỔNG CỘNG	42.263.250.296	3.137.549.373	201.966.182.719	207.261.109.888	35.728.030.033	1.897.256.279

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước lãi vay	141.357.204	97.352.558
Trích trước chi phí vận chuyển	16.891.736.645	10.847.855.154
Trích trước tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 bị truy thu	-	1.621.485.330
Trích trước chi phí điện	8.977.128.221	7.701.988.825
Trích trước chi phí khác	612.567.461	2.229.256.949
TỔNG CỘNG	26.622.789.531	22.497.938.816

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	368.431.092	522.213.092
Bảo hiểm xã hội	334.326.590	334.326.590
Bảo hiểm y tế	18.048.391	18.048.391
Nhận ký quỹ, ký cược	-	29.434.752
Cổ tức phải trả	58.990.000	57.690.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.145.574.505	733.051.480
TỔNG CỘNG	2.925.370.578	1.694.764.305

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (a)	39.756.273.633	146.618.922.172	82.376.078.073	103.999.117.732
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (b)	61.375.170.064	125.144.244.688	141.500.742.854	45.018.671.898
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	21.064.597.687	76.219.545.627	97.284.143.314	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn (c)	-	8.768.163.344	-	8.768.163.344
TỔNG CỘNG	122.196.041.384	356.750.875.831	321.160.964.241	157.785.952.974
Số có khả năng trả nợ	122.196.041.384			157.785.952.974

VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(a) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng	Số 01/2025/93332/HĐTD ngày 24 tháng 6 năm 2025
Hạn mức tín dụng	150.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là từ 4,2%/năm đến 4,5%/năm
Thời hạn vay	Quy định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
Hình thức đảm bảo	Tín chấp

(b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng	Số 25.5104228/2025-HĐCVHM/NHCT900-HCCBMN ngày 30 tháng 6 năm 2025
Hạn mức tín dụng	150.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4,55%/năm đến 5,9%/năm
Thời hạn vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ, tối đa 06 tháng. Thời hạn vay của các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất
Hình thức đảm bảo	Tín chấp

(c) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn

Hợp đồng tín dụng	Số 025/TAS.QLN25CTD ngày 12 ngày 11 năm 2025
Hạn mức tín dụng	200.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5,9%/năm
Thời hạn vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
Tài sản đảm bảo	Tín chấp

21. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.196.348.967	38.698.765.886
Trích lập trong năm	(Thuyết minh số 23.1)	30.043.584.536
Sử dụng trong năm	(34.074.985.530)	(19.284.263.913)
Tăng khác	35.450.000	34.500.000
Số cuối năm	40.200.397.973	44.196.348.967

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm của Nhóm Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các hoạt động liên quan đến việc phát triển khoa học và công nghệ trong Nhóm Công ty. Biến động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Quỹ PTKH&CN) trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	15.000.000.000	-
Số cuối năm	15.000.000.000	-

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND									
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Năm trước										
Số đầu năm	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	645.888.370.836	11.949.121.722	292.365.755.644	46.476.008.589	1.436.227.099.997	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	238.636.262.415	19.699.115.201	258.335.377.616	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	74.038.006.571	-	(95.183.967.095)	-	(21.145.960.524)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(110.500.000.000)	-	(110.500.000.000)	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	9.994.095.337	-	(12.336.711.284)	(1.258.770.523)	(3.601.386.470)	
tức	-	-	-	-	-	-	-	(5.285.430.000)	(5.285.430.000)	
Tăng vốn điều lệ	662.999.100.000	(9.506.484)	-	-	(651.040.471.794)	(11.949.121.722)	-	-	-	
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	-	-	-	-	-	-	(13.330.882)	-	(13.330.882)	
Số cuối năm	1.104.999.100.000	-	22.951.530.000	(25.413.193.278)	78.880.000.950	-	312.968.008.798	59.630.923.267	1.554.016.369.737	
Năm nay										
Số đầu năm	1.104.999.100.000	-	22.951.530.000	(25.413.193.278)	78.880.000.950	-	312.968.008.798	59.630.923.267	1.554.016.369.737	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	208.948.230.404	20.389.716.298	229.337.946.702	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	63.539.567.849	-	(85.129.173.799)	-	(21.589.605.950)	
Trích lập quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.499.111.306)	(2.954.867.280)	(8.453.978.586)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(110.499.910.000)	-	(110.499.910.000)	
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(21.141.720.000)	(21.141.720.000)	
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	-	-	-	-	-	-	(50.135.000)	-	(50.135.000)	
Số cuối năm	1.104.999.100.000	-	22.951.530.000	(25.413.193.278)	142.419.568.799	-	320.737.909.097	55.924.052.285	1.621.618.966.903	

23.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Vốn cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	718.275.000.000	65,00%	718.275.000.000	65,00%
Các cổ đông khác	386.724.100.000	35,00%	386.724.100.000	35,00%
TỔNG CỘNG	1.104.999.100.000	100,00%	1.104.999.100.000	100,00%

23.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND		
	Năm nay	Năm trước	
Vốn cổ phần đã góp			
Số đầu năm	1.104.999.100.000	442.000.000.000	
Tăng vốn trong năm	-	662.999.100.000	
Số cuối năm	1.104.999.100.000	1.104.999.100.000	
Phân phối lợi nhuận			
	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (*)	21.179.855.950	21.000.000.000	179.855.950
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 (**)	20.900.000.000	-	20.900.000.000
Trích lập quỹ thưởng người quản lý (*)	509.750.000	-	509.750.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	63.539.567.849	-	63.539.567.849
Chia cổ tức bằng tiền (*)	110.499.910.000	-	110.499.910.000
TỔNG CỘNG	216.629.083.799	21.000.000.000	195.629.083.799

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024.

(**) Tạm trích 10% lợi nhuận sau thuế năm 2025 vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Tờ trình ngày 27 tháng 01 năm 2026 được Tổng Giám đốc phê duyệt.

23.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.499.910	110.499.910
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	110.499.910	110.499.910
Cổ phiếu phổ thông	110.499.910	110.499.910
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.499.910	110.499.910
Cổ phiếu phổ thông	110.499.910	110.499.910

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.5. Quỹ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ đầu tư và phát triển	78.880.000.950	63.539.567.849	-	142.419.568.799
TỔNG CỘNG	78.880.000.950	63.539.567.849	-	142.419.568.799

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.160.143.700.681	1.855.617.616.161
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.956.192.986.511	1.784.696.114.526
Doanh thu bán hàng hóa	196.227.862.961	63.043.322.691
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.805.078.645	6.102.093.153
Doanh thu khác	1.917.772.564	1.776.085.791
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(38.850.000)
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	-	(38.850.000)
DOANH THU THUẦN	2.160.143.700.681	1.855.578.766.161
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 34)	75.416.609.700	61.087.841.227
Doanh thu đối với bên khác	2.084.727.090.981	1.794.490.924.934

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.443.054.453.481	1.305.972.502.448
Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.262.434.701	42.496.837.189
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	13.811.878.913	5.424.770.920
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.172.722.822)
Giá vốn khác	37.308.676	-
TỔNG CỘNG	1.619.166.075.771	1.350.721.387.735

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.948.035.266	27.493.000.940
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.652.090.773	2.390.169.176
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	141.824.749	232.423.839
TỔNG CỘNG	42.741.950.788	30.115.593.955

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.456.561.615	2.376.789.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	741.999.962	485.620.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.223.774	-
TỔNG CỘNG	7.234.785.351	2.862.410.145

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	9.752.177.550	3.836.056.616
Chi phí vật liệu, bao bì, đóng gói sản phẩm	3.974.524.081	2.846.406.422
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	53.597.732	266.088.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.420.973.369	96.399.502.215
Chi phí bán hàng khác	7.460.487.712	8.101.959.530
TỔNG CỘNG	170.661.760.444	111.450.013.107

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	30.048.200.414	29.710.649.704
Chi phí đồ dùng văn phòng	992.216.169	952.134.381
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.091.756.724	1.030.041.811
Thuế, phí và lệ phí	9.728.858.048	6.771.870.797
Chi phí dự phòng	212.056.516	161.304.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.413.593.991	24.123.367.243
Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15.000.000.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	36.066.281.545	30.677.996.988
TỔNG CỘNG	116.552.963.407	93.427.365.690

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	444.254.469	1.453.576.792
Phế liệu thu hồi	202.395.455	92.796.364
Tiền phạt thu được	414.035.240	17.745.263
Hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	4.593.595.870	-
Các khoản khác	84.680.836	-
	5.738.961.870	1.564.118.419
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	-	(382.921.888)
Các khoản khác	(1.872.954.855)	(121.423.811)
	(1.872.954.855)	(504.345.699)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	3.866.007.015	1.059.772.720

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	747.159.842.746	623.256.495.658
Chi phí nhân công	197.359.574.953	188.589.794.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11)	33.895.986.804	44.595.909.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.149.735.371	497.665.163.463
Các chi phí khác	202.454.759.591	144.176.638.550
TỔNG CỘNG	1.791.019.899.465	1.498.284.002.256

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.
Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	57.927.381.635	69.602.914.984
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	5.870.745.174	354.663.559
TỔNG CỘNG	63.798.126.809	69.957.578.543

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	293.136.073.511	328.292.956.159
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản phạt hành chính về thuế	86.966.158	353.900.447
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	25.540.434.709	21.359.233.548
Các khoản điều chỉnh khác	227.159.669	(218.197.441)
Tổng lợi nhuận tính thuế	318.990.634.047	349.787.892.713
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	63.798.126.809	69.957.578.543

32.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

32.3. Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Khấu hao Tài sản cố định	7.262.306.452	12.503.362.726	5.241.056.274	354.663.559
Lãi nội bộ chưa thực hiện	121.931.021	-	(121.931.021)	-
	7.384.237.473	12.503.362.726		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ doanh thu dồn tích chưa tính thuế	751.619.921	-	751.619.921	-
	751.619.921	-		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			5.870.745.174	354.663.559

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	208.948.230.404	238.636.262.415
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(20.900.000.000)	(21.689.605.950)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	188.048.230.404	216.946.656.465
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	110.499.910	110.499.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.702	1.963
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.702	1.963

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo theo Tờ trình ngày 27 tháng 01 năm 2026 được Tổng Giám đốc phê duyệt. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Điều chỉnh	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế (VND)	238.636.262.415	-	238.636.262.415
Điều chỉnh tăng do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(21.000.000.000)	(689.605.950)	(21.689.605.950)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	217.636.262.415	(689.605.950)	216.946.656.465
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	110.499.910	-	110.499.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.970	(7)	1.963

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Pin -Ắc quy Miền Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	Công ty cùng Tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Thuê văn phòng	840.000.000	1.680.000.000
	Chia cổ tức	71.827.500.000	71.827.500.000
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Mua hàng	311.118.825	307.412.480
	Bán hàng	30.031.159.700	25.149.365.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Cho mượn hàng	1.878.212.500	673.692.500
	Bán hàng	2.751.896.000	-
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Bán hàng	1.891.730.000	4.088.351.000
Công ty Cổ phần Pin -Ắc quy Miền Nam	Bán hàng	16.881.199.500	7.070.832.500
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	Bán hàng	13.500.000	28.350.000
	Mua hàng	61.004.000	110.131.550
Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Mua dịch vụ	1.129.289.370	1.505.719.160
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng	22.306.147.500	23.685.695.000
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	Bán hàng	1.509.207.000	1.057.975.000
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Bán hàng	-	7.272.727
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Bán hàng	31.770.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Mua hàng	138.600.000	-

Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	4.247.300.016	4.025.082.240
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	40.910.400	450.641.880
Công ty Cổ phần Pin -Ắc quy Miền Nam	1.933.744.860	956.027.880
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	-	2.444.950.440
Công ty TNHH Nhựa và hóa chất TPC Vina	114.924.960	121.645.800
TỔNG CỘNG	6.336.880.236	7.998.348.240
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	3.173.190.000	-
TỔNG CỘNG	3.173.190.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	-	11.949.120
TỔNG CỘNG	-	11.949.120

34.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

❖ Năm 2025						VND	
Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Cộng	
Hội đồng quản trị						1.247.208.000	
Bà Nguyễn Thị Mai	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/02/2025)	-	36.500.000	402.000.000	808.708.000	1.247.208.000	
Ông Vũ Minh Ngọc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09/01/2025 và miễn nhiệm ngày 28/02/2025)	-	-	95.000.000	198.208.000	293.208.000	
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	-	10.500.000	99.000.000	211.500.000	321.000.000	
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	-	7.000.000	96.000.000	196.500.000	299.500.000	
Ông Nguyễn Hữu Tú	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/02/2025)	-	8.500.000	16.000.000	72.500.000	97.000.000	
Ban quản lý, điều hành						5.641.494.540	
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.573.381.600	383.111.000	96.000.000	2.589.001.940	5.641.494.540	
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	493.073.500	73.326.000	-	493.905.980	1.060.305.480	
Ông Võ Đình Thủy	Phó Tổng giám đốc	546.018.900	72.273.000	-	386.517.006	1.004.808.906	
Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng giám đốc	493.073.500	73.107.000	-	469.467.444	1.035.647.944	
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	433.884.300	64.000.000	-	394.840.506	892.724.806	
Ban kiểm soát						1.311.613.172	
Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	446.126.400	82.389.000	156.000.000	627.097.772	1.311.613.172	
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	446.126.400	65.889.000	-	354.597.772	866.613.172	
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên	-	8.250.000	78.000.000	96.000.000	182.250.000	
TỔNG CỘNG						176.500.000	262.750.000
						654.000.000	8.200.315.712

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

❖ Năm 2024						VND	
Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Cộng	
Hội đồng quản trị						753.050.000	
Ông Vũ Minh Ngọc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09/01/2025)	-	-	354.000.000	399.050.000	753.050.000	
Ông Nguyễn Hữu Tú	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23/04/2024 và miễn nhiệm ngày 03/01/2025)	-	-	84.000.000	110.500.000	194.500.000	
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	-	-	68.000.000	110.275.000	178.275.000	
Ông Lê Phương Đông	Thành viên	-	-	34.000.000	17.000.000	51.000.000	
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Thành viên	-	-	84.000.000	62.000.000	146.000.000	
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)	-	-	56.000.000	85.275.000	141.275.000	
Ban quản lý, điều hành						5.363.265.952	
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.431.654.223	340.189.000	84.000.000	2.507.422.729	5.363.265.952	
Ông Đỗ Trung Hiếu	Phó Tổng giám đốc	586.735.111	89.507.000	84.000.000	737.938.514	1.498.180.625	
Ông Võ Đình Thủy	Phó Tổng giám đốc	478.520.480	64.044.000	-	496.969.289	1.039.533.769	
Ông Lê Tùng Lâm	Phó Tổng giám đốc	471.651.168	64.030.000	-	368.948.179	904.629.347	
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Phó Tổng giám đốc	477.089.739	65.352.000	-	507.585.989	1.050.027.728	
Ban kiểm soát						1.192.597.732	
Bà Đỗ Thị Thoa	Kế toán trưởng	417.657.725	57.256.000	-	395.980.758	870.894.483	
Ông Nguyễn Minh Trí	Trưởng ban	429.986.247	75.436.000	132.000.000	555.175.485	1.192.597.732	
Bà Nguyễn Thị Minh Hà	Thành viên	429.986.247	57.436.000	-	340.675.485	828.097.732	
TỔNG CỘNG						126.000.000	201.000.000
						88.500.000	163.500.000
						570.000.000	7.308.913.684

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

35.1. Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	484.655,18	176.747,36
Đồng Euro (EUR)	7.590,21	1.069,46

35.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	1.077.385.950	1.077.385.950
CỘNG	1.077.385.950	1.077.385.950

36. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 17 tháng 10 năm 2025, Ủy ban Nhân dân phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 2351/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp - Sonadezi cho Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thuê lại để thực hiện đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai). Theo đó, tổng diện tích đất thu hồi là 82.308,9m², Công ty đang phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để triển khai công tác tháo dỡ và di dời tài sản trên đất theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Đặng Hồng Yến
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Lê Thanh Bình
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH BÌNH

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Trụ sở chính	22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	(028) 3829 6620 - 3822 5373
Website	www.sochemvn.com

BUILDING FOUNDATIONS SECURING FUTURES

2025 ANNUAL REPORT

2025

TABLE OF CONTENTS

CHAIRWOMAN'S MESSAGE

VISION – MISSION – CORE VALUES – BUSINESS PHILOSOPHY

01	GENERAL INFORMATION	10	General information
		18	Business lines, business location
		22	Governance model, management structure
		25	Development orientations
		34	Risks
02	OPERATIONS IN 2025	40	Situation of production and business operations
		44	Organization and human resources
		64	Investment activities
		68	Financial situation
		72	Shareholders structure
03	SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT	78	Sustainable development orientations
		79	Environmental impact
		85	Compliance with environmental law
		88	Olicies related to employees
		89	Report on responsibility for local community
04	BOARD OF GENERAL DIRECTORS ASSESSMENT	92	Assessment of operating results
		94	Financial situation
		96	Improvements in organizational structure
		100	Development plan for 2026
05	BOARD OF DIRECTORS ASSESSMENT	106	Assessment on operational aspects
		108	Assessment on the Board of Management
		109	Plans and orientations for 2026
06	CORPORATE GOVERNANCE	112	Board of Directors
		126	Board of Supervisors
		130	Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors
07	FINANCIAL STATEMENTS		

Building Foundations – Securing Futures

The theme “Building Foundations – Securing Futures” reflects the pivotal stage of development of South Basic Chemicals Joint Stock Company in 2025, marked by the official commencement of construction of the Nhon Trach Chemical Plant Project, a key project in the Company’s strategy to expand production scale, enhance manufacturing capacity, and modernize technology. This milestone represents an important step in establishing a solid foundation in terms of infrastructure, governance, and resources, laying the groundwork for the Company’s stable and long-term development. The theme also embodies the Company’s vision toward sustainable growth amid Vietnam’s ongoing economic recovery and development. Through proactive investment, strengthening internal capabilities, and enhancing competitiveness, the Company is well positioned to capture market opportunities, contribute actively to the chemical industry supply chain, and gradually reinforce its market position while creating long-term value for shareholders, employees, and society.



Chairwoman's Message

“Building Foundations - Securing Futures”

reflects the significance of 2025 as a pivotal milestone, marking important progress in the implementation of key investment projects, and opening up a long-term development phase for the Company. As a leading enterprise in the basic chemicals sector, CSV recognizes its responsibility to accompany economic development, preparing production capacity to create sustainable value for the chemical industry and the future of Vietnam.



Dear Esteemed Shareholders, Customers, Partners, and all Employees!

The global economy in 2025 continues to face many uncertainties, from geopolitical tensions, evolving trade policies, to ongoing shifts in global supply chains. Domestically, Vietnam's economy maintains positive growth momentum, supported by public investment, the recovery of industrial production, and development orientations for foundational industries. This context presents both challenges and new requirements for industrial enterprises, especially those that play a critical role in supplying essential inputs to the economy.

Vietnam's chemical industry is entering a crucial transition phase. Pressures from fluctuating raw material prices, energy costs, increasingly stringent environmental protection requirements, and competition from imported products demand that companies in the sector restructure their production space, upgrade product technology, and enhance operational standards. Concurrently, the trend of localization and the development of high value-added industries such as electronics, semiconductors, and energy are creating new growth potential for the basic chemicals sector.

The year 2025 marks a strategically significant milestone as the Company officially commences the Nhon Trach Chemical Plant Project. This is not merely a step to implement the relocation roadmap according to planning, but also a long-term investment decision, laying the foundation for a comprehensive restructuring of the production space, concentrating resources, and enhancing

technological capabilities. The project is oriented to become a modern and advanced chemical production complex, meeting high standards for safety, environment, and quality, thereby creating a basis for CSV to gradually develop product lines with high technical requirements, serving key industries.

In parallel with the implementation of the strategic investment project, the Company continues to maintain stable production and business operations, proactively adapting to market fluctuations, and strictly controlling costs. The Board of Management identifies project management, financial discipline, safety, and environmental protection as top priorities, while also focusing on human resource preparation and enhancing management capacity to ensure the progress, quality, and effectiveness of key projects. The strategic initiatives implemented in 2025 demonstrate CSV's consistent orientation in preparing for a sustainable development path, thereby continuing to affirm its position as a leading basic chemical enterprise.

On behalf of the Board of Directors, I sincerely thank the Shareholders, investors, partners, and all employees for their companionship, trust, and support throughout the past period. Your dedication and contributions are important driving forces for CSV to enter a new growth cycle, continuing to create sustainable values for the community, society, and the future.

Sincerely,

Chairwoman of the Board of Directors
Mrs. Nguyen Thi Mai

Vision – Mission – Core Values

Vision

To become a leading enterprise in the field of basic chemical production, committed to sustainable development, ensuring safety and environmental friendliness, and contributing to the preservation of the nation's valuable natural resources.

Mission

Continuously innovating, researching, and developing high-quality chemical products to meet diverse market demands, while creating sustainable value for the community and contributing to the promotion of national economic development.

Core values

Sustainable Development: Focusing on strategic investment and targeted development, ensuring business efficiency alongside social responsibility.

Quality and Reputation: Committed to product and service quality, maintaining trust with customers and partners.

Innovation: Continuously improving technology, production processes, and management methods.

People: Building a professional, creative, and comprehensively developing work environment for employees.

Safety and Environment: Prioritizing safety and environmental protection in all activities.

Business philosophy

"Customer satisfaction is the measure of success - Sustainable development is the long-term goal"

We believe that true success comes from creating value for customers, partners, and society, while maintaining sustainable long-term development for the chemical industry and the future of Vietnam.



01

General Information

General information	10
Business lines, business location	18
Governance model, management structure	22
Development orientations	25
Risks	34



General information

Trading name	:	South Basic Chemicals Joint Stock Company	Head office	:	22 Ly Tu Trong Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
Abbreviated name	:	South Basic Chemicals	Telephone	:	(028) 3829 6620 - 3822 5373
English name	:	South Basic Chemicals Joint Stock Company	Fax	:	(028) 3824 3166
Securities code	:	CSV	Website	:	www.sochemvn.com
Charter capital	:	VND 1,104,999,100,000	Business registration certificate no.	:	0301446260, first registered on September 24, 2003; 12th amendment registered on September 27, 2025, issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance.
Owner's capital	:	VND 1,104,999,100,000			

Establishment and development process

1976 - 1985

BEGINNING

- South Basic Chemicals Company was established on July 21, 1976, under Decision No. 240/HC of the General Department of Chemicals, comprising 04 affiliated units: Bien Hoa Chemical Plant (VICACO), Tan Binh Chemical Plant (COPHATA), Dong Nai Chemical Plant, and Thu Duc Chemical Plant.
- To meet the needs of research, production, and development, the Company established several additional units, including the Bao Loc Bauxite Mine, the Experimental Research Workshop, and the Electromechanical Workshop.

1986 - 2003

TRANSFORMATION

- During the period when Vietnam's economy began transitioning toward innovation and integration with the market economy, the Company was among the state-owned enterprises permitted to convert into a one-member limited liability company. On September 24, 2003, the Department of Planning and Investment issued the Company's first business registration certificate under the official name Southern Basic Chemicals One-Member Limited Liability Company.

2004 - 2013

MATURITY

- The Company has continuously strived for improvement and innovation to better meet market demands, while also expanding and developing its production activities. Additional units were established, including the Vietnam Phosphorus Plant (2004), which was later restructured as Vietnam Phosphorus Joint Stock Company in 2010, in which the Company holds a 65.05% stake, and Tan Binh Chemical Plant 2 (2009).
- On August 20, 2012, Vietnam National Chemical Group issued Decision No. 243/QĐ-HCVN regarding the equitization of Southern Basic Chemicals One-Member Limited Liability Company, setting the enterprise valuation date at 0:00 on October 1, 2012.
- On July 28, 2013, Vietnam National Chemical Group issued Decision No. 248/QĐ-HCVN approving the plan to convert Southern Basic Chemicals One-Member Limited Liability Company into South Basic Chemicals Joint Stock Company.
- On December 12, 2013, the General Meeting of Shareholders was convened to officially establish South Basic Chemicals Joint Stock Company.

2014 - Now

INNOVATION & DEVELOPMENT

- On January 2, 2014, the Company officially commenced operations under the name South Basic Chemicals Joint Stock Company. Following its equitization, the Company entered a phase of stable development. During this period, the Company accelerated investments in new machinery and equipment, expanded its production facilities, and prepared for the next stage of growth as the national economy deepened its integration, fully utilizing its production capacity to meet market demands.
- In 2024, the Company issued an additional 66.3 million Shares with an implementation Percentage of 100:150, increasing its Charter Capital to VND 1,104,999,100,000 from equity. This is a significant step, strengthening its solid financial foundation and expanding opportunities for sustainable development, enhancing the Company's position in the market.

2025

In 2025, the Company approved and implemented the key project of Nhon Trach Chemical Plant to relocate 03 existing factories from Bien Hoa 1 Industrial Park to Nhon Trach 6 Industrial Park in accordance with the policy of the Dong Nai Provincial People's Committee on converting Bien Hoa 1 Industrial Park into an urban - commercial - service area and improving the environment. The project not only meets the relocation requirements as per the plan but also creates a new infrastructure foundation, expands development potential, and promotes the Company's stable and sustainable development in the coming period. During the year, the Company also invested in, accepted, and put into use 05 works serving production and business, contributing to improving operational efficiency, stabilizing production, and supporting the completion of the set Indicators and plans.

Outstanding achievements



2000
Third-class Labor Order



2004
Second-class Labor Order



2016
First-class Labor Order



2015
Emulation Flag from the Prime Minister



2018
Emulation Flag from the Vietnam General Confederation of Labor



2019
Emulation Flag from the Commission for the Management of State Capital at Enterprises (CMSC)



1995
Certificate of Merit from the Vietnam General Confederation of Labor



2006
Certificate of Merit from the Prime Minister



2015
Certificate of Merit from Vietnam National Chemical Group
For outstanding achievements in the 90-day sprint emulation campaign in 2015 to exceed the 2015 business production plan (Second Prize)



2016
Certificate of Merit from the Vietnam General Confederation of Labor
Certificate of Merit from the Vietnam National Chemical Group
For outstanding achievements in Science and Technology activities during 2016-2020, contributing to the development of the Group



2017
Certificate of Merit from the Ministry of Industry and Trade
Certificate of Recognition: “Enterprise for Employees”



2020
Certificate of Merit from the Vietnam General Confederation of Labor
Certificate of Merit from the CMSC



2023
Certificate of Merit from the Ministry of Industry and Trade





2020
Emulation Flag from Vietnam National Chemical Group



2021
Emulation Flag from the CMSC
Emulation Flag from Vietnam National Chemical Group



2022
Emulation Flag from the Prime Minister
Emulation Flag from the CMSC
Emulation Flag from the Vietnam General Confederation of Labor
Emulation Flag from Vietnam National Chemical Group



2023
Emulation Flag from the CMSC
Emulation Flag from the Vietnam Trade Union of Industry and Trade



2024
Emulation Flag from the Vietnam Trade Union of Industry and Trade

Outstanding achievements

2015

Top 50

Environmentally-Friendly Brand

2016

Top 10

Reputable Brands in
Vietnam's Chemical Industry

2017

Top 50

One of the Top 50 Leading Brands in Vietnam

2018

Top 50

Best-Listed Companies in Vietnam

2019

Vietnam Gold Brand Certification

Outstanding Labor Collective
of 2019 recognized by
Vietnam National Chemical Group

2020

Top 329 Listed Enterprises that fully complied
with information disclosure obligations

Outstanding Labor Collective
of 2020 recognized by
Vietnam National Chemical Group

2021

Outstanding Labor Collective
of 2021 recognized by
Vietnam National Chemical Group

2022

Top 42 Capitalized Enterprises with
the best annual reports selected for the
final round

Top 10 Strong ASEAN Brands 2022

Achieved the title of
High-Quality ASEAN Products – Services 2022

Outstanding Labor Collective
of 2021 recognized by
Vietnam National Chemical Group

2023

Bronze award for 'Vietnam's No. 1 Brand 2023'
evaluated and selected by the
Asia Business Development Research Center.

Top 5

Unit with the highest profit in
Vietnam National Chemical Group in 2023

Top 5

Unit with the highest return on equity in
Vietnam National Chemical Group in 2023

Outstanding Labor Collective of 2023 recog-
nized by Vietnam National Chemical Group

2024

Top 5

Most profitable units of
Vietnam National Chemical Group in 2024

Top 5

units with the best return on equity of
Vietnam National Chemical Group in 2024

Outstanding unit in the emulation movement
of Vietnam National Chemical Group in 2024

2025

Top 5

Most profitable units of Vietnam National
Chemical Group in 2025

Information Disclosure Standard Achievement
Certificate awarded by VietStock



Business lines and business locations

Business lines

- 1

Manufacture of basic chemicals
Details: Manufacture of chemical industry products (excluding highly toxic chemicals, no chemical production in Ho Chi Minh City)..
- 2

Manufacture of other chemical products not elsewhere classified
Details: Manufacture of chemicals for industrial use, manufacture of chemicals for food additives (not operating at the head office).
- 3

Manufacture of other food products not elsewhere classified
Details: Processing of salt products for food use (not operating at the head office).
- 4

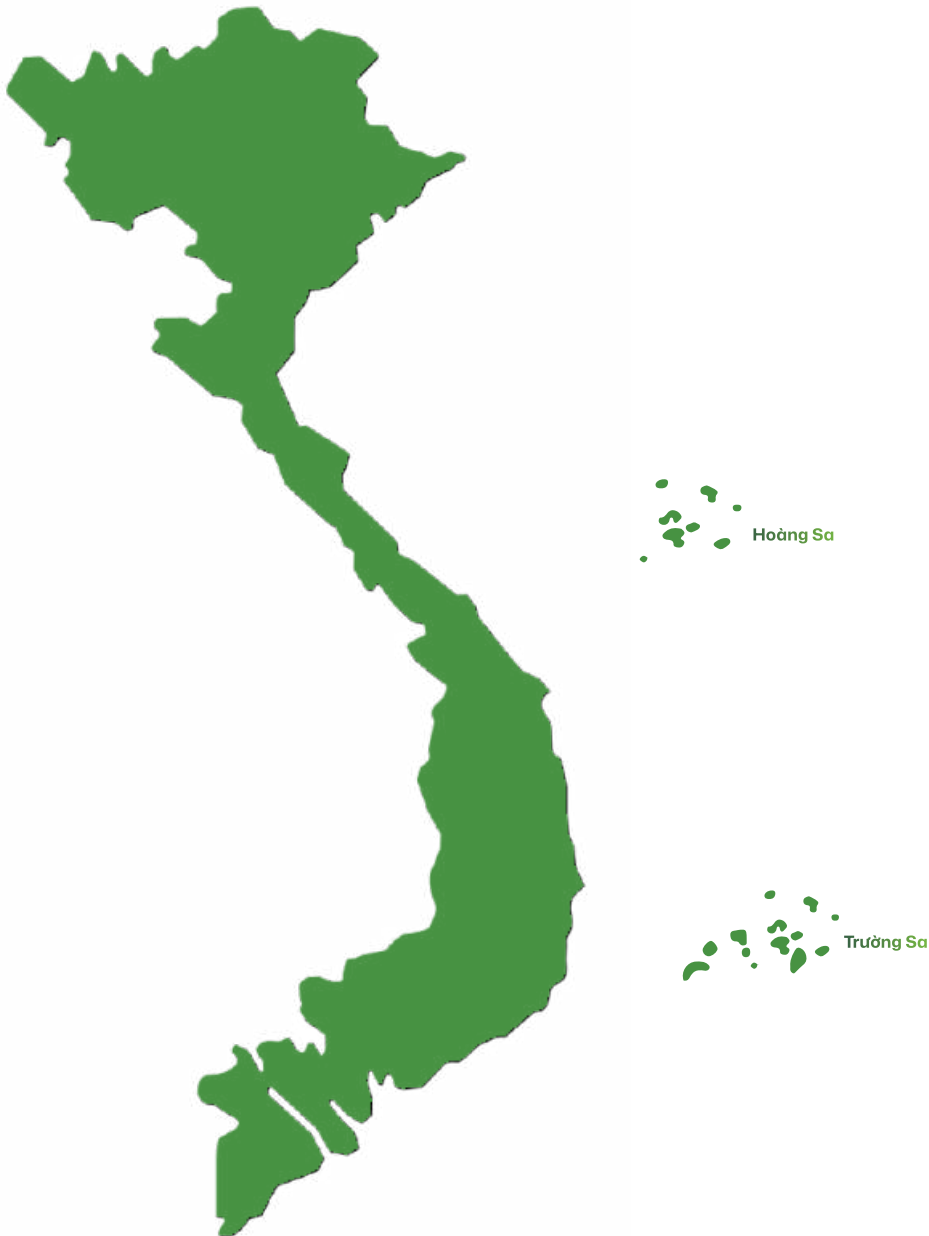
Other specialized wholesale not elsewhere classified
Details: Wholesale of chemicals for industrial use; wholesale of chemicals for food additives.
- 5

Manufacture of fertilizers and nitrogen compounds
(not operating in Ho Chi Minh City)
- 6

Scientific research and technological development in the field of science and technology
Details: Other experimental research and service activities.

Business locations

With a diverse and high-quality portfolio of basic chemical products, the Company has been steadily building a strong distribution network spanning from the Central and Central Highlands regions to the Southwestern provinces and Ho Chi Minh City. Beyond being a trusted domestic partner, the Company is gradually expanding its international footprint, particularly in the Southeast Asian region. Backed by extensive experience and stable production capacity, the Company takes pride in being a reputable enterprise in the chemical industry - consistently accompanying and contributing to the nation's economic development.



Signature products

NaOH–Chlorine product group

The NaOH-Chlorine product group is the Company's core product line,, including liquid caustic soda (20%-50%) and chlorine-based products such as hydrochloric acid (20%-35%), liquid chlorine (99.99%), Poly Al-uminium Chloride (liquid PAC 10%-17%, powdered PAC 30%-31%), and Javen (40-120 g/l effective chlorine). The Company uses modern ion-exchange membrane brine electrolysis technology, ensuring optimal ca- pacity, improved quality, and environmental safety. The NaOH-chlorine product group meets the needs of various industries including water treatment, paper, textile dyeing, food, and petrochemicals.



Sodium hydroxide (NaOH)

Oil refining, paper industry, textile, food, soap and detergent manufacturing, aluminum ore processing



Hydrochloric acid (HCl)

Steel pickling, textile dyeing



Liquid chlorine (Cl₂)

Water treatment, bleach production



Poly Aluminium Chloride (liquid & powder)

Paper manufacturing, wastewater treatment, oil and gas



Javen (NaClO)

Xử lý nước, công nghiệp giấy, dệt



Disinfectant - Chloramine B

Disinfection, surface sterilization



Phosphorus product group

The phosphorus product group includes yellow phosphorus produced by Vietnam Phosphorus JSC (a subsidiary of CSV) through ore beneficiation and processing into yellow phosphorus for export to mar- kets such as India and Japan and as input materials for Dong Nai Chemical Plant to produce phosphoric acid and other phosphate-based products. Phosphorus products serve many important sectors such as fertilizers, pharmaceuticals, food, electroplating, and microbiology.



Yellow phosphorus (P₄)

Production of H₃PO₄, used in the semiconductor industry, electric vehicle batteries



Phosphoric acid (H₃PO₄)

Raw material for producing fertilizers, pesticides, animal feed, sugar, cooking oil, MSG, food phosphate salts, microbiolog- ical industry



Sulfuric acid and sulfate product group

Sulfuric acid and sulfate product group includes technical sulfuric acid (50%-98%), pure sulfuric acid (50%-97%), aluminum sulfate alum (7.5%-17% Al₂O₃), widely used in food production, batteries, fertilizers, and water treatment applications.



Sulfuric acid (H₂SO₄)

Production of fertilizers, aluminum alum; used as electrolyte in lead-acid batteries



Pure Sulfuric Acid

Used in the pharmaceutical industry, laboratories, produc- tion of high-quality products, production of fertilizers, pesti- cides, synthetic detergents, chemical fibers, plastics, paints



Aluminum sulfate alum (Al₂(SO₄)₃·nH₂O)

Water treatment, paper production

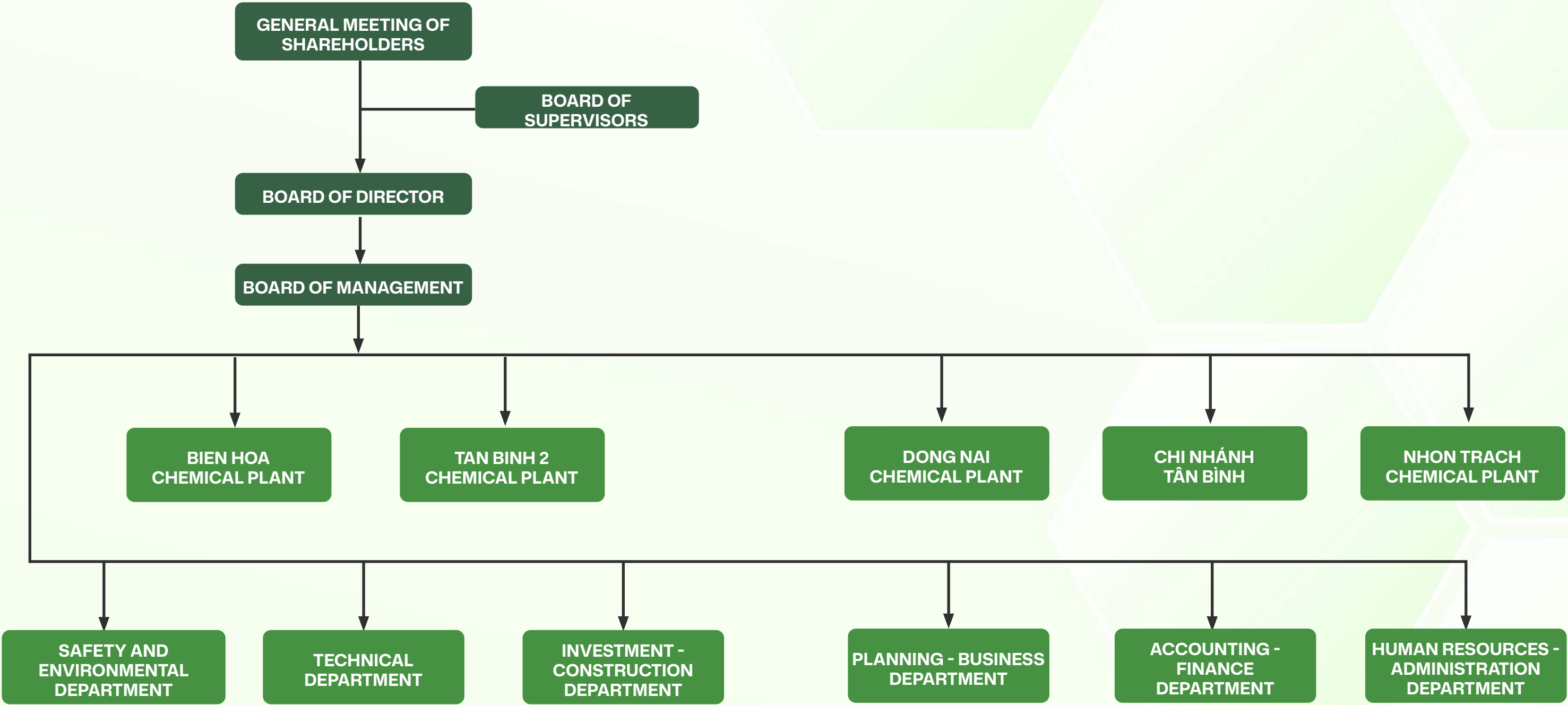
Governance model and management structure

South Basic Chemicals Joint Stock Company currently operates under the Joint Stock Company model, with an efficient organizational structure and a streamlined, capable workforce. This has been a core principle emphasized by the Board of Management since its early days, considered a key factor in ensuring operational efficiency, enhancing brand value and corporate image, and ultimately driving sustainable development.

Management structure

Accordingly, the Company's governance model operates in accordance with Point a, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprises 2020, which stipulates the following:

- General Meeting of Shareholders;
- Board of Directors;
- Board of Supervisors;
- Board of Management.



Subsidiaries, associated companies

Subsidiaries

Name of company	Address	Main production-business field	Actual contributed charter capital	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Vietnam Phosphorus Joint Stock Company	Tang Loong Industrial Park, Tang Loong Commune, Lao Cai Province.	Production, trading, import and export of yellow phosphorus.	39,345.48	65.05%

Associated companies

None

Affiliated units

No.	Name of company	Address	Main production-business field
1	Bien Hoa Chemical Plant	Road 5, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province.	Production of NaOH – Chlorine and related derivatives, serving various manufacturing industries. The plant's products are primarily supplied to the Southern market.
2	Tan Binh 2 Chemical Plant	Road 5, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province.	Production of H ₂ SO ₄ (sulfuric acid) and aluminum sulfate. The plant's products are primarily supplied to the Southern market.
3	Dong Nai Chemical Plant	Road No. 1, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien Ward, Dong Nai Province.	Production of technical-grade H ₃ PO ₄ (phosphoric acid), food-grade H ₃ PO ₄ , and phosphate-based products. The plant primarily serves industries such as sugar refining, high-quality micronutrient fertilizer production, animal feed processing, food production, cosmetics, beverages, and beer manufacturing.
4	Tan Binh Branch	139 Phan Huy Ich, Tan Son Ward, Ho Chi Minh City.	Trading Al(OH) ₃ (aluminum hydroxide), H ₂ SO ₄ (sulfuric acid), and Chloramine B. The branch's products are widely used in various industries, including electronics, battery manufacturing, paper production, fertilizers, water treatment, and disinfection.
5	Nhon Trach Chemical Plant	Nhon Trach 6C Industrial Sub-zone, Nhon Trach 6 Industrial Park, Phuoc An Commune, Dong Nai Province	The Company is currently investing in the construction of Nhon Trach Chemical Plant, with operations expected to commence in 2026.

Development orientations

01

Develop the Company with a market-oriented approach, building on a value chain linked to the ecosystem of Vietnam National Chemical Group, aiming to expand the market and become one of Vietnam's leading basic chemical manufacturers.

02

Develop the Company in a comprehensive, sustainable manner, with high competitiveness, exploring and covering nationwide markets, aligning with the development plan for the chemical industry in Vietnam.

03

People are the key factor, forming a team of highly qualified and responsible employees with professional conduct and proactive creativity in work. Build and develop the reputable and high-quality Southern Basic Chemicals brand.



Development orientations

Chemical industry outlook



Macroeconomics 2025 - External Challenges, Internal Resilience

In 2025, the global economy decelerated with global GDP reaching 3.20%, reflecting the impact of protectionism and geopolitical risks. Although tariff tensions have somewhat eased, risks persist as the US-China agreement only lasts for one year and President Trump continues to be firm on trade issues. Against this backdrop, Vietnam's economy demonstrated positive resilience. GDP in 2025 increased by 8.02%, the highest level in the 2011-2025 period (excluding 2022

due to a low base effect), driven by public investment disbursement, industrial production recovery, and export growth from FDI enterprises. However, domestic consumption remained below pre-pandemic levels, partly due to the impact of extreme weather with estimated damages of 99,469 billion VND, according to the General Statistics Office of Vietnam. Overall, the economy showed strong internal resilience despite numerous external challenges.



Chemical Industry Accelerates with Vietnam's "New Growth Era"

In the short term, the chemical industry's outlook is supported by improved manufacturing activity, with PMI consistently above 50 points as of December 2025, according to S&P Global. This reflects recovering demand in downstream industries such as paper, textiles and dyeing, steel, food, and water treatment, thereby boosting demand for basic chemicals. For the 2026-2030 period, the Government aims for an average GDP growth of 10% per year, thereby reinforcing the chemical industry's pivotal role in the industrialization process. According to the Strategy for Chemical Industry Development to 2030, Vision to 2040, the Ministry of Industry and Trade identifies basic chemicals as a key sub-sector and aims to expand capacity; develop concentrated chemical

complexes; and simultaneously reduce reliance on imported raw materials. The strategy emphasizes the goal of enhancing input self-sufficiency and increasing product value, creating a foundation for sustainable growth across the entire industry. Overall, the chemical industry possesses significant growth potential, especially in the long term, despite remaining susceptible to fluctuations in output prices based on market supply and demand. Furthermore, the profitability of businesses in the industry heavily depends on production costs, particularly the prices of imported raw materials such as industrial salt, apatite ore, sulfur, along with electricity costs. Specifically:



Rising Electricity Prices but Still Competitive Globally

Electricity price is a key cost factor for the chemical industry, accounting for approximately 30% of the cost of goods sold. In the 2024-2025 period, although electricity prices in Vietnam have been adjusted upward twice and are gradually moving towards market-based operation, the current price remains among the lowest in the world, helping domestic

businesses maintain a cost advantage compared to major NaOH producing countries like China and the US. However, the upward trend in electricity prices in the coming years could put pressure on profit margins and reduce the competitiveness of chemical businesses against imported goods.



NaOH-Chlorine – Cyclical Pricing Amid Capacity Constraints

Caustic soda (NaOH) is an essential basic chemical widely used in the paper, textile dyeing, aluminum, water treatment, and detergent industries. Domestic demand in Vietnam continues to grow steadily, reaching an estimated 450,000 tons per year during 2024-2025. However, current domestic production capacity meets only about 55% of demand, requiring Vietnam to maintain large-scale imports, mainly from China and other Asian countries. As a result, domestic NaOH prices are highly sensitive to import prices, particularly movements in the Chinese market, leading to cyclical price fluctuations. Despite strong demand growth, capacity expansion still faces several constraints. One key challenge is the limited supply of industrial salt, the primary raw material for chlor-alkali electrolysis. Vietnam

imports 400,000-600,000 tons of salt annually, with out-of-quota imports subject to tariffs of up to 50%, increasing production costs and reducing competitiveness compared with regional producers. Excess chlorine output also limits NaOH capacity expansion, as chlorine and caustic soda are produced simultaneously during electrolysis. While many countries export NaOH due to strong chlorine demand, Vietnam faces the opposite situation: domestic chlorine consumption remains limited, constraining production expansion. In the long term, the development of downstream industries such as PVC, petrochemicals, and water treatment could improve the utilization of surplus chlorine and hydrogen, thereby supporting profit margins.



Phosphorus – Semiconductor Demand Driving Growth

Vietnam is currently one of the world's leading producers of yellow phosphorus, with a capacity of approximately 100,000 tonnes per year, while domestic demand is quite low. Consequently, most of the output is exported to Japan, South Korea, and India, primarily in the form of crude P₄ or food-grade H₃PO₄, indicating that the industry has not deeply engaged in high-value segments such as electronic-grade acid due to limitations in refining technology and reliance on imported high-quality Apatite ore. The outlook for P₄ prices is generally positive, supported by increasing demand from the

semiconductor industry, lithium phosphate batteries, and fertilizers. Additionally, China, the largest producer, continues to tighten exports to prioritize domestic demand, contributing to maintaining high price levels. However, the growth potential of Vietnamese businesses is limited by reliance on imported raw materials and tightening export policies, as yellow phosphorus will be subject to an export tax of 10% from Date 01/01/2026 and 15% from 2027, according to Decree 199/2025/ND-CP, an increase from the previous rate of 5%.



Sulfur – Prices Moving in Line with Oil Market Trends

Vietnam's sulfur market relies almost entirely on imports due to limited domestic recovery from oil refineries, while significant demand comes from the production of sulfuric acid, DAP fertilizers, water treatment, and batteries. Sulfur prices have recently fluctuated with the rising trend of Brent crude oil prices as fertilizer demand and transportation costs escalated. The trend for sulfur prices in 2025 is generally upward and highly volatile, with the

potential to enter a new growth cycle, but not entirely linear. In 2025, the sulfur market recorded an upward trend and maintained high price levels, primarily due to slow growth in supply from refining activities while demand from fertilizer and sulfuric acid production steadily recovered. Despite short-term correction phases, sulfur prices generally fluctuate cyclically but maintain an upward trend, reflecting a relatively tight supply-demand balance in the global market.

Development orientations

SWOT analysis



01 Strengths (S)

- Maintains a leading position in the basic chemicals sector in the South with key products such as NaOH, Chlorine, H₂SO₄, and PAC, providing a solid foundation for market expansion.
- Diverse product portfolio serving many essential industries (paper, textile dyeing, steel, clean water, fertilizers) helps stabilize demand and reduce Revenues fluctuations.
- Leverage advantages from the Vinachem ecosystem to optimize resources, control risks, and enhance competitiveness.

02 Weaknesses (W)

- Heavy reliance on imported raw materials (industrial salt, sulfur) makes costs highly susceptible to exchange rates and commodity prices.
- The prolonged relocation of 3 factories from Bien Hoa 1 Industrial Park to Nhon Trach 6 Industrial Park affects operational efficiency and delays capacity expansion.
- The capacity to increase NaOH-Chlorine output is limited due to the lack of a large-scale chlorine absorption industry.

03 Opportunities (O)

- The development of the electronics-semiconductor industry drives demand for high-purity chemicals, opening up a high-value market that CSV is preparing to meet.
- The Nhon Trach Chemical Plant project helps centralize production, optimize costs, and upgrade technology, creating long-term growth momentum.
- The trend of localization and the shift of chemical supply chains away from China create opportunities for expanding exports and processing high-value products.

04 Threats (T)

- Serving downstream industrial sectors and relying on imported raw materials, business results are easily affected by economic fluctuations and exchange rates.
- Competition from foreign manufacturers, who are not subject to import quotas.
- Changes in consumption trends, such as shifting from washing powder to liquid detergent and capsules, reduce demand for input products like Silicate.
- Increased competitive pressure from new large-scale capacity projects within the same industry.

Main objectives of the Company

Product development and market expansion

1

Promote research, improvement, and development of a diverse chemical product portfolio to expand the market, address the NaOH-Chlorine balance issue, compete with imported products and those from other entities, provide high-quality products, and bring practical benefits to society and the community.

Effective capital management

2

Ensure legal rights for shareholders, preserve capital, enhance capital utilization efficiency, and fulfill obligations to the State.

Enhance production capacity

3

Focus on investment, repair, and improvement of machinery and equipment lines to stabilize production and business operations and save raw materials. Concentrate resources to ensure the timely implementation of the Nhon Trach Chemical Plant project, relocation, and stabilization of production and business activities.

Sustainable brand development

4

Build and maintain the brand, while simultaneously expanding and developing synchronously other business areas and product lines where the Company has an advantage, creating a stable, long-term, and solid foundation for development.

Commitment to green development

5

Aim for production that ensures safety, environmental friendliness, and preservation of valuable natural resources.

Development strategies in medium & long term

Product strategy

Creating value through quality and innovation

- Focus resources on core products: The Company aims to concentrate resources on developing core business products, with a focus on the NaOH – Chlorine product group, to increase consumption of high-margin products and achieve sustainable competitiveness. NaOH – Chlorine products are currently supplied to many key industries such as steel, electronics, textiles and dyeing, water treatment, etc., which are sectors with long-term growth potential, thereby creating a stable foundation for the Company's Revenues growth and business efficiency.
- Product differentiation through quality and standards: The Company focuses on improving product quality to differentiate itself from competitors, by registering and completing technical standards and certifications recognized in Vietnam and internationally, thereby meeting technical requirements when entering markets and expanding export opportunities to new markets and countries.
- Development of new products: The Company implements a strategy aimed at increasing added value and meeting the growing demands of the market. The focus is on researching and developing production plans for existing inorganic acids (HCl, H₂SO₄, H₃PO₄) according to electronic standards, to meet the strict technical requirements of the electronics and semiconductor industries. Accordingly, the Company continues to research, seek, and apply suitable technology and equipment to produce high-quality H₂SO₄, meeting stringent technical Indicators and serving the electronics industry. At the same time, the Company is conducting trial production of Nano Silica products at the factory with quality meeting technical standards for application in the rubber, plastics, and related industrial sectors, alongside researching methods to utilize by-products to optimize production efficiency. Additionally, the Company enhances coordination among its production, business, and marketing departments to research the specific needs of each customer group, including individual requirements for concentration and technical standards, thereby developing diverse product lines in terms of quality, fully meeting customer and market demands.

Market Strategy

Consolidating traditional markets, exploring the potential of the electronics industry

- Amidst a complex market environment influenced by macroeconomic factors, the Company implements a flexible pricing strategy, monitoring daily price fluctuations to offer the most reasonable prices to customers, thereby maintaining market share and ensuring stable Revenues.
- The Company focuses on researching the specific needs of each customer group, especially large industrial customers, to develop products that meet specific requirements for concentration and technical standards. Based on this, the product portfolio has been diversified in terms of specifications and quality, including: NaOH (20% – 50%), HCl (18% – 35%), Javel (40g/l, 100g/l, 120g/l), liquid PAC (PAC and PAC-F with concentrations of 10% – 17%), powdered PAC (PAC and PAC-F with concentrations of 30% – 31%), pure H₂SO₄ (30% – 98%).
- To expand its market into high-tech industries, the Company is researching and developing production plans for existing inorganic acids such as HCl, H₂SO₄, and H₃PO₄ according to electronic standards, to meet the stringent technical requirements of the electronics and semiconductor industries.

Sustainable development objectives

“

As a leading basic chemical manufacturer, the Company identifies sustainable development as a continuous direction in its long-term strategy, closely linking economic efficiency, social responsibility, and environmental protection. Based on this, the Company is gradually building a sustainable supply chain, strengthening connections and cooperation with stakeholders from input to output. Stakeholders are identified as strategic partners who directly influence the Company's operations and development, including: Customers, Shareholders/Investors, Employees, State Management Agencies, the Environment, and Local Communities. Through regular consultation and feedback, the Company continuously adjusts its operations to meet the legitimate expectations of its stakeholders.

”



For customers

- Continue to promote the business philosophy: “Customer satisfaction is the Company's success”.
- Maintain relationships and focus on after-sales services for existing customers, and implement appropriate sales policies amidst intense price competition from domestic and international rivals.
- The Company always aims to develop new products and improve existing ones to promptly meet customer needs.

For employees

- Human resources are a valuable asset of the Company. The Company always focuses on recruiting personnel with the Qualification and expertise to meet the requirements of each position. Furthermore, to maintain and continuously enhance the quality of its human resources, the Company develops annual personnel training plans to serve its development objectives.
- A healthy, open, comfortable, and well-equipped working environment is crucial for employee morale and work performance. Therefore, in conjunction with building a quality working environment, the Company ensures timely salary payments, fair distribution of the salary fund, and applies diverse and flexible remuneration and welfare policies to encourage employees to enhance their work capacity, dedication, and long-term commitment to the Company.
- Develop corporate culture to boost work motivation and strengthen internal solidarity for the Company's development.

For shareholders/investors

- Manage, utilize, and invest capital effectively with the aim of optimizing shareholders' long-term benefits.
- Address investor inquiries through annual General Meeting of Shareholders. Receive feedback via Telephone, email.
- Disclose information in accordance with regulations.

For State management agencies

- Comply with legal regulations in the fields of safety, environmental protection, and specific regulations of the chemical industry.
- Regularly update legal documents to adapt to new regulations, ensuring compliance, especially in the Company's production and business sector.
- Comply with financial obligations and tax obligations.

For Environments & Local Community

- Continuously promote investment in research and improvement of environmentally friendly production technology, enhance waste treatment processes to reduce environmental pollutants, apply clean production methods and green chemistry, aiming for sustainable development.
- The Company is always committed to fully fulfilling its responsibilities and obligations to the community and society, joining hands to build a good and sustainably developing society.

Risks

Risk evaluation

Risk	Economic Risk	Exchange Rate Risk	Legal Risk
Risk level	High	Medium	Medium
Details	In 2025, despite an uncertain tariff environment, Vietnam's economy maintained positive growth momentum thanks to expansionary fiscal and monetary policies, boosting credit, public investment, and production support. Exports recovered towards the end of the year as trade tensions eased. The Company operates in the basic chemical manufacturing sector with key products such as NaOH, H₂SO₄, HCl, H₃PO₄, and PAC – which are important input materials for many essential manufacturing industries like fertilizers, paper, textiles, water treatment, detergents, pesticides, steel plating, etc. Therefore, all economic fluctuations directly affect the demand for the Company's products. In the context of uneven economic recovery, especially in major consuming industries, the demand for basic chemicals may be affected.	In 2025, the USD/VND exchange rate faced depreciation pressure in the early part of the year due to the high USD and unfavorable interest rate differentials. However, from the second half of the year, exchange rate pressure gradually eased thanks to the State Bank's flexible management policies, coupled with positive developments in the balance of payments, especially the merchandise trade surplus. As a result, exchange rate fluctuations were controlled within a reasonable range. Overall for the year, the VND depreciated by approximately 3.4% against the USD, lower than the initial forecast. As an enterprise importing many strategic raw materials such as industrial salt and sulfur, exchange rate fluctuations will significantly impact the cost of raw materials and business results.	During the 2024-2025 period, the system of legal normative documents, especially in the fields of construction investment and bidding, has undergone many changes in a short period, requiring project participants to constantly update and adjust implementation plans, thereby prolonging the preparation and implementation time for construction investment procedures. Additionally, some regulations regarding the criteria for evaluating contractors' capacity and experience are not truly clear or consistent, causing difficulties in the bid evaluation process. For the Nhon Trach Chemical Plant Project, in addition to the general risks mentioned above, the project also encountered several specific legal obstacles affecting implementation progress, including inconsistencies between construction planning and land use planning, leading to review, adjustment, and consultation procedures with state management agencies. At the same time, some legal procedures arising during implementation have prolonged the time required to complete project documentation.

New Product Development Risk	Environmental Risk	Fire and explosion risk	Force majeure risks
Medium	High	High	Medium
New product research and development is a strategic direction for the Company but faces many challenges due to the specific nature of the basic chemical industry. The product approval process must undergo strict evaluation by regulatory agencies, requiring a long time and significant resources. New product development also requires substantial investment in technology lines, specialized storage facilities, and highly skilled technical personnel. Notably, the project to relocate 3 factories from Bien Hoa 1 Industrial Park to Nhon Trach 6 Industrial Park restricts the ability to test and expand products at existing facilities, affecting the progress of new product development.	The chemical industry inherently carries high environmental risks related to waste, emission, and wastewater management. The Company must comply with increasingly stringent regulatory systems, requiring significant investment in treatment and monitoring technologies. Some production facilities have been operating for many years, making it difficult to upgrade them to new standards. The risk of environmental incidents is always present if operational processes are not well controlled.	Due to the specific nature of producing and storing flammable chemicals, the risk of fire and explosion is always latent and can cause serious damage to people, property, and production disruptions. Factors such as electrical systems, ventilation, in chemical warehouses, or equipment malfunctions are all sources of risk that require continuous monitoring.	The Company's business production activities may be severely affected by force majeure events such as natural disasters, floods, epidemics, or Geopolitical fluctuations. In 2025, Vietnam recorded an unusual and severe level of natural disasters with a series of records for storms, tropical depressions, and large floods causing widespread deep inundation. These incidents can cause property damage, operational disruptions, and affect employee safety.

Risks

Risk mitigation solutions

Rủi ro	Economic Risk	Exchange Rate Risk	Legal Risk
Details	• Closely monitor market developments to adjust pricing policies. • Expand customer research and develop new products to meet demand, enhancing response capabilities. • Develop flexible business production plans for both positive and negative market fluctuations.	• Maintain raw material reserves for 1–3 months, develop flexible import plans, and optimize payment terms with international partners to control exchange rate risks and ensure stability in production and business.	• Monitor and promptly update legal regulations and adjust internal procedures accordingly. • Collaborate with consulting firms, strengthen legal due diligence in investment projects and contract documentation. • Standardize contract terms, enhance legal capacity, and coordinate closely with regulatory agencies to mitigate risks.

New Product Development Risk	Environmental Risk	Fire and explosion risk	Force majeure risks
• Implement a new product development strategy at Nhon Trach Chemical Plant, prioritizing products based on Chlorine, Sulfuric acid, and Phosphoric acid. • Maximize the utilization of existing input raw materials and intermediate products to optimize costs and enhance production efficiency. • Invest in upgrading infrastructure, equipment, and R&D capabilities in line with the technical requirements of new products. • Coordinate closely with regulatory agencies to shorten evaluation times and manage product development progress.	• Comply with the environmental management system and invest in modern treatment and monitoring technology. • Upgrade infrastructure and equipment to meet new environmental standards. • Develop and periodically drill environmental incident response plans. • Provide training to raise environmental awareness and coordinate closely with authorities.	• Strictly comply with fire prevention and fighting regulations and operate modern fire suppression systems. • Enhance supervision and periodic maintenance of areas and equipment with fire and explosion risks. • Organize drills, incident response skills training, and coordinate closely with local fire prevention and fighting forces.	• Develop prevention scenarios and emergency response plans for each type of risk. • Operate an early warning system to monitor risk developments and proactively adjust production plans.

02

Operations in 2025

Situation of production and business operations	40
Organization and human resources	44
Investment activities	64
Financial situation	68
Shareholders structure	72

Operation results in 2025

2025 witnessed numerous fluctuations in the global business environment as trade protectionism, tariffs, and geopolitical conflicts increased, leading to a decline in international trade and investment activities. Extreme weather and natural disasters also disrupted supply chains in many regions. Domestically, businesses faced pressure from competitively priced imported goods, making it more challenging to expand consumer markets. In this context, the Company proactively adapted, leveraging its leading enterprise advantage to maintain stable production and seize market opportunities.

Opportunities

In 2025, stable macroeconomic conditions and the recovery of several key industries created favorable conditions for the demand for basic chemical products, while also supporting improved selling prices for some items.

- Stable inflation and expansive fiscal-monetary policies laid the foundation for industrial production activities, especially in the electronics, construction materials, and paper sectors, thereby helping the consumption volume of the Company's key products recover.
- Increasing market share and expanding customers for NaOH and pure H₂SO₄ products contributed to improving profit margins.
- In the domestic market, the end of the year is marked by a surge in shopping demand during the Lunar New Year period. This created momentum to boost commercial and production activities in the supply chain, thereby positively supporting the Company's business operations.

In addition to favorable market factors, the Company continued to leverage its internal strengths:

- The Board of Management demonstrated excellent governance capabilities by closely monitoring market developments and promptly adjusting business strategies to suit each phase.
- The production system was maintained stably through professional and periodic maintenance activities.
- Effective supply chain management with an optimal inventory policy, ensuring a continuous supply of raw materials for production activities.

Challenges

The Company faced dual pressure as selling prices for many products had not recovered while input material costs increased, negatively impacting profit margins.

- The Company's key products, NaOH and HCl, recorded low selling prices due to competitive pressure from imported goods. Chlorine-based products continued to face significant difficulties as industries heavily relying on chlorine had not recovered, keeping selling prices low, sometimes even below production costs.
- Demand in some downstream industries remained weak, affecting consumption volume. Additionally, due to changes in customer production, consumption of silicate and single alum products is forecast to decrease in the coming years.
- Input costs increased significantly, especially for industrial salt, sulfur, and electricity prices. Phosphorus group production activities faced additional pressure from the shortage of apatite ore and poor ore quality (P₂O₅ content from 19% to 24%), thereby negatively impacting the business operations of Vietnam Phosphorus Joint Stock Company.

Revenue and profit fluctuations

Unit: Million VND

STT	Indicators	2025	2024	% Change
1	Net revenues	2,160,144	1,855,579	16.41%
2	Gross profit	540,978	504,857	7.15%
3	Profit from business activities	289,270	327,233	-11.60%
4	Profit before tax	293,136	328,293	-10.71%
5	Profit after tax	229,338	258,335	-11.22%
6	Basic earnings per share (VND)	1,702	1,963	-13.30%

Amidst a challenging market, Southern Basic Chemical Joint Stock Company operated flexibly to maintain stable production and business activities; focusing resources on the key Nhon Trach Chemical Plant project, thereby achieving remarkable business results.

Consolidated net Revenues in 2025 reached VND 2,160 billion, an increase of 16.41% compared to 2024, mainly due to increased consumption of key products such as NaOH and HCl, driven by the recovery of downstream industries like mining and water treatment; however, it still faced downward price pressure from domestic competitors and imported goods.

Gross profit in 2025 reached VND 541 billion, an increase of 7.15% compared to 2024, but the gross profit margin slightly decreased due to rising input material costs such as sulfur, influenced by international market fluctuations. Concurrently, the Company proactively expanded commercial

activities for some products to stabilize production and business operations, causing overall gross efficiency to be under short-term pressure. The Company's profit after tax reached VND 229 billion, a decrease of 11.22% compared to 2024, reflecting the impact of increased selling expenses, general and administrative expenses, and financial expenses. Correspondingly, basic earnings per Shares reached VND 1,702, a decrease of 13.30% compared to 2024.

Considering the parent company separately, revenues in 2025 reached VND 1,726 billion, an increase of 22.29% compared to 2024. Profit before tax reached VND 259 billion, a slight decrease of 3.08%, which included dividends received from Company's subsidiaries. Notably, Company's subsidiaries contributed approximately VND 74 billion to consolidated profit before tax, thereby affirming the effectiveness of the investment strategy.

Operation results in 2025

Cost fluctuations

Unit: VND Million

Indicators	2025		2024	
	Value	Proportion/ Net Revenue	Value	Proportion/ Net Revenue
Cost of goods sold	1,619,166	74,96%	1,350,721	72,79%
Financial expenses	7,235	0,33%	2,862	0,15%
Selling expenses	170,662	7,90%	111,450	6,01%
General and administrative expenses	116,553	5,40%	93,427	5,03%
Other expenses	1,873	0,09%	504	0,03%
Total expenses	1,915,489	88,67%	1,558,964	84,01%
Net revenues		2,160,144		1,855,579

Regarding cost structure, total costs in 2025 reached VND 1,915 billion, accounting for 88.67% of net Revenues. Cost of goods sold continued to be the primary cost component, at VND 1,619 billion, corresponding to 74.96% of net revenue, a slight increase compared to 72.79% in 2024. Additionally, the Company's proactive increase in raw material reserves and expansion of commercialization activities to ensure stable production also contributed to the increase in cost of goods sold compared to 2024.

Selling expenses and general and administrative expenses both increased, reaching VND 171 billion (7.90% of net revenues) and VND 117 billion (5.40% of net Revenues) respectively in 2025, mainly associated with increased consumption volume and expanded operational scale. Financial expenses reached VND 7 billion (0.33% of net

revenues) due to the need for short-term borrowing to finance working capital.

Overall, revenues in 2025 recorded positive growth thanks to recovering consumption output, while profit was under pressure amidst increasing input costs and the Company's focus on implementing key projects. This result reflects the flexible operational capability of the management in organizing production - business, maintaining stable operations, and meeting market demands in volatile conditions. In the medium and long term, the Company's outlook is assessed positively, as the new plant investment project is expected to enhance production capacity, optimize operating costs, and strengthen its leading position in the industry, creating a foundation for sustainable growth.

Implementation situation against the plan

Unit: VND Million

Indicators	2025 Plan	2025 Actual	% Completion plan
Consolidated revenues	1,741.870	2,160.144	124.01%
Consolidated profit before tax	262.306	293.136	111.75%

Note: Parent Company's performance in 2025: The Parent Company's net revenues reached VND 1,726.39 billion, and the Parent Company's profit before tax reached VND 259.40 billion.

Consolidated revenues

2,160 VND billion

Exceeded 24.01% target

Consolidated profit before tax

293 VND billion

Exceeded 11,75% target

Despite market challenges both domestically and internationally, the Company flexibly adjusted its operations to adapt to fluctuations, thereby achieving impressive business results, completing and exceeding the Indicators set forth at the General Meeting of Shareholders. Specifically, consolidated revenues in 2025 reached VND 2,160.14 billion, exceeding the plan by 24.01%, while consolidated profit before tax reached VND 293.14 billion, exceeding the target by 11.75%.

The business results exceeding the plan reflect the flexible operational capability of the management in organizing production - business, adjusting product structure, and effectively exploiting market opportunities, while ensuring the progress of key projects during the year, thereby achieving the financial objectives committed to shareholders.



Organization and human resources

No.	Member	Position	Ownership Representative		Individual Ownership	
			Number of Shares	% Ownership	Number of Shares	% Ownership
I	Board of Directors					
1	Mrs. Nguyen Thi Mai	Chairwoman of the Board of Directors	27,627,500	25%	0	0%
2	Mr. Le Thanh Binh	Member of the Board of Directors cum General Director	22,100,000	20%	4,250	0.004%
3	Mr. Vu Minh Ngoc	Non-executive member of the Board of Directors	22,100,000	20%	0	0%
4	Mr. Le Phuong Dong	Non-executive member of the Board of Directors	0	0%	0	0%
5	Mrs. Le Thi Ngoc Diep	Independent member of the Board of Directors	0	0%	0	0%
II	Board of Supervisors					
1	Mrs. Do Thi Thoa	Head of The Board of Supervisors	0	0%	0	0%
2	Mrs. Nguyen Thi Minh Ha	Member of The Board of Supervisors	0	0%	0	0%
3	Mr. Nguyen Minh Tri	Member of The Board of Supervisors	0	0%	0	0%
III	Board of Management					
1	Mr. Le Thanh Binh	Member of the Board of Directors cum General Director	22,100,000	20%	4,250	0.004%
2	Mr. Do Trung Hieu	Deputy General Director	0	0%	0	0%
3	Mr. Vo Dinh Thuy	Deputy General Director	0	0%	0	0%
4	Mr. Le Tung Lam	Deputy General Director	0	0%	0	0%
5	Mrs. Pham Thi Thu Hang	Chief Accountant	0	0%	725	0.00066%

Note: The list of Management is updated as of the publication date of the 2025 Annual Report

Company's management introduction

“

The Company's management comprises dedicated personnel deeply committed to the Vietnam National Chemical Group ecosystem, who have matured through various stages of the Group's development and transformation. Based on a harmonious combination of practical operational experience and corporate governance capabilities, the Management plays a pivotal role in upholding operational discipline and Development Orientations, while steering Basic Chemical Joint Stock Company In the Southern Vietnam to maintain its leading position in the basic chemical industry. This succession and leadership create the management resources, vision, and motivation for the Company to confidently enter the next phase of development.

”



Management introduction

Board of Directors



Mrs. Nguyen Thi Mai
Chairwoman of the BOD

Date of birth: 29/04/1976

Qualification: Master of Business Administration, Chemical Engineer

Current position in other organizations:

- Deputy Head of Technical Department, Vietnam National Chemical Group

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 27,627,500 shares; accounting for 25% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
07/2000 - 10/2004	: Engineer, Technical and Technology Department, Hanoi General Paint Company, now Hanoi General Paint Shares Company
10/2004 - 09/2012	: Engineer, Planning Department, Hanoi General Paint Shares Company, now Hanoi General Paint Shares Company
03/2006 - 3/2016	: Member of The Board of Supervisors, Hanoi General Paint Shares Company
09/2012 - 01/2022	: Specialist, Technical Department, Vietnam National Chemical Group
08/2017 - 12/2019	: Capital Representative of Vietnam National Chemical Group at Hanoi General Paint Shares Company; Member of the Board of Directors of Hanoi General Paint Shares Company
04/2018 - 04/2019	: Capital Representative of Vietnam National Chemical Group at Van Dien Fused Magnesium Phosphate Shares Company; Member of the Board of Directors of Van Dien Fused Magnesium Phosphate Shares Company
06/2019 – 04/2025	: Member of the Board of Directors of DAP - Vinachem Shares Company
01/2022 – Present	: Deputy Head of Technical Department, Vietnam National Chemical Group
01/2025 – Present	: Capital Representative of Vietnam National Chemical Group at Basic Chemical Shares Company In the Southern Vietnam
02/2025 - Present	: Chairwoman of the Board of Directors of Basic Chemical Shares Company In the Southern Vietnam



Mr. Le Thanh Binh
Member of the BOD cum General Director

Date of birth: 31/12/1972

Qualification: Bachelor of Business Administration

Current position in other organizations:

- Chairman of the Board of Directors of Vietnam Phosphorus Joint Stock Company

Number of shares currently held:

- Individual: 4,250 shares; accounting for 0.00385% of charter capital.
- Representative: 22,100,000 shares; accounting for 20% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
10/1995 - 12/2001	: Specialist at Basic Chemical Company In the Southern Vietnam
01/2002 - 09/2003	: Deputy Head of Planning - Business Department at Basic Chemical Company In the Southern Vietnam
10/2003 - 12/2005	: Deputy Head of Planning - Business Department, Basic Chemical In the Southern Vietnam One Member Co., Ltd.
01/2006 - 12/2013	: Head of Planning - Business Department, Basic Chemical In the Southern Vietnam One Member Co., Ltd.
01/2014 - 04/2015	: Member of the Board of Directors cum Head of Planning - Business Department, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company
04/2015 - 04/2019	: Deputy General Director, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company
04/2019 - 09/2019	: Member of the Board of Directors cum Deputy General Director, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company
10/2019 – 3/2021	: Member of the Board of Directors cum General Director, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company
04/2021 - Present	: Member of the Board of Directors cum General Director, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company, Chairman of the Board of Directors In Vietnam Phosphorus Shares Company

Management introduction

Board of Directors



Mr. Vu Minh Ngoc
Member of the BOD

Date of birth: 17/04/1981

Qualification: Civil Engineer, Master of Business and Management

Current position in other organizations:

- Specialist, Construction Investment Department – Vietnam National Chemical Group;
- Member of the Board of Directors of Chemical Industrial Design Joint Stock Company

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 22,100,000 shares; accounting for 20% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons:
None

Period	Position
05/2005 - 04/2009	: Specialist, DAP Hai Phong Project Management Board - Vietnam National Chemical Group
04/2009 - 12/2010	: Specialist, Ninh Binh Fertilizer Plant Project Management Board - Vietnam National Chemical Group
01/2011 - 04/2019	: Specialist, Investment and Construction Department - Vietnam National Chemical Group
04/2019 - 04/2021	: Specialist, Investment and Construction Department - Vietnam National Chemical Group; Member of the Board of Directors, Chemical Industrial Design Shares Company
04/2021- 01/2025	: Specialist, Investment and Construction Department - Vietnam National Chemical Group; Member of the Board of Directors, Chemical Industrial Design Shares Company; Member of the Board of Directors, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company.
01/2025 - 02/2025	: Specialist, Investment and Construction Department - Vietnam National Chemical Group; CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company; Member of the Board of Directors, Chemical Industrial Design Shares Company
02/2025 - Present	: Specialist, Investment and Construction Department - Vietnam National Chemical Group; Member of the Board of Directors, Basic Chemical In the Southern Vietnam Shares Company; Member of the Board of Directors, Chemical Industrial Design Shares Company



Mr. Le Phuong Dong
Non-executive member of the BOD

Date of birth: 21/08/1967

Qualification: Master of Business Administration; Chemical Technology Engineer; Mechanical Manufacturing Engineer

Current position in other organizations:

- Director of Tan Binh 2 Chemical Plant - Branch of Southern Basic Chemical Joint Stock Company

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons:
None

Period	Position
11/1989 - 12/2000	: Employee, Tan Binh Chemical Plant, a subsidiary of Basic Chemical In the Southern Vietnam Company
12/2000 - 06/2001	: Head of Technical Department, Tan Binh Chemical Plant, a subsidiary of Basic Chemical In the Southern Vietnam Company
06/2001 - 12/2001	: Deputy Director, Tan Binh Chemical Plant, a subsidiary of Basic Chemical In the Southern Vietnam Company
01/2002 - 12/2002	: Acting Director, Tan Binh Chemical Plant, a subsidiary of Basic Chemical In the Southern Vietnam Company
12/2002 - 09/2003	: Director of Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemical Company
09/2003 - 01/2010	: Director of Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
01/2010 - 12/2013	: Director of Tan Binh 2 Chemical Plant - Branch of Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
01/2014 - 04/2019	: Director of Tan Binh 2 Chemical Plant - Branch of Southern Basic Chemical Joint Stock Company
April 2019 - Present	: Director of Tan Binh 2 Chemical Plant - Branch of Southern Basic Chemical Joint Stock Company, Member of the Board of Directors of Southern Basic Chemical Joint Stock Company

Management introduction

Board of Directors



Date of birth: 17/03/1965

Qualification: Bachelor of Economics

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons:
Mr. Van Trung Ha, relationship: Husband; Number of shares: 15,000, accounting for 0.0136% of Charter capital

Mrs. Le Thi Ngoc Diep
Independent Member of the BOD

Period	Position
Từ 1988 - 1992	: Specialist, Lega2 Planning Department - Legamex Company
Từ 1992 - 1999	: Specialist, Accounting - Finance Department - Southern Basic Chemical Company
Từ 2000 - 2002	: Chief Accountant, Experimental Research Workshop - Southern Basic Chemical Company
Từ 2002 - 09/2003	: Specialist, Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemical Company
09/2003 - 12/2005	: Specialist, Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
01/2006 - 07/2011	: Deputy Head, Accounting - Finance Department - Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
08/2011 - 12/2013	: Chief Accountant cum Head of Accounting - Finance Department - Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
01/2014 - 03/2020	: Chief Accountant cum Head of Accounting - Finance Department - Southern Basic Chemical Joint Stock Company
23/4/2024 - Present	: Independent Member of the Board of Directors, Southern Basic Chemical Joint Stock Company

Management introduction

Board of Supervisors



Date of birth: 15/09/1974

Qualification: Bachelor of Economics

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons:
None

Mrs. Do Thi Thoa
Head of the BOS

Period	Position
10/1996 - 03/2003	: Accounting Staff, Southern Basic Chemical Company
04/2003 - 12/2013	: Accounting Staff, Southern Basic Chemical One Member Co., Ltd.
01/2014 - 04/2016	: Accounting Staff, Southern Basic Chemical Joint Stock Company
05/2016 - Present	: Head of the Board of Supervisors, Southern Basic Chemical Joint Stock Company

Management introduction

Board of Supervisors



Mrs. Nguyen Thi Minh Ha
Member of the BOS

Date of birth: 27/11/1977

Qualification: Bachelor of Accounting and Auditing

Current position in other organizations: Specialist, Finance and Accounting Department - Vietnam National Chemical Group.

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
11/1999 - 03/2013	: Specialist, Finance and Accounting Department, Sao Vang Rubber Company
04/2013 - 04/2019	: Specialist, Finance and Accounting Department - Vietnam National Chemical Group
04/2019 - Present	: Specialist, Finance and Accounting Department - Vietnam National Chemical Group, Member of the Board of Supervisors of Southern Basic Chemical Joint Stock Company.



Mr. Nguyen Minh Tri
Member of the BOS

Date of birth: 07/04/1989

Qualification: Master of Finance; Master of Business Commerce; Bachelor of Business Administration.

Current position in other organizations: Member of the Board of Directors of Vietnam Phosphorus Joint Stock Company

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
07/2012 - 07/2014	: Customer Relations Officer, Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Branch 2
08/2014 - 07/2015	: Customer Relations Officer, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch
09/2015 - 12/2019	: Staff, Planning - Business Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
01/2020 - 04/2021	: Deputy Head, Planning - Business Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
04/2021 - Present	: Member of the Board of Supervisors, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company, Deputy Head, Planning - Business Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company, Member of the Board of Directors, Vietnam Phosphorus Joint Stock Company

Management introduction

Board of General Directors



Mr. Do Trung Hieu
Deputy General Director

Date of birth: 24/10/1970

Qualification: Chemical Engineer

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
12/1993 - 12/1999	: Staff, Technical Department, Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemicals Company
01/2000 - 07/2001	: Deputy Head, Technical Department, Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemicals Company
08/2001 - 09/2003	: Head, Technical Department, Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemicals Company
09/2003 - 09/2006	: Head, Technical Department, Tan Binh Chemical Plant under Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
10/2006 - 12/2013	: Head, Technology - Equipment Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
01/2014 - 08/2018	: Head, Technology - Equipment Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
09/2018 - 05/2019	: Assistant General Director, Head, Technology - Equipment Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
06/2019 - 05/2022	: Deputy General Director concurrently Head, Technology - Equipment Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
06/2022 - Present	: Deputy General Director, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company

Mr. Le Thanh Binh
Member of the BOD cum General Director



Mr. Vo Dinh Thuy
Deputy General Director

Please refer to Mr. Le Thanh Binh's Curriculum Vitae in the Introduction to the Board of Directors Section.

Date of birth: 14/10/1968

Qualification: Civil Engineer

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
1999 - 08/2000	: Staff, Design Department, Son Long Construction Consulting Co., Ltd.
09/2000 - 09/2003	: Staff, Mechanical-Electrical Department, Southern Basic Chemicals Company
09/2003 - 01/2006	: Staff, Mechanical-Electrical Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
02/2006 - 09/2006	: Deputy Head, Mechanical-Electrical Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
10/2006 - 12/2013	: Head, Construction Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
01/2014 - 08/2018	: Head, Construction Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
09/2018 - 10/2019	: Head, Investment - Construction Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
11/2019 - 03/2020	: Assistant General Director concurrently Head, Investment - Construction Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
04/2020 - Present	: Deputy General Director of Southern Basic Chemicals Joint Stock Company

Management introduction

Board of General Directors



Mr. Le Tung Lam
Deputy General Director

Date of birth: 22/08/1975

Qualification: Bachelor of Economics; Bachelor of Accounting; Bachelor of Law.

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: Mr. Le Quoc Hung – Younger Sibling: 50 Shares, accounting for 0.000045% of Charter capital

Period	Position
08/1997 - 01/1998	: Specialist, Market Planning Department, Southern Basic Chemicals Company
02/1998 - 03/1998	: Specialist in charge of Finance and Accounting Board, Dong Nai Chemical Plant, a subsidiary of Southern Basic Chemicals Company
04/1998 - 09/1999	: Head of Finance and Accounting Board, Dong Nai Chemical Plant, a subsidiary of Southern Basic Chemicals Company
10/1999 - 10/2001	: Specialist, Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Company
01/2002 - 09/2003	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Company
09/2003 - 11/2013	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
12/2013 - 12/2013	: Deputy Head of Human Resources - Administration Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
01/2014 - 03/2016	: Deputy Head of Human Resources - Administration Department, Company Secretary cum authorized information disclosure person, Member of the Board of Supervisors, Person in charge of Corporate Governance - Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
04/2016 - 03/2021	: Head of Human Resources - Administration Department, Company Secretary cum authorized information disclosure person, Person in charge of Corporate Governance, Member of the Board of Supervisors, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
04/2021 - Present	: Deputy General Director cum authorized information disclosure person, Person in charge of Corporate Governance, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company



Ms. Pham Thi Thu Hang
Chief Accountant

Date of birth: 09/10/1972

Qualification: Bachelor of Finance and Accounting

Current position in other organizations: None

Number of shares currently held:

- Individual: 725 Shares; accounting for 0.00066% of charter capital
- Representative: 0 shares; accounting for 0% of charter capital.

Number of shares currently held by affiliated persons: None

Period	Position
03/1995 - 09/2003	: Staff, Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Company
09/2003 - 11/2013	: Staff, Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
12/2013 - 12/2013	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals One Member Co., Ltd.
01/2014 - 06/2018	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
07/2018 - 12/2018	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company cum Chief Accountant of Bien Hoa Chemical Plant
01/2019 - 03/2020	: Deputy Head of Accounting - Finance Department, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
04/2020 - Present	: Chief Accountant, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company

Organization and human resources

Changes in the Board of Directors:

No.	Information	Position	Date of commencement/cessation Member of the Board of Directors	
			Date of appointment	Date of dismissal
1	Mr. Nguyen Huu Tu	Chairman of the Board of Directors	23/04/2024	03/01/2025
		Members of Board of Director	23/04/2024	28/02/2025
2	Mrs. Nguyen Thi Mai	Chairwoman of the Board of Directors	28/02/2025	-
3	Mr. Vu Minh Ngoc	Chairman of the Board of Directors	09/01/2025	28/02/2025
		Members of Board of Director	23/04/2024	-
4	Mrs. Le Thi Ngoc Diep	Members of Board of Director	23/04/2024	-

Changes in the Board of Supervisors and the Board of General Directors

None



Number of employees

CSV’s workforce structure in 2025 remained stable and aligned with the characteristics of a basic chemical manufacturing enterprise, with a total of 639 employees, nearly unchanged from 2024. Technical workers and entry-level labor accounted for 43.82%, supporting direct operations at production facilities, while employees with college degrees or higher represented 47.57%, reflecting the Company’s focus on maintaining a skilled workforce to ensure safety, technical capability, and product quality. In addition, 81.69% of employees hold indefinite-term contracts, indicating a stable and committed workforce that supports the Company’s efficient operations and sustainable development.

Total number of employees in 2025

639employees

Classification	2025		2024	
	Number of people	Proportion (%)	Number of people	Proportion (%)
A By labor qualification	639	100.0	635	100.0
1 University and postgraduate qualifications	131	20.38	125	19.68
2 College and vocational qualifications	173	27.12	162	25.51
3 Elementary and technical workers	280	43.88	291	45.83
4 Unskilled labor	55	8.62	57	8.98
B By gender	639	100.0	635	100.0
1 Male	515	80.73	514	80.94
2 Female	124	19.27	121	19.06
C By employment contract term	639	100.0	635	100.0
1 1 to 3-year fixed-term contracts	117	18.34	126	19.84
2 Indefinite-term contracts	522	81.66	509	80.16

Human resources policy

“

Human resources are identified as the core driving force in the Company's sustainable development strategy. In the context of an increasingly fierce market, especially as the private sector is strongly increasing its presence in the basic chemical industry, possessing a professional and skilled workforce becomes a key competitive advantage, ensuring sustainable business efficiency. Beyond focusing on developing professional competence, the Company also pays special attention to building a stable working environment, comprehensive welfare regimes, and improving the quality of life for employees. This is not merely a human resources policy but also an expression of corporate social responsibility, affirming the Company's commitment to sustainable development with the community.

”

Training

1

Human resource development is one of the Company's strategic priorities, with a focus on internal training and encouraging young staff to continuously enhance their professional capabilities. The Company's training strategy aims to build a comprehensive workforce: excellent in expertise, ethical in conduct, professional in work style, and especially dedicated to their profession. This orientation not only enhances individual capabilities but also boosts work performance, significantly contributing to the organization's sustainable development.

As evidence of this commitment, in 2025, the Company successfully implemented 66 in-depth training courses. The program attracted 575 personnel, including 43 management staff (some individuals participated in multiple specialized courses). The total budget invested in training activities was nearly VND 700 million, reflecting the Company's strong investment in human resource development.

In parallel with training activities, the Company also implements a flexible and strategic policy for personnel deployment and appointment, ensuring optimal resource utilization to effectively meet production and business requirements at each stage of development.



Recruitment

2

The recruitment process is carried out systematically and transparently, based on the annually approved human resource development plan and in compliance with the Company's internal regulations.



Work Environment

3

The Company is committed to building a modern, safe, and friendly working environment, demonstrated through synchronous investment in facilities from the Head Office to its Factories and affiliated Branches.

Corporate culture is emphasized through various extracurricular activities and team-building programs. These are not merely bonding activities but also a foundation for building team spirit, creating a dynamic and positive work environment. Through this, it not only strengthens the bond among members but also boosts work performance and inspires long-term dedication from the personnel.

Regarding occupational safety and health, 2025 marks a significant step forward as the Company continues to improve its safety management system according to OHSAS 18001 standard and extensively implements the Responsible Care (RC) voluntary social responsibility system for chemical enterprises. The application of these international standards not only ensures a safe working environment but also demonstrates the Company's strong commitment to occupational health care for employees. Specifically, the spirit of RC is identified as a guiding principle in all production and business activities, affirming the enterprise's responsibility towards employees and the community.

Human resources policy

Salary, bonus, benefits, and compensation

4

With the motto "People are the most valuable asset", the Company's Board of Directors continuously improves its remuneration and welfare policy system to ensure optimal benefits for all employees. We not only strictly comply with state regulations on Social Insurance and salary and bonus schemes but also proactively develop superior welfare programs in accordance with the Collective Labor Agreement and the Company's specific regulations. In 2025, the Company maintained stable employment for 639 managers and employees with diverse welfare schemes and created the best conditions for the comprehensive development of each individual.

The Company regularly reviews and adjusts its salary and bonus policies to be competitive with the market. This mechanism not only ensures a fair income for employees but also motivates them to dedicate themselves with peace of mind and commit long-term. Specifically, we apply a multi-tiered remuneration system, including:

- Special reward programs for outstanding individuals
- Financial support for Qualification enhancement
- Comprehensive healthcare programs
- Diverse activities to enhance spiritual life

A highlight of the Company's human resources policy is the annual organization of the Employee Conference. This is not only a dialogue forum but also an opportunity for employees to contribute ideas to improve the Collective Labor Agreement. Through this, welfare policies are updated and flexibly adjusted, ensuring a harmonious balance of interests between employees and the enterprise.

Through this comprehensive remuneration policy system, the Company not only builds a professional working environment but also fosters strong cohesion with its human resources. This is considered an important foundation, promoting the sustainable development and overall prosperity of the entire Company in the future.

Average income in 2025

STT	Indicators	2023	2024	2025
1	Total number of employees (people)	638	629	633
2	Average income (million VND/person/month)	16.87	18.58	19.76



Investment activities, project implementation



Status of construction investment project implementation

The approved construction investment plan value for 2025 was VND 115,312 million. The actual value implemented in 2025 reached VND 70,643 million, equivalent to 61% of the plan. During the year, the Company completed acceptance and put into use 7 projects, promptly meeting the needs for business production, contributing to enhancing the efficiency of infrastructure utilization and production capacity. For the remaining projects, the Company is continuing to implement them according to the approved schedule and plan.

Actual investment implementation

70,643
VND million

Nhon Trach Chemical Plant project

Indicators	Detailed information
Project name	Nhon Trach Chemical Plant
Investor name	Southern Basic Chemicals Joint Stock Company
Investment objectives	- Implement the policy of converting the function of Bien Hoa 1 Industrial Park according to the direction of the Dong Nai Provincial People's Committee; relocate the Company's existing production lines from Bien Hoa 1 Industrial Park to Nhon Trach 6 Industrial Park, and simultaneously invest in building a synchronous, modern production plant at the new location to ensure long-term stable production operations and sustainable development. - Maintain stable supply output to the market during the period when Bien Hoa Chemical Plant, Tan Binh 2 Chemical Plant, and Dong Nai Chemical Plant temporarily cease operations for relocation purposes, thereby ensuring the Company's traditional market share stability. - Create a foundation for the Company to expand its production scale, increase output, develop production-business activities, and expand its consumer market when conditions are favorable.
Project scale	The production capacity scale for the project's products is 307,900 tons of products/year (100% equivalent).
Project implementation location	Nhon Trach 6 Industrial Park, Phuoc An Commune, Dong Nai Province
Total project investment	VND 1,844 billion
Project timeline and progress	Complete the relocation of 03 factories from Bien Hoa 1 Industrial Park; complete the entire Nhon Trach Chemical Plant Project by December 2031; no phased investment; operational term of 50 years from February 10, 2017.



Implementation status of the "Nhon Trach Chemical Plant" project

The Nhon Trach Chemical Plant Project is a key investment project of Southern Basic Chemical Shares Company, implemented to carry out the policy of relocating existing production facilities in Bien Hoa 1 Industrial Park as required by state management agencies. The project also aims to establish a new, synchronized, and modern production facility in Nhon Trach 6 Industrial Park, thereby creating a foundation for the Company's sustainable development through;

01

Enhancing production capacity

through expanding production space and optimizing production lines, with a designed capacity of 307,900 tons of products/year (100% equivalent), meeting domestic market demand and aiming for export expansion.

02

Develop and diversify the product portfolio

focusing on high value-added chemical products such as water treatment chemicals, additives, and products serving industrial and civil needs, thereby improving profit margins.

03

Enhance production technology

by investing in modern technologies, contributing to optimizing energy and raw material costs, while improving product quality, especially for key product groups.

04

Meet increasingly stringent environmental requirements

as the new plant is invested in and operated according to modern environmental standards, helping to minimize negative impacts on the environment and surrounding communities.

05

Improve the supply chain

thanks to the favorable location of Nhon Trach 6 Industrial Park, near major seaports and an area with many potential partners and customers, thereby helping the Company optimize transportation and raw material costs.

Investment activities, project implementation

Implementation status of the "Nhon Trach Chemical Plant" project

2025 marks a significant transition in the project implementation process, as the Company focuses on key tasks such as project approval and contractor selection plans, organizing construction commencement, completing construction drawing design documents, and conducting fire prevention and fighting appraisals as regulated. During the year, the Company organized the selection and signed contracts for 11 bidding packages:

- Bidding Package No. 12: Appraisal of cost estimates for consulting works;
- Bidding Package No. 13: Consultancy for preparing Electronic Bidding Documents, evaluating Electronic Bid Documents for consulting bidding packages (Bidding Packages No. 14, 15, and 16);
- Bidding Package No. 14: Project management consultancy;
- Bidding Package No. 15: Consultancy for construction drawing design (including BIM);
- Bidding Package No. 16: Consultancy for appraising construction drawing design and construction cost estimates;
- Bidding Package TV-02.01: Consultancy for preparing Bidding Documents, evaluating Bid Documents for site leveling, fence, and guardhouse construction;
- Bidding Package TV-03: Geological survey for construction works during the construction drawing design phase;
- Bidding Package TV-04: Supervision of geological survey for construction works during the construction drawing design phase;
- Bidding Package XL-01: Construction of site leveling, fence, and guardhouse;
- Bidding Package BH-01: Construction works insurance;
- Bidding Package TV-08: Preparation of documents for partial adjustment of detailed construction planning, scale 1/500.



Subsidiaries, associated companies

In the overall development strategy, effective management of investments in Company's subsidiaries is identified as one of the Company's top priorities. We apply a stringent investment governance model, in which every Decision is thoroughly appraised, ensuring consistency with the development orientations of the Parent Company and optimizing investment efficiency.

In 2025, the specialized department implemented a comprehensive monitoring system, including:

- Monitoring key operational indicators
- Analyzing Financial Statements and periodic operations

Through this monitoring system, the Board of Directors can quickly grasp the operational situation, promptly make strategic Decisions, and implement solutions to improve investment efficiency. This is an important foundation ensuring the sustainable development of the entire Company system.

Operational situation at Company's subsidiaries:

Unit: VND Million

STT		Indicators	Actual 2024	Actual 2025	% +/-
1	2025/2024		224,806	209,296	-6.90%
2	Net revenues		484,218	503,328	3.95%
3	Cost of goods sold		387,798	406,101	4.72%
4	Financial activities revenues		3,718	6,104	64.18%
5	Selling, general & administrative, financial expenses		29,629	29,779	0.51%
6	Profit from business activities		70,509	73,552	4.32%
7	Other profits		-15	138	-
8	Profit before tax		70,494	73,690	4.53%
9	Profit after tax		56,360	58,823	4.37%

Financial situation

Major financial indicators

Indicators	Unit	2025	2024
Solvency indicators			
Current ratio	Times	3.98	4.80
Quick ratio	Times	2.83	3.68
Capital structure indicators			
Debt to Total Assets Ratio	%	21.23	16.41
Debt to Equity Ratio	%	26.95	19.63
Operational efficiency indicators			
Inventory turnover	Times	3.92	3.83
Total asset turnover	Times	1.10	1.04
Profitability indicators			
Gross profit margin	%	25.04	27.21
Profit from production-business activities margin	%	13.39	17.64
Profit after tax margin	%	10.62	13.92
Return on Equity	%	14.44	17.28
Return on Assets	%	11.71	14.43

Unit: VND Million

STT	Indicators	2025	2024	% Change
1	Total asset value	2,058,704	1,858,998	10.74%
2	Net revenues	2,160,144	1,855,579	16.41%
3	Profit from business activities	289,270	327,233	-11.60%
4	Other profits	3,866	1,060	264.80%
5	Profit before tax	293,136	328,293	-10.71%
6	Profit after tax	229,338	258,335	-11.22%

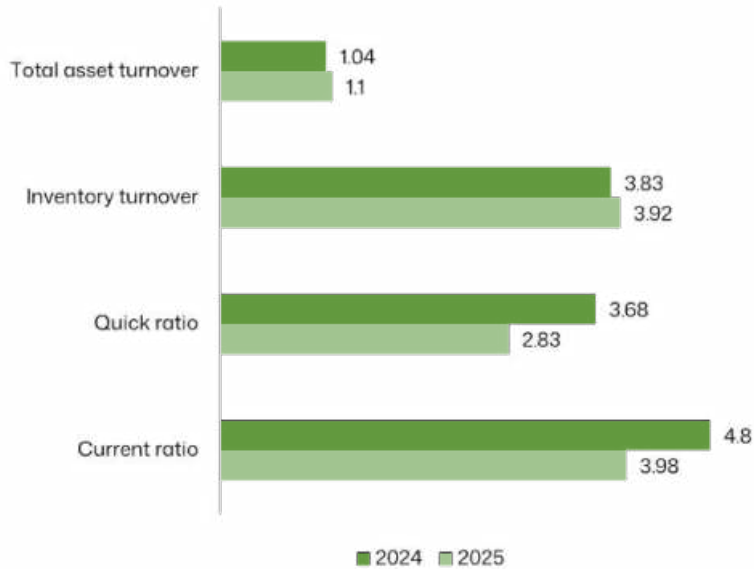


Financial situation

Solvency indicators

The Company's Current Ratio and Quick Ratio in 2025 decreased compared to 2024. Specifically, the Current Ratio and Quick Ratio as of December 31, 2025, reached 3.98 times and 2.83 times, respectively, a decrease from 4.80 times and 3.68 times as of December 31, 2024. This development reflects an increasing trend in short term debt, particularly short-term borrowings to supplement working capital.

The use of short-term borrowings while the Company maintains a high level of cash and short-term deposits indicates a flexible cash flow management strategy, leveraging reasonably priced borrowed capital to optimize the capital structure, while still ensuring solvency. Although liquidity indicators decreased compared 2024, these ratios remain within a safe threshold and are higher than the industry average, reflecting the Company's strong ability to meet its short-term debt obligations.



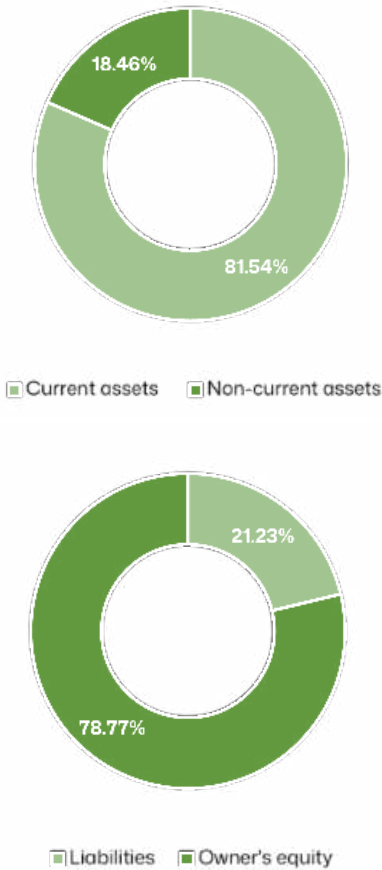
Operational efficiency indicators

In 2025, the Company's operational efficiency improved, as reflected by asset utilization indicators. Specifically, inventory turnover slightly increased from 3.83 to 3.92 times, indicating improved inventory management efficiency and the ability to sustain sales volume growth, even as the Company faced general market difficulties and the risk of production disruption during the factory relocation phase. Additionally, asset turnover increased from 1.04 to 1.10 times in 2025, reflecting enhanced efficiency in the use of total assets. This result primarily stems from the Board of Management's flexible operating strategy, through adjusting selling prices in line with market developments and optimizing production capacity.

Capital structure indicators

The ratio of debt to total assets increased from 16.41% to 21.23%, and the ratio of debt to equity increased from 19.63% to 26.95%, primarily due to the Company's increased short-term borrowings to supplement working capital. Prioritizing the use of short-term borrowings, including loans with preferential interest rates, helps the Company optimize capital costs while maintaining financial management flexibility.

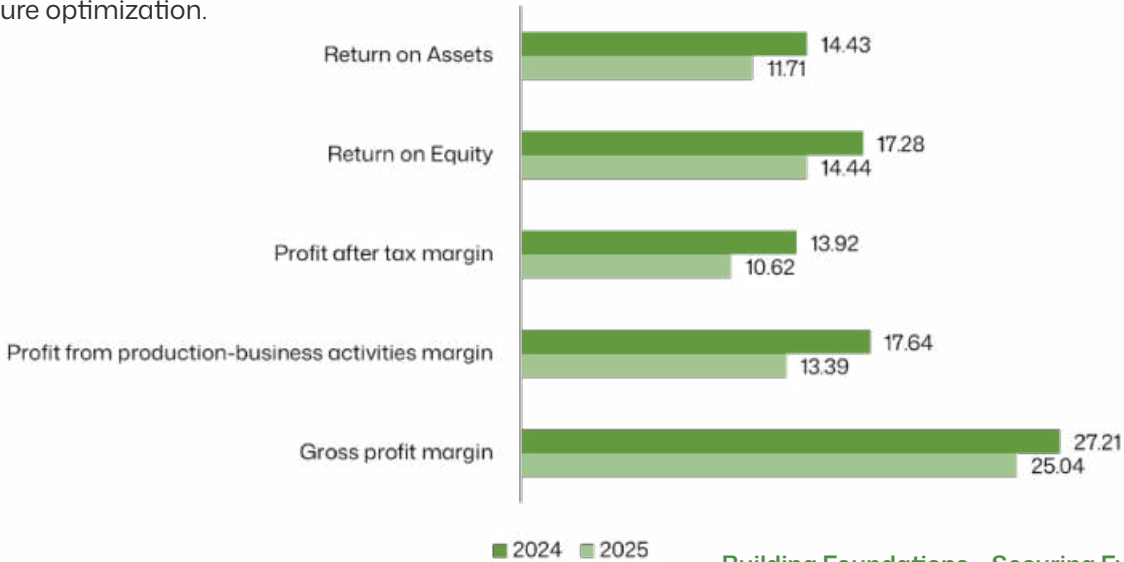
Regarding asset structure, current assets accounted for 81.54% of total assets, with cash, cash equivalents, and time deposits making up 42.82% of current assets. This proportion reflects strong liquidity, providing the Company with room to be proactive in business operations, raw material reserves, and ensuring cash flow during the investment phase. The Company continues to maintain a cautious financial policy with leverage lower than the industry average and consistent with the direction approved at the General Meeting of Shareholders.



Profitability indicators

The Company's profitability indicators in 2025 slightly decreased compared to 2024, reflecting the dual pressure from rising input costs and the slow recovery of selling prices for some key products. Gross profit margin reached 25.04%, lower than the 27.21% in 2024, mainly due to increased sulfur costs and electricity prices, along with the Company proactively increasing raw material reserves and enhancing commercialization activities to maintain stable production during the investment project implementation phase.

Profit from business activities margin and profit after tax margin also recorded a decline, reaching 13.39% and 10.62% respectively, as selling expenses and general and administrative expenses increased with sales volume and market expansion activities; simultaneously, interest expenses increased due to the Company's increased short-term borrowings to finance investments. Nevertheless, ROE and ROA reached 14.44% and 11.71% respectively, a decrease compared to 2024 but still higher than the industry average, indicating that the Company maintains efficiency in working capital management, investment project selection, and financial structure optimization.



Shareholders structure & owner's equity change

Shares

Company's charter capital
VND 1,104,999,100,000

Number of shares issued
110,499,910 shares

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
110,499,910 shares

Number of treasury shares
0 shares

Par value of shares
VND 10,000

Type of shares
Common stock



Shareholders structure & owner's equity change

Shareholders structure

Classification of Domestic and Foreign Shareholders as of December 31, 2025

No.	Category	Number of shares	Ownership percentage/ Charter capital (%)	Number of Shareholders	Shareholders structure	
					Organizations	Individuals
1	State Shareholders	71,827,500	65.00%	1	1	-
2	Company Trade Union	400,000	0.36%	1	1	-
3	Treasury Shares	-	-	-	-	-
4	Other Shareholders	38,272,410	34.64%	7,346	33	7,313
-	Domestic	37,536,962	33.97%	7,260	18	7,242
-	Foreign	735,448	0.67%	86	15	71
TOTAL		110,499,910	100,00%	7,348	35	7,313
Of which: - Domestic		109,764,462	99,33%	7,262	20	7,242
- Foreign		735,448	0,67 %	86	15	71

Based on the shareholder list provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation

Classification according to major shareholders as of December 31, 2025

No.	Shareholder	Number of shares	Ownership Percentage/Charter Capital (%)
1	Vietnam National Chemical Group	71,827,500	65.00%
2	Other Shareholders	38,672,410	35.00%
TOTAL		110,499,910	100,00%

According to Official Letter No. 6895/UBCK-PTTT dated November 1, 2021, the maximum foreign ownership ratio of South Basic Chemicals Joint Stock Company is 50%.

Change in the owner's equity

No.	Capital Increase Date	Additional Charter Capital (VND)	Charter Capital after Increase (VND)	Form of Capital Increase	Legal Basis
1	Equitization	-	442,000,000,000	-	-
2	2024	662,999,100,000	1,104,999,100,000	Issuance of shares to increase share capital from owner's equity, ratio 1:1.5	Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated April 23, 2024; Official Letter No. 4423/UBCK-QLCB dated July 16, 2024. Enterprise Registration Certificate No. 0301446260 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, 11th amendment on September 11, 2024.

Transaction of treasury stocks

- During the year, the Company had no buy/sell transactions of treasury stocks.
- The number of treasury stocks currently held by the Company is 0 shares.

Other securities

None.





03

Sustainability Report

Sustainable development orientations	78
Environmental impact	79
Compliance with environmental law	85
Policies related to employees	88
Report on responsibility for local community	89

Sustainable development orientations

“Southern Basic Chemicals Joint Stock Company affirms its pioneering role in the green energy transition trend of the chemical industry, with a strong commitment to sustainable development and environmental protection. The year 2025 marks significant progress in the greening production strategy through technology modernization and process optimization, contributing to a significant reduction in greenhouse gas emissions and improving energy efficiency. The Company's sustainable development strategy is built on three pillars:

”



Sustainable economic development
Optimizing operational efficiency, actively contributing to the development of the economy.



Environmental responsibility
Pioneering in applying green technology and emission reduction solutions.



Community development
Focusing on social welfare activities and accompanying local communities.

With a long-term vision, the Company continues to promote research and application of green technology, optimizing production processes towards environmental friendliness. Each product and production line is designed to minimize ecological impact, conserve natural resources, aiming for sustainable growth and harmony with nature.

These efforts not only demonstrate corporate responsibility but also affirm the Company's pioneering role in realizing national sustainable development goals, actively contributing to the fight against climate change and building a green future for Vietnam's chemical industry.

Environmental impact

Environmental management in the value chain is not only about complying with legal regulations but also reflects the Company's commitment to sustainable development. Through the synchronous implementation of environmental impact reduction solutions in all business activities, the Company aims for four strategic objectives:

Sustainable working environment

1 Building a green and clean working space through strict control of environmental factors and applying advanced technology in production, ensuring the quality of life for employees and surrounding communities.

Safety and Health

2 Establishing a comprehensive safety management system, from production processes to waste treatment, to protect the health of employees and local communities.

Economic Efficiency

3 Optimizing operating costs and minimizing environmental risks through the application of clean technology and advanced production processes, contributing to enhancing competitiveness.

Brand Reputation

4 Affirming the company's responsible position by meeting strict environmental standards, enhancing trust from customers and strategic partners.

These efforts not only bring direct economic benefits but also contribute to the sustainable development of Vietnam's chemical industry, affirming the Company's pioneering role in building a green and responsible production model.



Environmental impact

Reduce greenhouse gas emissions

Recognizing the impact of greenhouse gas emissions on the environment and the requirements for sustainable development, the Company has proactively implemented emission control measures, developed a reduction strategy and gradually replaced with clean energy sources, while collaborating with partners in the supply chain to minimize environmental impact.

Measures to reduce greenhouse gas emissions

The Company simultaneously implements advanced solutions to control and reduce greenhouse gas emissions, demonstrating a strong commitment to environmental protection:

- Defining emission scopes: classifying greenhouse gas emissions into 3 scopes
 - Scope 1: Direct emissions from fuel consumption (LPG, DO oil) in production and business activities.
 - Scope 2: Indirect emissions from electricity consumption.
 - Scope 3: Emissions from the supply chain and external activities.
- Data Collection and Management: The Company has issued procedures and guidelines for collecting greenhouse gas emission data, clearly assigning responsibilities to relevant departments to ensure the completeness, accuracy, and consistency of the data.
 - Setting Emission Reduction Targets and Roadmaps: Establishing specific, measurable, achievable, realistic, and time-bound greenhouse gas emission reduction targets. Developing a detailed implementation roadmap, including specific actions, necessary resources, and implementation progress.

- Implementing Emission Reduction Initiatives:
 - Green Production Technology
 - Investing in modern production lines with low-emission technology
 - Optimizing the recovery and reuse of waste heat from the production process
 - Upgrading the heat recovery system from the H₂SO₄ production line, integrating it into the internal energy network
 - Strict Environmental Control
 - Regular maintenance of wastewater and exhaust gas treatment systems to ensure optimal performance
 - Conducting regular environmental monitoring at Bien Hoa, Dong Nai, and Tan Binh 2 Chemical Plants
 - Developing and maintaining comprehensive environmental incident response plans
 - Sustainable Research and Development
 - Promoting research and development of environmentally friendly chemical products
 - Optimizing production processes to minimize waste
 - Applying efficient fuel reuse technology

Implementation Results in 2025

Thanks to the above measures, the Company has achieved remarkable results in reducing greenhouse gas emissions. In 2025, the Company's total greenhouse gas emissions reached 131,373 tCO₂e, including direct and indirect emissions. Of these, indirect emissions from electricity consumption accounted for the largest proportion, at 95.68%, reflecting the characteristic of production activities with high electricity consumption intensity. The inventory results are an important basis for the Company to continue monitoring emission trends and developing emission reduction solutions in the future.

Raw materials management

Raw materials and energy are two crucial factors in the production and business processes of any enterprise. In the production of basic chemicals, the Company uses main raw materials including industrial salt (NaCl), sulfur (S), white sand, yellow phosphorus (P₄), apatite ore, BaCl₂, and electricity. Among these, some materials such as white sand, yellow phosphorus, apatite ore, and electricity are supplied domestically, while the remaining raw materials are mainly imported from abroad. These raw materials have certain environmental impacts, requiring the Company to manage and use them efficiently to limit adverse effects on land, water sources, and air.

Measures for Management Of Raw Materials

Recognizing the environmental impacts of raw material usage, the Company implements management measures focused on input control, efficient use, and waste reduction, specifically:

- Evaluating and selecting input raw materials with appropriate quality, low impurity and waste content, contributing to emission reduction during the production process.
 - Maintaining a stable supply from reputable suppliers in the market; concurrently, with the advantage of having a Company's subsidiaries producing phosphorus, the Company has favorable conditions to proactively manage raw material sources and flexibly adjust
- components to control the amount of waste generated.
 - Enhancing employee awareness and responsibility through training and guidance on rational, economical, and waste-reducing use of raw materials in production.
 - Applying clean technology and improving production processes, aiming to reduce raw material consumption and limit environmental impact.

Results of Implementation in 2025

In 2025, the total volume of raw materials used by the Company reached approximately 120,859 tonnes, serving the production of basic chemical products. Raw materials are primarily supplied by external suppliers, ensuring quality and stability for production. Due to the specific technology and chemical properties of input raw materials, the Company currently does not use recycled materials in its production process.



Environmental impact

Energy consumption

Energy saving is no longer a mere slogan but has become a vital "mandate" for the green economy. Recognizing this, the Company has proactively issued plans and directive documents, while also organizing implementation and communication to raise awareness among employees regarding rational, economical, and efficient energy use throughout all production and business activities. Implementation is regularly monitored and supervised to ensure effectiveness and compliance.

Based on this, the Company promotes research and application of science and technology, implements green transformation, and technical improvement initiatives, gradually optimizing production processes. These solutions contribute to energy saving, cost reduction, improved working conditions, increased productivity, and reduced material consumption, thereby lowering product costs and maintaining market competitiveness.

In parallel with management and technical solutions, the Company focuses on investing in advanced equipment and technology with high automation, energy efficiency, and environmental friendliness, to ensure stable, efficient, and sustainable production operations in the long term.



Water consumption & waste management

Water consumption

Water plays a core role as the foundation for life, public health, and sustainable economic development. Facing increasing environmental challenges, the Company implements a comprehensive water management strategy, combining legal compliance and environmental responsibility. Through cooperation with Dong Nai Water Supply Joint Stock Company, we ensure a stable water supply while applying advanced technology to optimize water usage in production. In 2025, the Company's total water consumption was approximately 589,035 m³, of which the actual

water used for production and daily activities was 521,717 m³. Due to the specific nature of the technology and quality requirements in chemical production, the percentage of water reused during the year reached 36.42%, mainly water recovered in some production stages. This serves as a basis for the Company to continue researching technological improvement solutions to enhance water use efficiency in subsequent stages. The Company's factory currently uses water supplied by Dong Nai Water Supply Shares Company, specifically as follows:

Total water consumption

589,035 m³

Percentage of water reused

36.42%

Water supplied by Dong Nai Water Supply Shares Company

No.	Water Supply Source	Water Volume Used (m³)	Water Volume reused (m³)	Reuse Percentage (%)
I	Tan Binh 2 Chemical Plant			
	Dong Nai Water Supply JSC	63,024	0	0
II	Bien Hoa Chemical Plant			
	Dong Nai Water Supply JSC	509,237	214,555	42.13
III	Dong Nai Chemical Plant			
	Dong Nai Water Supply JSC	16,774	0	0

Environmental impact

Water consumption & waste management

Wastewater management

Regarding wastewater treatment, the Company implements wastewater treatment work with a focus on strict control, compliance with legal regulations, and minimizing environmental impact. All wastewater generated during the production process is collected, classified, and sent for centralized treatment, ensuring that the wastewater quality meets current environmental standards before discharge. In 2025, the total volume of treated wastewater was approximately 35,817 m³. The Company applies management and technical solutions such as maintaining stable operating procedures, regularly monitoring wastewater quality, controlling key environmental parameters, and collaborating with competent specialized

units to carry out treatment in accordance with regulations. In parallel, the Company focuses on raising employee awareness through communication and training on water environmental protection, while encouraging initiatives to save water and limit wastewater generation during production and daily activities, thereby contributing to sustainably enhancing environmental management efficiency.

Volume of treated wastewater

35,817
m³

Solid waste management

The Company is committed to strictly complying with legal regulations on waste management, implementing comprehensive measures for waste classification, collection, and treatment in accordance with regulations, aiming for sustainable development and gradually adopting a circular economy model. Specifically, solid waste is sorted at the source and transferred to authorized units for collection, transportation, and treatment in accordance with regulations.



Compliance with the law on environmental protection

The Company maintains strict compliance with the provisions of the 2020 Law on Environmental Protection, Chemical Law No. 69/2025/QH15, and simultaneously operates an integrated environmental management system in accordance with ISO 14001:2015 standard, to effectively control environmental impacts in its production and business activities. Wastewater and exhaust gas treatment systems are regularly maintained and inspected to ensure stable operation and emission quality fully meets current legal requirements. For solid waste, the Company collects and sorts it at the source

and enters into contracts with authorized units for collection, transportation, and treatment in accordance with regulations. In addition to compliance efforts, the Company develops and implements a greenhouse gas emission reduction plan through solutions such as optimizing energy use efficiency and reusing waste heat from chemical reactions for other production stages. Concurrently, the Company has completed its facility-level greenhouse gas inventory in accordance with the roadmap stipulated in Decree No.06/2022/NĐ-CP.



Policies related to employees

With a people-centric approach, the Company continuously improves its Policies Related To Employees to create a safe, professional, and cohesive working environment, thereby fostering capabilities, enhancing work efficiency, and building a stable and sustainable workforce.

Remuneration policies, welfare regimes & health assurance

In 2025, the Company maintained a stable workforce with an average of 633 employees (excluding employees at the Company's subsidiaries – Vietnam Phosphorus Joint Stock Company). The average actual income reached VND 19.76 million/person/month, reflecting the Company's efforts to ensure the livelihood and income of its employees.

The Company fully implements policies and regimes for employees in accordance with State regulations, the Company's internal regulations, and the Collective Labor Agreement, including: Social Insurance (BHXH), Health Insurance (BHYT), Unemployment Insurance (BHTN); promotion and salary increase examinations; wages, bonuses, allowances; lunch allowance; birthday gifts; periodic health check-ups; vacations and convalescence leave. These policies are implemented uniformly, transparently, and ensure legitimate rights for employees.

In addition, the Company maintains an accident and health insurance package for employees with a total value of VND 2 billion, to support medical examination and treatment costs and prevent health-related Risks and accidents. The Company's Board of Directors always pays attention and creates conditions for employees to enjoy appropriate welfare policies, contributing to improving their living standards,

promoting work spirit, strengthening long-term commitment, and maintaining corporate culture. The Company's Trade Union organization continues to promote its role in caring for and protecting the legitimate rights and interests of employees through many practical activities. In 2025, the Trade Union launched Workers' Month, honored 11 outstanding workers, and presented gifts to 40 long-serving workers; organized visits and presented gifts to employees on the occasion of Lunar New Year; organized a gathering to celebrate the 115th anniversary of International Women's Day on March 8 and honored female employees who achieved the title of "Two-Good Women". Concurrently, the Trade Union coordinated with the administration to organize the 2025 Employee Conference and the Conference to commend advanced models for the 2020–2024 period, thereby commending 03 collectives and 60 outstanding individuals. During the year, the Company's Trade Union also successfully organized the 13th Congress of Delegates of the Company's Trade Union, term 2025–2030.

Average actual income

19,76
million/person/month

“
**Safety for Production
Production Must Be Safe**
”

Occupational safety assurance activities

Operating in the chemical sector, characterized by the use of numerous equipment, machinery, and inherent safety risks, the Company identifies ensuring occupational safety and health (OSH) as a top priority in its production and business operations. In 2025, the Company continued to implement various synchronized measures to enhance risk control and protect the safety of its employees through:

- Conducting periodic inspections at factories to promptly detect and rectify safety hazards, while installing additional sensors and early warning devices in areas with high fire and explosion risks.
- Organizing periodic occupational environment monitoring and conducting periodic inspections of machinery and equipment with strict OSH requirements.
- Developing plans and conducting chemical and environmental incident response drills at factories in accordance with regulations.
- Organizing training courses on chemical safety, fire prevention and fighting, first aid, and incident response procedures.
- Continuing to implement and enhance the occupational safety management system according to ISO 45001:2018 standard, while strictly complying with legal regulations and safety standards in the chemical sector.

To promote communication and raise awareness of

occupational safety and health, the Company issued Official Letter No. 77/HCCB-ATMT dated January 13, 2025, regarding the implementation of the 2025 Action Month for Occupational Safety and Health with the theme: “Strengthening risk assessment and identification, and proactively implementing measures to ensure occupational safety and health at the workplace”.

Overall, in 2025, the Company's occupational safety and health (OSH), fire prevention and fighting (FPF), and environmental protection efforts were carried out stably and effectively, with no serious accidents or incidents occurring, thereby contributing to safe and sustainable production and business operations.



Employee training

“

The Company identifies human resource development as a key factor for sustainable growth. In 2025, the Company continued to implement numerous training programs to enhance the Qualification, work skills, and ensure clear career development paths for employees. Training activities were conducted flexibly, tailored to each target group, including on-the-job training for newly recruited personnel and probationary staff, as well as professional and vocational development training for the succession team.

”

The Content of the programs primarily focused on:

- Specialized skills training for workers and technical staff on topics such as: operation and maintenance of chemical production machinery and equipment; production processes for basic chemicals; inventory management of raw materials and chemical products, safe storage and transportation methods; application of technical standards in production in accordance with ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, and ISO 45001:2018.
 - Training on occupational safety and industrial hygiene for all employees, including: risk identification and prevention measures in the production process; guidance on using personal protective equipment and handling various chemicals; fire prevention and fighting (FPF) training, emergency evacuation drills; first aid skills, and handling workplace accidents at the plant.
 - Training on technology application and process improvement for all employees, including: application of digital technology in production management and plant operation; use of system monitoring software to track production processes; techniques for handling environmental incidents and chemical incidents in accordance with regulations.
- In parallel with specialized training, the Company's Youth Union actively implemented communication, education, and emulation movements, contributing

to raising awareness, soft skills, and a sense of responsibility among its members and employees. In 2025, the Youth Union participated in and organized numerous activities such as the creative labor and environmental protection emulation movement; the Winter volunteer program in Muong La district (Son La province); the 'Returning to the Roots' program, Youth Month, and Tree Planting Festival 2025; activities celebrating the 94th anniversary of the establishment of the Ho Chi Minh Communist Youth Union. Concurrently, the Youth Union collaborated with the Trade Union to organize activities for employees' children on International Children's Day, June 1st, and successfully organized the 10th Delegates' Congress of the Company's Youth Union, for the 2025-2030 term.



Report on responsibility for local community

“

With Development Orientations towards sustainable development coupled with social responsibility, the Company always focuses on implementing activities to support local communities, respond to natural disasters, and contribute to social welfare programs, thereby contributing to building a safe, humane, and sustainable living environment.

”

Support for local communities and emergency, disaster response

In 2025, the Company's Trade Union actively implemented numerous practical social welfare activities, mobilizing the participation of management and employees to promptly support communities affected by natural disasters and difficult circumstances. Specifically:

- Mobilized management and employees to contribute 01 day's salary to support the Social Welfare Fund of Vietnam National Chemical Group, assisting people affected by Typhoon No. 10, and also supporting employees in difficult circumstances, with a total amount of VND 481,176,800.
- Donated necessities and clothing to support people affected by floods in the South Central Coast and Central Highlands provinces, and contributed funds through the Ho Chi Minh City Fatherland Front.
- Contributed 13,000 kg of Chloramine B to support environmental sanitation, disease prevention, and post-storm recovery efforts, thereby helping local authorities stabilize people's lives.

Contributions to sustainable community development

In addition to emergency support activities, the Company actively participated in long-term social programs. In February 2025, the Company sponsored VND 54,000,000 for the 2nd Marathon “Proud of My Homeland” organized by Nguoi Lao Dong Newspaper, contributing to spreading the spirit of solidarity, promoting health, and raising community awareness.

Through these activities, the Company demonstrates its commitment to accompanying the community, aiming for sustainable development, balancing production-business efficiency with social responsibility, and contributing to building an increasingly humane and better society.

04

Board of General Directors Assessment

Assessment of operating results

92

Financial situation

94

Improvements in organizational structure

96

Development plan for 2026

100

Assessment of operating results

The year 2025 continued to be a period of significant volatility for the global economy, with increasing trade protectionism, tariffs, and geopolitical tensions negatively impacting international trade and investment flows. Although inflation showed signs of cooling and many major central banks cautiously began interest rate reduction cycles, the global recovery of production and business remained limited. Domestically, businesses faced a dual challenge from an uncertain external environment and intense competition from imported goods. Unfavorable business conditions made it difficult for many enterprises to find consumer markets and expand market share.

Challenges

- The selling prices of NaOH and HCl products in the market continuously decreased, creating pressure on the Company's production, consumption, revenues, and profit plans. The global market price of NaOH continuously dropped sharply due to oversupply, with selling prices at times lower than production costs. High inventory levels of HCl and PAC persisted, as the current selling price of HCl is very low, only several hundred thousand VND/ton (lower than its cost), and the market price for powdered PAC is also highly competitive. The Company's products such as liquid Chlorine, HCl, PAC, H2SO4, etc., faced fierce competition from cheap imported goods and domestic manufacturers, necessitating frequent price updates and reductions.
- The global economic situation continued to be complex. Although tariff risks had somewhat cooled as many countries reached trade agreements with the US, the US-China agreement was only effective for one year, creating room for trade instabilities to return at any time during the current US administration's term. This context diminished consumer confidence and somewhat limited demand for the Company's basic chemical products.
- Currently, due to pressure to cut production costs, most companies seek cheaper raw materials of lower quality than the Company's products. Therefore, in addition to market share competition, the Company's products are constantly subject to price competition.
- Prices of raw materials, fuels, and supplies used in production tend to increase significantly, affecting production costs and cost of goods sold.
- The promulgation and tightening of regulations in the new Chemical Law increase compliance costs and legal requirements.

Advantages

- Despite the aforementioned challenges, the Company's business operations still have advantages such as:
- The Board of Directors is always closely involved, attentive, and monitors, promptly proposing solutions to adjust business production strategies in response to commercial competition difficulties and economic impact factors, with the aim of maintaining growth and business production efficiency.
 - All products manufactured by the Company are of good quality, meeting diverse customer needs, and with appropriate pricing and sales policies, the Company consistently maintains a stable customer base.
 - The Company has a team of highly skilled and experienced professionals who are quick to adopt advanced scientific and technical achievements. This workforce has contributed to the Company's growth over the past years.
 - Maintenance and repair work is emphasized, ensuring stable capacity of production lines.



Financial situation

Assets

Unit: VND Million

Indicators	31/12/2025		31/12/2024		% Change
	Value	Proportion	Value	Proportion	
Current assets	1,678,566	81.54%	1,464,037	78.75%	14.65%
Non-current assets	380,138	18.46%	394,961	21.25%	-3.75%
Total assets	2,058,704	100.00%	1,858,998	100.00%	10.74%

As of December 31, 2025, the Company's total assets reached VND 2,059 billion, an increase of 10.74% compared to 2024, reflecting a stable growth trend. The asset structure continued to lean towards current assets, accounting for 81.54% of total assets, an increase compared to 2024, while the proportion of non-current assets decreased to 18.46% compared to 21.25% in 2024. This shift aligns with the strategy of strengthening working capital and maintaining a high liquidity base as the Company implements key investment projects.

As of December 31, 2025, the Company's current assets reached VND 1,679 billion, an increase of 14.65% compared to the same period in 2024. This increase primarily stemmed from the rise in accounts receivable from customers, reflecting the Company's expansion of sales scale and consumption volume, along with

an increase in inventories as the Company proactively stockpiled raw materials to stabilize production costs and ensure continuous production during the factory relocation phase.

The Company's non-current assets as of December 31, 2025, amounted to VND 380 billion, accounting for 18.46% of total assets and decreased by 3.75% compared to 2024. The non-current assets structure primarily consists of long-term prepaid expenses, accounting for 80.87%, which represents land and infrastructure lease payments at Nhon Trach Industrial Park with a term until 2055. Although most fixed assets have been fully depreciated, they remain operationally efficient, reflecting the enterprise's effective asset management and maintenance policies.

Sources of capital

Unit: VND Million

Indicators	31/12/2025		31/12/2024		% Change
	Value	Proportion	Value	Proportion	
Liabilities	437,085	21.23%	304,982	16.41%	43.32%
- Short term debt	421,334	96.40%	304,982	100.00%	38.15%
- Long term debt	15,752	3.60%	-	-	-
Owner's equity	1,621,619	78.77%	1,554,016	83.59%	4.35%
Total capital	2,058,704	100.00%	1,858,998	100.00%	10.74%

Sources of capital

The Company's total capital as of December 31, 2025, reached VND 2,059 billion, an increase of 10.74% compared to 2024, with a stable and prudent financial structure. Equity continued to maintain its dominant position, accounting for 78.77%, equivalent to VND 1,622 billion, an increase of 4.35% compared to the same period at year-end, while liabilities accounted for 21.23%, reaching VND 437 billion, an increase of 43.32% compared to the same period at year-end; however, the leverage ratio remained lower than the industry average. The Company's debt structure demonstrates flexibility,

being mostly concentrated in short-term debt, primarily from suppliers and domestic bank loans. The Company has no long-term debt, reflecting an independent financial policy and high autonomy in business operations. This capital structure demonstrates a reasonable balance between financial safety and business efficiency, creating a solid foundation for sustainable development.

Assessment of interest expenses and exchange rate impact

ĐVT: Triệu đồng

Indicators	2025	2024	% Change
Deposit interest	36,948	27,493	34.39%
Loan interest expense	6,457	2,377	171.64%
Exchange rate gain	5,794	2,622	120.98%
Exchange rate loss	778	486	60.08%

Deposit interest income in 2025 reached VND 37 billion, an increase of 34.39% compared to 2024, supported by a high level of short-term deposits and higher interest rates than in 2024. Conversely, interest expenses rose to VND 4 billion, up 171.64% year-on-year, mainly due to increased short-term borrowings to supplement working capital. Despite this rise, borrowing costs remained relatively low compared to total revenue and were partially offset by deposit interest income.

Regarding exchange rate impacts, the Company recorded foreign exchange gains of VND 5.8 billion, up 120.98% compared to the same period, while foreign exchange losses also increased by VND 292 million, up 60.08% compared to 2024. Overall, exchange rate risk remained well controlled and contributed positively to financial income. As a result, financial profit in 2025 reached VND 36 billion, an increase of 30.28% compared to 2024, accounting for 12.11% of the Company's profit before tax.

Improvements in organizational structure, policies, and management

Human resource development activities

Human resource training and development

In 2025, the Company continued to advance its comprehensive human resource development strategy, with the vision of building a professional workforce rich in expertise and professional ethics. Training programs are designed to be multi-faceted and flexible, meeting the development needs of each target group, while aiming to enhance the Company's competitiveness amidst digital transformation and international integration.

- Regarding professional training: The Company simultaneously implemented programs from onboarding training for new hires to advanced professional training based on job positions. Special emphasis was placed on organizing specialized workshops, experience sharing, and mentoring programs combined with practical training, to help employees continuously update their knowledge, technological trends, and industry practices.
- Regarding soft skills development: The Company focused on training essential skills such as leadership and management for employees at all levels, communication, presentation, and negotiation skills. Concurrently, emphasis was placed on developing teamwork, problem-solving, and innovative thinking abilities, to meet the increasingly demanding requirements of the modern business environment.
- Regarding personal development support: The Company fostered a diverse learning environment. In parallel, it actively supported employees in participating in external specialized courses, established clear career development paths, and closely linked training outcomes with promotion opportunities and remuneration policies.

The Company not only enhanced its competitiveness but also built a positive learning culture, creating a solid foundation for sustainable development in the digital age and international integration.

Working environment

The Company prioritizes building a professional, safe, and friendly working environment, aiming for the comprehensive development of its employees. Specifically:

- For the Office Division: The Company has invested in modern and synchronized facilities, from scientifically designed workspaces to technological equipment and office amenities. Common areas are rationally arranged, creating a comfortable and efficient working environment, fostering creativity and interaction among members.
- For the Production Division: The workshop system operates according to modern industrial standards with optimal working conditions regarding lighting, ventilation, and temperature. Employees are fully equipped with high-quality protective gear, combined with regular training on occupational safety and operating procedures, ensuring absolute safety in production.
- Regarding Safety and Health: The Company strictly implements periodic health check-up programs, accident insurance, and on-site medical care. Working conditions are regularly assessed and improved, creating a healthy, safe, and professional working environment.

Improvements in organizational structure, policies, and management

Human resource development activities

Salaries, bonuses, benefits, and remuneration policies

The Company complies with legal regulations regarding the payment of salaries and bonuses to employees. The Company develops and applies diverse remuneration and benefit policies to motivate employees and recognize the efforts and contributions of individuals and teams. These remuneration and benefit policies include:

- Salaries and bonuses based on capability and work performance.
- Holiday bonuses, Tet bonuses, seniority bonuses, etc.
- Social insurance, health insurance, unemployment insurance, etc.
- Group health and accident insurance, periodic health check-ups, etc.
- Leave policies, sick leave, maternity leave, etc.
- Policies for breakfast, lunch, and travel support, etc.
- Training, development, and promotion policies, etc.



The Company always creates conditions for employees to enjoy the best welfare policies, aiming to boost employee morale, foster long-term commitment to the team, and maintain the Company's corporate culture.

Human resources assessment

The Company has successfully developed and implemented a comprehensive human resources policy system, meeting the basic requirements of a modern enterprise. To enhance the effectiveness of human resource management, the Company has identified the following key areas for improvement:

- Regarding Training Strategy: Develop detailed career development paths for each position, with specific evaluation milestones and training objectives. Design specialized training programs based on the capabilities and potential of each personnel group, combined with periodic evaluations to ensure effective training and development of successor human resources.
- Regarding Corporate Culture: Diversify internal engagement activities by organizing regular cultural, sports, and team-building events. Build a dynamic, creative, and friendly working environment, enhancing cohesion and team spirit among members.
- Regarding Remuneration Policy: Conduct in-depth market research to establish a competitive salary, bonus, and benefits system. Develop special remuneration programs for talents and key positions, ensuring the attraction and retention of high-quality human resources for the sustainable development of the enterprise.

Product quality

- Currently, product quality inspection is carried out at the Laboratories of the Company's affiliated factories. Among these, the Laboratory of Bien Hoa Chemical Factory has been certified to meet ISO 17025:2017 – General requirements for the competence of testing and calibration laboratories;
- The management systems currently applied at the Company's affiliated factories include ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO 50001:2018, ISO 17025:2017, PAS 99:2012, HALAL, KOSHER certifications, and NSF certification for PAC

10% HB product, PAC 31% powder product, and PAC 30% HB powder product used in drinking water treatment.

- Food safety management system certification ISO 22000:2018, HACCP.



Technical management

Production organization

- The Company has implemented the monitoring and control of production activities for technology lines, machinery, and equipment, ensuring they always operate stably and meet product output and quality requirements. Specifically, the Company has implemented the following activities:
- Developed and implemented procedures and regulations for production management, to ensure production activities are carried out in accordance with regulations and standards.
- Organized specialized teams of engineers and technicians for production, to monitor and control the production activities of technology lines, machinery, and equipment.
- Equipped with devices and tools for product quality inspection and monitoring, to ensure that manufactured products meet required quality standards.

Management of norms and product quality

The management of norms and product quality is carried out regularly and continuously. Recently, product norms and quality have always been developed, reviewed, and flexibly adjusted to suit the actual conditions and capabilities of each production line. At the same time, the Company

focuses on promoting technical improvement initiatives and optimizing production processes to reduce costs, save energy, increase productivity, improve working conditions, and enhance competitiveness.

Development plan for 2026

Assessment of 2026 situation

Challenges

- The global economy in 2026 remains unstable due to geopolitical and trade tensions; demand for basic chemicals recovers slowly and unevenly across markets, putting pressure on orders and selling prices for domestic enterprises.
- The Chinese market maintains an oversupply situation, causing prices of NaOH, HCl, H₂SO₄, and yellow phosphorus to remain low; imported goods into Vietnam fluctuate strongly and create competitive pressure on domestic products.
- Domestic competitors continuously expand and increase capacity, leading to price competition and shared market share, especially for NaOH, PAC, Chlorine.
- Exports continue to face difficulties due to fierce competition with low-cost goods from China.
- Input costs are under pressure as domestic raw material sources are scarce, requiring enterprises to rely on imports, which causes production costs to fluctuate with international markets.
- Industrial salt prices are constrained by import quotas, while low-quality apatite ore sources continue to affect the operations of the Company’s subsidiaries.
- Electricity prices, oil prices, and some other input factors remain high, impacting production costs and competitiveness.
- Consumer demand is recovering but has not returned to pre-pandemic levels; some downstream industries are growing slowly, affecting consumption demand; the Company's demand for Silicate used in detergent production has decreased by 30% to 40%.
- The Company must simultaneously maintain production and business activities at existing units while implementing the Nhon Trach Chemical Plant project, leading to pressure on resources, personnel, and investment costs.
- Bank loan interest rates also tend to increase, potentially impacting investment costs at the Nhon Trach Chemical Plant Project.

Advantages

- Macroeconomic policies are under control and yielding good results.
- The supply of the Company's main raw materials such as industrial salt, sulfur, etc., is maintained stably, with suitable quality. The Company always closely monitors the prices of supplies and raw materials to achieve reasonable, effective, and advantageous inventory costs for the Company's production phase. Concurrently, the Company always maintains and monitors reasonable inventory levels, ensuring timely raw material supply for production activities.
- The Management Board always closely monitors, cares for, tracks, and promptly proposes solutions to adjust business production strategies in response to commercial competition challenges and economic impact factors, with the aim of maintaining growth and business production efficiency.
- All products manufactured by the Company are of good quality, meeting diverse customer needs, with appropriate pricing and sales policies, thus, the Company consistently maintains a stable customer base.
- In addition to maintaining good relationships with existing customers to retain a stable market share amidst fierce price competition from rivals, the Company actively seeks potential customers to expand its customer base, increase Revenues and profits.
- The Company has a team of highly skilled and experienced personnel who are quick to adopt advanced scientific and technical achievements. This workforce has contributed to the Company's growth over the past years.
- Maintenance and repair work is emphasized to ensure stable capacity of production lines.

Development plan for 2026

Business production plan for 2026:

Unit: VND Million

Indicators	Actual 2025	Plan for 2026
Consolidated net revenues	2,160,144	2,103,988
Consolidated profit after tax	229,338	714

Plan implementation solutions

Solutions for organization, personnel, and resource development

- 1
- Focus on recruitment, training, and allocation of human resources to meet the requirements for implementing the Nhon Trach Chemical Plant project.
 - Strengthen the recruitment of minor employees who are capable and thoroughly trained to focus on implementing the Nhon Trach Chemical Plant project.
 - Organize on-site training for minor engineers at the Plant and production lines; concurrently implement phased training for departments and facilitate participation in external training courses when necessary.

Solutions for management and operations

- 2
- Update and amend internal regulations to enhance operational efficiency; in 2025, the Company adjusted labor and salary regulations to comply with requirements, and will continue to review and update the remaining regulations in 2026.
 - Apply digital transformation by scaling Base technology platforms in centralized database management, cloud data management, and work progress tracking, especially for the Nhon Trach Chemical Plant project, to optimize performance and support the Management Board's administrative work.

Solutions for business production, investment, and construction

- 3
- Closely monitor market prices for NaOH, HCl, PAC, and other products to promptly adjust business plans.
 - Regularly review floor selling prices and monitor price fluctuations of competitors In the Southern Vietnam.
 - Promote NaOH consumption when selling prices tend to increase and adjust prices downwards when necessary to maintain market share and support the consumption of chlorine-based products.
 - Balance PAC powder production in case HCl faces fierce competition, especially during the rainy season when market demand increases.
 - Enhance product supply to member units within the Group and partners.
 - Diversify existing products according to technical standards, concentration, and quality to meet diverse customer needs.
 - Research and develop new products as well as upgrade the quality of existing products to expand the market and balance NaOH-Chlorine consumption, such as silica for the rubber and plastic industries, and high-quality H₂SO₄.
 - Enhance communication and advertising through traditional channels such as newspapers, magazines, and community sponsorship programs.
 - Promote marketing through electronic channels such as websites and social media to reach customers more effectively.
 - Collaborate with partners in producing TVCs and a new brand identity kit to enhance the Company's image in the market.
 - Maintain relationships with existing customers through after-sales services and appropriate commercial policies amidst fierce price competition in the market.
 - Focus on directing the successful implementation of the Nhon Trach Chemical Plant project.

Explanation of the Board of Management for Auditor’s opinions

None.



05

Board of Directors Assessment

Assessment on operational aspects	106
Assessment on the Board of Management	108
Plans and orientations for 2026	109



Assessment by the Board of Directors on the Company's operational aspects

Effectiveness of production and business operations

Global Economic Context

The early months of 2025 witnessed many complex developments globally as geopolitical tensions, regional conflicts, and trade protectionist measures increased. These factors negatively impacted global supply chains, directly affecting international trade, investment, and production activities. Additionally, extreme weather phenomena and natural disasters significantly affected socio-economic development. Nevertheless, the global economy showed signs of improvement as merchandise trade gradually recovered, inflation cooled, and financial conditions were cautiously eased in many countries. These factors contributed to creating a more supportive environment for production and business activities, although the pace of recovery remained slow and uneven across sectors and regions.

Domestic Market

Domestic industrial production activities showed a recovery trend in 2025, thereby supporting the maintenance of consumption volume for the Company's basic chemical products. However, selling prices remained under significant pressure due to fierce competition. Towards the end of the year, consumer demand improved, especially during the Lunar New Year, contributing to boosting trade and production, and creating additional momentum for business activities.

Company Business Results

Amidst the intertwined advantages and challenges of the market economy during the year, the Board of Directors, together with the Company's Management Board, closely monitored and researched the application of appropriate sales policies to stabilize production activities and optimize profits. The Company achieved remarkable results in 2025. Specifically, consolidated net revenues for 2025 reached VND 2,160 billion, an increase of 16.41% compared to 2024; profit after tax reached VND 229 billion, a decrease of 11.22% compared to 2024.



Production organization activities

The Company's NaOH-Chlorine and acid production lines are equipped with modern technology from reputable suppliers in the Europe/G7 region, ensuring high technical standards and operational stability. Thanks to advanced technology, key products such as NaOH, HCl, H₂SO₄, and related products consistently achieve stable quality, surpassing national standards (TCVN) and meeting the stringent standards of the food, pharmaceutical, electronics industries, etc. Thereby, the Company maintains its reputation and trust among high-quality demanding customer groups.

In parallel with stable operations, the Company continuously implements technical improvement initiatives and process optimization. These efforts contribute to increasing productivity, reducing raw material consumption, optimizing production costs, and enhancing product competitiveness. Concurrently, improvement activities also help improve energy efficiency, ensure operational safety, reduce environmental emissions, and enhance business production efficiency at the plants.

Research and development activities

Facing intense competitive pressure, the Company chooses a differentiation strategy through product and technology development to meet diverse market demands and expand into new customer segments. Focusing on product quality and uniqueness not only helps enhance brand reputation but also creates a sustainable Competitive advantage.

- The Company researches and develops plans for producing inorganic acids such as HCl, H₂SO₄, and H₃PO₄ according to electronic standards, meeting the stringent technical requirements of the electronics and semiconductor industries.
- The Company focuses on implementing science and technology activities, initiatives, and improvements at existing production lines, contributing to improving energy efficiency, increasing operational safety, reducing emissions, and enhancing business production efficiency at the plants.



Assessment by the Board of Directors on the activities of the Board of Management

The Board of Directors assessed that the Board of Management managed the Company proactively, efficiently, and in compliance with regulations in 2025, ensuring stable business production activities amidst a volatile market. The Board of Management effectively carried out assigned tasks and utilized the Company's resources efficiently. Specifically, noteworthy activities include:

- Operations in compliance with legal regulations, the Company's Charter, and internal regulations; Decisions were issued promptly and within authority.
- Maintaining stable production activities, ensuring employment, labor safety, and fully fulfilling responsibilities to stakeholders.
- Efficiently utilizing capital, assets, labor, and brand resources, contributing to improved business production efficiency.
- Managing and allocating investment capital reasonably, ensuring efficient asset operation, and proactively proposing adjustments to investment plans in line with development needs.
- Closely coordinating with the Board of Directors in handling arising issues, facilitating smooth governance and operational processes.
- Focusing on human resource development, especially recruitment and training for production activities and the implementation of the Nhon Trach Chemical Plant Project.



Plans and Orientations of the Board of Directors for 2026

Activities of the Board of Directors

- In 2026, the Board of Directors decided to continue the following governance orientations:
- Implementing and ensuring the activities of the Board of Directors comply strictly with legal regulations and the Company's Charter.
 - Ensuring the activities of the Board of Directors are always based on the best interests of shareholders and the Company. Ensuring the rights of shareholders in accordance with legal regulations.
 - Fully conducting regular meetings and discussions, timely grasping the Company's business activities, and providing timely guidance to ensure the completion of the business production plan assigned by the General Meeting of Shareholders.
 - Continue to improve and perfect the Board of Directors' structure to meet the requirements of legal regulations on Corporate Governance applicable to public companies, as well as to move towards international standards.
 - Continue to complete and implement internal audit work in accordance with legal regulations.
 - Ensure the rights of shareholders in accordance with legal provisions.

Business operations and construction investment

- Proactively approach various raw material suppliers, diversify supply sources, and mitigate the risk of input raw material shortages.
- The Company closely monitors market prices of main products and implements appropriate sales price adjustment policies to stabilize and expand market share.
- Continue to promote sales among entities within the same Group and with partners.
- Minimize major investment and repair activities; only carry out truly essential items to cut costs.
- Diversify existing products with various technical standards, concentrations, and qualities to meet different customer needs. Currently, products such as NaOH, HCl, MgSO4... have been researched and produced by the Company at various standards.
- Research new products and upgrade the quality of existing products.
- Improve internal processes and regulations to enhance operational efficiency.
- Expand the implementation of working methods through new technology platforms to support management work.
- Promote communication and advertising work; research new advertising tools following modern trends, in addition to traditional tools.
- Maintain relationships and focus on after-sales service for existing customers, implementing appropriate sales and purchase policies amidst fierce price competition from domestic and international competitors.
- The Company strives to optimize the capacity of its production lines to meet market demand.
- Focus on directing the successful implementation of the Nhon Trach Chemical Plant project.



06

Corporate Governance

Board of Directors	112
Board of Supervisors	126
Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	130

Board of Directors

Composition and structure of the Board of Directors

Southern Basic Chemical Joint Stock Company always strives for the best governance practices. With diverse and in-depth experience in the chemical, finance, and business sectors, the Members of Board of Director have discussed and advised on many Company issues in a democratic, transparent, and scientific manner, promptly providing solutions to ensure the highest interests for shareholders and stakeholders. The Company's Board of Directors ensures independence with 01 independent member (20%) being Mrs. Le Thi Ngoc Diep, 03 non-executive members, and 01 executive member.

No.	Member	Position	Ownership Representative		Individual Ownership		Note
			Number of Shares	Ownership Percentage	Number of Shares	Ownership Percentage	
1	Mrs. Nguyen Thi Mai	Chairwoman of the Board of Directors	27,627,500	25%	0	0%	Appointed on February 28, 2025
2	Mr. Le Thanh Binh	Member of the Board of Directors and General Director	22,100,000	20%	4,250	0.004%	
3	Mr. Vu Minh Ngoc	Non-executive Member of the Board of Directors	22,100,000	20%	0	0%	
4	Mr. Le Phuong Dong	Non-executive Member of the Board of Directors	0	0%	0	0%	
5	Mrs. Le Thi Ngoc Diep	Independent members of the Board of Directors	0	0%	0	0%	

Note: The Board of Directors list is updated as of the publication of the 2025 Annual Report.

Activities of the Board of Directors

In 2025, the Board of Directors held 09 in-person meetings and conducted written consultations. Accordingly, the Board of Directors issued 93 Resolutions and Decisions, approving many important plans and adjustments for the Company's operations and development. The specific content is as follows:

Number of Board of Directors meetings

No.	Members of Board of Director	Number of meetings attended by Board of Directors (*)	Meeting Attendance Percentage	Reasons for absence
1	Mrs. Nguyen Thi Mai	06/09	66,67%	Appointed on February 28, 2025
2	Mr. Le Thanh Binh	09/09	100%	
3	Mr. Le Phuong Dong	09/09	100%	
4	Mr. Vu Minh Ngoc	09/09	100%	
5	Mrs. Le Thi Ngoc Diep	09/09	100%	
6	Mr. Nguyen Huu Tu	03/09	33,33%	Dismissed on February 28, 2025

The Committees of the Board of Directors

The Company does not establish any committees.

Board of Directors

Content and results of in-person meetings and written consultations

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
1	12/NQ-HĐQT	03/01/2025	Regarding the approval of the resignation letter from the Chairman of the Board of Directors and Member of the Board of Directors (Meeting No. 07 of the 2024–2029 term)	100%
2	60/NQ-HĐQT	09/01/2025	Resolution of the 8th Meeting – Term 2024–2029 (Regarding the election of the Chairman of the Board of Directors and the approval of matters related to convening the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders of South Basic Chemicals Joint Stock Company)	100%
3	63/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Decision on the establishment of the Appraisal Team for the Terms of Reference for developing the Building Information Modeling (BIM) at the basic design stage of the “Nhon Trach Chemical Plant” project	100%
4	67/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Decision on the approval of the 2025 construction investment plan	100%
5	73/NQ-HĐQT	13/01/2025	Resolution on the adjustment of the timing for holding the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
6	107/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Decision on the approval of the Terms of Reference for developing the Building Information Modeling (BIM) at the basic design stage of the “Nhon Trach Chemical Plant” project	100%
7	122/QĐ-HĐQT	16/01/2025	Decision on the approval of the 2025 fixed asset repair plan	100%
8	136/NQ-HĐQT	18/01/2025	Resolution of the 9th Meeting – Term 2024–2029	100%
9	143/NQ-HĐQT	21/01/2025	Resolution on approving the policy of re-appointing the Deputy Director of Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
10	149/QĐ-HĐQT	22/01/2025	Decision on the approval of the 2025 financial plan	100%
11	158/NQ-HĐQT	23/01/2025	Resolution on the approval of the 2024 corporate governance report of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
12	162/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Decision on the approval of the 2025 overseas delegation plan of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
13	171/NQ-HĐQT	04/02/2025	Resolution on the approval of the documents to be submitted to the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders	100%
14	180/NQ-HĐQT	05/02/2025	Resolution on the approval of the contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and other matters of Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
15	207/NQ-HĐQT	11/02/2025	Resolution on reviewing and assessing the Company’s capital representative for 2024; re-appointing the Company’s capital representative; and nominating personnel to stand for election as members of the Board of Directors and the Supervisory Board of Vietnam Phosphate Joint Stock Company for the 2025–2030 term	100%
16	217/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Decision on the re-appointment of Mr. Le Thanh Binh – Member of the Board of Directors, General Director of South Basic Chemicals Joint Stock Company; Chairman of the Board of Directors of Vietnam Phosphate Joint Stock Company – as the capital representative of South Basic Chemicals Joint Stock Company at Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
17	218/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Decision on the re-appointment of Mr. Le Quoc Hung – Member of the Board of Directors, Director of Vietnam Phosphate Joint Stock Company – as the capital representative of South Basic Chemicals Joint Stock Company at Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
18	219/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Decision on the re-appointment of Mr. Nguyen Minh Tri – Deputy Head of Planning and Business Department, Controller of South Basic Chemicals Joint Stock Company; Member of the Board of Directors of Vietnam Phosphate Joint Stock Company – as the capital representative of South Basic Chemicals Joint Stock Company at Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
19	220/QĐ-HĐQT	12/02/2025	Decision on the appointment of a representative in charge at Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
20	238/NQ-HĐQT	14/02/2025	Resolution on the list of candidates for the additional election to the Board of Directors for the 2024–2029 term	100%
21	285/QĐ-HĐQT	26/02/2025	Decision on the approval of the “PAC Powder Drying Tower” project	100%
22	288/NQ-HĐQT	27/02/2025	Resolution on holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%

Board of Directors

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
23	295/NQ-HĐQT	28/02/2025	Resolution on the dismissal of the Chairman of the Board of Directors of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
24	296/NQ-HĐQT	28/02/2025	Resolution on the election of the Chairman of the Board of Directors of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
25	363/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Decision on the assignment of duties within the Board of Directors of South Basic Chemicals Joint Stock Company, term 2024–2029	100%
26	364/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Decision on the finalization of the employee salary fund and the 2024 management salary fund report	100%
27	366/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Decision on the issuance of the list of products registered for material consumption norms in production for 2025 of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
28	396/NQ-HĐQT	21/03/2025	Resolution on the review and evaluation of the Executive Board and the Company Secretary for 2024	100%
29	446/NQ-HĐQT	01/04/2025	Resolution on the approval of documents to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	100%
30	447/NQ-HĐQT	01/04/2025	Resolution on the implementation of recommendations of the Supervisory Board as stated in Notification No. 405/2025/TB-BKS dated March 24, 2025	100%
31	505/NQ-HĐQT	14/04/2025	Resolution on the approval of adjusted documents to be submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	100%
32	515/NQ-HĐQT	16/04/2025	Resolution of the 12th Meeting – Term 2024–2029	100%
33	580/QĐ-HĐQT	06/05/2025	Decision on the approval of the “Chlorine Liquefaction Cooling System” project	100%
34	588/QĐ-HC-CB	09/05/2025	Decision on the approval of the final settlement of investment capital for the completed project "Procurement of air supply fans for the acid production line"	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
35	609/NQ-HĐQT	15/05/2025	Resolution on the approval of adding a project to the list of investment preparation items in the 2025 construction investment plan of Vietnam Phosphate Joint Stock Company	100%
36	613/QĐ-HĐQT	16/05/2025	Decision on the bonus payment to the members of the Board of Directors, the Executive Board, and the Supervisory Board from the 2024 Company Management Bonus Fund	100%
37	625/NQ-HĐQT	21/05/2025	Resolution on the payment of 2024 cash dividends	100%
38	651/NQ-HĐQT	27/05/2025	Resolution on the approval of the selection of the audit firm for the 2025 financial statements of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
39	659/QĐ-HĐQT	28/05/2025	Decision on the approval of the "Alkali Cooling Equipment" project	100%
40	771/NQ-HĐQT	30/05/2025	Resolution on holding the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
41	809/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Decision on the establishment of an Appraisal Team for the Feasibility Study Report of the “Nhon Trach Chemical Plant” project	100%
42	815/QĐ-HĐQT	11/06/2025	Decision on the approval of the “10,000-Liter Enamel Reaction Equipment” project	100%
43	825/NQ-HĐQT	13/06/2025	Resolution of the 13th Meeting – Term 2024–2029 (Regarding the dissolution of the Bao Loc Bauxite Mine Branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company)	100%
44	826/QĐ-HĐQT	13/06/2025	Decision on the dissolution of the Bao Loc Bauxite Mine Branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
45	836/QĐ-HĐQT	17/06/2025	Decision on the approval of the project "Anolyte Solution and Brine Pump"	100%
46	846/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Decision on the establishment of the Appraisal Team for the Terms of Reference for project management consulting, cost estimation, contractor selection plan, package cost estimation, and contractor selection results in the project preparation stage of the "Nhon Trach Chemical Plant" project	100%

Board of Directors

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
47	854/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Decision on the issuance of the 2025 Plan for Anti-Corruption, Waste, and Negative Practices of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
48	855/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Decision on the approval of the Terms of Reference for project management consulting under the "Nhon Trach Chemical Plant" project	100%
49	867/QĐ-HĐQT	24/06/2025	Decision on the approval of the cost estimate and contractor selection plan for the 5th project preparation stage under the "Nhon Trach Chemical Plant" project	100%
50	868/QĐ-HĐQT	24/06/2025	Decision on the issuance of the 2025 Pro-gram on Practicing Thrift and Combating Wastefulness of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
51	873/NQ-HĐQT	25/06/2025	Resolution on the adjustment of the transaction contract value between South Basic Chemicals Joint Stock Company and "related parties" in 2025	100%
52	909/NQ-HĐQT	30/06/2025	Resolution on the approval of documents to be submitted to the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders	100%
53	914/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Decision on the approval of the adjustment to the project “PAC Powder Drying Tower”.	100%
54	924/QĐ-HĐQT	02/07/2025	Decision on the approval of the task for construction drawing design, the applicable contents, and the level of detail of the Building Information Modeling (BIM) at the post-basic design implementation stage of the Nhon Trach Chemical Plant Project”.	100%
55	937/QĐ-HĐQT	04/07/2025	Decision on the approval of the cost estimates and the contractor selection plan for the early bidding packages of the “Nhon Trach Chemical Plant Project”.	100%
56	983/NQ-HĐQT	16/07/2025	Resolution of the 14th Meeting of the Board of Directors, term 2024–2029.	100%
57	1021/QĐ-HĐQT	28/07/2025	Decision on the establishment of the Appraisal Team for the Contractor Selection Plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
58	1036/NQ-HĐQT	30/07/2025	Resolution on the approval of the Corporate Governance Report for the first six months of 2025 of South Basic Chemicals Joint Stock Company.	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
59	1049/QĐ-HĐQT	01/08/2025	Decision on the approval of the contractor selection plan for the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
60	1078/QĐ-HĐQT	06/08/2025	Decision on the approval of the project “Caustic Soda Circulation Pump”.	100%
61	1110/NQ-HĐQT	13/08/2025	Resolution on the approval in principle of entering into transaction contracts between Vietnam Chemical Joint Stock Company and “Related Persons”.	100%
62	1112/NQ-HĐQT	13/08/2025	Resolution on the approval in principle of entering into transaction contracts with “Related Persons”.	100%
63	1163/NQ-HĐQT	26/08/2025	Resolution on the implementation of the recommendations of the Company’s Board of Supervisors as stated in Notice No. 06/2025/TB-BKS dated August 20, 2025.	100%
64	1174/QĐ-HĐQT	28/08/2025	Decision on the establishment of an Appraisal Team for the cost estimates of bidding packages under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
65	1182/NQ-HĐQT	29/08/2025	Resolution on the approval in principle of entering into a transaction contract with a “Related Person” (Goods purchase and sale contract between South Basic Chemicals Joint Stock Company and Southern Fertilizer Joint Stock Company)	100%
66	1188/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Decision on the approval of the scope of work and cost estimates for the engineering geological survey at the post-basic design implementation stage; construction design implementation after basic design for the items of site grading and leveling, fencing, and guard house; first adjustment of the contractor selection plan; and cost estimates for bidding packages TV-02.01, TV-03, TV-04, and XL-01 under the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%
67	1191/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Decision on the promulgation of the Regulations on management of investment projects of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
68	1205/QĐ-HĐQT	04/09/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package TV-02.01 “Consulting on preparation of bidding documents and evaluation of bids for construction of site grading and leveling, fencing, and guard house” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%

Board of Directors

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
69	1212/QĐ-HĐQT	05/09/2025	Decision on the approval of the E-bidding documents (E-HSMT) for Package XL-01 “Construction of site grading and leveling, fencing, and guard house” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%
70	1224/QĐ-HĐQT	10/09/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package TV-02.01 “Consulting on preparation of bidding documents and evaluation of bids for construction of site grading and leveling, fencing, and guard house” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
71	1237/QĐ-HĐQT	12/09/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package TV-03 “Engineering geological survey at the construction drawing design stage (TKBVTC)” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
72	1241/QĐ-HĐQT	15/09/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package TV-04 “Supervision of engineering geological survey at the construction drawing design stage (TKBVTC) and construction of site grading and leveling, fencing, and guard house” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
73	1256/QĐ-HĐQT	17/09/2025	Decision on the approval of the cost estimate for Package BH-01 “Construction works insurance” and the second adjustment of the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
74	1262/QĐ-HĐQT	18/09/2025	Decision on the approval of the online contractor selection results for Package XL-01 “Construction of site grading and leveling, fencing, and guard house” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
75	1279/QĐ-HĐQT	22/09/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package BH-01 “Construction works insurance” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
76	1288/QĐ-HĐQT	24/09/2025	Decision on the approval of the technical plan for engineering geological survey for Package TV-03 “Engineering geological survey at the construction drawing design stage (TKBVTC)” under the contractor selection plan of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
77	1323/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Decision on the approval of the selection results of the internal audit service provider for the year 2025 of South Basic Chemicals Joint Stock Company.	100%
78	1375/NQ-HĐQT	17/10/2025	Resolution of the 15th Meeting, term 2024–2029.	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
79	1394/NQ-HĐQT	22/10/2025	Resolution on the approval of the report on the results of the engineering geological survey at the post-basic design implementation stage of the Nhon Trach Chemical Plant Project.	100%
80	1449/NQ-HĐQT	07/11/2025	Resolution on the approval in principle of implementing the procedure for appointment to the position of Assistant to the General Director	100%
81	1478/QĐ-HĐQT	11/11/2025	Decision on the approval of the engraving of a new Company seal	100%
82	1496/QĐ-HĐQT	12/11/2025	Decision on the promulgation of the Financial Regulations of South Basic Chemicals Joint Stock Company (Second amendment and supplementation)	100%
83	1506/NQ-HĐQT	13/11/2025	Resolution on the approval in principle of adjusting the detailed construction planning scheme at the scale of 1/500 for the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%
84	1535/NQ-HĐQT	20/11/2025	Resolution on the comments and evaluation by the Board of Directors on the Company’s management personnel for the purpose of reappointment for a fixed term to the position of Deputy General Director of the Company	100%
85	1537/NQ-HĐQT	20/11/2025	Resolution on the approval in principle of the reassignment of mid-level management personnel of the Company	100%
86	1559/NQ-HĐQT	25/11/2025	Resolution on the approval in principle of the appointment to the position of Deputy Director of Vietnam Phosphorus Joint Stock Company	100%
87	1582/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Decision on the approval of the Internal Audit Plan for the year 2026 of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
88	1612/NQ-HĐQT	04/12/2025	Resolution on the approval in principle of the dismissal from the position of Director of Bien Hoa Chemical Plant	100%
89	1632/NQ-HĐQT	10/12/2025	Resolution on the consideration of the self-assessment report and classification evaluation of the collective Board of Directors and individual members of the Board of Directors of the Company for the year 2025	100%
90	1640/QĐ-HĐQT	11/12/2025	Decision on the establishment of an Appraisal Team for investment construction cost estimates under the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%

Board of Directors

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval rate
91	1641/NQ-HĐQT	11/12/2025	Resolution on the internal audit results for the year 2025 of South Basic Chemicals Joint Stock Company	100%
92	1681/QĐ-HĐQT	22/12/2025	Decision on the approval of the cost estimates for the adjustment of the detailed construction planning scheme at the scale of 1/500; the third adjustment of the contractor selection plan; and the cost estimate for Package TV-08 “Preparation of dossier for local adjustment of detailed construction planning at the scale of 1/500” under the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%
93	1756/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Decision on the approval of the contractor selection results for Package TV-08 “Preparation of dossier for local adjustment of detailed construction planning at the scale of 1/500” under the Nhon Trach Chemical Plant Project	100%

Activities of independents members of the Board of Directors

In 2025, the independent member(s) of the Board of Directors continued to promote their role in objective supervision and independent review within the Company’s governance system. Independent members of the Board of Directors consistently upheld the principles of transparency, neutrality, and responsibility, thereby contributing to risk control, enhancement of governance quality, and the assurance of balanced interests among shareholders and related parties.

With professional experience and an independent perspective, the independent member(s) of the Board of Directors fully participated in all meetings of the Board of Directors during the year, proactively reviewed dossiers and documents prior to meetings, and actively engaged in discussion, analysis, and independent review of important matters submitted to the Board of Directors for consideration and approval. The focus of opinions and recommendations of the independent member(s) of the Board of Directors centered on the following key areas:

- Investment and key projects: Providing opinions and independent review on investment plans, investment policies, and adjustments to major investment projects of the Company, particularly the Nhon Trach Chemical Plant Project, as well as equipment and technology investment projects and items, in order to ensure necessity, feasibility, investment efficiency, and risk control;
- Financial governance, audit, and internal control: Providing opinions on financial plans, selection of audit firms, and internal audit results; at the same time supervising the formulation, amendment, and implementation of financial regulations, internal management regulations, and programs on thrift practice and waste prevention;
- Organization, personnel, and executive governance: Reviewing and providing opinions on matters related to organizational structure, assignment of duties of the Board of Directors, and the appointment, reappointment, reassignment, and dismissal of management positions within authority, ensuring appropriateness, transparency, and stability in personnel governance;
- Related-party transactions and public company governance: Monitoring and providing opinions on transactions with related persons, ensuring that such transactions were submitted to the Board of Directors for consideration within proper authority, with complete documentation, and disclosed in a timely manner in accordance with regulations; concurrently supervising the implementation of recommendations of the Board of Supervisors as stated in relevant notices during 2025.

Board of Directors

Activities of independents members of the Board of Directors

Evaluation results of the independent member(s) of the Board of Directors on the activities of the Board of Directors during the reporting period

- The Board of Directors effectively performed its supervisory role and development orientation for the Company, particularly in the implementation of major investment projects such as the Nhon Trach Chemical Plant, PAC powder equipment systems, liquid chlorine systems, etc.;
- Compliance with laws, the Company Charter, and principles of public company governance was ensured. Transactions with related persons were approved by the Board of Directors within proper authority and disclosed fully and in a timely manner in accordance with regulations;
- All members of the Board of Directors proactively participated in the supervision of the Company’s operations and in discussions at quarterly regular meetings or through written consultations. Members of the Board of Directors were encouraged to make proposals and recommendations whenever deemed necessary for the Company, without limitations on location, time, or discussion content;
- All important matters were discussed openly and democratically within the Board of Directors. Issues were carefully and thoroughly reviewed and discussed to reach consensus prior to the issuance of resolutions. The executive management consistently closely followed and strictly implemented resolutions issued by the Board of Directors;
- The Board of Directors complied with regulations on authority for approval, monitoring, and explanation of transactions between the Company and its internal persons, as well as related persons of internal persons with the Company, subsidiaries, and companies under the Company’s control. Such transactions were disclosed in accordance with applicable laws;
- The supervision, management, and direction of production and business activities by the Board of Directors were carried out in compliance with laws and the Company Charter; at the same time, increased attention was given to the internal control system, internal audit, and the issuance and updating of governance regulations in order to enhance transparency and governance effectiveness throughout the Company.



List of member of the Board of Directors with corporate governance certificates

The Members of the management team regularly participate in Corporate Governance programs to enhance operational capacity and contribution to the Company's operations. Recognizing the decisive role of the leadership team, the Company always focuses on training certificates and programs related to governance.

List of Members of Board of Director, Members of The Board of Supervisors, and General Director with Corporate Governance training certificates:

No.	Name	Position	Training Course	Training Organization
1	Mrs. Nguyen Thi Mai	Chairman of the Board of Directors	Corporate Governance	Institute of Business Administration – National Economics University
2	Mr. Le Thanh Binh	Member of the Board of Directors and General Director	Corporate Governance	Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission
3	Mr. Le Phuong Dong	Non-executive Member of the Board of Directors	Corporate Governance	Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission
4	Mr. Vu Minh Ngoc	Non-executive Member of the Board of Directors	Corporate Governance	Institute of Business Administration – National Economics University National economy
5	Mrs. Le Thi Ngoc Diep	Independent members of the Board of Directors	Corporate Governance	Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission
6	Mr. Vo Dinh Thuy	Deputy General Director	Corporate Governance	Institute for Human Resources and Business Development (Huredin)
7	Mr. Do Trung Hieu	Deputy General Director	Corporate Governance	Institute for Human Resources and Business Development (Huredin)
8	Mr. Le Tung Lam	Deputy General Director	Corporate Governance	Center for Scientific Research and Securities Training – State Securities Commission
9	Mrs. Do Thi Thoa	Head of the Board of Supervisors	Corporate Governance	Securities Research and Training Center – SSC
10	Mr. Nguyen Minh Tri	Control	Corporate Governance	Institute for Human Resources and Business Development (Huredin)
11	Mrs. Nguyen Thi Minh Ha	Member	Corporate Governance	Securities Research and Training Center – SSC

Board of Supervisors

Members and structure of the Board of Supervisors

No.	Member	Position	Ownership Representa-tive		Individual Ownership	
			Number of Shares	Ownership Percentage	Number of Shares	Ownership Percentage
1	Mrs. Do Thi Thoa	Head of the BOS	0	0%	0	0%
2	Mrs. Nguyen Thi Minh Ha	Member of the BOS	0	0%	0	0%
3	Mr. Nguyen Minh Tri	Member of the BOS	0	0%	0	0%

Activities of the Board of Supervisors

In 2025, the Board of Supervisors performed its supervisory function over the Board of Directors and the Board of General Directors in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, the Company Charter, and the Internal Corporate Governance Regulations. Supervisory activities were carried out through attendance at meetings as prescribed, review of documents, records, and reports provided by the Company; at the same time, when deemed necessary, the Board of Supervisors requested additional documents and information and conducted discussions with relevant departments.

In 2025, the Board of Supervisors focused its supervision on the following key matters:

- Compliance with the Company Charter, resolutions of the General Meeting of Shareholders, and internal governance regulations in the Company’s governance and management activities;
- Preparation, organization, and implementation of the General Meetings of Shareholders in 2025, including 01 Annual General Meeting of Shareholders and 02 Extraordinary General Meetings of Shareholders;
- Activities of the Board of Directors in issuing resolutions and decisions within its authority, including matters submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration, decisions on personnel matters of the Board of Directors, and investment policies for the Nhon Trach Chemical Plant Project;
- Executive activities of the Board of General Directors in organizing the implementation and execution of resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;
- Preparation, presentation, and disclosure of the Company’s financial statements in compliance with accounting standards and applicable laws and regulations;
- Implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders related to the investment and construction project of the Nhon Trach Chemical Plant, within the scope of authority;
- Monitoring and review of transactions between the Company and internal persons and related persons to ensure compliance with legal regulations and the Company Charter.

Supervisory activities of the BOS towards the Board of Directors and the General Director

- The Board of Supervisors Implemented periodic meetings, solicited opinions, and engaged in direct and indirect discussions to supervise the Board of Directors and the General Director in the management and operation of the Company;
- Supervising the implementation of annual and extraordinary General Meeting of Shareholders Resolution and the issuance of Resolution/Decision for the Board of Directors in 2025;
- Supervising the organization and implementation of the General Meeting of Shareholders' and Board of Directors' Resolution by the General Director;
- Coordinate the review of transactions with affiliated persons to ensure compliance with regulations and the Company's Charter;
- Supervise the implementation of the business production plan for 2025;
- Appraise the completeness, legality, truthfulness, and consistency of the financial statements and the disclosure of information related to the Company's financial results to protect the interests of the Company and its shareholders;
- Supervise the implementation of periodic and extraordinary information disclosure;
- Participate in the regular meetings of the Board of Directors.



Board of Supervisors

Supervisory activities of the BOS towards the Board of Directors and the General Director

Supervision results for the Board of Directors

Through supervisory activities, the Board of Supervisors noted that the Board of Directors performed its functions and duties in accordance with its assigned authority. The resolutions and decisions of the Board of Directors issued in 2025 were in compliance with legal regulations, the Company Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders, including decisions related to personnel matters of the Board of Directors and the submission to the General Meeting of Shareholders for consideration and decision on the investment and construction project of the Nhon Trach Chemical Plant. The Board of Supervisors did not record any material violations in the management activities of the Board of Directors during the reporting year.

Supervision results for the General Director

The supervisory results show that the Board of General Directors organized and managed the Company's operations in accordance with its assigned functions, duties, and authority. The Board of General Directors implemented the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; at the same time, it focused on directing, managing, and mobilizing necessary resources to accelerate the implementation and execution of the investment and construction project of the Nhon Trach Chemical Plant, meeting management and operational requirements during the period in which the Company concentrated on this key project. The Board of Supervisors did not detect any material violations in the executive activities of the Board of General Directors in 2025. Based on the supervision results, the Board of Supervisors did not record any material errors in the operational activities of the General Director in Year 2025.

Supervision activities of the BOS for shareholders

- Review the exercise of shareholder rights in the annual General Meeting of Shareholders for Year 2025, dividend payments, and supervision of information disclosure activities to ensure shareholders are treated fairly and to protect the legitimate rights and interests of shareholders;
- The Board of Supervisors did not receive any requests or complaints from shareholders or groups of shareholders as stipulated by the Company's Charter, requesting a review of the Company's business operations or the management of the Board of Directors and the General Director.

Supervision results for shareholders

Through supervision, the Board of Supervisors found that the lawful rights and interests of shareholders were ensured by the Company in accordance with legal regulations and the Company Charter. The organization of the General Meetings of Shareholders in 2025 was conducted in compliance with proper order and procedures; the contents submitted and resolutions adopted served as the legal basis for corporate governance activities, personnel matters of the Board of Directors, and the implementation of the investment and construction project of the Nhon Trach Chemical Plant of the Company.

Coordination of activities between the BOS and the operations of the Board of Directors, General Director and other management

In 2025, The Board of Supervisors coordinated with the Board of Directors, General Director and Executive Management, and relevant departments in exchanging information for supervision. The coordination was carried out based on compliance with the functions and duties of each department, contributing to enhancing the Company's corporate governance and operational efficiency.

Number of meetings of the Board of Supervisors				
No.	Member	Number of meetings attended	Percentage attendance	Reasons for absence
1	Mrs. Do Thi Thoa	2/2	100%	
2	Mrs. Nguyen Thi Minh Ha	2/2	100%	
3	Mr. Nguyen Minh Tri	2/2	100%	



Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors in 2025

Salary, rewards, remuneration and benefits

No.	Name	Title	Total salary	Total remuneration	Bonus	Other benefits
I Board of Directors						
1	Nguyen Thi Mai	Chairwoman of the Board of Directors	0	95,000,000	0	198,208,000
2	Vu Minh Ngoc	Members of Board of Director	0	99,000,000	10,500,000	211,500,000
3	Le Thanh Binh	Member of Board of Directors	607,331,400	96,000,000	100,405,000	844,271,004
4	Le Phuong Dong	Member of Board of Directors	0	96,000,000	10,500,000	130,000,000
5	Le Thi Ngoc Diep	Member of Board of Directors	0	96,000,000	7,000,000	196,500,000
II Board of Supervisors						
1	Do Thi Thoa	Head of the Board of Supervisors	446,126,400	0	65,889,000	354,597,772
2	Nguyen Thi Minh Ha	Member of the Board of Supervisors	0	78,000,000	8,250,000	176,500,000
3	Nguyen Minh Tri	Member of the Board of Supervisors	0	78,000,000	8,250,000	96,000,000
II Board of Management						
1	Le Thanh Binh	Member of Board of Director cum General Di-rector	Presented in Section I.3 of this Table.			
2	Do Trung Hieu	Deputy General Director	493,073,500	0	73,326,000	493,905,980
3	Vo Dinh Thuy	Deputy General Director	546,018,900	0	72,273,000	386,517,006
4	Le Tung Lam	Deputy General Director	493,073,500	0	73,107,000	469,467,444
5	Pham Thi Thu Hang	Chief Accountant	433,844,300	0	64,000,000	394,840,506

Share transactions by internal persons and affiliated persons

No.	Executor Transaction	Position/ Relationship with internal	Number of shares held at the beginning of the period		Number of shares held at the end of the period		Reasons increase, decrease
			Number of shares	Percentage	Number of shares	Percentage	
1	Mr. Doan Thanh Tan	Elder brother-in-law of Mr. Vo Dinh Thuy – Deputy General Director	250,000	0.23%	50,000	0.045%	Sell
2	Mr Van Trung Ha	Husband of Mrs. Le Thi Ngoc Diep -	15.007	0,01%	7	0,00%	Sell



No.	Name of organization/ individual			Relationship with the Company	NSH No.* date of issue, place of issue	Address
1	NET	Detergent	Joint	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	3600642822	D4 Street, Loc An – Binh Son Industrial Park, Long Thanh Commune, Dong Nai Province
2	TPC	Vina Chemical Limited	Plastic and Company	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	3600248368	Go Dau Industrial Park, Phuoc Thai Com-mune, Dong Nai Province
3	Chemical Design Company		In-dustry Joint Stock	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	0100103520	21A Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City
4	Southern Stock Company	Battery	Joint	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	0300405462	321 Tran Hung Dao Street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City
5	LIX Detergent Company		Joint Stock	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	0301444263	No. 3, Street No. 2, Quarter 1, Linh Xuan Ward, Ho Chi Minh City, Vi-etnam
6	Can Tho Chemicals Company	Fertilizer	Joint Stock	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	1800155438	Tra Noc 1 Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City
7	Industrial Welding Stock Company	Gas Electrode	and Joint	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds less than 50% of charter capital)	0300422482	1–3 Nguyen Truong To Street, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh City
8	Southern Industry Company – Branch	Rubber	Joint In-Stock	Subsidiary of a company under Vietnam National Chemical Group (Vinachem holding more than 50% of charter capital)	0300419930-004	Bien Hoa 1 Indus-trial Park, Street No. 11, Tran Bien Ward, Dong Nai Province, Vietnam
9	Vietnam Joint Stock Company	Phosphorus		Subsidiary company	5300433116	Tang Loong Industrial Park, Tang Loong Com-mune, Lao Cai Province, Vietnam
10	Viet Tri Chemicals Stock Company		Joint	Subsidiary of a company under Vietnam National Chemical Group (Vinachem holding more than 50% of charter capital)	2600108217	Song Thao Street, Thanh Mieu Ward, Phu Tho Province, Vietnam
11	Southern Stock Company	Fertilizer	Joint	Company affiliated with Vietnam National Chemical Group (Vinachem holds more than 50% of charter capital)	0300430500	125B Cach Mang Thang 8 Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City
12	Vietnam Chemical Group		National	Parent company	0100100061	No. 1A Trang Tien Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi City

Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	24,090,639,300	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	1,629,943,560	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1110/NQ-HĐQT dated 13/08/2025 and Resolu-tion No. 1139/ NQ-HĐQT dated 25/11/2021	4,302,479,370	Buying transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	18,231,695,460	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	32,433,652,476	Selling transaction
		336,008,331	Buying transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	2,043,068,400	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	14,580,000	Selling transaction
		64,026,160	Buying transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	34,311,600	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1436/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolu-tion No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	75,134,449,152	Buying transaction
		39,345,480,000	Dividend
Year 2025	Resolution No. 1112/NQ-HĐQT dated 13/08/2025	149,688,000	Buying transaction
Year 2025	Resolution No. 1434/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolution No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	2,028,469,500	Goods borrowing
	Resolution No. 1182/NQ-HĐQT dated 29/08/2025	2,972,047,680	Selling transaction
Year 2025	Resolution No. 1434/NQ-HĐQT dated 25/12/2024 and Resolution No. 873/ NQ-HĐQT dated 25/06/2025	924,000,000	Office lease
		71,827,500,000	Dividend

Assessment of corporate governance situation

In 2025, Southern Basic Chemicals Joint Stock Company strictly complied with legal regulations related to corporate governance, including specific governance regulations for listed companies. Additionally, to enhance governance quality, the Company developed a Governance Model based on the following core elements:

01

Fairness

Protecting shareholders' rights and ensuring fair treatment for all shareholders.

02

Transparency

Ensuring that material information related to the Company's business operations is disclosed promptly and fully through channels such as its website and mass media.

03

Effectiveness

The Company's Board of Directors possesses diverse professional knowledge and experience in areas such as business administration, finance, law, risk management, and international business. This ensures the effective leadership role of the Board of Directors, guaranteeing the Company's profitability and sustainability.

04

Responsibility

The Company clearly defines the roles and responsibilities of the Board of Directors. Concurrently, the members of the Board of Directors commit to fulfilling their rights and obligations correctly and completely, always acting in the Company's best and long-term interests.



Solutions to enhance corporate governance activities effectiveness



Corporate Governance Training

Members of the Board of Directors actively participate in Training courses on corporate governance. In addition to members who already hold corporate governance training certificates, the remaining members of the Board of Directors and Board of Management will arrange to attend Training courses on corporate governance in the near future.



Human Resources Management

The Company's development orientations include increasing the use of technology applications in human resources management to enhance the quality and efficiency of human resources management.



Product Quality Management

- Continue to maintain, improve, and internally assess the quality management system at units in a timely and effective manner.
- Implement the updating, amending, supplementing, or abolishing and replacing of contents within the quality management system of production units in accordance with current standards.
- Expand and apply new management systems and standards, enhancing the Company's reputation, product quality, and production efficiency.



Other solutions

- Regularly assess changes in legal regulations to ensure the Company's corporate governance activities are in absolute compliance, safeguarding the interests of relevant stakeholders.
- Through regular and ad-hoc exchanges with the Board of Management and relevant stakeholders to understand their requirements and respond appropriately.

07

Financial Statements

Audited financial statements

138

REPORT OF BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of South Basic Chemicals Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is pleased to present its report and the Consolidated financial statements of the Company and subsidiary (hereinafter referred to as "the Corporate group") for the year ended 31 December 2025.

BOARD OF ADMINISTRATION

Members of the Board of Administration during the year and at the date of this report are:

Ms	Nguyen Thi Mai	Chairman	appointed on 28 February 2025
Mr	Vu Minh Ngoc	Member	resigned from the position of Chairman and appointed as a member on 28 February 2025
Mr	Le Thanh Binh		
Mr	Le Phuong Dong	Member	
Ms	Le Thi Ngoc Diep	Member	
Mr	Nguyen Huu Tu	Member	resigned on 28 February 2025

BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Supervision during the year and at the date of this report are:

Ms	Do Thi Thoa	Head
Ms	Nguyen Thi Minh Ha	Member
Mr	Nguyen Minh Tri	Member

BOARD OF GENERAL DIRECTORS

Members of the Board of General Directors during the year and at the date of this report are:

Mr	Le Thanh Binh	General Director
Mr	Do Trung Hieu	Deputy General Director
Mr	Vo Dinh Thuy	Deputy General Director
Mr	Le Tung Lam	Deputy General Director

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and at the date of this report is Mr Le Thanh Binh.

AUDITORS

The auditor of the Company is FAC Auditing Company Limited.

RESPONSIBILITY OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Board of General Directors is responsible for the Consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the financial position of the Corporate group and of the results of its operations and its cash flows for the year. In preparing those Consolidated financial statements, the Board of General Directors is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether the accounting standards applicable to the the Corporate group have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Consolidated financial statements;
- Prepare the Consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporate group will continue its business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the Consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Corporate group and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of General Directors confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying Consolidated financial statements.

STATEMENT BY THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors does hereby state that, in its opinion, the accompanying Consolidated financial statements give a true and fair view of the financial position of the Corporate group as at 31 December 2025, and of the results of its operations and its cash flows for the fiscal year ended on the same day in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of General Directors



Le Thanh Binh
General Director

Ho Chi Minh City, 23 February 2026

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: Shareholders, The Board of Administration and The Board of General Directors
South Basic Chemicals Joint Stock Company

We have audited the accompanying Consolidated financial statements of South Basic Chemicals Joint Stock Company and subsidiaries (referred to as "the Corporate group") as prepared on 23 February 2026 and set out on pages 5 to 41, which comprise the Consolidated balance sheet as at 31 December 2025, and the Consolidated income statement and the Consolidated cash flow statement for the fiscal year ended on the same day and the notes thereto.

Responsibility of the Board of General Directors

The Board of General Directors is responsible for the preparation and fair presentation of these Consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the financial statements, and for such internal control as the Board of General Directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Consolidated financial statements of the Corporate group are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the preparation and fair presentation of the Consolidated financial statements of the Corporate group in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Corporate group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of General Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Independent Auditors' Report (continued)

Opinion

In our opinion, the Consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of South Basic Chemicals Joint Stock Company and subsidiaries as at 31 December 2025, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the fiscal year ended on the same day in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the Consolidated financial statements.

FAC AUDITING COMPANY LIMITED



Do Hoang Chuong - Deputy General Director

Audit Practicing Registration Certificate

No. 2662-2023-099-1

Ho Chi Minh City

23 February 2026

Dam Tuan Anh - Auditor

Audit Practicing Registration Certificate

No. 5445-2026-099-1

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2025

Currency: VND

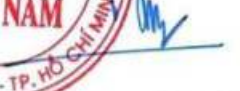
ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
A. CURRENT ASSETS	100		1,678,566,437,240	1,464,036,583,364
I. Cash and cash equivalents	110	4	91,717,440,019	172,611,144,046
1 Cash	111		91,717,440,019	84,611,144,046
2 Cash equivalents	112		-	88,000,000,000
II. Short-term investments	120		627,000,000,000	605,000,000,000
1 Held- to-maturity investments	123	5	627,000,000,000	605,000,000,000
III. Current accounts receivable	130		426,351,044,385	296,327,608,785
1 Short-term trade receivables	131	6	374,236,864,767	266,520,811,461
2 Short-term advances to suppliers	132	7	29,086,655,036	9,809,659,213
3 Other short-term receivables	136	8	26,254,101,246	23,014,141,971
4 Provision for doubtful short-term receivables	137	9	(3,226,576,664)	(3,017,003,860)
IV. Inventories	140	10	484,719,703,087	340,626,271,082
1 Inventories	141		484,719,703,087	340,626,271,082
V. Other current assets	150		48,778,249,749	49,471,559,451
1 Short-term prepaid expenses	151	14	1,326,504,064	1,881,843,426
2 Value-added tax deductible	152		45,554,489,406	44,452,166,652
3 Tax and other receivables from the State	153	17	1,897,256,279	3,137,549,373
B. NON-CURRENT ASSETS	200		380,137,850,991	394,961,473,325
I. Long-term receivables	210		511,112,000	427,352,060
1 Other long-term receivables	216	8	511,112,000	427,352,060
II. Fixed assets	220		46,356,469,979	62,682,180,314
1 Tangible fixed assets	221	11	44,600,498,598	60,926,208,933
- Cost	222		1,137,434,499,348	1,125,985,726,507
- Accumulated depreciation	223		(1,092,834,000,750)	(1,065,059,517,574)
2 Intangible fixed assets	227	12	1,755,971,381	1,755,971,381
- Cost	228		6,393,560,256	6,393,560,256
- Accumulated depreciation	229		(4,637,588,875)	(4,637,588,875)
III. Long-term assets in progress	240		18,477,504,438	3,115,265,154
1 Construction in progress	242	13	18,477,504,438	3,115,265,154
IV. Other long-term assets	260		314,792,764,574	328,736,675,797
1 Long-term prepaid expenses	261	14	307,408,527,101	316,233,313,071
2 Deferred tax assets	262	32.3	7,384,237,473	12,503,362,726
TOTAL ASSETS	270		2,058,704,288,231	1,858,998,056,689

RESOURCES	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance
C. LIABILITIES	300		437,085,321,328	304,981,686,952
I. Current liabilities	310		421,333,701,407	304,981,686,952
1 Short-term trade payables	311	15	100,478,794,767	33,443,651,980
2 Short-term advances from customers	312	16	2,251,868,996	1,247,908,531
3 Taxes and other payables to the State	313	17	35,728,030,033	42,263,250,296
4 Payables to employees	314		55,340,496,555	37,441,782,673
5 Short-term accrued expenses	315	18	26,622,789,531	22,497,938,816
6 Other short-term payables	319	19	2,925,370,578	1,694,764,305
7 Short-term loan and finance lease	320	20	157,785,952,974	122,196,041,384
8 Bonus and welfare fund	322	21	40,200,397,973	44,196,348,967
II. Non-current liabilities	330		15,751,619,921	-
1 Deferred tax liabilities	341	32.3	751,619,921	-
2 Scientific and technological development fund	343	22	15,000,000,000	-
D. OWNERS' EQUITY	400		1,621,618,966,903	1,554,016,369,737
I. Capital	410	23	1,621,618,966,903	1,554,016,369,737
1 Share capital	411	23.2	1,104,999,100,000	1,104,999,100,000
- Shares with voting rights	411a		1,104,999,100,000	1,104,999,100,000
2 Other owners' capital	414		22,951,530,000	22,951,530,000
3 Asset revaluation reserve	416		(25,413,193,278)	(25,413,193,278)
4 Investment and development fund	418	23.5	142,419,568,799	78,880,000,950
5 Undistributed earnings	421		320,737,909,097	312,968,008,798
- Undistributed earnings of prior period	421a		132,689,678,693	95,331,746,383
- Undistributed earnings of current year	421b		188,048,230,404	217,636,262,415
6 Non-controlling interests	429		55,924,052,285	59,630,923,267
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY	440		2,058,704,288,231	1,858,998,056,689


Dang Hong Yen
Preparer

Ho Chi Minh City, 23 February 2026


Pham Thi Thu Hang
Chief Accountant


Le Thanh Binh
General Director



CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2025

Currency: VND

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
1 Revenue from sale of goods and rendering of services	01	24	2,160,143,700,681	1,855,617,616,161
2 Deductions	02	24	-	38,850,000
3 Net revenue from sale of goods and rendering of services	10	24	2,160,143,700,681	1,855,578,766,161
4 Cost of goods sold and services rendered	11	25	1,619,166,075,771	1,350,721,387,735
5 Gross profit from sale of goods and rendering of services	20		540,977,624,910	504,857,378,426
6 Finance income	21	26	42,741,950,788	30,115,593,955
7 Finance expenses	22	27	7,234,785,351	2,862,410,145
- In which: Interest expenses	23		6,456,561,615	2,376,789,282
8 Selling expenses	25	28	170,661,760,444	111,450,013,107
9 General and administrative expenses	26	29	116,552,963,407	93,427,365,690
10 Operating profit	30		289,270,066,496	327,233,183,439
11 Other income	31	30	5,738,961,870	1,564,118,419
12 Other expenses	32	30	1,872,954,855	504,345,699
13 Other profit	40	30	3,866,007,015	1,059,772,720
14 Accounting profit before tax	50		293,136,073,511	328,292,956,159
15 Current corporate income tax expense	51	32.1	57,927,381,635	69,602,914,984
16 Deferred tax expense	52	32.3	5,870,745,174	354,663,559
17 Net profit after tax	60		229,337,946,702	258,335,377,616
18 Post-tax profits attributable to parent company	61		208,948,230,404	238,636,262,415
19 Post-tax profits attributable to non-controlling interests	62		20,389,716,298	19,699,115,201
20 Basic earnings per share	70	33	1,702	1,963
21 Diluted earnings per share	71	33	1,702	1,963

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2025

Currency: VND

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1 Profit before tax	01		293,136,073,511	328,292,956,159
2 Adjustments for:				
- Depreciation of fixed assets and investment property	02	11	33,895,986,804	44,595,909,648
- Provisions/(reversal of provision)	03		209,572,804	(3,011,418,056)
- Foreign exchange gain due to revaluation of monetary items	04		(105,600,975)	(232,423,839)
- Profits from investing activities	05		(37,392,289,735)	(28,946,577,732)
- Interest expenses	06	27	6,456,561,615	2,376,789,282
- Other adjustments	07	22	15,000,000,000	-
3 Operating profit before changes in working capital	08		311,200,304,024	343,075,235,462
- Increase in receivables	09		(103,040,255,731)	(50,089,394,430)
- (Increase)/decrease in inventories	10		(144,093,432,005)	28,071,673,736
- Increase/(decrease) in payables	11		90,596,557,052	(3,988,990,915)
- Decrease in prepaid expenses	12		9,380,125,332	9,805,877,707
- Interest paid	14		(6,412,556,969)	(2,347,368,804)
- Corporate income tax paid	15	17	(58,811,659,984)	(73,845,655,951)
- Other cash inflows from operating activities	16	21	35,000,000	20,000,000
- Other cash outflows for operating activities	17	21	(34,074,535,530)	(19,269,763,913)
Net cash flows from operating activities	20		64,779,546,189	231,431,612,892
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1 Purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(59,261,605,462)	(22,440,388,017)
2 Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		444,254,469	1,453,576,792
3 Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of other entities	23		(667,000,000,000)	(525,000,000,000)
4 Collections from borrowers and proceeds from sale of debt instruments of other entities	24		645,000,000,000	460,000,000,000
5 Cash receipts from interests, dividends and profits shared	27		31,196,120,197	19,871,628,336
Net cash flows used in investing activities	30		(49,621,230,796)	(66,115,182,889)


Dang Hong Yen
Preparer


Pham Thi Thu Hang
Chief Accountant

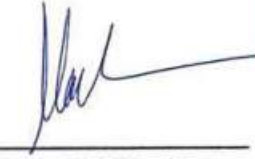

Le Thanh Binh
General Director

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1 Drawdown of borrowings	33	20	356,750,875,831	269,520,961,763
2 Repayment of borrowings	34	20	(321,160,964,241)	(248,240,992,515)
3 Dividends paid/Profit distributed	36		(131,640,330,000)	(121,094,330,000)
Net cash flows used in financing activities	40		(96,050,418,410)	(99,814,360,752)
Net increase/(decrease) in cash for the year	50		(80,892,103,017)	65,502,069,251
Cash and cash equivalents at beginning of year	60	4	172,611,144,046	107,049,568,199
- Effect of exchange rate on cash and cash equivalents	61		(1,601,010)	59,506,596
Cash and cash equivalents at end of year	70	4	91,717,440,019	172,611,144,046


Dang Hong Yen
Preparer


Pham Thi Thu Hang
Chief Accountant


Le Thanh Binh
General Director



Ho Chi Minh City, 23 February 2026

1. CORPORATE INFORMATION

Southern Basic Chemicals Joint Stock Company was formerly a state-owned enterprise under the Vietnam National Chemical Group and was equitized pursuant to the approved equitization plan under Decision No. 248/QĐ-HCVN dated 28 July 2013, issued by the Vietnam National Chemical Group. The company was officially converted into a joint stock company on 02 January 2014, in accordance with the Enterprise Registration Certificate for a Joint Stock Company, enterprise code 0301446260, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment. The company is currently operating under the 12th amended Enterprise Registration Certificate, issued by Ho Chi Minh City Department of Finance on 27 September 2025.

The Company's share are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") since 18 March 2015, under the stock code CSV.

The head office of the Company is located at 22 Ly Tu Trong street, Sai Gon ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

As at 31 December 2025, The Company has one (01) subsidiaries and five (05) dependent units as follows:

Subsidiary

Unit name: Vietnam Phosphorus Joint Stock Company

Address: Tang Loong Industrial park, Tang Loong commune, Lao Cai province

Main business activities: Production and trading of phosphorus

Rate of ownership as at 31 December 2025 65.05%

Voting rights as at 31 December 2025 65.05%

Dependent units

Branch name	Address
Bien Hoa Chemical Plant - The branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company	Road 5, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien ward, Dong Nai province
Tan Binh Chemical Plant 2 - The branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company	Road 5, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien ward, Dong Nai province
Dong Nai Chemical Plant - The branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company	Road 1, Bien Hoa 1 Industrial Park, Tran Bien ward, Dong Nai province
Tan Binh Branch	No. 139 Phan Huy Ich, Tan Son ward, Ho Chi Minh City
The branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company - Bao Loc Bauxite Mine (*)	No. 62 Ly Thuong Kiet, Ward 1, Bao Loc city, Lam Dong province
Nhon Trach Chemical Plant - The branch of South Basic Chemicals Joint Stock Company	Subzone Nhon Trach 6C, Nhon Trach 6 Industrial Park, Phuoc An commune, Dong Nai province.

(*) According to Decision No. 826/QĐ-HDQT on 13 June 2025, the Company's Board of Administration resolved to dissolve the Bao Loc Bauxite Mine as of 01 July 2025. The Branch officially ceased operations as of 19 November 2025, in accordance with Notice No. 42982/25 issued by the Lam Dong Provincial Department of Finance.

CORPORATE INFORMATION (continued)

The activities registered under the Company's Enterprise Registration Certificate are:

- Production of chemical materials and equipment (not operating at the office); processing and manufacturing of specialized equipment, technological pipelines and pipelines for industrial waste water supply industry (not subject to pressure - except recycling of metal waste, electroplating slag, casting metallurgy);
- Buying, selling, importing and exporting materials and equipment for chemical industry;
- Wholesale of chemicals in the industrial sector;
- Installation of specialized equipment, industrial pipes and pipelines used in industrial water supply and sewage industry (not under pressure-except for recycling metal waste, electroplating slag, casting metallurgy);
- Mining and processing of bauxite minerals (not operating at the office);
- Research and design chemical production lines; Design of chemical production equipment; (except for mechanical processing, recycling of waste at the office);
- Manufacturing chemicals in the industrial sector, manufacturing chemicals in the food additives sector (not operating at the office);
- Processing edible salt products in food (not operating at the office);
- Cargo transportation by specialized automobiles: transporting goods by liquid tankers; transporting goods by specialized vehicles carrying chemicals (except liquefied gas for transportation);
- Manufacturing chemical products (except for highly toxic chemicals, not producing chemicals in Ho Chi Minh City);
- Production of fertilizers and nitrogen compounds (not working in Ho Chi Minh City);
- Repairing barrels, tanks, metal containers, repairing and maintaining pipelines, repairing mobile goods;
- Repair and maintenance of industrial machinery, equipment, repair and maintenance of pumps and related equipment; valve repair, repair and maintenance of the gear system and moving parts of the vehicle;
- Repairing and maintaining electric transformers, classifiers and special transformers, repairing and maintaining electric motors and generators, repair and maintain switchboard equipment and hill transfer equipment; repairing and maintaining industrial relays and controllers; repair and maintenance of electrical wiring equipment and non-conductive devices for use in electrical circuits;
- Production of similar metal barrels, tanks and containers for storage or production;
- Production, concentration and distribution of steam and hot water for heating, energy supply and other purposes;
- Experimental research activities and other services.

The Company's main activity during the current period of the Company and subsidiary (as "the Corporate group") is the production of chemical industry products.

The Corporate group's normal course of business cycle is no more than 12 months.

The number of the Corporate group's employees as at 31 December 2025 is 660 people (as at 31 December 2024 is 667 people).

2. BASIS OF PREPARATION**2.1. Accounting standards and system**

The Consolidated financial statements of the Corporate group expressed in Vietnam dong ("VND"), are presented under the guidance of Circular No. 202/2014/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014, are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying Consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2. Applied accounting documentation system

The Corporate group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3. Fiscal year

The Corporate group's fiscal year applicable for the preparation of its financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4. Accounting currency

The Consolidated financial statements are prepared in Vietnam dong ("VND") which is also the Corporate group's accounting currency.

2.5. Consolidation base

The Consolidated financial statements include the financial statements of the Company and its subsidiary.

Subsidiary is fully consolidated from the date of acquisition, which is the date the Company obtains control of the subsidiary, and continues to be consolidated until the date it really ceases to have control over the subsidiary.

The Separate financial statements of the Company and its subsidiary used for consolidation are prepared for the same accounting period, and are applied uniform accounting policies.

Accounts balance of balance sheet between companies in the Corporate group, unrealized income and expenses, or unrealized internal gains or losses arising from these transactions are completely eliminated.

Consolidation base (continued)

Non-controlling interests represent the share of profit or loss in the results of operations and the net assets of subsidiaries that are not held by the Company and are presented in a separate item of the consolidated income statement and consolidated balance sheet.

Effects resulting from changes in subsidiary ownership that do not lose control are recorded in undistributed earnings.

2.6. Comparative information

Comparative information on the Consolidated balance sheet, the Consolidated income statement, the Consolidated cash flow statement and related supplementing notes is the data on the Audited consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1. Cash and cash equivalents

Cash comprise cash on hand and cash in banks.

Cash equivalents are short-term, highly liquid investments with an original maturity of no longer than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.2. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value ("NRV") represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, with their value determined on a weighted average basic.

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Corporate group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the Consolidated income statement.

3.3. Receivables

Receivables are presented in the Consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the Consolidated income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and accountant writes off those bad debts, the differences between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables are included in the Consolidated income statement.

3.4. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the Consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, cost and accumulated depreciation are written off and any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the Consolidated income statement.

3.5. Leased assets

Rentals under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.6. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the Consolidated income statement.

Land use rights

Land use right is recognized as an intangible asset when the Corporate group is granted a land use right certificate. The costs of land use right comprise all directly attributable costs of bringing the land lot to the condition available for intended use and are amortized according to the land use term.

Computer software

Computer software which is not an integral part of hardware is recorded as intangible fixed asset and amortised over the term of benefits.

3.7. Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	05 - 25 years
Machinery and equipment	04 - 12 years
Means of transportation	06 - 10 years
Management equipment	03 - 08 years
Computer software	02 - 10 years

Land use rights with an indefinite term are rec

3.8. Construction in progress

Construction in progress represents costs attributable directly to the acquisition of fixed assets, the construction of the ongoing Factory construction projects for production and management purposes. These assets are recorded at the historical cost and are not depreciated.

3.9. Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that an entity incurs in connection with the borrowing of funds of the Corporate group. Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred.

3.10. Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the Consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

The following types of expenses are recorded as long-term prepaid expenses and are amortised to the Consolidated income statement.

- Prepaid land and office rentals are amortised over the periods of land lease;
- Tools and supplies are amortised to the income statement in a maximum period of 03 years;
- Other expenses are allocated over the prepaid period.

Prepaid land rental

The prepaid land rental and infrastructure usage fees include the unallocated balance of the land rental and infrastructure usage fees paid under the sublease agreement for land and infrastructure use at Nhon Trach 6 Industrial Park, contract No. 01/HDTD-NT6C/VLXDSG-HCCB dated 4 May 2018, and its annexes. The leased land area is 180,036 m², with a lease term running until 01 June 2055. According to Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2013, guiding the management, use, and depreciation of fixed assets, the aforementioned prepaid land rental is recognized as a long-term prepaid expense and is allocated to expenses over the remaining duration of the lease agreement.

3.11. Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

3.12. Investments**Held-to-maturity investments**

Held-to-maturity investments are stated at their acquisition costs. After initial recognition, held-to-maturity investments are measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as expense in the Consolidated income statement and deducted against the value of such investments.

Provision for diminution in value of held-for-trading securities and investments in entities

Provision of the investment is made when there are reliable evidences of the diminution in value of those investments at the balance sheet date. Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expense in the Consolidated income statement.

3.13. Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Corporate group.

3.14. Earnings per share

Basic earnings per share amount is computed by dividing net profit for the year attributable to ordinary equity holders of the Corporate group after adjusting for the bonus and welfare fund by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earning per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Corporate group after adjusting for interest on the convertible preference shares by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.15. Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Corporate group's accounting currency (VND) are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transactions resulting in receivables are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for collection;
- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the commercial banks designated for payment.

At the end of the period, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the Consolidated balance sheet dates which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Corporate group conduct transactions regularly;
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Corporate group conduct transactions regularly.

All exchange differences incurred during the year and arising from the revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency at year-end are taken to the Consolidated income statement.

3.16. Appropriation of net profits

Net profit after corporate Income Tax is available for appropriation to shareholders after approval by the appropriate level of authority/in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Corporate group's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Corporate group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Company's net profit as proposed by the Board of Administration and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

- **Investment and development fund**

This fund is set aside for use in the Corporate group's expansion of its operation or of in-depth investment.

- **Bonus and welfare fund**

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as a liability on the Consolidated balance sheet.

- **Other funds belonging to owners' equity**

These funds are set aside in accordance with Corporate group's Charter and Vietnamese regulations.

3.17. Scientific and technological development fund

Scientific and technological development fund is charged to business expenses with a maximum appropriation level of 20% of the annual taxable corporate income.

This fund is appropriated to perform the following tasks:

- Implement the Corporate group's science and technology tasks;
- Support the Corporate groups's science and technology development;
- Pay for the management of the Corporate group's scientific and technological development fund.

3.18. Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Corporate group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Rendering of services

Revenues are recognised upon the completion of the services provided. In cases where the provision of services spans multiple periods, revenue is recognized in the period based on the completed portion of work as of the Consolidated balance sheet date.

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

3.19. Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the Consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Corporate group to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Corporate group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

3.20. Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- Where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss;
- In respect of taxable temporarily differences associated with investments in associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax (continued)

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- Where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss;
- In respect of deductible temporarily differences associated with investments in associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Corporate group to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- either the same taxable entity; or
- when the Corporate group intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3.21. Related parties

Parties are considered to be related parties of the Corporate group if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Corporate group and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprise or individual, including close members of their families.

3.22. Segment information

The Corporate group's main activity is the production and trading of chemicals. All revenue and expenses presented in the Corporate group's consolidated statement of profit or loss are related to this activity. Additionally, all of the Corporate group's business operations are conducted within the territory of Vietnam. Therefore, the Board of General Directors determines that the Corporate group has only one business segment and one geographical area. Accordingly, the Corporate group is not required to present segment information.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	436,345,428	816,608,655
Cash at banks	91,281,094,591	83,794,535,391
Cash equivalents	-	88,000,000,000
TOTAL	91,717,440,019	172,611,144,046

5. HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

	VND			
	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Carrying value	Cost	Carrying value
Term deposit (*)	627,000,000,000	627,000,000,000	605,000,000,000	605,000,000,000
TOTAL	627,000,000,000	627,000,000,000	605,000,000,000	605,000,000,000

(*) Held-to-maturity investments deposits at commercial banks with a term of over three months to less than one year and earn interest at the rates ranging at 31 December 2025 from 5.1% to 6.3% per annum.

6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Unilever Vietnam International Company Limited	24,255,981,900	18,895,399,200
Y Cuong Thinh Trading Services Company Limited	26,406,000	45,398,685,600
Ajinomoto Vietnam Co., Ltd	22,500,509,940	25,238,227,340
NB.Toyota Tsusho Corporation	-	17,615,760,975
Lavita International Joint Stock Company	31,688,409,600	3,281,472,000
Lam Dong Aluminum One Member Limited Liability Company - Vinacomin	74,777,497,699	-
Leoch Super Power (Viet Nam) Company Limited	28,461,750,000	4,281,895,000
Trade receivables from related parties (Note 34)	6,336,880,236	7,998,348,240
Other customers	186,189,429,392	143,811,023,106
TOTAL	374,236,864,767	266,520,811,461
Provision for doubtful short-term receivables	(3,226,576,664)	(3,017,003,860)

7. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Transport Cooperative No. 9	4,000,000,000	3,500,000,000
Mersen France Py Sas	10,413,289,744	-
M & T Industrial Equipment Company Limited	-	1,499,394,758
Advances to suppliers to related parties (Note 34)	3,173,190,000	-
Other suppliers	11,500,175,292	4,810,264,455
TOTAL	29,086,655,036	9,809,659,213

8. OTHER RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term		
Interest income receivables	22,099,616,439	18,067,975,342
Staff advances	105,000,000	44,979,191
Deposit, mortgages or collaterals	723,863,656	317,906,456
Others	3,325,621,151	4,583,280,982
TOTAL	26,254,101,246	23,014,141,971
Long-term		
Deposit, mortgages or collaterals	511,112,000	427,352,060
TOTAL	511,112,000	427,352,060

9. BAD DEBTS

	Ending balance		Beginning balance		VND
Debtor (*)	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount	
Citichem India Limited	1,608,203,520	-	1,567,843,200	-	
Tan Truong An Private Enterprise	612,162,100	-	612,162,100	-	
Ca Mau Jbichem Internation Joint - Stock Company	187,420,000	-	187,420,000	-	
Casanova Trading - Service & Manufacturing Co., Ltd.	180,000,000	-	180,000,000	-	
France-Vietnam Sorbitol Joint Stock Company	80,524,880	-	80,524,880	-	
Huu Nghi Cement Joint Stock Company	80,632,000	-	80,632,000	-	
Khang Nghi Trading, Service & Import-Export Co., Ltd.	158,815,700	-	158,815,700	-	
Asia First Gloves Company Limited	33,480,000	-	33,480,000	10,044,000	
Dong Nai Granite Tiles Company Limited	-	-	85,519,640	42,759,820	
King Minh Ceramics Production Co.,Ltd	166,820,320	50,046,096	166,820,320	83,410,160	
Vietnam Industrial Research and Development Company Limited	513,280,800	359,296,560	513,280,800	513,280,800	
Navi Glove Joint Stock Company	29,160,000	14,580,000	29,160,000	29,160,000	
TOTAL	3,650,499,320	423,922,656	3,695,658,640	678,654,780	

(*) These are overdue debts and have been made provision for receivables by the Corporate group as stated in Note 6.

	VND			
	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Goods in transit	60,834,171,753	-	4,183,587,200	-
Raw materials	284,197,760,939	-	246,705,175,428	-
Tools and supplies	10,303,379,783	-	8,815,595,077	-
Work in process	1,431,241,074	-	1,604,801,465	-
Finished goods	126,984,217,162	-	79,018,830,285	-
Merchandise	968,932,376	-	298,281,627	-
TOTAL	484,719,703,087	-	340,626,271,082	-

Detail of movements of provision for obsolete inventories

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	-	(3,172,722,822)
Reversal of provision during the year	-	3,172,722,822
Ending balance	-	-

Form B09-DN/HN

South Basic Chemicals Joint Stock Company
Notes to the Consolidated financial statements (continued)
For the fiscal year ended 31 December 2025

11. TANGIBLE FIXED ASSETS

		Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Management equipment	VND Total
Cost:						
Beginning balance		184,056,500,195	895,759,395,378	31,586,813,884	14,583,017,050	1,125,985,726,507
Purchase in the year		-	12,470,346,113	4,895,594,060	204,336,296	17,570,276,469
Disposal		-	(5,115,742,589)	(958,636,364)	(47,124,675)	(6,121,503,628)
Ending balance (*)		184,056,500,195	903,113,998,902	35,523,771,580	14,740,228,671	1,137,434,499,348
(*) In which, the original cost of fully depreciated fixed assets that are still in use as of 31 December 2025, is VND 1,049,436,668,963 (as of 31 December 2024, it was VND 939,549,281,649).						
Accumulated depreciation:						
Beginning balance		179,209,358,790	845,811,343,788	28,790,791,094	11,248,023,902	1,065,059,517,574
Depreciation for the year		836,249,168	29,062,752,678	2,212,015,054	1,784,969,904	33,895,986,804
Disposal		-	(5,115,742,589)	(958,636,364)	(47,124,675)	(6,121,503,628)
Ending balance (*)		180,045,607,958	869,758,353,877	30,044,169,784	12,985,869,131	1,092,834,000,750
Net carrying amount:						
Beginning balance		4,847,141,405	49,948,051,590	2,796,022,790	3,334,993,148	60,926,208,933
Ending balance (*)		4,010,892,237	33,355,645,025	5,479,601,796	1,754,359,540	44,600,498,598

12. INTANGIBLE FIXED ASSETS

		Land use rights	Computer software	VND Total
Cost:				
Beginning balance		1,755,971,381	4,637,588,875	6,393,560,256
Ending balance		1,755,971,381	4,637,588,875	6,393,560,256
<i>In which:</i>				
Fully depreciated		-	4,637,588,875	4,637,588,875
Accumulated amortisation:				
Beginning balance		-	4,637,588,875	4,637,588,875
Ending balance		-	4,637,588,875	4,637,588,875
Net carrying amount:				
Beginning balance		1,755,971,381	-	1,755,971,381
Ending balance		1,755,971,381	-	1,755,971,381

13. Construction in process

		VND Ending balance	VND Beginning balance
Nhon Trach chemical plant project		6,446,771,743	2,873,942,955
Purchase of fixed assets		11,784,064,000	-
Construction of raw material storage warehouse		242,502,028	241,322,199
Repair costs		4,166,667	-
TOTAL		18,477,504,438	3,115,265,154

14. PREPAID EXPENSES

		VND Ending balance	VND Beginning balance
Short-term			
Insurance premium		332,592,280	587,204,669
Repair costs		626,347,909	767,380,045
Tools and supplies		118,725,957	56,995,454
Software usage costs		5,600,000	-
Others		243,237,918	470,263,258
TOTAL		1,326,504,064	1,881,843,426

PREPAID EXPENSES (continued)

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Long-term		
Land rental and industrial park infrastructure usage fees (*)	302,188,701,749	312,461,405,489
Fixed asset repair costs	1,387,116,142	2,619,121,367
Tools and supplies	3,253,427,409	530,622,991
Others	579,281,801	622,163,224
TOTAL	307,408,527,101	316,233,313,071

(*) Land rental, infrastructure usage fees, and management fees at Nhon Trach 6 Industrial Park under the land sublease and infrastructure usage agreement No. 01/HDTD-NT6C/MLXDSG-HCCB dated 4 May 2018, and its appendices. The land rental and infrastructure usage fees are paid in a lump sum for the entire lease term, while the management fees are paid annually as notified by the lessor.

15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	VND			
	Ending balance		Beginning balance	
	Balance	Payable amount	Balance	Payable amount
Deltacorp Pacific Trading Llc	38,078,602,133	38,078,602,133	-	-
Tricon Energy Ltd	25,195,267,933	25,195,267,933	-	-
Mecs Far East Ltd	12,645,133,800	12,645,133,800	-	-
Cam Duong Power Company	3,708,587,938	3,708,587,938	4,360,930,812	4,360,930,812
Vietnam Apatit One Member Limited Liability Company	-	-	3,314,137,447	3,314,137,447
B and I Automation Electrical Co., Ltd.	-	-	4,247,600,000	4,247,600,000
Bao Ngoc Phuc Co., Ltd.	-	-	992,520,005	992,520,005
Moc Le Xanh One Member Limited Liability Company	-	-	3,795,346,801	3,795,346,801
Nam Tu Thanh Trading and Services Limited Liability Company	-	-	3,818,008,049	3,818,008,049
Trade payables to related parties (Note 34)	-	-	11,949,120	11,949,120
Other suppliers	20,851,202,963	20,851,202,963	12,903,159,746	12,903,159,746
TOTAL	100,478,794,767	100,478,794,767	33,443,651,980	33,443,651,980

16. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Landing Planetary Gearbox Limited	840,840,000	-
Lao Y Import Export Co., Ltd	625,233,480	-
Petrovietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company	-	541,646,471
TM Grow International Corporation	-	302,940,000
Others customers	785,795,516	403,322,060
TOTAL	2,251,868,996	1,247,908,531

17. STATUTORY OBLIGATIONS

	VND			
	Beginning balance		Payable for the year	
	Payable	Receivable	Payable	Receivable
Value added tax	3,593,572,613	1,288,368,244	37,355,579,648	555,519,427
Value added tax on imported goods	-	1,332,097,533	31,332,878,709	-
Import, Export duties	-	345,975,392	49,921,145,180	29,064,022
Corporate income tax	33,270,355,727	-	57,977,516,635	32,436,212,378
Personal income tax	5,349,689,983	13,444,999	16,362,024,486	2,657,602,233
Land and housing tax, and rental charges	-	-	8,179,733,033	-
Other taxes	49,631,973	157,663,205	837,305,028	49,631,973
TOTAL	42,263,250,296	3,137,549,373	201,966,182,719	35,728,030,033
				1,897,256,279

18. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Interest expenses	141,357,204	97,352,558
Accrued transportation costs	16,891,736,645	10,847,855,154
Accrued land rental at Bien Hoa 1 Industrial Park subject to retrospective collection	-	1,621,485,330
Accrued electricity costs	8,977,128,221	7,701,988,825
Others	612,567,461	2,229,256,949
TOTAL	26,622,789,531	22,497,938,816

19. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Trade union fee	368,431,092	522,213,092
Social insurance	334,326,590	334,326,590
Health insurance	18,048,391	18,048,391
Deposits received	-	29,434,752
Dividend payable	58,990,000	57,690,000
Others	2,145,574,505	733,051,480
TOTAL	2,925,370,578	1,694,764,305

20. SHORT-TERM LOANS

	VND			
	Beginning balance	Withdrawal	Repayment	Ending balance
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch (a)	39,756,273,633	146,618,922,172	82,376,078,073	103,999,117,732
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh City Branch (b)	61,375,170,064	125,144,244,688	141,500,742,854	45,018,671,896
Shinhan Vietnam One Member Limited Bank	21,064,597,687	76,219,545,627	97,284,143,314	-
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Sai Gon Branch (c)	-	8,768,163,344	-	8,768,163,344
TOTAL	122,196,041,384	356,750,875,831	321,160,964,241	157,785,952,974
Possible repayment amount	122,196,041,384			157,785,952,974

SHORT-TERM LOANS (continued)

(a) Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	
Loan contract	No. 01/2025/93332/HDTD dated 24 June 2025
Credit limit	150,000,000,000 VND
Interest rate	Specified in each loan agreement. The lending interest rates for the loans as of 31 December 2025, range from 4.2% per annum to 4.5% per annum.
Loan duration	Specified in each loan agreement
Loan purpose	Working capital financing, guarantees, and L/C issuance
Collateral	Unsecured
(b) Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh City Branch	
Loan contract	No. 25.5104228/2025-HDCVHM/NHCT900-HCCBMN dated 30 June 2025
Credit limit	150,000,000,000 VND
Interest rate	Specified in each debt acknowledgment. The lending interest rates for the loans as of 31 December 2025, range from 4.55% per annum to 5.9% per annum.
Loan duration	Specified in each debt acknowledgment, with a maximum term of 6 months. The loan terms as of 31 December 2025 is to 6 months.
Loan purpose	Supplementing working capital to support chemical production and business operations.
Collateral	Unsecured
(c) Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Sai Gon Branch	
Loan contract	No. 25/TAS.QLN25CTD dated 12 November 2025
Credit limit	200,000,000,000 VND
Interest rate	Specified in each credit agreement. The lending interest rate for loans as of 31 December 2025, is 5.9% per annum.
Loan duration	Specified in each credit agreement, with a maximum term of 6 months
Loan purpose	Working capital financing, guarantees, and L/C issuance
Collateral	Unsecured

21. BONUS AND WELFARE FUND

This fund is appropriated from undistributed profits as approved by shareholders at the annual general meeting. It is used to pay for bonuses and welfare benefits for the Corporate group's employees in accordance with the Corporate groups bonus and welfare policies. The movements of the Bonus and welfare fund during the year are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	44,196,348,967	38,698,765,886
Appropriated during the year (Note 23.1)	30,043,584,536	24,747,346,994
Utilized during the year	(34,074,985,530)	(19,284,263,913)
Other increases	35,450,000	34,500,000
Ending balance	40,200,397,973	44,196,348,967

22. SCIENCE AND TECHNOLOGY DEVELOPMENT FUND

The fund is appropriated from the Corporate group's taxable corporate income during the year. The fund is used to pay for activities related to science and technology development within the Corporate group. Movements in the Science and technology development fund during the year are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	-	-
Appropriated during the year	15,000,000,000	-
Ending balance	15,000,000,000	-

23. OWNERS' EQUITY

23.1. Increase and decrease in owners' equity

	Share capital	Share premium	Other owners' capital	Asset revaluation reserve	Investment and development fund	Other funds belonging to owners' equity	Undistributed earnings	Non-controlling interests	Total
VND									
Previous year									
Beginning balance	442,000,000,000	9,506,484	22,951,530,000	(25,413,193,278)	645,888,370,836	11,949,121,722	292,365,755,644	46,476,008,589	1,436,227,099,997
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	238,636,262,415	19,699,115,201	258,335,377,616
Appropriation to funds	-	-	-	-	74,038,006,571	-	(95,183,967,095)	-	(21,145,960,524)
Dividends declared	-	-	-	-	-	-	(110,500,000,000)	-	(110,500,000,000)
Appropriation to funds of subsidiary	-	-	-	-	9,994,095,337	-	(12,336,711,284)	(1,258,770,523)	(3,601,386,470)
Dividends declared of subsidiary	-	-	-	-	-	-	-	(5,285,430,000)	(5,285,430,000)
Increase in capital	662,999,100,000	(9,506,484)	-	-	(651,040,471,794)	(11,949,121,722)	-	-	-
Adjustment of prior years' profit	-	-	-	-	-	-	(13,330,882)	-	(13,330,882)
Ending balance	1,104,999,100,000	-	22,951,530,000	(25,413,193,278)	78,880,000,950	-	312,968,008,798	59,630,923,267	1,554,016,369,737
Current year									
Beginning balance	1,104,999,100,000	-	22,951,530,000	(25,413,193,278)	78,880,000,950	-	312,968,008,798	59,630,923,267	1,554,016,369,737
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	208,948,230,404	20,389,716,298	229,337,946,702
Appropriation to funds	-	-	-	-	63,539,567,849	-	(85,129,173,799)	-	(21,589,605,950)
Appropriation to funds of subsidiary	-	-	-	-	-	-	(5,499,111,306)	(2,954,867,280)	(8,453,978,586)
Dividends declared	-	-	-	-	-	-	(110,499,910,000)	-	(110,499,910,000)
Dividends declared of subsidiary	-	-	-	-	-	-	-	(21,141,720,000)	(21,141,720,000)
Adjustment of prior years' profit	-	-	-	-	-	-	(50,135,000)	-	(50,135,000)
Ending balance	1,104,999,100,000	-	22,951,530,000	(25,413,193,278)	142,419,568,799	-	320,737,909,097	55,924,052,285	1,621,618,966,903

23.2. Contributed charter capital

	Ending balance		Beginning balance	
	Ordinary shares	Rate of ownership	Ordinary shares	Rate of ownership
Vietnam National Chemical Group	718,275,000,000	65.00%	718,275,000,000	65.00%
Other shareholders	386,724,100,000	35.00%	386,724,100,000	35.00%
TOTAL	1,104,999,100,000	100.00%	1,104,999,100,000	100.00%

23.3. Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits

	VND	
	Current year	Previous year
Contributed capital		
Beginning balance	1,104,999,100,000	442,000,000,000
Increase	-	662,999,100,000
Ending balance	<u>1,104,999,100,000</u>	<u>1,104,999,100,000</u>
Profit declared		
	Amount appropriated in the previous year	Amount appropriated this year
Appropriation to the Bonus and welfare fund for 2024 from the undistributed earning (*)	21,179,855,950	179,855,950
Appropriation to the Bonus and welfare fund for 2025 from the undistributed earning (**)	20,900,000,000	20,900,000,000
Appropriation to the Management bonus fund (*)	509,750,000	509,750,000
Appropriation to Investment and development fund (*)	63,539,567,849	63,539,567,849
Cash dividend distribution (*)	110,499,910,000	110,499,910,000
TOTAL	216,629,083,799	195,629,083,799

(*) In accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2025/NQ-DHDCD of the 2024 dated 22 April 2025, the Company's shareholders approved the profit distribution plan, allocation to funds, dividend payment for 2024 from the undistributed earning.

(**) The General Director approved the proposal dated 27 January 2026, on the provisional allocation of 10% for 2025 from the undistributed earning to the Bonus and welfare fund.

23.4. Shares

	Shares	
	Ending balance	Beginning balance
Authorized shares	110,499,910	110,499,910
Issued and paid-up shares	110,499,910	110,499,910
Ordinary shares	110,499,910	110,499,910
Shares in circulation	110,499,910	110,499,910
Ordinary shares	110,499,910	110,499,910

The Company's shares are issued with par value of VND 10,000 per share. The holders of the ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

23.5. Funds

	VND			
	Beginning balance	Increase	Decrease	Ending balance
Investment and development fund	78,880,000,950	63,539,567,849	-	142,419,568,799
TOTAL	78,880,000,950	63,539,567,849	-	142,419,568,799

24. REVENUE FROM SALE OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenue	2,160,143,700,681	1,855,617,616,161
In which:		
Sale of goods	1,956,192,986,511	1,784,696,114,526
Sale of merchandise	196,227,862,961	63,043,322,691
Rendering of services	5,805,078,645	6,102,093,153
Others	1,917,772,564	1,776,085,791
Deductions	-	(38,850,000)
In which:		
Sales allowances	-	(38,850,000)
NET REVENUE	2,160,143,700,681	1,855,578,766,161
In which:		
Sales to related parties (Note 34)	75,416,609,700	61,087,841,227
Sales to others	2,084,727,090,981	1,794,490,924,934

25. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of finished goods sold	1,443,054,453,481	1,305,972,502,448
Cost of merchandise sold	162,262,434,701	42,496,837,189
Non-deductible input VAT	13,811,878,913	5,424,770,920
(Reversal) Provision for obsolete inventories	-	(3,172,722,822)
Others	37,308,676	-
TOTAL	1,619,166,075,771	1,350,721,387,735

26. FINANCE INCOME

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Interest income	36,948,035,266	27,493,000,940
Realized foreign exchange gains	5,652,090,773	2,390,169,176
Unrealized foreign exchange gains	141,824,749	232,423,839
TOTAL	42,741,950,788	30,115,593,955

27. FINANCE EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Interest expenses	6,456,561,615	2,376,789,282
Realized foreign exchange losses	741,999,962	485,620,863
Unrealized foreign exchange losses	36,223,774	-
TOTAL	7,234,785,351	2,862,410,145

28. SELLING EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Staff expenses	9,752,177,550	3,836,056,616
Materials and packages expenses	3,974,524,081	2,846,406,422
Depreciation	53,597,732	266,088,324
External services	149,420,973,369	96,399,502,215
Other	7,460,487,712	8,101,959,530
TOTAL	170,661,760,444	111,450,013,107

29. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Staff expenses	30,048,200,414	29,710,649,704
Office equipment expenses	992,216,169	952,134,381
Fixed asset depreciation	1,091,756,724	1,030,041,811
Taxes, fees and charge	9,728,858,048	6,771,870,797
Provision expenses	212,056,516	161,304,766
External services	23,413,593,991	24,123,367,243
Provision for Scientific and technological development fund	15,000,000,000	-
Other	36,066,281,545	30,677,996,988
TOTAL	116,552,963,407	93,427,365,690

30. OTHER INCOME AND EXPENSES

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Other income		
Gains from disposal of assets	444,254,469	1,453,576,792
Recovered scrap	202,395,455	92,796,364
Penalty received	414,035,240	17,745,263
Income from inventory overages	4,593,595,870	-
Others	84,680,836	-
	5,738,961,870	1,564,118,419
Other expenses		
Depreciation of non-operating fixed assets	-	(382,921,888)
Others	(1,872,954,855)	(121,423,811)
	(1,872,954,855)	(504,345,699)
NET OTHER PROFIT	3,866,007,015	1,059,772,720

31. PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	VND	
	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
Raw materials	747,159,842,746	623,256,495,658
Labour costs	197,359,574,953	188,589,794,937
Depreciation and amortisation (Note 11)	33,895,986,804	44,595,909,648
Expenses for external services	610,149,735,371	497,665,163,463
Other expenses	202,454,759,591	144,176,638,550
TOTAL	1,791,019,899,465	1,498,284,002,256

32. CORPORATE INCOME TAX

The Corporate group has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 20% of taxable profits earned from all operations.

The tax returns filed by the Corporate group are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the Consolidated financial statements could change at a later date upon final determination by the tax authorities.

32.1. CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current tax expense	57,927,381,635	69,602,914,984
Deferred tax expense/(income)	5,870,745,174	354,663,559
TOTAL	63,798,126,809	69,957,578,543
Reconciliation between CIT expense and the accounting profit is presented below:		
	VND	
	Current year	Previous year
Accounting profit before tax	293,136,073,511	328,292,956,159
<i>Adjustments to increase (decrease):</i>		
Penalty	86,966,158	353,900,447
Other non-deductible expenses	25,540,434,709	21,359,233,548
Others	227,159,669	(218,197,441)
Taxable profits	318,990,634,047	349,787,892,713
CIT rate	20%	20%
CIT expense	63,798,126,809	69,957,578,543

32.2. Current tax

The current CIT payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Corporate group for the year differs from the profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Corporate group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

32.3. Deferred tax

The following are the deferred tax assets and deferred tax liabilities recognised by the Corporate group's, and the movements thereon, during the current and previous years.

	VND			
	Consolidated balance sheet		Consolidated income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Deferred tax assets				
Depreciation	7,262,306,452	12,503,362,726	5,241,056,274	354,663,559
Unrealized intra-group profits	121,931,021	-	(121,931,021)	-
	7,384,237,473	12,503,362,726		
Deferred tax liabilities				
Temporary differences arising from accrued revenue not yet taxed	751,619,921	-	751,619,921	-
	751,619,921	-		
Net deferred tax credit/(charge) to Consolidated income statement			5,870,745,174	354,663,559

33. EARNINGS PER SHARE

The following reflects the income and share data used in the basic and diluted earnings per share computations

	Current year	Previous year (Trestated)
Net profit after tax (VND)	208,948,230,404	238,636,262,415
Distribution to bonus and welfare fund (VND) (*)	(20,900,000,000)	(21,689,605,950)
Net profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)	188,048,230,404	216,946,656,465
Weighted average number of ordinary shares in circulation (share)	110,499,910	110,499,910
Basic earnings per share (VND/share)	1,702	1,963
Diluted earnings per share (VND/share)	1,702	1,963

(*) Profit used to compute earnings per share for the year 2025 has been adjusted downward to account for the appropriation of the bonus and welfare fund from the undistributed earnings of 2025., according to the proposal dated 27 January 2026, approved by the General Director. Profit used to compute earnings per share for the year 2024 as presented in the Consolidated financial statements for the year 2024 was restated to reflect the actual allocation to bonus and welfare fund from 2024 retained earnings following the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2025/NQ-DHDCD of the 2025 dated 22 April 2025.

Accordingly, the basic earnings per share for the financial year ended 31 December 2024, has been restated as follows:

	Amount presented in the previous year's report	Adjustment	Restated amount
Net profit after tax (VND)	238,636,262,415	-	238,636,262,415
Distribution to bonus and welfare fund (VND)	(21,000,000,000)	(689,605,950)	(21,689,605,950)
Net profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)	217,636,262,415	(689,605,950)	216,946,656,465
Weighted average number of ordinary shares in circulation (share)	110,499,910	-	110,499,910
Basic earnings per share (VND/share)	1,970	(7)	1,963

As at 31 December 2025, the Company has no dilutive potential ordinary shares during the year and up to the date of these financial statements.

34. TRANSACTIONS AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

34.1. Transactions and balances with related parties

The list of related parties with control relationships with the Corporate group and other related parties of the Corporate group in the year and as at 31 December 2025, is as follows:

<i>Related parties</i>	<i>Relationship</i>
Vietnam National Chemical Group	Parent Company
LIX Detergent Joint Stock Company	The Company and Parent Company
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	The Company and Parent Company
The Southern Fertilizer Joint Stock Company	The Company and Parent Company
Can Tho Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company	The Company and Parent Company
Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company	The Company and Parent Company
Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company	The Company and Parent Company
DAP - Vinachem Joint Stock Company	The Company and Parent Company
Viet Tri Chemical Joint Stock Company	Company within the same Group
Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	Associate Company of Parent Company
NET Detergent Joint Stock Company	Associate Company of Parent Company
TPC Vina Plastic and Chemical Corporation Limited	The Company and Group

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

<i>Related parties</i>	<i>Transactions</i>	<i>Current year</i>	<i>Previous year</i>
VND			
Vietnam National Chemical Group	Office rent	840,000,000	1,680,000,000
	Dividend distribution	71,827,500,000	71,827,500,000
LIX Detergent Joint Stock Company	Purchases	311,118,825	307,412,480
	Sales	30,031,159,700	25,149,365,000
The Southern Fertilizer Joint Stock Company	Goods lending	1,878,212,500	673,692,500
	Sales	2,751,896,000	-
Can Tho Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company	Sales	1,891,730,000	4,088,351,000
Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company	Sales	16,881,199,500	7,070,832,500
Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company	Sales	13,500,000	28,350,000
	Purchases	61,004,000	110,131,550
Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	Purchase of services	1,129,289,370	1,505,719,160
NET Detergent Joint Stock Company	Sales	22,306,147,500	23,685,695,000
TPC Vina Plastic and Chemical Corporation Limited	Sales	1,509,207,000	1,057,975,000
DAP - Vinachem Joint Stock Company	Sales	-	7,272,727
The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	Sales	31,770,000	-
Viet Tri Chemical Joint Stock Company	Purchases	138,600,000	-

Transactions and balances with related parties (continued)

Amounts due to and due from related parties at the balance sheet dates were as follows:

<i>Related parties</i>	<i>Ending balance</i>	<i>Beginning balance</i>
VND		
Short-term trade receivables		
LIX Detergent Joint Stock Company	4,247,300,016	4,025,082,240
Can Tho Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company	40,910,400	450,641,880
Dry Cell & Storage Battery Joint Stock Company	1,933,744,860	956,027,880
NET Detergent Joint Stock Company	-	2,444,950,440
TPC Vina Plastic and Chemical Corporation Limited	114,924,960	121,645,800
TOTAL	6,336,880,236	7,998,348,240
Short-term advances to suppliers		
Chemical Industry Engineering Joint Stock Company	3,173,190,000	-
TOTAL	3,173,190,000	-
Short-term trade payables		
Industrial Gas and Welding Electrode Joint Stock Company	-	11,949,120
TOTAL	-	11,949,120

34.2. Remuneration of key management personnel

❖ Year 2025							VND
	Full name	Position	Wage	Bonus	Remuneration	Other benefits	Total
Board of Administration							
	Ms Nguyen Thi Mai	Chairman (appointed on 28 February 2025)	-	36,500,000	402,000,000	808,708,000	1,247,208,000
			-	-	95,000,000	198,208,000	293,208,000
	Mr Vu Minh Ngoc	Chairman (appointed on 09 January 2025 and resigned on 28 February 2025)	-	10,500,000	99,000,000	211,500,000	321,000,000
	Mr Le Phuong Dong	Member	-	10,500,000	96,000,000	130,000,000	236,500,000
	Ms Le Thi Ngoc Diep	Member	-	7,000,000	96,000,000	196,500,000	299,500,000
	Mr Nguyen Huu Tu	Member (resigned on 28 February 2025)	-	8,500,000	16,000,000	72,500,000	97,000,000
Board of Management							
	Mr Le Thanh Binh	Member of Board of Administration, General Director	2,573,381,600	383,111,000	96,000,000	2,589,001,940	5,641,494,540
			607,331,400	100,405,000	96,000,000	844,271,004	1,648,007,404
	Mr Do Trung Hieu	Deputy General Director	493,073,500	73,326,000	-	493,905,980	1,060,305,480
	Mr Vo Dinh Thuy	Deputy General Director	546,018,900	72,273,000	-	386,517,006	1,004,808,906
	Mr Le Tung Lam	Deputy General Director	493,073,500	73,107,000	-	469,467,444	1,035,647,944
	Ms Pham Thi Thu Hang	Chief Accountant	433,884,300	64,000,000	-	394,840,506	892,724,806
Board of Supervision							
	Ms Do Thi Thoa	Head	446,126,400	82,389,000	156,000,000	627,097,772	1,311,613,172
	Mr Nguyen Minh Tri	Member	-	65,889,000	-	354,597,772	866,613,172
	Ms Nguyen Thi Minh Ha	Member	-	8,250,000	78,000,000	96,000,000	182,250,000
			-	8,250,000	78,000,000	176,500,000	262,750,000
	TOTAL		3,019,508,000	502,000,000	654,000,000	4,024,807,712	8,200,315,712

Remuneration of key management personnel (continued)

❖ Year 2024							VND
	Full name	Position	Wage	Bonus	Remuneration	Other benefits	Total
Board of Administration							
	Mr Vu Minh Ngoc	Chairman (appointed on 09 January 2025)	-	-	354,000,000	399,050,000	753,050,000
	Mr Nguyen Huu Tu	Chairman (appointed on 23 April 2024 and resigned on 03 January 2025)	-	-	84,000,000	110,500,000	194,500,000
			-	-	68,000,000	110,275,000	178,275,000
	Mr Nguyen Tuan Dung	Chairman (resigned on 23 April 2024)	-	-	34,000,000	17,000,000	51,000,000
	Mr Le Phuong Dong	Member	-	-	84,000,000	62,000,000	146,000,000
	Ms Le Thi Ngoc Diep	Member (appointed on 23 April 2024)	-	-	56,000,000	85,275,000	141,275,000
	Ms Nguyen Thanh Binh	Member (resigned on 23 April 2024)	-	-	28,000,000	14,000,000	42,000,000
Board of Management							
	Mr Le Thanh Binh	Member of Board of Administration, General Director	2,431,654,223	340,189,000	84,000,000	2,507,422,729	5,363,265,952
			586,735,111	89,507,000	84,000,000	737,938,514	1,498,180,625
	Mr Do Trung Hieu	Deputy General Director	478,520,480	64,044,000	-	496,969,289	1,039,533,769
	Mr Vo Dinh Thuy	Deputy General Director	471,651,168	64,030,000	-	368,948,179	904,629,347
	Mr Le Tung Lam	Deputy General Director	477,089,739	65,352,000	-	507,585,989	1,050,027,728
	Ms Pham Thi Thu Hang	Chief Accountant	417,657,725	57,256,000	-	395,980,758	870,894,483
Board of Supervision							
	Ms Do Thi Thoa	Head	429,986,247	75,436,000	132,000,000	555,175,485	1,192,597,732
	Mr Nguyen Minh Tri	Member	-	57,436,000	-	340,675,485	828,097,732
	Ms Nguyen Thi Minh Ha	Member	-	9,000,000	66,000,000	126,000,000	201,000,000
			-	9,000,000	66,000,000	88,500,000	163,500,000
	TOTAL		2,861,640,470	415,625,000	570,000,000	3,461,648,214	7,308,913,684

35. OFF BALANCE SHEET ITEMS

35.1. Foreign currencies

	Ending balance	Beginning balance
United States dollar (USD)	484,655.18	176,747.36
Euro (EUR)	7,590.21	1,069.46

35.2. Bad debts written off

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Phuc An Yen Binh Co., Ltd.	1,077,385,950	1,077,385,950
TOTAL	1,077,385,950	1,077,385,950

36. SIGNIFICANT EVENTS

On 17 October 2025, the People's Committee of Tran Bien Ward, Dong Nai Province, issued Decision No. 2351/QĐ-UBND regarding the compulsory land acquisition of an area subleased by South Basic Chemicals Joint Stock Company from Sonadezi Corporation (Industrial Zone Development Corporation). This acquisition is part of the master plan to convert Bien Hoa 1 Industrial Zone into a commercial, service, and urban township while enhancing the environment in An Binh Ward (presently Tran Bien Ward), Bien Hoa City, Dong Nai Province. Accordingly, the total area subject to acquisition is 82,308.9m². Currently, the Company is coordinating closely with relevant authorities to carry out the dismantling and relocation of assets on the land in strict compliance with statutory procedures.

37. EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the balance sheet date that requires adjustment or disclosure in the Consolidated financial statements of the Corporate group.


Dang Hong Yen
Preparer


Pham Thi Thu Hang
Chief Accountant


Le Thanh Binh
General Director

Ho Chi Minh City, 23 February 2026

2025 ANNUAL REPORT
SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY



Ho Chi Minh, ... March, 2026
CONFIRMATION OF THE LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR




LE THANH BINH

South Basic Chemicals Joint Stock Company

Head office	22 Ly Tu Trong Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
Telephone	(028) 3829 6620 - 3822 5373
Website	www.sochemvn.com